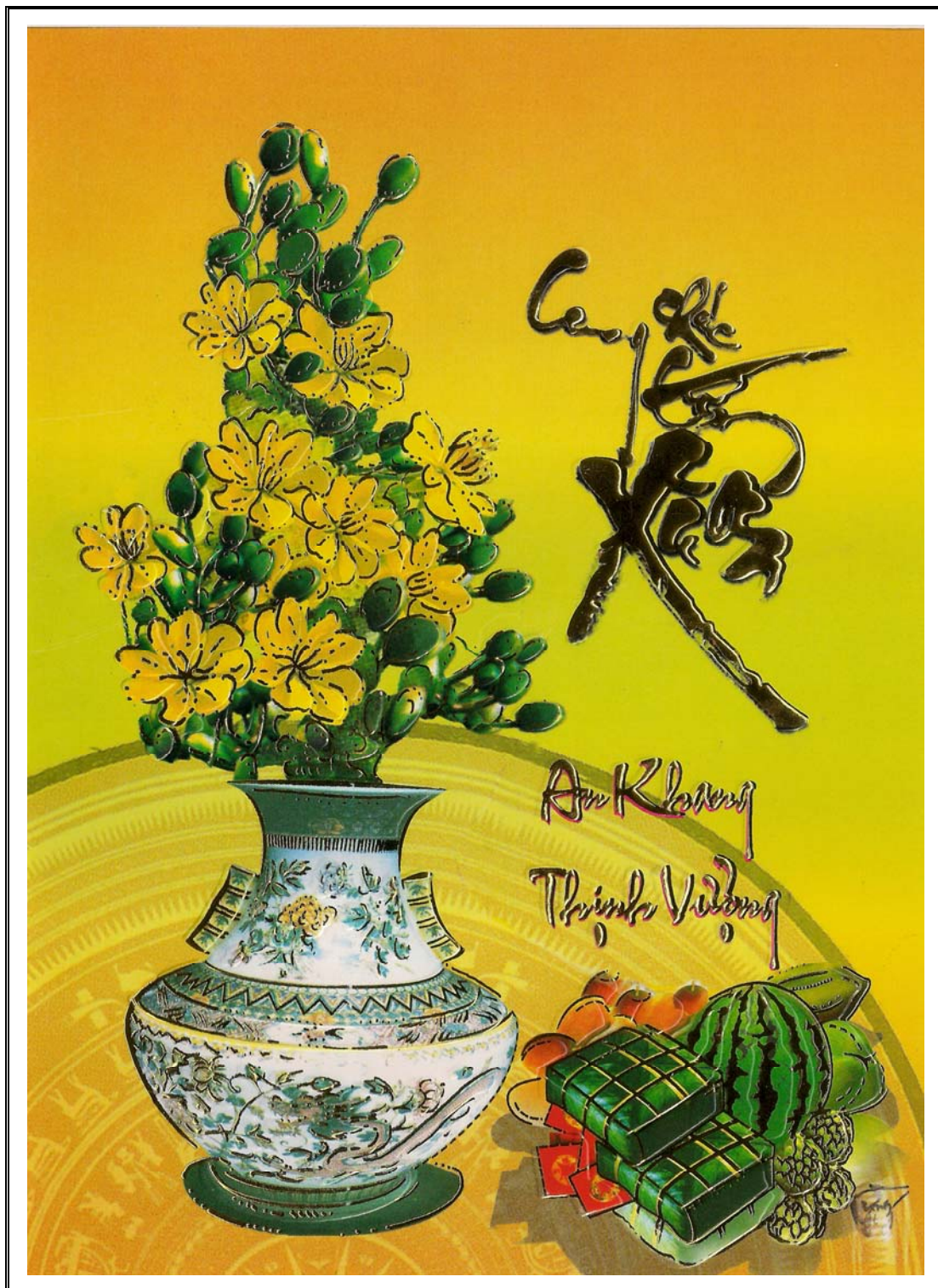


pháp âm

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT TẠI NA UY



Mừng Xuân Tân Mão 2011

pháp âm

Cơ Quan Ngôn Luận

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT NA UY

phát hành mỗi năm 3 số
và các bản tin đặc biệt

Chủ Trương

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT NA UY

Chủ nhiệm kiêm Chủ bút

Hòa Thượng Thích Trí Minh

Thực Hiện: Ban Điều Hành Giáo Hội

Cùng sự đóng góp của

Thích An Chí, Thích Chân Tuệ, Thích Nữ
Chân Liễu, Quảng Tấn, Quảng Minh, Cơ Phú,
Đan Hà, Mường Giang, Ngô Minh Hằng,
Nguyễn Song Anh, Phạm Tín An Ninh, Song
Chi, Tuệ Nga, ...

Xin lưu ý

Bài vở đóng góp xin đánh máy, hoặc gửi bằng
email về tòa soạn Pháp Âm
(phapam@online.no). Ngoài bút hiệu xin vui
lòng ghi thêm tên thật, địa chỉ, email, điện
thoại để tiện liên lạc.

Bài không đăng vì không hợp chủ trương của
Pháp Âm, xin miễn hoàn trả lại.

Khuông Việt Liên Hoa Đạo Tràng

Trondheimsvegen 205, 2050 Jessheim



GIÁO HỘI & CÁC CHI HỘI PGVN THỐNG NHẤT NA UY

địa chỉ liên lạc

Văn Phòng Giáo Hội - Chùa Khuông Việt (khuongviettu.com)

Blystadveien 2, 1479 Kurland, Norway
tel: (47) 67.973033 - fax: (47) 67.971905

Khuông Việt Liên Hoa Đạo Tràng

Trondheimsvegen 205, 2050 Jessheim

Chùa Pháp Vũ (www.phapvu.com)

Leirvikveien 4, 5179 Godvik - Norge - tel. (47) 53.500878

Chùa Phước Huệ (chuaphuohue.com)

Sandnesvegen 17, 4050 Sola - Norge - tel. (47) 51.220330

Chùa Đôn Hậu (ChuaDonHau.no)

Djupmyra 1, 7092 Tiller - Norge - tel. (47) 72.602119

Chi Hội PGVNTN Hordaland

Đại Đức Thích Viên Tấn
Leirvikveien 4 5179 Godvik
Norge tel. 53.500878

Chi Hội PGVNTN tại Rogaland

Minh Hóa Trần Văn Tiến
Heidrunveien 9 4028 Stavanger
Norge tel. 51.541237

Chi Hội PGVNTN tại Kristiansand

Minh Phước Võ Văn Điều
Mølleannveien 83, 4617 Kristiansand
Norge tel. 38.157423

Chi Hội PGVNTN tại Kongsvinger

Quảng Minh Nguyễn Văn Đồng
Ole Smedstadvn. 26 2211 Kongsvinger
Norge tel. 62.816297

Chi Hội PGVNTN tại Moss

Thiện Mẫn Cao Hữu Luận
Åvangen Terrasse 404 1536 Moss
Norge tel. 69.277096

Chi hội PGVNTN tại Trondelag

Đại Đức Thích Viên Giác
Djupmyra 1 7092 Tiller
Norge tel. 72.602119

Chi Hội PGVNTN Hedmark

Tâm Nguyễn Trịnh Đông
Fagerlundvegen 16, 2380 Brumunddal
Norge tel. 468.45269

Chi Hội PGVNTN tại Porsgrunn

Minh Đức Nguyễn Thanh Hồng
Kalkveien 1, 3931 Porsgrunn
Norge tel. 35.554499

Chi Hội PGVNTN tại Oslo

Minh Chung Nguyễn Văn Thủy
Østensjøveien 164 0656 Oslo
Norge tel. 22.786129

Chi Hội PGVNTN tại Drammen

Quảng Khai Trần Hoa
Kobbervikdalen 118 3036 Drammen
Norge tel. 32.817783

Ban Hướng Dẫn Gia Đình Phật Tử Việt Nam Tại Na Uy

Tâm Nguyễn Trịnh Đông

Fagerlundvegen 16, 2380 Brumunddal, Norge - tel. (47) 62.343219

Khuông Việt Liên Hoa Đạo Tràng

Trondheimsvegen 205, 2050 Jessheim



Xuân

Lại một mùa xuân, xuân mới sang
Mây sầu, gian ác tự tan hàng
Cùng trời hoa cỏ vui tươi đẹp
Thế giới an bình, rộn mở mang

Mừng Xuân Di Lạc Tân Mão 2011

thành tâm kính chúc

Chư Tôn Thiên Đức Tăng Ni

**đạo thể khinh an - tuệ đẳng thường chiếu
phật quả viên thành**

đồng kính chúc

Quý vị lãnh đạo tinh thần các tôn giáo...

Quý Giáo Hội, Chi Hội Phật Giáo, Gia Đình Phật Tử...

Quý Hội đoàn, Đoàn thể, Đảng phái...

Đồng bào Đồng hương, và toàn thể Phật tử...

cùng quý Văn Thi sĩ, và Bạn đọc ...

thân tâm thường lạc - vạn hạnh cát tường

trong số này

Giới thiệu: Informasjon, Mục lục (2), Chúc Mừng Năm Mới Tân Mão (1), Thông Điệp Xuân Tân Mão, Đại Lão HT. Thích Quảng Độ (3).

Phật pháp: Nam Mô A Di Đà Phật, Duyên Hạc Lê Thái Ất (5) – quan điểm Phật Giáo về cơn giận, T.An dịch (12) – đạo Phật và tuổi hoa niên, Đào Văn Bình (14) – về tôn giáo này, HT. Sri Dhammannanda (20) – hạnh phúc ở đâu, Thích Chân Tuệ (25) – an tâm, HT. Thích Thiện Siêu (27) – ảnh hưởng Phật Giáo đối với nhân loại, HT. T. Trí Chơn dịch (31) – hạnh phúc chân thật là gì? Nguyễn Duy Nhiên dịch (33) – khởi đầu là tâm, Cư sĩ Nguyên Giác (36) – một chữ xả, HT. T.Thanh Từ (38) – thôi hãy buông bỏ, Minh Lương Trương Minh Sung (39) – lời chúc nguyện đầu năm, Thích Nữ Giới Hương (108).

Xuân: Năm Mão nói chuyện mèo, Pháp Âm sư tâm (40) – năm Mão với lịch sử và danh nhân, Pháp Âm sư tâm (46) – bài thơ Xuân Vãn của Vua Trần Nhân Tông, Thích Thông Huệ (55) – con mèo trong giai thoại văn chương, Pháp Âm sư tâm (56) – mèo và văn học, Pháp Âm sư tâm (59) – mèo và trẻ em, Pháp Âm sư tâm (68) – xuân trong nét đẹp người tu, Thích Nữ Chân Liễu (72).

Lịch sử: Vai trò của Phật Giáo trong xã hội nhà Lý, Thích Phước Đạt (86) – 37 năm trước ngày 19.01.1974, Song Chi (92) – Tuyên Cáo của Chính phủ VNCH liên quan trận Hải Chiến năm 1974, Tài Liệu (95).

Văn học: Chùa xưa, Trần Trung Sáng (75) – mơ Tết quê nhà, Đinh Lê Vũ (76) – chi mà kỳ, Ý Nga (77) – cô con gái quá giang đêm mồng một tết, Phạm Tín An Ninh (80).

Tiếng Dân: Chính trị là gì, Huỳnh Thục Vy (97) – suy nghĩ về quê nghèo trong lũ, Người Dân (99) – bài blog cuối cùng của năm 2010, Song Chi (102) – mừng xuân con mèo hay ...con thỏ, Ns. Tô Hải (106).

Thơ: xuân mới – xuân mới sang – tất cả là Xuân, Thích Tâm Châu (11) – lẳng bước thời không, Tuệ Nga (13) – cuối năm nửa đời, Nguyễn Song Anh (30) – chiều xuân nhớ về, Trần Đan Hà (30) – mấy tờ lịch cuối, Tuệ Nga (41) – chuông xuân, Tuệ Nga (41) – gọi xuân, Cơ Phu (45) – trang Thơ Xưa (66) với nhiều thi sĩ : (chúc tết, Trần Tế Xương – rằm tháng giêng, Hồ Dzếnh – những nhánh mai, Bùi Giáng – tâm tình cuối năm, Đinh Hùng – xuân, Huy Cận – chơi đèn khấn xuân, Bà Huyện Thanh Quan – xuân về, Nguyễn Bính – nụ cười xuân, Xuân Diệu) – vườn đầy hương xuân, Nguyễn Thương Quê (71) – xin chúc quê hương chén rượu mừng, Ngô Minh Hằng (74) – xuân xa nhà, Ý Nga (94) – bỏ trường mà đi, Cung Vĩnh Viễn (96) – sống, Sào Nam Phan Bội Châu (105) – mùa xuân khoan dung, Nguyễn Song Anh (107).

... Tâm tư của người Phật tử ngày nay là tâm tư của kẻ bị dày xéo từ một thế kỷ rưỡi qua vì những thế lực ngoại lai muốn biến Việt Nam thành chiến trường, thành thị trường, thay vì đạo trường. Tâm tư ấy biến thành cuộc vận động không ngừng nghỉ của Phật giáo suốt thế kỷ XX cho đến nay để phục vụ dân tộc, tổ quốc, nhân loại theo sứ mệnh tôn giáo, chứ không theo cương vị chính trị. Vì vậy mà thái độ của Giáo hội đối với nhà đương quyền Xã hội Chủ nghĩa là thái độ của tôn giáo đối với những chính sách sai lầm, những khuynh loát chính trị, những lạm dụng đất nước và quần chúng...

(Thông Điệp Xuân Canh Dần 2010, của Đại Lão HT. Thích Quảng Độ)

THÔNG DIỆP

Xuân Tân Mão 2011

GIÁ TRỊ HẠNH PHÚC VÀ AN LẠC QUỐC DÂN

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Tết đến, nhân danh Hội đồng Tăng Ni, tôi xin gửi đến toàn thể chư liệt vị Trưởng lão, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni, nam nữ Cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước lời cầu chúc an lành, hợp duyên thắng ý và viên thành Phật sự.

Xuân là sự tuần hoàn của trời đất. Nhưng Xuân còn là sự bắt đầu. Bắt đầu một năm mới, bắt đầu một chí nguyện để hoàn thành cho mười hai tháng tới. Cho nên chí nguyện cần thiết lập, tâm tinh tấn bền vững, dũng mãnh và vô úy để hoàn thành.

Mong mỗi chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử kẻ vai gánh vác việc Giáo hội ở thời đại còn nhiều chướng duyên, nghịch cảnh. Việc trọng đại vẫn là kiên tâm bảo vệ nền pháp lý của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Bởi vì Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất biểu trưng cho nền Phật giáo dân tộc có quá trình hình thành và phát huy trên chiều dài lịch sử hai nghìn năm. Thế kỷ trước, biết bao công trình thấm đẫm mồ hôi, nước mắt, máu xương của biết bao chư Tăng Ni, Phật tử dâng hiến bảo vệ đạo Phật Việt, mà danh xưng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất tập đại thành chí nguyện tiền nhân truyền nối.

Pháp lý của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất còn, đạo Phật Việt còn. Pháp lý của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất mất đi, đạo lý sẽ suy vong, văn hiến sẽ trở về thời ngoại thuộc, công cuộc cứu khổ và giác ngộ chúng sinh sẽ tan biến nơi vô minh mù mịt.

1975 là năm khởi đầu cho bi kịch và tuyệt lộ của con người Việt tự do nói chung và Phật giáo đồ nói riêng. Từng bước một, khi bạo hành, khủng bố, khi thoa vuốt âm mưu, nhà cầm quyền Cộng sản đã thất bại trong mưu đồ tiêu diệt Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Ấy là do Pháp lý của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất chưa mất, chưa mất nhờ ý chí bảo vệ của Tăng tín đồ trong và ngoài nước suốt 36 năm qua.

Cho nên chí nguyện đầu năm, tôi kêu gọi chư tôn đức Tăng, Ni Phật tử kiên trì bảo vệ Pháp lý của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Thế hệ này mãn duyên thì thế hệ sau tiếp nối : Gìn giữ Pháp lý của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, pháp lý trên bình diện tư pháp, cũng như trên bình diện nhân lý, dân tộc và lịch sử.

Với chư vị đang ưu tư hay có trách nhiệm trước nhân dân, đất nước, tôi ngỏ lời kêu gọi hãy nghĩ và hành động mang lại an lạc, tự do và hạnh phúc cho mỗi người dân, đặc biệt quan tâm đến tình hình chủ quyền đất nước đang từng bước bị hăm dọa và lấn lướt.

Lâu nay, mọi quốc gia trên thế giới chỉ đo sự giàu sang một đất nước bằng Tổng sản phẩm xã hội, tức chỉ tiêu GDP (Gross Domestic Product) tính theo đầu người. Lý thuyết thường xa lìa với thực tại nhân sinh, đặc biệt ở các nước nghèo. Tổng sản phẩm xã hội có thể tăng, nhưng cuộc sống người dân nơi nông thôn, làng mạc, trong các vùng sâu vùng xa có tăng tiến chăng ? Ví như Tổng sản phẩm xã hội tại các đô thị lớn có thể tăng, nhưng tám, chín mươi phần trăm nông dân, thợ thuyền vẫn hẩm hiu, nghèo, thiếu. Ấy là chưa kể tình trạng

tăng trưởng kinh tế nước ta tính theo con số tuyên truyền của nhà nước chẳng che giấu được hố ngăn cách giàu nghèo ngày càng đào sâu thêm. Người giàu giàu nứt vách đổ tường dù chỉ là tuyệt đại thiểu số, người nghèo nghèo rớt mùng tơi thì lại là đa số tuyệt đại.

Xin chư liệt vị sĩ phu, người mang ưu tư hay trách nhiệm hãy nghĩ đến Tổng Giá Trị Hạnh phúc Quốc dân làm thước đo cho đại đa số dân nghèo, bất hạnh. Tổng Giá Trị Hạnh phúc Quốc dân, tức GNH (Gross National Happiness), một phát kiến của vua cấp tiến nước Bhutan cách đây 39 năm, đã thực hiện thành công. Ngày nay được Liên Hiệp Quốc và nhiều quốc gia văn minh công nhận và áp dụng.

Tổng Giá Trị Hạnh phúc Quốc dân dựa trên quan điểm phát triển xã hội song hành giữa đời sống vật chất và đời sống tâm linh. Bốn hành động làm nền cho Tổng Giá Trị Hạnh phúc Quốc dân là :

1. Duy trì sự phát triển;
2. Bảo vệ và thăng tiến các giá trị văn hóa;
3. Bảo vệ sinh thái và thiên nhiên; và
4. Thiết lập sự cai quản thiện hảo quốc dân (good governance).

Nguyện cầu Năm Mới quốc thái dân an, chư tôn đức Tăng Ni, chư liệt vị nam nữ Cư sĩ Phật tử trong và ngoài nước dũng mãnh trong công cuộc hoằng pháp lợi sinh, đào luyện Tăng tài và Cư sĩ để đảm trách Phật sự trước tình thế mới, và bảo toàn vận mệnh cùng pháp lý của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất.

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Làm tại Thanh Minh Thiền Viện,

Saigon, ngày 8.2.2010

Xử lý Thường vụ Viện Tăng Thống

kiêm Viện trưởng Viện Hóa Đạo, GHPGVNTN

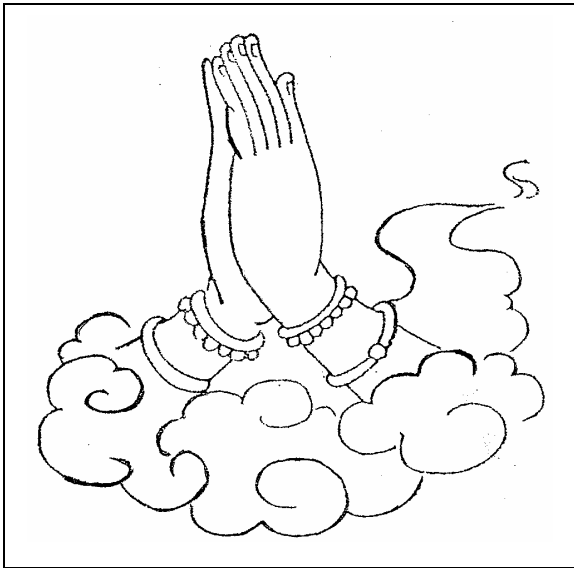


Sa môn Thích Quảng Độ (ấn ký)

... Gần ba nghìn năm trước, Giáo hội Phật giáo được Đức Phật thiết lập trên tứ chúng, bao gồm hai chúng nam nữ xuất gia gọi là tỳ kheo và tỳ kheo ni, và hai chúng tại gia nam nữ Cư sĩ Phật tử. Hai chúng nam nữ Tăng sĩ không tham gia chính trị. Nhưng hai chúng nam nữ Cư sĩ sống giữa xã hội có toàn quyền tham gia và đóng góp trên mọi lĩnh vực của đời sống như kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, kỹ thuật, chính trị, v.v...

Tuy không làm chính trị, nhưng Giáo hội ủng hộ mọi nỗ lực chính trị nhằm bảo vệ đất nước, bảo vệ truyền thống văn minh nòi giống, âu lo cho mỗi con người được sống đời no ấm, tự do, được hưởng trọn các quyền ghi trong Công ước quốc tế về Các quyền Dân sự và Chính trị mà Việt Nam tham gia ký kết tại LHQ từ năm 1982. Và cùng với sự hậu thuẫn tinh thần của Giáo hội, hàng nam nữ Cư sĩ Phật tử tại gia có thể trực tiếp đóng góp vào công cuộc chung với tinh thần lợi tha bình đẳng....

(Thư Chúc Xuân Ất Dậu – 2005, kính gửi quý vị Nhân sĩ, Trí thức, Văn Nghệ sĩ, và Đồng bào trong và ngoài nước của Hòa thượng Thích Quảng Độ, Viện trưởng Viện Hóa Đạo, GHPGVNTN)



Nam Mô

A Di Đà Phật

Duyên Hạc Lê Thái Ất

A-di-đà là phiên âm chữ Amita, tiếng Sanskrit, dạng viết tắt của hai chữ Amitàbha có nghĩa là Vô Lượng Quang, ánh sáng vô lượng và Amitàyus có nghĩa là Vô Lượng Thọ, thọ mệnh vô lượng. Đây là tên một vị Phật quan trọng được tôn thờ nhiều nhất trong Đại thừa, giáo chủ cõi Tây phương Cực Lạc, tiếng Sanskrit là Sukhàvati, và được nhân gian tin thờ sớm nhất trong lịch sử Phật giáo, vào khoảng thế kỷ thứ nhất sau công nguyên (1). Phật tử theo Tịnh-Độ tông đã tin thờ lan rộng nước Tây Tạng, Trung Hoa, Nhật Bản và Việt Nam, coi Đức A-di-đà là biểu tượng cho Từ Bi và Trí Huệ. Người tu Tịnh-Độ tông thường thờ tượng A-di-đà Tam Tôn, ở giữa là Phật Di Đà, bên phải là Đại Thế Chí Bồ Tát, bên trái là Quán Thế Âm Bồ Tát.

Nam Mô A Di Đà Phật! Sáu chữ Hồng Danh xưng niệm Phật hiệu đã trở thành câu niệm Phật quen thuộc và phổ biến rất rộng rãi trong giới Phật tử xuất gia cũng như cư sĩ tại gia. Mức độ thông dụng trong sinh hoạt hàng ngày chứng tỏ lòng tín niệm của Phật tử thể hiện ở câu chào khi gặp nhau gồm có bốn chữ A-di-đà Phật! Về mặt giáo lý, đây là pháp trì danh niệm Phật trong Tịnh-Độ tông được tín hành nhiều nhất, ngắn gọn dễ dàng tu tập nhất, thích hợp với tất cả mọi tầng lớp tín đồ không phân biệt thượng, trung hay hạ căn, trí huệ cao hay thấp, nghiệp chướng nặng hay nhẹ, chỉ cần hành giả trì danh nhất tâm tín nguyện, không thoái chuyển cho đến khi mệnh chung sẽ được vãng sanh, Phật A-di-đà và thánh chúng tiếp dẫn về Tây phương Cực Lạc.

Phổ biến lan rộng như thế, thông dụng thích hợp với mọi căn duyên chư thế, dễ dàng hành trì tu tập như thế, sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật lại có nội dung

thậm thâm vi diệu, đệ nhất thù thắng so với các pháp môn tu tập khác. Điều này là mối nghi trong tâm thức của đa số Phật tử có thiên kiến lệch lạc về công năng của pháp niệm A-di-đà cho rằng pháp trì danh này không đạt tới đạo quả bằng pháp tu Thiền Định và chỉ thích hợp cho người già cả hay kẻ có trình độ trí huệ thấp kém không đủ khả năng theo Thiền Tông hay Mật Tông. Để giải trừ mối nghi thiên lệch này, xin mời ai có nghi tâm lắng nghe Đức Phật Thích Ca nói trong kinh Niệm Phật Ba-la-mật: Nếu có chúng sanh nào chí thành xưng niệm danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật thì uy lực bất khả tư nghị của danh hiệu khiến cho Tâm thể thanh tịnh mà chúng sanh ấy không hề hay biết, tự nhiên chứng nhập Sơ phần Pháp thân ... Muốn vãng sanh Cực Lạc chỉ cần xưng niệm danh Phật là đủ. Vì danh hiệu Phật chính là biểu tượng của Pháp thân, do đó niệm danh hiệu Phật tức là niệm Pháp thân Phật và người niệm Phật khỏi cần phải kiêm thêm bất cứ môn tu nào nữa.

Trong kinh Đại Tập Phật dạy: Thời Mạt pháp vạn ức người tu không được một người giải thoát, chỉ nương pháp môn Niệm Phật mới có thể ra khỏi được luân hồi. Phật còn so sánh với pháp môn Thiền Định: Nếu cầu Vô thượng Bồ-đề nên tu Niệm Phật Thiền Tam Muội... Xưng niệm Phật A-di-đà là Vô thượng thâm diệu Thiền... Trong kinh Bửu Tích Phật thưa với Phụ Vương Tịnh Phạn: Phụ Vương nên niệm danh hiệu của Phật A-di-đà nơi cảnh Tây phương Cực Lạc, tinh tấn chuyên cần thì sẽ thành Phật, vui mừng niệm Phật sẽ được Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Ngoài ra trong nhiều kinh Đức Phật thuyết về Tịnh Độ, ngay cả các kinh về Mật tông cũng nói đến Phật A-di-đà. Một nhận xét chính yếu để giải trừ mối

nghe về tu thiền và pháp môn niệm Phật: Tu Thiền mà không được chân truyền rất dễ lạc vào tà kiến, ma đạo thường gọi là Ma Thiền, giống như kiến bò lên núi, mọc đục mắt tre. Do đó tu Thiền cần thêm Niệm Phật, nhiều Thiền sư vẫn chuyên cần niệm Phật. Đây chính là nguyên do có giải pháp Thiền Tịnh song tu. Mật Tông cũng thờ Phật A-di-đà, xưng là Cam Lộ Vương, sáu chữ Hồng Danh gọi là Cam Lộ chú, Cam Lộ minh.

Nói đến sáu chữ Hồng Danh Nam Mô A Di Đà Phật, nhiều người có tín tâm tu Phật cầu phước đã ngộ nhận đây chỉ là câu niệm Phật cầu xin ân cứu độ, ban phước lộc cho hành giả. Sự thật không đơn thuần giản dị như vậy, càng thâm tín, càng lý giải tường tận, càng hành trì miên mật hành giả mới dần dần tỏ ngộ nội dung ý nghĩa sáu chữ Hồng Danh là vô lượng bất khả tư nghị, ai chứng ngộ mới lĩnh thức được rốt ráo. Trong giới hạn một bài viết, ở đây chỉ trình bày một số đặc thù của pháp môn Niệm Phật, lấy sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật làm đề tài.

I. Giải thích Pháp môn Niệm Phật

* **Giải thích theo từ ngữ:** Niệm có nghĩa là nghĩ đến, nhớ đến, giữ lại trong tâm thức, nghĩ đến như ý niệm, khái niệm, quan niệm..., nhớ đến không quên như kỷ niệm, lưu niệm, tưởng niệm... Do đó, niệm Phật là nghĩ tưởng nhớ đến Phật. Từ ngữ Phật ở đây có nghĩa rất rộng bao gồm danh hiệu, sắc thân, pháp thân, ân đức Phật...

Phổ Hiền Đại Bồ Tát giảng về Lục tự Hồng Danh có vô lượng vô biên bất khả thuyết ý nghĩa thâm mật vi diệu. Sau đây chỉ là sơ lược yếu chỉ chia làm ba phần:

- **Nam Mô:** Phiên âm tiếng Sanskrit Namah, có nghĩa như quy y quyết tâm vâng theo, cung kính và nương theo gửi đời mình cho Phật. Đây là giai đoạn Thủy Giác có nội dung bao gồm năng niệm, trì giới, diệu quan sát thế gian giới, là bắt đầu đi trên con đường Giác Ngộ.

- **A Di Đà:** Phiên âm tiếng Sanskrit Amita, có nghĩa Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ, chỉ Năng lực bất tư nghị của Đức Di-Đà. Đây là giai đoạn Tướng tục Giác, có nội dung bao gồm tương tục niệm, thiền định thâm nhập Pháp giới, bình đẳng tánh trí, là liên tiếp trì niệm trên suốt hành trình Giác Ngộ.

- **Phật:** Phiên âm tiếng Sanskrit Buddha, tức Phật-đà nói tắt, có nghĩa là giác ngộ, dứt khỏi luân hồi, giải thoát. Đây là giai đoạn Bản Giác, có nội dung bao gồm thành tựu sở niệm, trí huệ, là đại viên cảnh trí, vô tận sở hữu trí, viên thành Phật quả.

Nói tóm tắt, ba giai đoạn gồm có Thường, Tịch và Quang.

Niệm Phật là pháp hữu vi tác nghiệp gieo nhân lành gồm cả ba nghiệp thân, khẩu và ý. Khi niệm Phật, hành giả thường đứng hay ngồi ngay ngắn, thái độ trang nghiêm, mắt nhìn thẳng vào hình tượng Phật: Đó là thân nghiệp. Hành giả nói ở miệng thành lời: Đó là khẩu nghiệp, từ ngữ xưng niệm diễn tả rõ nghĩa này. Hành giả nghĩ tưởng đến Phật: Đó là ý nghiệp, từ ngữ tâm niệm diễn tả rõ nghĩa này. Niệm Phật cần phải tín nguyện và nhất tâm thì mới thành tựu được công đức pháp tu này là lúc mệnh chung vãng sanh về nơi Cực Lạc, đạt tới pháp vị Thượng Thiện Nhân, nghĩa là đã thấy Phật.

* **Niệm Phật là pháp tu Tịnh Nghiệp.** Theo kinh Niệm Phật Ba-la-mật, Niệm Phật xưng danh A-di-đà với sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật là hành giả nhất tâm chí thành, chuyên cần bất thối, không gián đoạn luôn luôn nghĩ tưởng trong tâm: Pháp thân, Hóa thân và Báo thân của Đức Phật A-di-đà đang hiện ra trong thân và tâm của mình, và danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật đang tuôn chảy thành một dòng tâm, lâu ngày sẽ thành một khối lưu ly sáng rực... Danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật sẽ lọc sạch phiền não trong thân tâm Người Niệm Phật. Hành giả sẽ dứt hết nghiệp quá khứ, thân tâm trở nên Thanh Tịnh, chỉ còn nghiệp ở hiện tại.

Cần lưu tâm điều thiết yếu: Đạt tới thân tâm Thanh Tịnh, nói cách khác là siêu thắng Tịnh Độ, vãng sanh về cõi Tịnh Độ của một vị Phật, mỗi vị Phật có một cõi Tịnh Độ, vô số Phật có vô số cõi Tịnh Độ. Cõi Tịnh Độ của Đức Phật A-di-đà mang tên Tây phương Tịnh Độ, Tây phương Cực Lạc, hay nói tắt là cõi Cực Lạc.

Siêu thắng Tịnh Độ chưa phải là Nhập Diệt Niết Bàn, chưa phải là Tịch Diệt, chưa phải là Vô Sanh, Liễu sanh thoát tử, tóm lại chưa phải là Giải thoát khỏi luân hồi. Lý do: Sau khi được Phật A-di-đà tiếp dẫn khi mệnh chung vãng sanh về nơi Cực Lạc, hành giả đã dứt hết nghiệp quá khứ, thân tâm trở nên Thanh Tịnh an trụ ở cương vị Thượng Thiện Nhân. Hành giả chưa chứng nhập Tịch Diệt vì vẫn còn tiếp tục tạo nghiệp, nghĩa là còn tiếp tục gieo nhân, chuyển hóa theo lý luân hồi nghiệp báo. Vì vậy hành giả vẫn tiếp tục hành trì niệm Phật miên mật bất thối. Với thân tâm Thanh Tịnh đã đạt tới, lại ở nơi thường gặp Thánh chúng Bồ Tát và chư Phật, hành giả có sẵn phước duyên dễ dàng nhanh chóng chứng đắc Phật quả.

Kinh Niệm Phật Ba-la-mật dẫn giải: Niệm Phật Ba-la-mật là nhiếp thọ hào quang do Phật A-di-đà phóng ra. Cây cỏ, chúng sanh cũng đều có hào quang nhưng bị lu mờ vì vô minh. Khi niệm Phật, hai hào quang của Phật và chúng sanh dung thông nhau, lập tức Đức A-di-đà nhiếp thọ, và ngay lúc đó ở cõi Cực Lạc thấy mọc lên một mầm sen của chúng sanh Niệm Phật... Hai hào quang dung thông phóng ra làm cho ác ma xa lánh 40 dặm và sen của hành giả sẽ được tươi tốt.

Niệm Phật Ba-la-mật là rốt ráo nhất tâm tín nguyện, niệm sao cho không còn có một vọng tưởng nào đến quấy đảo tâm thanh tịnh của hành giả. Hoa sen có tánh đặc thù là sống trong bùn mà không nhiễm mùi bùn, vẫn giữ được hương thơm nhẹ nhàng thanh thoát. Trong Phật học, hoa sen là biểu tượng của tâm Thanh Tịnh do hào quang của Phật A-di-đà nhiếp thọ tiếp dẫn đem về nuôi trong ao Thất Bảo (2) có nước thanh tịnh gọi là Tịnh thủy. Kể từ khi được nuôi bằng Tịnh thủy, hành giả vẫn tiếp tục hành trì Niệm Phật miên mật bất thối để hoa sen tiếp tục nở cho đến lúc mãn khai. Khi hoa sen mãn khai, hành giả đắc pháp vị A-duy-việt trí Bồ Tát, có đủ phép thần thông, có khả năng thuyết pháp độ sanh như chư Phật, chỉ chờ thời kỳ khế hợp thì đi làm Phật. Theo từ ngữ, A-duy-việt trí là Trí bất thối chuyển, viên mãn Phật quả, nghiệp chướng được tẩy sạch, giải thoát khỏi luân hồi sanh tử. Khi hoa sen chưa đến độ mãn khai trong ao Thất Bảo, nếu hành giả không giữ được tâm bất thối chuyển, hoa sen sẽ tàn héo. Đây là trường hợp đáng tiếc, hành giả hết còn duyên với Phật A-di-đà! Nói cụ thể hơn, sau khi được vãng sanh về Tây phương Cực Lạc, hành giả vui hưởng quả phúc nơi Tịnh Độ thường sanh tâm luyến chấp lạc cảnh nơi này, tâm luyến cảnh không còn thanh tịnh rốt ráo, nhất tâm Niệm Phật như trước. Người khéo tu cần nhớ nhập tâm: Vãng sanh Cực Lạc chỉ mới là giai đoạn Tịnh hoá thân tâm, cần tiếp tục hành trì phát tâm cứu độ chúng sanh mới đạt tới cứu cánh giải thoát. Diệt được Khổ nhưng lại chấp thủ Lạc thì chưa ra khỏi được Luân hồi sanh tử.

II. Năng lực bất tư nghị của danh hiệu Phật.

Trong số tám vạn bốn ngàn pháp tu chỉ có pháp môn Niệm Phật là thù thắng đệ nhất, cứu cánh đệ nhất, hữu hiệu và siêu việt nhất. Đó là lời dạy của Đức Thích Ca. Sự Nhất Tâm Niệm Phật bao gồm cả hai phần Sự và Lý:

- Nhất tâm về Sự là không trụ vào một niệm nào khác,

- Nhất tâm về Lý là thể nhập vào thực tướng của Phật, hành giả dần dần thành tựu Chánh Định Như Lai và tự nhiên phát sanh Tuệ Giác Không Tánh.

Danh hiệu Nam-mô A-di-đà Phật sẽ lọc sạch phiền não trong thân tâm Người Niệm Phật. Nhờ xưng niệm sáu chữ Hồng Danh, hành giả nhìn thấy cảnh vật bên ngoài đúng như bản thể thực chất của chúng, không còn bị chúng chi phối, do đó điều phục thân tâm và không còn móng khởi tâm phân biệt.

Trong khi niệm Phật, nếu gặp bất cứ thanh trần nào cũng đừng để tâm vào, cứ tiếp tục niệm Phật. Đó là danh hiệu Phật đang tuôn chảy liên miên bất tận thành một dòng tâm mà mỗi sát na đều hiển hiện Chân Như Tánh... Tiếp tục hành trì niệm Phật như thế, chẳng bao lâu thì Tánh Nghe cũng không còn. Khi ấy, Phật trí tự nhiên tỏa rạng, danh hiệu Phật vẫn tương tục, không gián đoạn. Thuật ngữ Phật học gọi là VONG SỞ, có nghĩa không còn nghe thấy tiếng mình niệm Phật. Cũng nói là Niệm, vô niệm, niệm khi không còn phân biệt năng niệm với sở niệm nữa. Đó là khi hành giả đã chứng ngộ ngũ uẩn là không, ngã kiến ngã chấp bị lọc sạch, thân tâm trở nên quang minh thường tại, chiếu suốt mười phương pháp giới. Nói cách khác, Tri Kiến Giác Ngộ của hành giả trở nên đồng đẳng với Tri Kiến Giác Ngộ của chư Như Lai.

Chúng sanh vô minh vì lý do chấp ngũ uẩn làm thân và tâm thật của mình. Năng lực nhiệm màu của pháp môn Niệm Phật chuyển hóa dần dần VÔ MINH thành VIÊN GIÁC theo tiến trình: Biết tất cả các pháp đều như huyễn, nhất thiết pháp giai không. Biết là huyễn, là không tất sẽ ly. Ly huyễn tức là Giác. Danh hiệu Phật hòa tan căn, trần, thức và tất cả đều nhập vào Viên Giác Tánh, cũng gọi là Hư Không Tạng, Vô Cấu Tạng, Tịch Tĩnh Tạng. Hành giả dần dần thành tựu Chánh Định Như Lai, tự nhiên phát sanh Tuệ Giác Không Tánh. Nói vắn tắt: Niệm sanh Tịnh, Tịnh sanh Định và Định sanh Huệ.

Tuệ Giác Không Tánh đạt tới mức hết sức Thanh Tịnh, gọi là Vô Cấu Thức hay Bạch Tịnh Thức, tiếng Sanskrit là A-mật-la thức (thức thứ 9, cao hơn A-lại-da thức). Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Đức Thích Ca bảo: Nay A-Nan! Đức Phật Vô Lượng Thọ oai thần quang minh tối tôn đệ nhất, quang minh của chư Phật chẳng bằng! (3)

III. Niệm Phật tông yếu.

Niệm Phật là Pháp Môn Tha Lực duy nhất trong Phật Pháp mà điểm then chốt là tin tưởng tuyệt đối vào Bốn Nguyện của Đức Phật A-di-đà. Đó là dùng

DANH HIỆU của ngài để cứu độ tất cả chúng sanh. Không hiểu tường tận ý này, nhiều người nhất là hàng cư sĩ tại gia thường cho rằng Niệm Phật Xưng Danh là pháp môn dành cho hạng hạ căn không đủ căn cơ để tu những pháp môn về Thiền Quán như Quán Thật Tướng, Quán Tướng, Quán Tượng, v.v... Hơn nữa khi tu Niệm Phật phần đông mang tâm niệm TỰ LỰC, trông cậy vào sức mình để được vãng sanh. Đây chỉ là Tự Lực Niệm Phật.

Pháp Nhiên Thượng Nhân (1133-1212), tên Nhật là Honen, Khai Tổ của Tịnh Độ Tông Nhật Bản (4) nhận định tông yếu của pháp môn Tha Lực Niệm Phật. Tác phẩm quan trọng nhất Tuyển Trạch Bốn Nguyên Niệm Phật Tập được coi như một áng linh văn bất hủ về Tịnh Độ có những điểm then chốt như sau:

1. Thánh Đạo Môn gồm các pháp môn ngoài Tịnh Độ Tông tuy thâm diệu nhưng thời điểm và căn cơ chẳng tương ứng. Tịnh Độ Môn hình như nông cạn nhưng thời điểm và căn cơ đều tương ứng.

Thời Mạt Pháp một vạn năm, các kinh điển khác đều tiêu diệt, chỉ còn pháp môn Di Đà để cứu độ chúng sanh.

2. Tông Tịnh Độ siêu hơn các tông. Hạnh Niệm Phật siêu hơn các hạnh. Lý do vì thâm nhiếp tất cả các căn cơ.

3. Chẳng kể có tội hay vô tội, trì giới hay phá giới, tại gia hay xuất gia, thiện hay ác, trong các tiền kiếp có phúc căn hay tội căn, hữu trí hay vô trí, nếu căn cứ vào thời điểm và căn cơ thì chỉ có pháp môn Tịnh Độ, Hạnh Niệm Phật là yếu pháp thoát khỏi sanh tử trong đời này.

4. Quang minh của Đức A-di-đà chỉ soi chiếu người Niệm Phật, chẳng soi chiếu người tu các hạnh khác.

5. Trụ vào cái Tâm Tha Lực (Nguyên Lực của Đức Di-Đà) mà Niệm Phật thì chỉ trong khoảnh khắc sẽ được vào sự lai nghinh của Đức Phật A-di-đà.

Điều 18 trong số 48 Đại nguyện của Đức Phật A-di-đà:

Lúc tôi thành Phật, thập phương chúng sanh chí tâm tín mộ muốn sanh về nước tôi, nhứt đến mười niệm, nếu không được sanh thời tôi không ở ngôi Chánh Giác, trừ kẻ tội tạo ngũ nghịch cùng hủy báng Chánh pháp.

Điều 19 bổ sung trường hợp phát Bồ-đề tâm:

Lúc tôi thành Phật, chúng sanh ở mười phương phát Bồ-đề tâm tu các công đức, chí tâm phát nguyện

muốn sanh về nước tôi, lúc thọ mạng chung, tôi và đại chúng vây quanh hiện ra trước mắt họ. Nếu không như vậy, tôi chẳng lấy ngôi Chánh Giác.

6. Niệm Phật hoàn toàn không có hình thức, đã lấy KHÔNG HÌNH THỨC làm hình thức. Chỉ cần biết rằng thường Niệm Phật, Chí tâm niệm Phật thì đến lúc lâm chung nhất định Phật lai nghinh mà vãng sanh sang cõi Cực Lạc.

7. Nếu thường xưng danh hiệu thì do công đức của Phật danh, vọng niệm tự dừng, tán loạn tự yên, tam nghiệp tự điều, nguyện tâm tự phát.

8. Trong nhãn quan của Pháp Nhiên thì:

- Tam tâm (chỉ Thành tâm, Thâm tâm, Hồi hướng phát nguyện tâm) cũng là Nam mô A-di-đà Phật.

- Ngũ Niệm (Lễ bái, Xưng tán, Phát nguyện, Quán sát, Hồi hướng) cũng là Nam mô A-di-đà Phật.

- Tứ Tu (Cung kính tu, Vô dư tu, Vô gián tu, Trưởng thời tu) cũng là Nam mô A-di-đà Phật.

9. Người lười biếng Niệm Phật là kẻ đánh mất đi vô lượng châu báu. Người siêng năng Niệm Phật là kẻ khai mở ra vô biên sáng suốt. Nên dùng cái tâm NUÔNG PHẬT LỰC, cầu vãng sanh mà tương tục Niệm Phật.

10. Nghe nói một niệm, mười niệm cũng được vãng sanh rồi lo là việc Niệm Phật: Đó là TÍN chướng ngại HẠNH. Nghe nói niệm niệm chẳng rời rồi nghĩ rằng một niệm vãng sanh bất định: Đó là HẠNH chướng ngại TÍN. Tin thì một niệm cũng vãng sanh, mà hành thì siêng năng xưng niệm suốt đời. Vãng sanh mà nghĩ rằng nhất định thì NHẤT ĐỊNH, nếu nghĩ rằng bất định thì BẤT ĐỊNH!

11. Không để ý đến thiện ác của bản thân, chỉ một lòng cầu vãng sanh mà Niệm Phật. Đó là Tha Lực Niệm Phật. Tin rằng bản thân bị tội chướng khó được vãng sanh là điều sai lầm rất lớn. Hạng vô trí, tội chướng Niệm Phật mà được vãng sanh mới là Ý CHÁNH của bốn nguyện của Phật A-di-đà.

12. Tuy được nghe Danh Hiệu mà không tin thì cũng như không được nghe. Tuy có tín tâm mà không xưng niệm thì cũng như không tin. Bởi thế nên một lòng Niệm Phật, không chút nghi ngờ.

13. Phật lai nghinh là để người tu Niệm Phật lúc lâm chung được chánh niệm, không phải lúc lâm chung cần phải có chánh niệm thì mới được Phật lai nghinh.

14. Tất cả Phật pháp nhằm chế phục điều ác. Vì hạng ngu si phạm phu không dễ gì làm được nên

khuyên Niệm Phật để diệt tội. Hễ có tín tâm thì tội lớn cũng diệt, không có tín tâm thì tội nhỏ vẫn còn.

15. Người tu Tịnh Độ trước hết cần biết hai điều:

- Vì người có duyên, dù phải bỏ thân mạng, tài sản cũng nên vì họ mà nói pháp môn Tịnh Độ.
- Vì sự vãng sanh của chính mình, nên xa lìa mọi phiền nhiễu mà chuyên tu hạnh Niệm Phật.

Ngoài hai điều trên, không nên tính toán gì khác. Tất cả mọi việc trong đời đều y theo Niệm Phật mà quyết định. Tất cả đều là trợ duyên cho Niệm Phật, hễ gây chướng ngại thì nên từ bỏ.

16. Thánh Đạo Môn (các tông phái khác) đều tu cái NHÂN của tam thừa, tứ thừa để được cái QUẢ của tam thừa, tứ thừa. Do đó không thể so sánh với hạnh Niệm Phật vì lý do mục đích khác nhau. Còn trong Tịnh Độ Môn thì các hạnh (đọc tụng kinh điển, lễ bái, quán tưởng, quán tượng...) và hạnh Niệm Phật đều là NHÂN để vãng sanh nên có thể so sánh với nhau.

Nhưng các hạnh khác đều chẳng phải là Di Đà Bồ Nhịệm, do đó quang minh của Đức Di Đà chẳng thu nhiếp, mà Đức Thích Ca cũng chẳng phó chúc. Bởi thế, Thiền Đạo Đại Sư (5) có dạy: Tất cả các hạnh khác tuy gọi là thiện, nhưng so với Niệm Phật thì hoàn toàn không thể so sánh được.

17. Muốn mau lìa sanh tử, trong hai loại thắng pháp hãy bỏ qua Thánh Đạo Môn mà theo TỊNH ĐỘ MÔN.

Trong các pháp Tịnh Độ Môn có hai hạng Chánh và Tạp, hãy bỏ qua các Tạp hạnh mà quay về theo CHÁNH HẠNH.

Trong phạm vi Chánh Hạnh có hai phần Chánh Định và Trợ Nghiệp, chớ theo Trợ Nghiệp mà chuyên tu CHÁNH ĐỊNH, tức XỨNG NIỆM PHẬT DANH nương theo BỒ NHỊỆM DI-ĐÀ thì tất nhiên được vãng sanh. Niệm Phật là việc mình làm, tiếp dẫn vãng sanh là việc Phật làm, hai việc hữu duyên tương ứng là năng lực bất tư nghị của Danh hiệu Phật. Thâm tín trì niệm là đủ, không còn nghi ngờ tính toán gì khác.

18. Năm điều quyết định sự vãng sanh:

- Bồ Nhịệm của Đức Di-Đà.
- Lời dạy xác minh của Đức Thích Ca.
- Sự chứng minh của Chư Phật.
- Giáo thích của Tổ Thiền Đạo.
- Tín tâm của người Niệm Phật.

19. Di Đà Bồ Nhịệm phát ra không phải chú trọng đến hạng thiện nhân có phương tiện, có thể dùng tự lực để thoát ly sanh tử, mà chính vì hạng ác nhân tội chướng không có phương tiện để tự giải thoát. Tuy nhiên hạng Bồ Tát, Thánh Hiền cũng có thể nương vào THA LỰC NIỆM PHẬT mà được vãng sanh. Di-Đà Bồ Nhịệm không có sự phân biệt, tất cả đều bình đẳng như nhau.

20. Tu Thánh Đạo Môn thì cần trí huệ tột cùng để lìa sanh tử. Tu Tịnh Độ Môn thì trở lại ngu si để được vãng sanh, chẳng dựa vào trí huệ, chẳng lo tròn đạo hạnh, chẳng cần tu tâm dưỡng tánh, mà chỉ cần tự thấy mình là người vô năng vô trí, cần nương vào Bồ Nhịệm Di-Đà mà Niệm Phật để được vãng sanh.

Thâm tín và hành trì như trên, lúc lâm chung chắc chắn Phật lai nghinh. Nếu bình thường đã thường xuyên xưng danh tích lũy công đức thì dù cho lúc lâm chung vì lý do nào đó tâm vọng động tán loạn bất định không xưng được Phật danh, hành giả vẫn được quyết định vãng sanh.

Giáo pháp tuy vô lượng nhưng xét đến chỗ cương yếu thì Tha Lực Đốn Giáo thù thắng hơn cả. Tổ Huệ Viễn (334-416), Sơ Tổ của Tịnh-Độ Tông Trung Hoa, một cao tăng đầu tiên nhấn mạnh đến sự quan trọng của Thiền Định có xác nhận: Các môn Tam Muội tuy nhiều nhưng công cao lại dễ tu thì Niệm Phật lại hơn cả.

21. Nương tựa Bồ Nhịệm Di-Đà không phải là quán tưởng trong tâm, mà là XỨNG NIỆM DANH HIỆU, đứng trụ tâm ở quán tưởng mà cần xưng danh ra tiếng.

Xưng danh là CHÁNH NHÂN quyết định vãng sanh. Ngoài xưng danh ra không có gì quyết định vãng sanh như chánh hạnh, chánh nghiệp, trí huệ...

22. Quyết định quy kết của Pháp Nhiên Thượng Nhân: Sống thì Niệm Phật tích lũy công đức, Chết thì vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Không có gì trong đời này làm bận tâm nữa.

KHAI THỊ VÀ DI HUẤN CỦA PHÁP NHIÊN THƯỢNG NHÂN ĐỂ LẠI CHO ĐỆ TỬ LÚC LÂM CHUNG:

Thầy mấy chục năm nay, công phu Niệm Phật tích lũy, được bá kiến Cực Lạc Trang Nghiêm và Chân Thân của Phật, Bồ Tát là việc bình thường, nhưng thầy giữ kín không nói ra. Nay đã đến lúc tối hậu nên mới bày tỏ đôi chút ...

Hai ngày trước khi vãng sanh, Ngài Pháp Nhiên lấy bút viết bản di huấn tối hậu:

Chẳng phải là Niệm Phật theo lối quán niệm mà các bậc trí giả Trung Hoa, Nhật Bản thường nói đến;

Cũng chẳng phải là Niệm Phật theo lối phải thâm nhập kinh tạng để thấu hiểu thâm nghĩa của Niệm Phật.

Chỉ nghĩ rằng: Để vãng sanh Cực Lạc thì xưng niệm Nam-mô A-di-đà Phật là quyết định vãng sanh, không nghi ngờ mà xưng niệm. Ngoài ra, không có thâm áo gì khác.

Bởi vì điều gọi là Tam Tâm, Tứ Tu đều đã quyết định bao hàm trong tưởng niệm Nam-mô A-di-đà Phật, quyết định vãng sanh (Xin xem lại số 8 đã nói ở trên).

Ngoài đó ra, nếu có gì thâm áo khác là ở ngoài lòng từ mẫn của hai Đấng Từ Tôn (Phật Thích Ca và Phật A-di-đà), lột khỏi bốn nguyện.

Người muốn tin Niệm Phật thì dù cho có thể học hết giáo pháp một đời của Đức Thích Ca cũng thành ra kể một chữ chẳng biết, ngu độn như hạng vô trí, chớ hiện ra vẻ trí giả, hãy một mực Niệm Phật.

Tôi in vào đây cả hai bàn tay của tôi để xác nhận di huấn này... Không còn gì để nói nữa, tôi đã viết hết những điều cốt tủy ở đây để ngăn ngừa những dị kiến sau khi tôi ra đi.

Kết Luận:

Đọc đến đây, chắc có nhiều bạn chưa tin hẳn vào NĂNG LỰC BẤT TƯ NGHỊ của NIỆM PHẬT đã trình bày ở trên, lý do rất dễ hiểu: Hạnh tu gì đơn giản, dễ dàng đến người già trẻ con đều làm được mà lại có năng lực thâm mật vi diệu đến thế? Để giải trừ nỗi vương vấn phân vân, một ẩn dụ dẫn giải tường tận và chính xác giúp các bạn NHẤT THIẾT GIỮ TÍN TÂM TUYỆT ĐỐI đối với sáu chữ Nam-mô A-di-đà Phật:

Nếu cùng đi trên con đường gồ ghề có nhiều lối rẽ như băng qua rừng núi thì một người sáng mắt khỏe chân mới có thể nhất định đi đến đích, một người mù què chân đi phải chống nạng tất nhiên là không thể so sánh được. Đây là cả hai người đều dùng TỰ LỰC để di chuyển. Nếu cùng dùng đường hàng hải hay đường hàng không thì cả hai người đến tới đích cùng một lúc, nhanh chóng và dễ dàng như nhau. Đây là cả hai người đều dùng THA LỰC để di chuyển.

Kể cầm bút thiết tha xin các bạn đã vững tín tâm và hành trì Niệm Phật hãy phổ biến tài liệu này đến các

bạn đồng đạo còn vương vấn chút nghi ngờ về ƠN CỨU ĐỘ vô lượng vô biên của Bồ Nguyện Di-Đà. Đó là pháp duyên gieo Nhân lành, tích lũy Công Đức, xin chớ bỏ qua.

Ai tự nhận thấy mình là người mù què, hãy xưng niệm ngay NAM MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT! Đức A-di-đà sẽ đến đón vãng sanh với lòng thương xót.

Ai tự nhận thấy mình là người sáng suốt khỏe chân, cũng xưng niệm ngay NAM-MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT! Đức A-di-đà cũng sẽ đến đón vãng sanh với lòng hoan hỷ.

Ai tự nhận thấy mình không thuộc một trong hai hạng người vừa kể trên thì người đó không hiểu biết chút gì về Bồ Nguyện Di-Đà, đã tự đánh mất cả một kho báu vô giá mà Phật đã ban cho tất cả mọi chúng sanh một cách đồng đều, không bỏ sót bất cứ ai.

Duyên Hạc Lê Thái Ất

Chú Thích:

1. Phật A-di-đà: Tiền thân hai vị Phật Đức A-di-đà và Đức Thích Ca cùng với 14 vị Phật khác đều là anh em ruột, phụ vương là Đức Phật Đại Thông Trí Thắng (Mahabhidjadjnnabhikhu). Tất cả 16 vị vương tử đều theo cha xuất gia, thọ trì Bồ Tát Đạo và được cha truyền cho quả Phật.

Tịnh-Độ, tiếng Sanskrit Buddhaksetra có nghĩa là Phật độ, nơi Thanh Tịnh, cõi Phật, nơi cuối cùng cần đạt tới, sau đó mới tiến tới chứng nhập Niết Bàn. Mỗi vị Phật có một cõi Tịnh-Độ. Cõi Tịnh-Độ của Đức A-di-đà gọi là Tây phương Tịnh Độ, Tây phương Cực Lạc, cõi Cực Lạc. Cõi Tịnh-Độ của Đức Thích Ca là Tịnh Độ phương Đông Bắc, và theo Kinh Đại Bát Niết Bàn cõi này mang tên cõi Vô Thắng Tịnh Độ. Đức Phật Di-Lặc, vị Phật tương lai hiện đang giáo hóa ở cõi Trời Đâu-Suất sẽ tạo ra một Tịnh-Độ mới.

2. Ao Thất Bảo: Ao có nước Tịnh Thủy để rửa sạch mọi phiền não, trong đó có bảy vật báu biểu tượng cho Tâm Thanh Tịnh rất ráo ở cõi Cực Lạc. Lục Tổ Huệ Năng giảng trong Pháp Bảo Đàn kinh: Thất Bảo tiêu biểu cho bảy Đại Hạnh gồm có Kim (Giới), Ngân (Tín), Lưu Ly (Văn), Pha Lê (Tâm), Xà Cừ (Tinh Tấn, Xích Châu (Huệ) và Mã Não (Xả). Đây là Thất Thánh Tài tức tài sản của Chư Thánh dùng để nuôi dưỡng Chân Tâm người trì niệm.

3. Danh hiệu của Đức A-di-đà: Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Đức Thích Ca bảo A-Nan: Này A-Nan! Đức Phật Vô Lượng Thọ oai thần quang minh tối tôn

đệ nhất, quang minh của chư Phật chẳng bằng. Kinh Vô Lượng Thọ nói Đức A-di-đà có 13 Phật danh, ngoài tên Vô Lượng Thọ Phật còn 12 tên khác đều có chữ QUANG ở sau, có nghĩa là ánh sáng chứng tỏ oai thần quang minh của Đức A-di-đà có đặc tính tối tôn đệ nhất:

1. Vô Lượng Quang Phật
2. Vô Biên Quang Phật
3. Vô Ngại Quang Phật
4. Vô Đối Quang Phật
5. Diệm Vương Quang Phật
6. Thanh Tịnh Quang Phật
7. Hoan Hỷ Quang Phật
8. Trí Huệ Quang Phật
9. Bất Đoạn Quang Phật
10. Nan Tư Quang Phật
11. Vô Xứng Quang Phật
12. Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật

4. Pháp-Nhiên Thượng Nhân (1133-1212), tên Nhật là Honen, Khai Tổ của Tịnh-Độ Tông Nhật Bản. Tiểu sử của ngài cho biết ngài đã mãn nghiệp thế gian đúng như Chánh Nghiệp: Làm con một vị quan đến ngoại tứ tuần vẫn chưa có con nối dõi, Ngài ra đời sau khi cha mẹ vào chùa tụng kinh bảy ngày đêm xin Phật gia hộ. Khi Ngài đản sinh có hai luồng hào quang ở trên không chiếu xuống, tiếng chuông ngân vang. Ngài có tướng mạo phi phàm từ thuở sơ sinh.

Khi Ngài chín tuổi, phụ thân bị địch quân sát hại. Lúc lâm chung, vị quan thất thế kêu Ngài đến dạy: Đây là túc nghiệp của cha, tuyệt đối không nên ôm hận báo thù. Hãy nhớ rằng oán không thể diệt được oán!... Sau này thành nhân, con hãy cầu vãng sanh Cực Lạc, lợi lạc bình đẳng cho người và cho mình.

Năm 14 tuổi, tuân theo lời cha dạy Ngài xuất gia với Pháp sư Giác Quán ở chùa Bồ Đề tại quê nhà. Pháp sư Giác Quán thấy Ngài thông tuệ khác thường liền đưa Ngài đến một tu viện nổi tiếng ở kinh đô để tham học với Pháp sư Nguyên Quang. Không bao lâu Pháp sư Nguyên Quang lại tiến cử Ngài tham học với Tổ Hoàng Viên Tông Thiên Thai thời đó. Thu nhận Ngài làm đệ tử chưa đầy ba năm, Tổ Hoàng Viên thấy Ngài đã thấu triệt tất cả những áo diệu của Giáo Pháp Thiên Thai có ý muốn truyền Tổ vị cho Ngài. Nhận thấy ở Nhật Bản thời đó một chức sắc trong giáo quyền được hưởng rất nhiều quyền lợi, vì không muốn bị ràng buộc lợi danh Ngài ra đi vào năm 18 tuổi đến ẩn tu ở núi Hắc Cốc, tham học với Hòa Thượng Duệ Không, một vị cao tăng của Mật Tông thời bấy giờ. Hòa Thượng Duệ Không đặt

pháp hiệu cho Ngài là PHÁP NHIÊN, có nghĩa Pháp vốn Như Vậy và pháp danh là NGUYỄN KHÔNG, ghép chữ đầu và chữ cuối ở tên của hai vị Đại Sư Nguyên Quang và Đại Sư Duệ Không mà Ngài thọ huấn. Tại đây Ngài được truyền thụ Viên Thừa Đại Giới và Du Già Bí Pháp. Ngài tinh thông mọi Tông phái, duyệt đọc 5 lần Đại Tạng nên được đương thời tôn xưng là Trí Huệ Đệ Nhất.

Về Giáo Pháp, dưới nhãn quan của Ngài thì Xưng Danh Niệm Phật vừa là Chánh Hạnh, Chánh Nhân và Chánh Nghiệp trong đời sống thế gian. Lưu ý tại Nhật Bản có hai Tông phái dễ gây ngộ nhận: Tịnh-Độ Tông, tiếng Nhật là Jodo-shu, Khai Tổ là Pháp Nhiên và Tịnh-Độ Chân Tông, tiếng Nhật là Jodo-Shinshu, về sau do Thân Loan đệ tử của Khai Tổ Pháp Nhiên biến thái lập riêng ra.

5. Thiện Đạo Đại Sư theo truyền thuyết của Trung Hoa là Hóa thân của Phật A-di-đà.

Xuân mới

Xuân mới cầu mong cảnh thái bình
Đời thêm tươi sáng, đạo quang vinh
Nghèo cùng, khổ bố không còn nữa
Nhân loại an vui mọi sự thành

Xuân mới sang

Lại một mùa xuân, xuân mới sang
Mây sâu, gian ác tự tan hàng
Cùng trời hoa cỏ vui tươi đẹp
Thế giới an bình, rộn mở mang

Tất cả là Xuân

Tâm, cảnh vui tươi tất cả xuân
Trời xanh, cây cỏ đến nhân quyền
Bốn mùa tốt đẹp mừng vui vẻ
Muôn sự như nhiên, mới mỗi lần

HT. Thích Tâm Châu

quan điểm Phật giáo về cơn giận

T. An dịch từ Anger and Buddhism

Sự tức giận, cơn thịnh nộ, sự phẫn nộ, dù gọi nó bằng cái tên gì thì nó vẫn xảy ra với tất cả chúng ta, ngay cả những người Phật tử. Bởi vì Phật tử vẫn còn là một chúng sinh và do đó thỉnh thoảng vẫn có tức giận. Đối với vấn đề này, Phật giáo dạy chúng ta làm gì khi giận hờn?

Giận là một trong ba loại độc được, hai thứ độc còn lại là tham lam và si mê. Đó là những nguyên nhân đưa con người ta tái sinh trong vòng luân hồi. Do đó, thanh lọc giận hờn là việc làm cần thiết trong việc thực hành Phật giáo. Hơn nữa, giận hờn không được xem là lý do chính đáng hoặc hợp lý. Tất cả sự giận hờn là sự trói buộc của nhận thức về giác ngộ.

Song, nhiều bậc thầy có trình độ đều thừa nhận họ thỉnh thoảng có giận hờn, điều này có nghĩa là hầu hết chúng ta đều có giận hờn. Thế nhưng, chúng ta sẽ phải làm gì mỗi khi chúng ta giận?

Trước tiên, phải thừa nhận mình đang giận.

Điều này nghe qua có vẻ như ngỡ ngàng, thế nhưng có bao nhiêu lần bạn gặp một ai đó rõ ràng là họ đang giận nhưng họ khẳng định cho rằng mình không giận hay không? Có một vài lý do, một số người thừa nhận họ muốn ngăn ngừa cơn giận, rằng họ biết mình đang giận. Đây không phải là một tình huống xấu. Bạn không thể giải quyết một cách tốt đẹp điều gì nếu bạn không thừa nhận mình đang là như vậy.

Phật giáo dạy về chánh niệm. Chánh niệm là sự biết rõ về những gì đang xảy ra. Khi chúng ta có cảm giác không hài lòng hoặc một cảm xúc phát sinh, đừng bao giờ đàn áp nó, chạy trốn khỏi nó, hoặc từ chối nó. Thay vì quán sát cơn giận và thừa nhận sự có mặt của nó. Hãy thành thật về chính bạn về những gì xảy ra là điều cần thiết.

Điều gì làm cho bạn giận ?

Thật quan trọng biết bao, khi chúng ta nhận thức được sự giận hờn được tạo nên chính mình. Nó không phải do người khác tạo nên. Chúng ta thường

suy nghĩ rằng giận hờn là nguyên nhân chính được tạo nên bởi một cái gì đó bên ngoài chúng ta, như là người khác hoặc những sự kiện làm ta thất vọng. Thế nhưng, vị thầy dạy thiền đầu tiên của tôi lại thường nói : “Không có ai làm cho bạn giận hờn mà giận hờn được tạo nên bởi chính bản thân bạn”

Phật giáo dạy cho chúng ta rằng giận hờn được tạo nên từ tâm bạn. Tuy nhiên, khi bạn giải quyết được sự giận hờn của chính mình, bạn sẽ trở nên minh mẫn. Cơn giận là một thách thức cho chúng ta nhìn sâu chính mình. Hầu hết các cơn giận phát sinh là do chúng ta muốn tự vệ, nó phát khởi từ những lo lắng không giải quyết được hoặc khi “cái tôi” chúng ta thúc giục.

Khi người Phật tử nhận ra rằng nguyên nhân giận hờn xuất phát do cái “tôi”, sự sợ hãi gây ra và giận hờn không có thực thể, phù du và không thật. Chúng chỉ là những cảm xúc thường tình. Phải công nhận giận hờn đã làm hạn chế những hành động làm chủ của chúng ta, đồng thời tạo ra vô số những sai lầm cho mọi người chung quanh mình.

Giận là sự bê tha

Giận là cảm giác khó chịu nhưng lại là một hấp lực. Trong một cuộc phỏng vấn với nhà báo Bill Moyer [1], Pema Chodron [2] cho rằng: “Giận là một lưỡi câu có thể móc dính bất cứ thứ gì khi nó gặp. Đặc biệt khi bị dính mắc vào “cái tôi” (gần như trong vài trường hợp) thì chúng ta có thể bảo vệ cho cơn giận của chính mình. Chúng ta bào chữa cho nó và thậm chí còn nuôi dưỡng chúng”.

Phật giáo dạy rằng cơn giận chưa bao giờ được chứng minh là đúng. Tuy nhiên, khi chúng ta tu tập tâm từ bi, một tình thương hướng đến tất cả chúng sinh nhằm mục đích hoá giải sự chấp trước ích kỷ. Tất cả chúng sinh và ta là một chuỗi mắt xích nối kết nhau, không thể tách rời được.

Với những nguyên nhân trên, khi chúng ta giận chúng ta phải chăm sóc cơn giận của mình bằng cách không cho nó làm tổn thương người khác.

Chúng ta cũng không nên dính mắc vào nó và cho nó một nơi để tồn tại và phát triển trong tâm của mình.

Làm thế nào để mời cơn giận đi

Nếu bạn đã thừa nhận cơn giận của bạn, và bạn đã kiểm tra nguyên nhân nào làm cho bạn giận, thế nhưng bạn vẫn còn giận. Việc tiếp theo bạn nên làm gì ?

Pema Chodron khuyên chúng ta nên nhẫn. Nhẫn có nghĩa là đợi cho lời nói hay hành động của bạn không mang sắc thái của tổn hại. “Nhẫn là tâm lý thiện đầy giá trị” Bà nói. Nó cũng là phẩm chất ưu tú không làm cho mọi thứ leo thang, đồng thời tạo nên nhiều không gian cho người khác nói, bày tỏ niềm cảm xúc của chính họ trong khi bạn không phản ứng gì, mặc dù trong tâm bạn đang phản ứng.

Nếu bạn có là thời khoá thực hành thiền, đây là thời gian quan trọng mà bạn làm việc với cái tâm của mình. Ngồi đó trong áp lực mạnh mẽ của cơn giận, im lặng với sự trách móc huyền thuyên về người và mình. Thừa nhận cơn giận và hoàn toàn thông cảm với nó. Ôm lấy cơn giận của bạn với sự kiên nhẫn và trái lòng thương yêu đến tất cả chúng sinh, bao gồm cả chính bạn.

Đừng nuôi dưỡng cơn giận.

Thật là một điều khó khăn khi không hành động, trong khi cảm xúc của cơn giận vẫn còn âm ỉ bùng phát trong chúng ta. Cơn giận sẽ làm cho sự cáu kỉnh tràn ngập trong tâm chúng ta, nó bắt buộc chúng ta phải hành động một cái gì đó. Theo các nhà chuyên tâm lý hướng dẫn thì mỗi khi giận chúng ta nên đắm mình vào cái gối hoặc la hét thật to vào tường để đuổi cơn giận đi.

“Khi bạn bộc lộ cơn nóng giận bạn nghĩ rằng mình bộc lộ nó ra ngoài là đúng, nhưng điều này không đúng. Thiền sư Nhất Hạnh cho rằng: “Khi bạn bộc lộ cơn giận ra bên ngoài bạn không những bằng lời nói và hành động bạo lực, mà bạn đang nuôi dưỡng hạt giống giận hờn và làm nó trở nên lớn mạnh trong tâm bạn. Chỉ có tình thương và sự hiểu biết mới có thể làm trung hoà cơn giận mà thôi.”

Ôm lấy giận hờn bằng tình thương

Thỉnh thoảng chúng ta lầm lẫn rằng, sự công kích là biểu hiện của anh hùng và bất bạo động là biểu hiện của hèn nhát. Phật giáo cho rằng đó là một sự nhầm lẫn.

Nhượng bộ trước sự thôi thúc của cơn giận, để cho cảm xúc cơn giận dính mắc vào chúng ta và tự do hoành hành quanh ta là một sự yếu đuối. Mặt khác, thừa nhận yếu tố sợ hãi và ích kỷ là gốc rễ của cơn giận thật là mãnh mẽ. Đây chính là quy tắc để suy gẫm về cơn giận.

Đức Phật có dạy:

Lấy không giận thắng giận
Lấy thiện thắng không thiện
Lấy thí thắng gian tham
Lấy chơn thắng hư ngụy.

(Kinh Pháp Cú, 233)

Thực tập như thế với bản thân chúng ta và những người chung quanh, hành trì như thế là sống theo đường lối Phật dạy. Bởi Phật giáo không là hệ thống của niềm tin mù quáng, hoặc là lễ nghi, hoặc những nhãn hiệu được đính trên áo sơ mi, mà chính nó là “như thị”. ●

T. An dịch từ : Anger and Buddhism – What Buddhism teaches about anger, Barbara O’Brien

[1] Bill Moyer, sinh ngày 5 tháng 6 năm 1934, một nhà báo, nhà phê bình nổi tiếng của Mỹ.

[2] Pema Chodron, còn gọi là Deirdre Blomfield-Brown là ni sư xuất gia theo Mật tông, trưởng phái Kim Cang thừa thuộc Phật giáo Tây Tạng.

lắng bước thời không

Trên lối ta về cỏ rất xanh
Bài thơ lạc phố tiếng tâm tình
Bụi hồng mây nổi phương nào gió
Bát ngát biển trời mây nước xanh.

Mấy biếc trong và nắng dịu dàng
Hương thiền cảnh tịnh giữa nhân gian
Mênh mang ý gió mùa hoan hỷ
Ta mở lòng mình đón gió sang.

Là gió Vô Ưu, cảnh giới nhàn
Suối nguồn An Lạc xóa gian nan
Hồi chuông tĩnh thức, hồi chuông điểm
Lắng bước Thời Không... bước nhẹ nhàng.

Tuệ Nga

đạo Phật và tuổi Hoa Niên

Đào Văn Bình

Tuổi hoa niên, tuổi hoa, tuổi trẻ, hay thanh niên, thiếu nữ đều là đối tượng của bài viết này. Thực ra đề tài Đạo Phật Và Tuổi Trẻ, có lẽ đã được cả ngàn các vị thánh tăng, đại sư, các học giả, trí thức Phật Giáo trên thế giới viết ra cho nên bài của tôi không có gì mới lạ, chỉ là một hạt cát trong số cát của Sông Hằng.

Nếu nói thế thì tại sao tôi lại viết? Theo tôi, mỗi người có một hoàn cảnh sống khác nhau, kinh qua những giai đoạn lịch sử khác nhau, đối diện với những khổ đau, hạnh phúc khác nhau cho nên “tâm tình” dần trải có thể khác nhau và đến với Đạo Phật trong những cảnh ngộ khác nhau.

Cùng chung với số phận của dân tộc, Phật Giáo bị miệt thị, dày xéo trong suốt 80 đô hộ của Thực Dân Pháp. Rồi sau Thế Chiến II chấm dứt vào năm 1945, Việt Nam lại triền miên khói lửa. Chiến tranh chỉ chấm dứt năm 1975. Thử hỏi trong bối cảnh dân tộc tan tác, chùa chiền đổ nát, nhân tâm ly tán, thế lực ngoại bang đổ vào xâu xé đất nước, kéo dài thêm 30 năm, truyền thống, văn hóa dân tộc và Đạo Phật không tiêu vong kể cũng là chuyện lạ lùng. Chúng ta hãy nghe Hòa Thượng Thích Đức Nhuận, trong Đạo Phật và Dòng Sứ Việt viết “Và, sau 83 năm Pháp cai trị nước ta, Đạo Phật quốc gia Việt Nam chỉ được coi như một “tôn giáo bản địa”, bị gạt ra ngoài mọi sinh hoạt tập thể của quốc gia này. Chính quyền bảo hộ của người Pháp ra mặt nâng đỡ Thiên Chúa giáo và kỳ thị, đàn áp Phật giáo, không cho phát triển. Như việc kiểm tra Tăng chúng, việc dựng chùa phải có giấy phép, có được mới được xây cất; việc hạn chế nhà chùa, không được tạo mãi đất đai hay nhận của cải của thập phương hỷ cúng. Với chính sách hủ

hóa dân tộc ta, thực dân Pháp đã rất rộng rãi với những gì là mê tín dị đoan, hạn chế giáo dục, cốt làm cho dân ta ngu dốt để chúng bảo sao tin vậy; Đạo Phật cũng bị đồng hóa với những tà thuyết ngoại đạo... Rồi từ chỗ xa lìa chính pháp, Đạo Phật nghiêm nhiên trở thành như một thần đạo không hơn không kém. Mục đích của thực dân, như đã thấy, là sự thống trị đất nước này và không muốn cho dân tộc trở mình để lớn mạnh. Nhưng, sau gần một thế kỷ bị trị, và sau trận thế chiến thứ hai chấm dứt, dân tộc Việt cùng với các dân tộc nhược tiểu khác trên thế giới đã bừng tỉnh đứng dậy, giải phóng ách nô lệ cho con người và giành quyền độc lập tự chủ cho quốc gia, chấm dứt một chế độ lạc hậu, lỗi thời. “ (1) Trong bối cảnh tang thương của đất nước và dân tộc như thế, tại sao “gốc Phật Giáo” trong tôi không bị bứng đi mà lại có thể “gặp lại” Phật... và trong hoàn cảnh như thế nào ?

Tôi sinh ra ở Hải Phòng năm 1942. Năm 1945 khi Nhật chiếm đóng Việt Nam, hằng ngày, vào mỗi buổi sáng mẹ tôi phải công tôi chạy vào hầm trú ẩn khi tiếng còi báo động vang lên để tránh máy bay của Mỹ (Đồng Minh) từ Vịnh Bắc Bộ bay vào oanh tạc. Khi Nhật đầu hàng, dù mới ba tuổi tôi còn nhớ hình dáng của đoàn quân Lữ Hán lôi thôi lếch thếch tiến vào đất nước ta giải giới quân đội Nhật. Rồi khi quân Lữ Hán rút lui, Pháp trở lại tái chiếm Đông Dương năm 1946, cùng với toàn dân, cha mẹ tôi nghe theo tiếng gọi “tiêu thổ kháng chiến” bỏ cả nhà cửa, chạy ra vùng “hậu phương kháng chiến” và năm 1950 quay trở lại Hải Phòng trước cảnh căn nhà cũ chỉ còn là một đồng hoang tàn đổ nát. Đây là lần đầu tiên tôi thấu hiểu câu “màn trời chiếu đất”. Bỏ

mẹ tôi và anh chị em phải nhặt lại từng cục gạch, hái từng cọng rau muống mọc dại trên nền nhà nấu ăn trong những ngày túng thiếu lúc ban đầu. Rồi cuộc sống từ từ ổn định, tôi được cấp sách đến trường.

Về cuộc sống tâm linh, phải nói, bố mẹ tôi không hề biết Đạo Phật là gì. Bàn thờ chỉ để cúng giỗ ông nội tôi, chứ không thờ Phật. Bà nội tôi, theo Tứ Phủ tức Đồng Bông hay Đạo Mẫu. Trên điện thì thờ các quan lớn, mẫu, ông hoàng rồi đến các cô, cậu, dưới là ngũ hổ. Tuy nhiên trên cao nhất, may mắn vẫn thờ Phật. Dĩ nhiên bà nội tôi không phải là tín đồ Phật Giáo hoặc là một Phật tử hiểu theo đúng nghĩa ngày nay. Thế nhưng có lẽ để cầu phúc, thỉnh thoảng bà nội bảo tôi tụng Kinh A Di Đà. Như vậy tôi đã có dịp “gieo duyên” với Phật pháp từ lúc 8, 9, 10 tuổi. Nhưng thực ra tôi có ngôi tụng kinh, gõ mõ cũng chỉ mong bà nội cho oản, chuối chứ thật tình tôi chẳng hiểu Kinh A Di Đà nói gì. Thật lạ lùng, trong chương trình Tiểu Học lúc bấy giờ, dù môn lịch sử được giảng dạy nhưng không có môn nào nói đến lịch sử các tôn giáo có mặt tại Việt Nam, nhất là Phật Giáo đã hiện diện trên đất nước này trên 1500 năm với một quá khứ huy hoàng. Tất cả kiến thức về Đạo Phật mà tôi biết được lúc bấy giờ là nhờ lúc rảnh rỗi bà nội kể chuyện đi Chùa Hương lúc bà nội còn trẻ, chuyện Bà Công Chúa Ba tức Quan Âm Diệu Thiện, chuyện Quan Âm Thị Kính với hai câu thơ bà nội đọc cho mà tôi còn nhớ:

Tiểu Kính Tâm lấy chồng Thiện Sĩ.
Tĩa râu chồng mang tiếng bội phu.

và nhất là Tây Du Ký kể chuyện Tam Tạng đi thỉnh kinh mà bọn trẻ chúng tôi phải “thuê truyện” để đọc, dĩ nhiên đọc say mê.

Năm 1954 khi đất nước chia đôi, gia đình tôi vào Nam. Sau một vài năm thì cuộc sống của người “di cư” cũng ổn định. Từ một người không hề biết thần thánh là gì - mẹ tôi - không hiểu do một phúc duyên nào, cùng với một bà bạn hàng xóm thường xuyên đi lễ Chùa Phổ Quang - Phú Nhuận. Sau một thời gian hết sức kiên nhẫn thuyết phục bố tôi đi chùa, bàn thờ Phật được thiết lập trang nghiêm ở nhà. Tuy nhiên kiến thức Phật Giáo của tôi lúc này hoàn toàn là con số không cho đến ngày 1/11/1963.

Sau khi quân đội đứng lên làm cuộc đảo chính, Phật Giáo như một thân cây khô héo sau mùa đông dài hiu hắt, được kích thích bởi nắng xuân ấm áp bỗng đâm chồi nảy lộc. “Ý thức Phật Giáo” tưởng chừng như đã tàn lụi trong lòng dân tộc, bỗng bừng lên trong lòng mọi người, nhất là tầng lớp thanh niên, sinh viên. Gia đình tôi nghèo, cư ngụ tại khu lao

động, nhà tôn vách ván cho nên buổi trưa nóng nực, vả lại tiếng máy thu thanh (radio) của hàng xóm lúc nào cũng oang oang cho nên ngoài thời gian ở giảng đường Luật Khoa, tôi thường vào các thư viện, dưới những tàng cây ở công viên hoặc sân chùa để có một nơi yên tĩnh học bài. Chính tại sân Chùa Xá Lợi (Sài Gòn) tôi đã gặp một “báu vật” khai mở trí tuệ cho tôi, đó là bài pháp của Đại Đức Narada Maha Thera (2). Quý hòa thượng, thượng tọa lãnh đạo Phật Giáo Miền Nam lúc bấy giờ đã cho mời một số cao tăng trên thế giới tới thuyết giảng, trong đó có Đại Đức Narada đến từ Tích Lan. Chính tại ngôi Chùa Xá Lợi này, tôi nhặt được một cuốn sách nhỏ (booklet) nhan đề Cốt Tủy Của Đạo Phật của Ngài. Nội dung cuốn sách thật ngắn gọn nhưng đầy đủ và thuyết phục trong đó có một câu nói của Đức Phật, “Kinh giáo của ta như ngón tay chỉ mặt trăng”. Vừa đọc xong câu này, tôi vội xếp cuốn sách lại và trong tôi bừng vỡ một niềm sung sướng và cảm phục, “Trời ơi, sao ông Phật này chân thật quá!”

Với kiến thức về tôn giáo của tôi - một sinh viên sắp bước lên năm thứ hai của Đại Học Luật Khoa Sài Gòn lúc bấy giờ thì... đối với các đạo thờ thần (God), không có một thứ gì không thuộc về vị giáo chủ. Vũ trụ này do Ta sáng tạo. Ánh sáng này do Ta mà có. Bóng tối cũng thuộc về Ta. Cả cái trí khôn hay trí tuệ của loài người cũng do Ta mà có. Nếu không có Ta thì đầu óc loài người cũng như đầu óc thú vật mà thôi. Chân lý ở trong Ta. Ta là hiện thân của công lý. Miếng cơm manh áo mà các người đang ăn, đang mặc kia cũng do Ta mà có. Vợ con nhà người cũng do Ta sắp đặt hết. Ta bảo chết là chết, bảo sống là sống. Nói tóm lại, loài người trần trụi, không có một thứ gì hết. Tất cả thuộc về thần linh giáo chủ. Trong khi đó thì ngược lại, Đức Phật không “vơ vào” những gì không phải của mình. Luật Vô Thường không phải của Đức Phật. Sinh-Lão-Bệnh-Tử không do Phật bày ra. Cái Chết không do Phật thiết kế. Niết Bàn không phải là đặc hữu của Phật mà bất cứ chúng sinh nào, nếu chịu nương theo giáo lý của Chư Phật (nương theo ngón tay) thì cũng đạt được Niết Bàn (tức thấy mặt trăng). Cuộc sống vui, buồn, sướng, khổ của thế giới này không phải do Phật hóa phép, mà do nghiệp lực vận chuyển từ vô thủy của chúng sinh. Trước khi Phật ra đời con chim ăn con sâu. Khi Đức Phật ra đời con chim tiếp tục ăn con sâu. Khi Đức Phật thành đạo con chim vẫn ăn con sâu. Khi Đức Phật nhập diệt con chim vẫn ăn con sâu. Tất cả đều Như Thị và Như Thị. Đức Phật không thể thay đổi được thế giới vật lý này. Đức Phật không dạy cách “đi sơn đảo hải”, biến cát

thành cơm, biến người chết thành người sống, biến tội ác thành thánh, biến kẻ đui mù thành mắt sáng, biến kẻ què cụt thành lành lặn... mà Đức Phật chỉ dạy phương pháp khiến con người thoát khỏi khổ đau và sống một cuộc đời thánh thiện. Cái gì của Phật A Di Đà thì Phật nói đó là của Phật Di Đà, cái gì của Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát thì Phật nói của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Cái gì của Ngài Quán Tự Tại Bồ Tát thì Đức Phật nói của Ngài Quán Tự Tại. Đức Phật cũng không chủ trương đời đời độc quyền thống ngự thế giới. Trong quá khứ đã có nhiều vị Phật thuyết pháp độ sinh, trong tương lai sẽ có Phật Di Lặc ra đời. Đức Phật luôn luôn nói lời chánh ngữ, nói lời chân thật (quảng trường thiệt). Đức Phật không bao giờ nói lời lừa dối, nói lời gian dối, nói lời hoang tưởng, nói lời không thể kiểm chứng, và cũng không nói lời tiên tri phỏng đoán vu vơ. Đức Phật không bao giờ nói hai lời, lúc này lúc khác. Đức Phật không bao giờ nói lời mâu thuẫn trái-chống nhau. Đức Phật không bao giờ tự phong mình là quan tòa để phán xử ai. Ngài chỉ nói về Nhân Quả chứ không bao giờ đe dọa trừng phạt ai. Kinh giáo của Đức Phật dù trải qua hơn 2500 năm không bao giờ phải sửa chữa, thay đổi cho hợp thời thế. Các giáo hội Phật Giáo trên toàn thế giới cũng chẳng bao giờ phải tạ lỗi với nhân loại về những tội ác hoặc những sai lầm gây tạo trong quá khứ.

Thưa các bạn,

Vậy thì yếu tố đầu tiên tôi đến với Đạo Phật là vì thấy “Ông Phật” là con người thành thật. Giáo lý của Ngài là giáo lý chân thật. Ý nghĩ của Ngài là ý nghĩ thành thật. Theo tôi, Chân Thật (honesty) là tiêu chuẩn đạo đức cao nhất. Thiếu thành thật, xa rời sự thật, phản lại sự thật, che giấu sự thật thì mọi giá trị đều sụp đổ kể cả những gì gọi là linh thiêng, thánh thiện.

Với lời phi lộ như thế tôi xin mời quý bạn tiến vào ngôi nhà Phật Giáo. Dĩ nhiên khi tiến sâu vào Đạo Phật các bạn sẽ thấy Chân Thật không phải là đức tính duy nhất của Đức Phật, mà Ngài còn có bao nhiêu đức tính tốt đẹp khác (Minh Hạnh Túc) mà thế gian này không một ai có thể đạt được. Trong một rừng giáo lý của Đức Phật, tôi phải lựa chọn cái gì để tâm tình với các bạn đây?

Noi gương các bậc thiện tri thức và thánh tăng chẳng hạn như Ngài Narada và Đức Đạt Lai Lạt Ma, thường nói chuyện với các bạn trẻ về Bát Chánh Đạo, tôi cũng dùng Bát Chánh Đạo để thưa chuyện với các bạn. Tiêu chuẩn của tôi là: Nếu Bát Chánh Đạo làm cản trở, hoặc chướng ngại hoặc không giúp

ích gì cho các bạn trên con đường học hành, tiến thân, tạo lập sự nghiệp và hạnh phúc gia đình... thì xin các bạn đừng nghe và đừng tin theo Đạo Phật. Tôi sẽ dùng ngay xã hội Hoa Kỳ là nơi mà hầu hết các bạn trẻ trên thế giới ngưỡng mộ, mong muốn và thêm khát (ngoại trừ các bạn trẻ ở Bắc Âu) để ứng dụng Bát Chánh Đạo chứ không phải chỉ gò bó các bạn trong khuôn khổ của các quốc gia chậm tiến, nghèo khổ để quảng cáo về Bát Chánh Đạo. Vậy Bát Chánh Đạo là gì ?

Bát Chánh Đạo là tám con đường tốt lành, chân chính, đúng đắn nhất để con người sống hạnh phúc và cao thượng. Bát Chánh Đạo gồm có: Chánh Mệnh, Chánh Nghiệp, Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định.

1. Chánh Mệnh: Chánh Mệnh là yếu mền mạng sống của mình, yếu mền cuộc sống của mình. Do đó tự tử, hủy hoại thân thể, ép xác, để thân hình bệnh tật, yếu đuối, đầu óc thiếu minh mẫn không phải là Chánh Mệnh. Nhưng yếu mền cuộc sống không có nghĩa là bồi đắp quá đáng cho thân mình như ăn mặc diêm dúa, quần áo đắt tiền, trưng diện kim cương, ngọc thạch, vàng bạc, ăn nhậu, chè chén, chơi bời trác táng để thỏa mãn xác thân. Những thứ đó không phải là Chánh Mệnh. Các bạn có biết rằng nước Mỹ là một nước ăn mặc giản dị nhất thế giới không? Các bạn có biết rằng hầu như cả nước Mỹ, dù già dù trẻ, mỗi ngày đều tới phòng tập thể dục khoảng tiếng đồng hồ, hoặc chạy bộ ngoài công viên, hoặc đạp xe... để giữ gìn sức khỏe không ? Các bạn có biết rằng kỹ nghệ giúp người ta Diet (kiêng khem) ăn uống bột đường, bột mỡ để tránh bệnh cao huyết áp là kỹ nghệ hái ra tiền không ? Ngày nay, do ảnh hưởng của Đạo Phật, Hoa Kỳ và Tây Phương đang tiến dần đến chế độ ăn chay để bảo vệ sức khỏe và cũng là để tránh giết hại thú vật. Như vậy Chánh Mệnh có gì làm cản trở cuộc sống tươi đẹp của bạn ? Hay chính nó lại giúp cho cuộc đời của bạn tươi đẹp hơn ?

2. Chánh Nghiệp : Chánh Nghiệp là chọn lựa một nghề nghiệp chính đáng để sinh sống. Tại thế giới Tây Phương, ngoại trừ những nghề như trộm cướp, mại dâm, buôn người, làm bạc giả... thì không có nghề gì gọi là xấu. Cảnh sát lo an ninh trật tự cho xã hội, giám thị trại giam thi hành luật pháp để giam giữ phạm nhân... đều là những nghề cao quý. Những công ty cung cấp thịt cá, các lò sát sinh cũng không phải là nghiệp xấu vì họ cung cấp thực phẩm cần thiết cho dân chúng chứ bản thân họ cũng không

muốn giết hại thú vật. Nhưng mới đây Đức Đạt Lai Lạt Ma đã phản đối kỹ nghệ nuôi gà quá tàn ác tại Hoa Kỳ, vì cách nuôi phản lại thiên nhiên và hành hạ thú vật quá mức. Tuy nhiên ý nghĩa của Chánh Nghiệp còn đi xa hơn nữa. Chánh Nghiệp còn có nghĩa là chúng ta phải hành xử nghề nghiệp của chúng ta một cách lương hảo, không lường gạt, gian trá, luôn luôn phải lấy chữ Tín làm đầu. Tại Hoa Kỳ, bất cứ ai làm một nghề gì cũng phải tuân thủ quy tắc đạo đức gọi là Code of Ethics, từ phóng viên báo chí đến tòa án, luật sư, bác sĩ, ngân hàng, người sửa xe, bán hàng siêu thị... nếu vi phạm vào lương năng chức nghiệp, lập tức bị công luận lên án và đưa ra tòa xét xử. Như vậy phải chăng Chánh Nghiệp chính là ngọn đuốc soi đường cho chúng ta chọn một nghề nghiệp chân chánh, rồi hành nghề trong tinh thần trọng pháp, vừa sinh sống vừa phục vụ nhân quần xã hội, trong tinh thần đạo đức. Xin bạn nhớ cho, con người không phải chỉ bị hủy diệt bởi chiến tranh, thiên tai, bệnh tật mà còn bị hủy diệt bởi sự thiếu chân chính mà con người dùng để đối xử với nhau.

3. Chánh Kiến : Chánh Kiến là nhìn sự vật một cách ngay thẳng và không thiên lệch. Từ ngàn xưa đến giờ, sự ghét bỏ, sự kỳ thị, sự ngăn cách và thù hận đều gây ra bởi cái nhìn thiên lệch. Chính các yếu tố như chủ nghĩa, tôn giáo, màu da, chủng tộc, đẳng phái, quyền lợi và kể cả tình yêu... đã làm người ta không còn nhìn sự vật một cách khách quan nữa. Khi đã có cái nhìn thiên lệch thì hành động thiên lệch. Hành động thiên lệch đưa đến bất công. Từ bất công đưa đến chia rẽ, thù hận. Nếu bạn là thanh niên sinh viên tại các nước Á Châu và mong mỗi du học hoặc sinh sống ở Hoa Kỳ hoặc các quốc gia Âu Châu, xin bạn ngay từ bây giờ hãy tự trang bị cho mình quan điểm Chánh Kiến. Nếu không, bạn sẽ cảm thấy lạc lõng hoặc lạ kỳ trong một xã hội mà những nhận xét thiếu vô tư, thiên lệch, định kiến... hầu như đang bị loại trừ và không còn chỗ đứng. Vì muốn tạo bình an cho nhân loại, muốn chân lý được thể hiện mà Đức Phật luôn luôn giáo hóa hàng đệ tử là phải luôn luôn quán xét sự vật một cách thận trọng, quán xét một cách công minh và xa hơn nữa quán xét với tâm Từ Bi (Từ Bi Quán) để không gây khổ lụy cho người và giữ gìn phẩm hạnh đạo đức của chính mình. Quan điểm đúng đắn - tức Chánh Kiến - về mọi vấn đề của xã hội luôn luôn được trân trọng và mọi người lắng nghe.

4. Chánh Tư Duy : Chánh Tư Duy là suy nghĩ một cách chân chính. Thế nào là suy nghĩ chân chính ? Không suy nghĩ về những điều ác, không suy nghĩ về những gì tổn hại cho mình và cho người. Không

suy nghĩ về những gì làm tổn hại đến hạnh phúc của người khác. Không suy nghĩ về những gì gian trá, thiếu lương thiện, thiếu thành thật, thiếu bao dung, thiếu Từ Bi, thiếu nhân đạo... như thế gọi là Chánh Tư Duy. Để có Chánh Tư Duy chắc chắn là phải có Chánh Kiến bởi vì nếu đã có Tà Kiến thì chắc chắn sẽ dễ ra suy nghĩ thiếu chân chính. Tuy nhiên Phật Giáo không dừng ở chỗ đó. Chánh Tư Duy còn nhìn vào bản thể sự thật của vũ trụ và nhân sinh. Sự suy nghĩ cho rằng tất cả những gì đang xảy ra trước mắt đây đều do sự an bài của Đấng Thần Linh (God), suy nghĩ cho rằng Thần Linh có thể rửa sạch những tội ác kinh khiếp và biến nó thành phước, suy nghĩ cho rằng không có Quả Báo gì hết, làm ác vẫn được sung sướng... những suy nghĩ như thế đều không phải là suy nghĩ chân chính. Vậy thì dưới góc cạnh khoa học, Chánh Tư Duy chính là sự suy nghĩ cẩn trọng, thấu đáo về mọi sự kiện xảy ra chung quanh mình trong tinh thần khách quan, vô tư không ngoài mục đích mở mang trí tuệ và đem lại lợi ích cho mình và cho người. Chánh Tư Duy chính là khởi đầu của phương pháp khoa học.

5. Chánh Ngữ : Qua ngôn ngữ, qua cách ăn nói chúng ta có thể nhìn thấy tình cảm, phẩm hạnh và trí tuệ một người. Chánh Ngữ có nghĩa là :

- Nói lời ngay thẳng mà không nói lời gian dối.
- Nói lời êm ái mà không nói lời hung bạo.
- Nói lời chân thật mà không nói lời lừa mị.
- Nói lời đạo đức mà không nói lời gian tà.
- Nói lời giải oan mà không nói lời kết tội.
- Nói lời dịu êm mà không nói lời xỉ vả.
- Nói lời nâng đỡ mà không nói lời ghét bỏ.
- Nói lời tin tưởng mà không nói lời bi ai.
- Nói lời kết đoàn mà không nói lời chia rẽ.
- Nói lời thứ tha mà không nói lời trối buộc.
- Nói lời chở che mà không nói lời hắt hủi.
- Nói lời từ bi mà không nói lời cay nghiệt.
- Nói lời khiêm tốn mà không nói lời khoa trương.

Các bạn có biết không, tại Hoa Kỳ, nhiều dân biểu, thượng nghị sĩ, bộ trưởng, phóng viên, nhà báo sự nghiệp lẫy lừng, cũng chỉ vì một lời nói sơ xuất mà sự nghiệp tiêu tan. Vậy thì hành trang Chánh Ngữ sẽ giúp các bạn trở nên một người có phẩm hạnh, được mọi người quý trọng, thương mến và dĩ nhiên giữ an vui cho cuộc sống của chính mình. Đó cũng là chìa khóa của sự thành công lớn và bền vững. Cứ tưởng tượng trong một tập thể, một gia đình, một xã hội mà toàn là những lời gian dối, toàn là những lời hung bạo, những lời chửi rủa thì xã hội, tập thể và gia

đỉnh đó như thế nào ? Chánh Ngữ cũng là hình ảnh của một Cung Trời an vui và thánh thiện đó bạn ạ.

6. Chánh Tinh Tấn : Chánh Tinh Tấn là cố gắng, nỗ lực không ngừng để đạt mục tiêu tốt lành mà mình đã đề ra. Ngày nay thế giới đang ở vào cuộc chạy đua khốc liệt. Quốc gia này chạy đua với quốc gia khác. Tổ chức này chạy đua với tổ chức khác. Tôn giáo này cạnh tranh với tôn giáo khác. Công ty này cạnh tranh với công ty khác. Cá nhân này ganh đua với cá nhân khác trong nghề nghiệp sinh sống nếu không muốn bị đào thải. Sinh viên ra trường phải cạnh tranh với bạn mình để tìm việc. Tìm được việc làm rồi mỗi năm lại phải trau dồi thêm kiến thức nếu không muốn bị lạc hậu và có khi mất việc. Thế hệ trẻ chịu rất nhiều áp lực xã hội mà thế hệ cha anh không có. Chính vì thế mà sự căng thẳng (tress), và thúc ép (pressure) của cuộc sống gia tăng. Thế nhưng theo lời Phật dạy, các bạn trẻ phải nỗ lực vươn lên, nhưng trong tinh thần trọng pháp và ngay thẳng. Còn trong thể thao, hoặc các môn chơi, Chánh Tinh Tấn có nghĩa là ganh đua trong “tinh thần thượng võ”. Còn đối với các bậc tu hành, Chánh Tinh Tấn có nghĩa là trên con đường tiến tu để đạt Thánh quả, không sợ ngăn ngại hay thối chuyển vì các chướng duyên, vì hoàn cảnh éo le, vì cám dỗ, vì mệt mỏi, vì dao động và hồ nghi. Còn các bạn trẻ, với đời sống của một Phật tử bình thường, Chánh Tinh Tấn còn có nghĩa là luôn luôn học hỏi thêm để mở mang trí tuệ, không thối chí ngã lòng khi gặp thất bại, không bỏ cuộc nếu mục tiêu theo đuổi là tốt đẹp. Chánh Tinh Tấn khiến bạn sống vui và tin tưởng.

7. Chánh Niệm: Chánh Niệm có nghĩa là nhớ nghĩ tới những gì chân chính và tốt lành. Cuộc sống của chúng ta đây có quá nhiều phiền phức và khổ đau. Hầu như ai ai cũng từng trải qua những mất mát, tình yêu gây đổ, thất bại, bất ứng, nhọc nhằn trong quá khứ. Những điều đó hằn sâu vào tiềm thức (A Lại Da) (3) của chúng ta và có thể kéo lê nhiều kiếp. Ký ức giúp chúng ta nhưng cũng làm khổ chúng ta. Trong cuộc sống, dù chúng ta đang ở vào thì hiện tại nhưng lại bị tác động bởi gánh nặng của quá khứ. Quá khứ do những người đi trước để lại và do chính chúng ta tạo tác. Do đó, để sống an bình và hạnh phúc, chúng ta phải biết chọn lọc tức biết quên và biết nhớ những gì. Trên tinh thần đó, Chánh Niệm nghĩa là:

- Hãy nhớ nghĩ đến những gì tốt đẹp.
- Hãy nhớ nghĩ tới những gì lợi lạc cho đời.
- Hãy nhớ nghĩ tới những gì là tương lai tươi sáng.

- Hãy nhớ nghĩ đến những người đã gia ân cho mình
- Hãy nhớ nghĩ đến những người đã từng giúp đỡ mình.
- Hãy nhớ nghĩ tới những lỗi lầm trong quá khứ để không tái phạm.
- Nhưng hãy quên đi thù hận
- Hãy quên đi những oán hờn, vay trả trong quá khứ.

Chánh Niệm theo cái nhìn của các tâm lý gia, trên một góc độ nào đó gọi là “giải tỏa những ẩn ức” nhưng trong Phật Giáo còn có ý nghĩ hướng thượng và tạo bình an trong tâm tưởng để hướng về tương lai.

8. Chánh Định: Theo Phật Học Phổ Thông do Hòa Thượng Thích Thiện Hoa biên soạn thì Chánh Định là tập trung tư tưởng vào một vấn đề chính đáng, đúng với chân lý, có lợi ích cho mình và cho người. Chánh Định gồm những phép Quán như: Quán Thân Bất Tịnh, Quán Từ Bi, Quán Nhân Duyên, Quán Giới Phân Biệt (sự giả hợp của sáu căn) và Quán Số Tức (hơi thở). Theo tôi, Chánh Định như vậy khó quá chỉ dành cho các bậc xuất gia hoặc cư sĩ tại gia. Còn đối với các bạn trẻ, Chánh Định là hành Thiền để cho đầu óc thanh thản. Hiện nay trên toàn nước Mỹ và Canada có khoảng trên 1000 Thiền đường (Meditation Center) là nơi giải thoát tâm linh, là nơi thật sự “cứu rỗi” (theo danh từ của Ky Tô Giáo) và “cứu khổ” (theo danh từ của Phật Giáo) cho hàng triệu người Mỹ Da Trắng đã từng khẩn thiết cầu nguyện Thần Linh (God) nhưng không đem lại kết quả. Một số tài tử điện ảnh, danh ca nổi tiếng Hoa Kỳ, khi đi đâu xa họ, đều mang theo một tượng Phật nhỏ, để rồi sau những buổi trình diễn căng thẳng và mệt nhọc, trở về phòng nghỉ, họ đặt tượng Phật lên và bắt đầu ngồi Thiền. Nhờ hành Thiền mà họ được an tĩnh tâm hồn, tìm lại sự thanh thản từ đó lạc quan, yêu đời, tránh được căn bệnh buồn chán, nhàm chán... để đi đến mất ngủ rồi uống thuốc an thần, hút xì-ke ma túy, nghiện rượu như một thói quen của các nghệ sĩ trình diễn, tài tử ci-nê. Dĩ nhiên hành Thiền không phải dễ. Muốn làm được điều này, các bạn nên học qua một khóa tu Thiền nơi các vị thiền sư.

Xuyên qua Bát Chánh Đạo, các bạn đã thấy phần nào cốt lõi của Đạo Phật, đã thấy ngôi nhà Phật Giáo lung linh đầy màu sắc giống như Lưới Đế Châu của Trời Đế Thích, và các bạn có thể dùng Bát Chánh Đạo làm hành trang để vào đời: Một cuộc đời an vui, đầy ý nghĩa và có thể nói là cao thượng vì Đức Phật suốt đời chỉ giảng dạy việc giúp đỡ người khác và không làm tổn hại đến người khác. Để kết luận cho bài này, tôi xin trích dẫn ở đây một số lời

giảng của một vài vị cao tăng dành cho các bạn trẻ trên thế giới, như một hành trang phụ thêm cho các bạn.

Trong cuốn sách Phật Pháp Cho Sinh Viên (4) viết bằng Thái Ngữ, Rod Bucknell dịch ra Anh Ngữ và Thiện Nhứt chuyển qua Việt Ngữ, Đại Sư Buddhadasa Bhikkhu nơi trang 23 đã giảng dạy như sau “Đức Phật dạy rằng các pháp hữu vi, tức là mọi sự vật và mọi chúng sanh trên thế gian đều vô thường vì chúng luôn luôn trôi chảy, biến đổi, hoại diệt. Chúng ta phải luôn luôn tỉnh thức. Hãy thận trọng ghi nhớ lời dạy này. Mọi sự vật trên thế gian đều luôn luôn trôi chảy, biến đổi, hoại diệt tức là vô thường. Đừng đùa với chúng. Chúng sẽ cấu xé bạn, sẽ tát vào mặt bạn, sẽ cột trói và giữ chặt bạn. Rồi bạn sẽ ngồi bệt xuống đất mà khóc than, và biết đâu lại muốn tự tử nữa!” (trang 23)

Còn Đại Sư Thanh Vân (Hsing Yun) Đài Loan, trong cuốn sách nhỏ nhan đề Looking Ahead: A Guide for Young Buddhists đã viết như sau, tôi xin dịch ra Việt Ngữ “Phật Giáo giống như một ngọn núi cao. Khi trèo lên chúng ta sẽ thấy tất cả mọi hiện tượng. Phật Giáo lại giống như một đại dương. Nếu chúng ta thấu hiểu, trí tuệ của chúng ta sẽ rộng lớn và không ngăn mé. Mỗi người trong chúng ta đều có thể làm cho mình trở nên thanh sạch và vững mạnh qua những lời chỉ dẫn và giáo pháp, nói một cách tổng quát, giúp và giải phóng muôn loài bằng cách đem lại lợi lạc và hạnh phúc cho tha nhân, và chính chúng ta tự thăng hoa qua thiền định và trí tuệ.” (Trang 40) (5)

Còn Giáo Sư Rhys Davids (6) sau khi nghiên cứu Phật Giáo, đã kết luận mạnh mẽ như sau trong cuốn Phật Giáo Là Gì của Đại Sư Narada Maha Thera do Phạm Kim Khánh dịch ra Việt Ngữ, “Dầu là Phật tử hay không phải Phật tử, tôi nghiên cứu từng hệ thống tôn giáo lớn trên thế giới, và trong tất cả, tôi không tìm thấy trong tôn giáo nào có cái gì cao đẹp và toàn vẹn hơn Bát Chánh Đạo của Đức Phật. Tôi chỉ còn có một việc làm là thu xếp nếp sống cho phù hợp với con đường ấy” (trang 23)○

Đào Văn Bình

Chú thích:

(1) Hòa Thượng Thích Đức Nhuận - Nguyên Chánh Thư Ký Viện Tăng Thống Giáo Hội PVNTN, sinh năm 1924, viên tịch năm 2002.

(2) Đại Sư Narada Maha Thera sinh năm 1898 tại Tích Lan, viên tịch năm 1983, tốt nghiệp St. Benedict's College & Ceylon University College.

Thập niên 1960 Ngài thường thăm viếng Miền Nam Việt Nam để thuyết pháp và biếu tặng một cây Bồ Đề trồng ở Thích Ca Phật Đài, Vũng Tàu.

(3) Tiềm Thức hay Tạng Thức, thức thứ tám hay Nghiệp Thức.

(4) Đại Sư Buddhadasa Bhikkhu (Phật Lệ) xuất gia năm 1923 sau đó thành lập Thiền Viện Giải Thoát tại Thành Phố Pum Riang, Thái Lan. Ngài chú tâm hành Thiền Minh Sát và trở nên một biến cố quan trọng của lịch sử Phật Giáo Thái Lan. Ngài thị tịch năm 1993.

(5) Đại Sư Hsing Yun sinh năm 1927 tại Giang Tô (Trung Hoa) thọ giới tỳ kheo năm 1941 sau những năm tu hành gian khổ. Năm 1949 ngài qua Đài Loan và làm sống lại Phật Giáo Đại Thừa Trung Hoa. Ngài vân du khắp thế giới để thuyết giảng và tích cực tham gia vào các cuộc đối thoại về tôn giáo. Mười sáu trường cao đẳng Phật học trong đó có University of the West in Rosemead, California nằm dưới sự giám sát của Phổ Quang Sơn (Fo Guang Shan) là một tu viện và cơ sở Phật Giáo do ngài sáng lập.

(6) Giáo Sư Thomas William Rhys Davids sinh năm 1843 mất năm 1922 là một học giả người Anh về tiếng Pali và là sáng lập viên của Pali Text Society. Ông là con cả của một mục sư cai quản giáo đoàn Welch (Anh Quốc) được mọi người thương mến coi đó như Giám Mục của Essex (Bishop of Essex).

**... 1975 là năm khởi đầu cho bi kịch
và tuyệt lộ của con người Việt tự do
nói chung và Phật giáo đồ nói riêng.
Từng bước một, khi bạo hành,
khủng bố, khi thoa vuốt âm mưu,
nhà cầm quyền Cộng sản đã thất
bại trong mưu đồ tiêu diệt Giáo Hội
Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.
Ấy là do Pháp lý của Giáo Hội Phật
Giáo Việt Nam Thống Nhất chưa
mất, chưa mất nhờ ý chí bảo vệ của
Tăng tín đồ trong và ngoài nước
suốt 36 năm qua....**

(Thông Điệp Xuân Tân Mão 2011 – Viện Hóa Đạo)

về tôn giáo này

Hòa thượng Sri Dhammananda - Tỳ khưu Pháp Tâm dịch

o o o

Lời Mở Đầu

Mỗi người cần phải có một Tôn giáo và tôn giáo đó phải là một Tôn giáo không đầu độc người theo trong sự mê tín dị đoan, phải minh bạch và hợp với lý trí. Người nào không có tôn giáo, người đó sẽ trở nên nguy hiểm với xã hội. Hiện nay các nhà khoa học và các nhà tâm lý học đã lan tràn khắp chân trời của chúng ta. Nhưng họ chẳng đem đến cho ta mục đích thiết thực trong đời sống, duy chỉ có tôn giáo mới làm được việc này. Do đó, con người cần nên chọn một tôn giáo hợp với luân lý, đạo đức và khoa học do đức tin của chính mình. Không ai có quyền áp buộc người khác tuân theo tôn giáo của họ. Và đừng để cho ai lợi dụng sự nghèo hèn, sự thất bại hoặc tình cảm của mình để cho họ bắt chẹt mình phải tuân theo Tôn giáo của họ.

Đã là con người, chúng ta nên tự do chọn một tôn giáo hiệp theo sở thích, khả năng và lý trí của chúng ta. Nếu theo tôn giáo một cách mù quáng, không cần đến sự tìm hiểu thì sẽ làm mất đi giá trị tinh thần của chính mình và tôn giáo đó.

Loài người khác hẳn loài thú là nhờ có lý trí và tri giác để phân biệt giữa sự đúng và sai, điều phải lẽ trái, việc thiện hoặc ác. Con người có thể tùy cơ ứng biến trong mọi trường hợp. Vì vậy, con người nên nghiên cứu, tìm hiểu hầu chọn tôn giáo nào hợp theo chân lý, không có giáo điều nào huyền bí thần thoại.

Con Đường Trung Đạo

Tôn Giáo, tôi sẽ đề cập trong bài luận này, nó có một hệ thống giáo dục hợp với khoa học, đã được khai sáng ra cách đây trên 25 thế kỷ do một vị Thầy hoàn toàn giác ngộ và đầy đủ lòng từ bi bác ái.

Tôn giáo này còn được hiểu như là:

"Con đường trung đạo, chánh đạo, một hệ thống triết học và là một tôn giáo tự do và chân lý". Nó dạy cho chúng ta làm ba điều chánh gọi là: tránh xa tội lỗi, làm việc lành và làm cho tâm trong sạch do sự bài trừ tất cả thể trạng bợn nhơ".

Tôn giáo này đóng một vai trò quan trọng về sự hướng dẫn con người làm thế nào hợp theo luân lý và đạo đức. Một ngày nọ, vị thượng sư đã nói rằng:

"Những lời nào mà tôi đã nói ra không nên vội tin mà cũng không nên vội bỏ, hãy suy xét rồi hãy thực hành".

Tôn giáo này khuyến khích con người nên nghiên cứu tìm hiểu giáo lý của nó một cách đầy đủ, và còn để họ tự do xem xét đăng quyết định, chấp thuận những giáo lý ấy hay không.

Tôn giáo này không van nài cầu khẩn hoặc đem vật chất lo lót cho ai để theo nó, ngoài sự hiểu biết về giáo lý của nó.

Những nghi thức, những phong tục rườm rà không làm cho tôn giáo ấy có ý nghĩa và giá trị thực sự. Không có sự mê tín dị đoan không có sự thực hành huyền hoặc và không có giáo lý huyền bí ở trong tôn giáo này. Mọi điều đều được sáng tỏ đối với sự lựa chọn của những người theo, họ tự do tìm hiểu, nghiên cứu những giáo lý và học hỏi những câu hỏi bất cứ khi nào họ muốn làm cho sáng tỏ những nỗi nghi ngờ thắc mắc trong lòng họ. Nhờ vị sáng lập ra tôn giáo vĩ đại này. Ngài chấp thuận nó là một tôn giáo cao quý nhất đáng cho mọi người đặt niềm tin vào. Vì vậy con người không nên tin tưởng điều gì một cách vội vàng, hoặc xem nó như đã có từ trước do đáng trọng phụ Ngài đã thuyết, mà nên dùng đến lý trí và sự tri giác của mình.

Tôn giáo này dạy rằng: con đường bát chánh đạo cao quý gồm có:

- 1/ Chánh kiến (hiểu thấy đúng đắn),
- 2/ Chánh tư duy (suy nghĩ chính chắn),
- 3/ Chánh ngữ (lời nói chân thật),
- 4/ Chánh nghiệp (nghề nghiệp chân chánh),
- 5/ Chánh mạng (nuôi mạng sống chơn chánh),
- 6/ Chánh tinh tấn (siêng năng chuyên cần làm việc phước thiện hiệp theo lẽ đạo),
- 7/ Chánh niệm (ghi nhớ những điều chơn chánh),
- 8/ Chánh định (gom tập không cho chạy theo ảo tưởng).

Nó như là một con đường trung đạo hiệp nhất, chỉ có con đường bát chánh đạo này mới đưa chúng sanh đang bị chìm đắm, trầm luân thoát khỏi sự đau khổ cõi đời được.

Con đường trung đạo này chẳng phải là con đường huyền hoặc, chẳng phải là con đường thuộc về nghi thức, chẳng phải chủ thuyết độc đáo hoặc hoài nghi, chẳng phải chủ thuyết bi quan hoặc yếm thế, chẳng phải chủ thuyết tuyệt đối hoặc lạc quan, nó là con đường về sự giác ngộ, một phương tiện để thoát khỏi sự thống khổ. Tôn giáo này không bao giờ dạy rằng: loài người đang chịu sự khổ não trong thế gian này ngày nay vì do những tội lỗi của tổ tiên truyền lại, mà trái lại mỗi người đều mang theo cái phước hoặc tội tùy thuộc riêng mỗi cá nhân họ đã tạo. Chính họ chịu sự đau khổ hoặc chính họ hưởng được sự an vui.

Người nào theo con đường trung đạo đã được đưa ra do tôn giáo này chắc chắn sẽ tìm thấy chân hạnh phúc và sự thanh bình thật sự.

Gieo Nhân Nào Gặt Quả Nấy

Tôn giáo này làm cho ý nguyện sâu xa và cao thượng của con người được toại nguyện và còn có thể đem lại một động cơ và khuynh hướng tốt trong đời sống hằng ngày của con người, giúp họ giao thiệp với bạn bè, ngoài ra còn cho họ một lý tưởng trong đời sống. Nó không đầu độc những sợ sệt lo âu vào trong con người. "Làm thiện sinh ra thiện và làm ác sinh ra ác".

"Mọi hành động đều có sự phản ứng của nó" đây là luật định thông thường. Tôn giáo này hoàn toàn đồng ý với những định luật đó. Vì vậy con người gieo gì thì phải gặt cái đó. Những hành động xấu xa tội lỗi do người nào đã phạm, tùy theo sự tham lam, sân hận và si mê. Những sự yếu kém như thế chỉ có thể bị đánh bại do sự tự kiềm chế của mình. Sung sướng và đau khổ, con người đã từng trải trong cõi đời này không phải tùy thuộc uy quyền bên ngoài

mà tùy vào những hành động, lời nói và việc làm thiện hay ác của họ. Họ đã phạm chẳng phải trong kiếp này hoặc một trong những kiếp quá khứ, mà họ đã tạo ra rất nhiều. Vì chính nguyên nhân đó, tôn giáo này dạy rằng: "Hiện tại chúng ta là kết quả của những gì mà chúng ta đã tạo và chúng ta sẽ gặt quả của những gì mà chúng ta đang làm". Do lời dạy này, nhân và quả đóng một vai trò quan trọng trong đời sống hằng ngày. Trong cái vòng tròn nhân và quả, không thể tưởng tượng được nhân là đầu tiên vì nhân hằng trở nên quả và quả trái lại trở nên nhân.

Đấng Thượng Sư

Vị sáng lập ra tôn giáo duy nhất này không phải là một vị thần tiên, nhưng là một vị Thầy cao cả đã thực sự sống trong thế gian này. Ngài không bao giờ giới thiệu hoặc tự cho Ngài là một siêu nhân, nhưng là một con người đã giác ngộ chân lý, sự bí mật của cuộc đời và nguyên nhân thực sự của sự đau khổ và hạnh phúc. Ngày nay vị Thầy cao cả này không phải chỉ được ca tụng do hằng trăm triệu tín đồ của Ngài mà còn do những nhà trí thức học giả khắp thế giới đều ca tụng Ngài. Con người cao quý này còn gọi là vị giải phóng, nhà cách mạng xã hội, nhà dân chủ, nhà mô phạm, nhà đại từ đại bi đã sống một cuộc đời cao thượng này, nhưng hiện nay Ngài không còn nữa, Ngài đã ra đi đến một nơi vô sanh bất diệt, hưởng thọ được 80 tuổi, để lại hậu thế một kho tàng pháp bảo là những lời vàng ngọc của Ngài cho quần sanh hầu thực hành theo những gì mà Ngài đã vạch sẵn, để hưởng hạnh phúc trong cõi đời này và sẽ đến nơi vô sanh bất diệt là nơi thanh bình hạnh phúc và trường tồn vĩnh cửu.

Đấng Thượng sư, Ngài đã khuyên giải và an ủi đến những gia đình có người chết, Ngài đã giúp đỡ cho những người nghèo khổ đã bị đời sống bạc đãi bỏ quên, Ngài làm cho đời sống của những kẻ gian ngoa xảo trá trở nên cao quý và đời sống của những kẻ đê hèn, tội lỗi trở nên hiền lương chất phát. Ngài khuyến khích những kẻ nhu nhược nên đoàn kết, làm sáng tỏ si mê, gạt bỏ những mê tín dị đoan, hướng dẫn ra khỏi sự tối tăm, bước lên nấc thang và làm cho trở nên bậc cao quý. Tất cả các vị giàu sang, nghèo khổ, thánh nhân hoặc phàm nhân đều quý mến Ngài.

Những đấng minh quân hay bạo chúa, các vị Hoàng Tử, Tướng Tá có tiếng tốt hay gian ác, những nhà bá hộ giàu lòng bác ái hay bòn xén keo kiệt, các bậc hiền triết hoặc tự tôn tự đại, những kẻ khốn cùng, những người ăn mày, những người lao động, những kẻ sát nhân ác đức, những cô gái mãi dâm bị người

đời khinh rẻ, tất cả đều được lợi ích và quay đầu hướng thiện khi nghe những lời dạy bảo cao siêu và đầy từ ái của Ngài. Gương cao quý của Ngài là nguồn từ bi bác ái đối với tất cả quần sanh.

Sắc mặt, hình dung Ngài trầm tĩnh ung dung tự tại làm cho bất cứ những ai nhìn thấy Ngài đều tôn kính ngay. Những lời an lành và đầy khoan dung của Ngài đã được mọi người lãnh hội với niềm vui khó tả, là một ân huệ duy nhất đối với những ai đã có cơ hội nghe thấy và thực hành theo lời lẽ đó.

Ngài có ý chí cương quyết, trí tuệ thâm trầm, tình thương đại đồng, từ bi vô biên, không vị kỷ. Ngài đã từ bỏ cuộc sống vinh hiển đầy đủ uy quyền trong thế gian, để sống một đời hoàn toàn trong sạch không mê chấp. Những đức tính cao cả đó đã làm giáo lý của Ngài được truyền tụng cho đến hết nguyên lực cuối cùng của Ngài.

Tất cả những yếu tố đó đã làm cho một phần năm quần chúng trên thế giới ngày nay kính trọng và xem Ngài như là vị giáo chủ tối cao của họ.

Đức thầy cao cả này đã hy sinh mọi dục thú ở đời để quan tâm đến chúng sinh đang đau khổ, do đó mà Ngài đã giác ngộ được chân lý, và Ngài chỉ dạy con đường cho chúng sinh thoát khỏi sự thống khổ. Ngài hằng hái đi thăm những kẻ nghèo khổ tật nguyền, trong khi đó các vị vua chúa và các quan tướng lại đến thăm Ngài.

Trong 45 năm sau khi Ngài giác ngộ, Ngài đã hiến trọn đời Ngài, vì sự quan tâm và thương xót đến quần sanh đang đau khổ mà Ngài chỉ nghỉ ngơi hai giờ trong một ngày.

Đấng Thượng sư này chẳng sợ ai và cũng không đầu độc những nỗi sợ sệt lo âu vào người nào. Đó là một trong những điểm chính đáng được gieo rải khắp trong thế giới chiến tranh liên tiếp của chúng ta, vật quý báu nhất chính là kiếp sống con người, thế mà đã bị cưỡng bách và làm tiêu mọi cho năng lực nhục dục và đã được trang bị bằng những khí giới sợ sệt hoài nghi và oán hận.

Ngài là một khoa học gia hoàn toàn trong lĩnh vực đời sống, đến nỗi những lời dạy của Ngài đã được rất nhiều người ca tụng như là một Tôn giáo khoa học độc nhất. Ngài xem xét con người một cách kỹ lưỡng về tên và hình thể và biết rằng con người đó có khả năng có thể đạt đến chân lý. Ngài rơi vào tia ánh sáng giác ngộ đánh tan đi màn vô minh (sự tối mê ngu dốt) che lấp. Đối với đạo đức Ngài có một hệ thống kỷ luật cao nhất. Và Ngài là một nhân vật điển hình hoàn toàn về tất cả những đạo đức do Ngài

đã giảng dạy, đời Ngài không còn một vết nhơ nào nữa.

Ngài không còn e dè trong vấn đề thuyết phục tất cả thủ lãnh các tôn giáo khác để tin theo, tuy vậy Ngài không bao giờ cưỡng bách, bắt buộc, họ như là những phương tiện để lợi dụng.

Ngài là một vị giúp việc hiền hoà đối với quần sinh, không quản ngại hoặc chú trọng đến sự khen chê, trách móc, chính Ngài không than van khi Ngài gặp sự đau đớn khốc liệt nhất.

Thanh Bình Hạnh Phúc Và Tịch Tĩnh

Đấng Thượng sư đã chỉ con đường đi đến nơi thanh bình hạnh phúc và tịch tịnh cho mọi quần sinh. Con đường trong giáo lý của Ngài thì hợp tự do, luân lý, đạo đức, khoa học và có thể làm cho thấy rõ hướng đi đến nơi giác ngộ.

Ngày nay, kim ngôn của đấng minh sư về sự thanh bình thì rất quan trọng hơn trước. Khi con người đã bị say đắm trong sự sân hận, tham lam, ganh tỵ và ngã mạn.

Vị Thầy này được sanh trong thế gian này đã vệt tan đi cái màn vô minh đen tối của sự si mê ngu dốt và hướng dẫn chúng sinh ra khỏi sự đau khổ ở thế gian này. Khắp thế giới vẫn còn nhiều người chưa tin tưởng hoặc thực hành một nghi thức thuộc về tôn giáo. Tuy vậy, nếu họ chịu khó nghiên cứu và tìm hiểu những gì mà đấng thượng sư đã dạy, họ có thể làm sáng tỏ những nghi ngờ thắc mắc trong lòng họ một cách dễ dàng, và bất cứ khi nào họ đã tin tưởng đến tôn giáo, tôn giáo đó có thể đóng góp và làm họ được an vui hạnh phúc.

Dù người nào có tin tưởng Ngài hoặc không, tuy vậy giáo lý của Ngài vẫn có ảnh hưởng đối với tất cả mọi chủng tộc, Giáo pháp của Ngài được truyền bá trong thế gian này không dùng đến áp lực hoặc phải đổ một giọt máu nào, Giáo pháp đó làm sáng tỏ lối đi để cho loài người có thể vượt khỏi thế giới đau khổ phi lý này đến một thế giới mới đầy đủ ánh sáng, tình thương thanh bình và hạnh phúc. Giáo lý của Ngài trải qua 25 thế kỷ vẫn còn đủ sức đương đầu với bao nhiêu sự thử thách, không thay đổi hoặc đưa vào những luận thuyết mới lạ, chen lẫn trong giáo lý căn bản nguyên vẹn của Ngài. Giáo lý này không đi ngược lại với những chứng nghiệm hoặc phát minh của các nhà khoa học tân tiến thuộc thế hệ ngày nay. Mặc dầu đạo đức rất cần thiết đến sự đạt đến nơi cứu cánh tịch tịnh, nhưng chính nó vẫn chưa đủ, nó cần phải hiệp theo lý trí. Đạo đức và lý trí giống như đôi cánh chim, Lý trí còn được so sánh như cặp

mắt của con người, đạo đức ví như cặp chân. Đạo đức còn có thể sánh như chiếc xe chở con người đến ngõ giải thoát, nhưng chìa khoá hành động để mở ngõ là lý trí.

Chân Hạnh Phúc Thiên Đàng

Những người theo tôn giáo này không bao giờ xem họ như những người được ban ân huệ, mà họ có thể có cơ hội để đến thiên đàng. "Chính ta đã tạo ra địa ngục và cũng chính ta tạo ra thiên đàng tùy theo lối sống của chính ta". Theo đúng lời giáo huấn này, chúng tôi tin tưởng rằng: bất cứ ai cũng có thể hưởng hạnh phúc thiên đàng lâu dài tùy theo họ hướng dẫn cuộc đời của họ một cách chân chánh bất cứ điều gì mà họ tin tưởng họ đều dùng lý trí suy xét. Thiên đàng không để dành riêng cho một ai cũng không bị độc chiếm do một môn phái đặc biệt nào hoặc để dành cho người nào có đạo, nhưng nó là nơi để chung cho tất cả.

Cảm Phục Và Tri Kiến

Sự mến phục, hiểu thấy và kính trọng về những thể trạng của con người nào đều căn cứ luân lý cao quý, những điều đó đã được duy trì do những tín đồ của tôn giáo này. Sự quảng đại bao dung, từ bi thương xót đến những chúng sinh khác, thì không giới hạn chỉ dành riêng cho loài người mà còn lan tràn khắp tất cả mọi loài.

Lễ Sống

Tôn giáo này sáng tỏ và có ý nghĩa đến đối nó giải đáp tất cả mọi phương diện những câu hỏi thiết yếu và nó còn cung cấp một nền căn bản để giúp loài người hướng đến đời sống thiện mỹ hơn.

Tôn giáo này không phân loài người ra làm hai nhóm là: được cứu rỗi và bị đày đọa, nhưng nhờ sức mạnh văn minh tinh thần đã cải thiện đời sống dã man và trở nên thuần lương, chất phát.

Những tín đồ của tôn giáo này không có tin vào sự cầu khẩn hoặc van xin, họ chỉ tin vào sự quan trọng do chính hành động họ tạo và tin vào kết quả do sự suy nghĩ mà đưa họ đến sự chiến thắng, điều khiển, trong sạch chính họ, thoát khỏi tội lỗi và giác ngộ. Sự trầm tư mặc tưởng có ích lợi như viên thuốc bổ quý báu của tâm lẫn trí.

Con Người Có Thể Tự Tạo Đời Sống

Các tín đồ của tôn giáo này tin rằng: Trí là một sức mạnh hoàn toàn, nó vừa là người sáng tạo vừa là kẻ phá hoại con người và là kẻ kiến trúc cho số mạng của con người. Do đó, con người có khả năng gieo

trồng bất cứ điều gì nếu họ biết làm thế nào để xử dụng trí óc của họ.

Thực ra, Tôn giáo này đã là một cái nhà đầy đủ ánh sáng và được mọi người kính yêu vì sự dắt dẫn loài người đến nơi thanh bình, hạnh phúc và tuyệt đối.

Thế giới ngày nay đòi hỏi, phân tích cho rõ về nguồn gốc loài người, thuộc về kinh tế, quốc tế, Xã hội và những tư tưởng.

Để giải đáp những vấn đề phức tạp đó con người nên thực hiện lòng từ thiện, thông cảm tương thân tương ái lẫn nhau, và điều đó, có thể phát triển mạnh mẽ, nhờ sự hướng dẫn của tôn giáo này, làm cho tiềm năng sự kết hợp luân thường đạo lý trong trí để thực hiện lòng bác ái.

Đã là con người phải hiểu rằng: sự mở mang thuộc về tinh thần quan trọng hơn sự khuyếch trương về vật chất đối với sự hạnh phúc và an lạc của loài người. Họ còn phải thực hiện sự chân thật, công bằng bình đẳng, bác ái và từ bi, lúc đó chính họ sẽ trả lời những câu hỏi trên và thế gian này sẽ trở nên một chỗ thiện mỹ hơn.

Tôn Giáo Chân Chính

Không có đạo đức nào hơn sự rải tình thương khắp cả quần sinh. Không có hạnh phúc thanh cao nào hơn sự yên lặng tinh thần, không có sự chân thật nào rõ ràng hơn sự hiểu thấy chân tướng của vạn vật, không có tôn giáo nào cao quý hơn cả sự phát triển thuộc về lý trí hợp với chân lý và không có triết lý nào sâu xa hơn điều nào mà có thể đem lại về những kết quả có thể làm cho mọi người thấy một cách hữu hiệu.

Tôn Giáo Tự Do

Tôn giáo này không ngăn chặn hay cấm đoán người nào nghiên cứu, tìm hiểu giáo lý của các tôn giáo khác. Bởi vì lòng tin mãnh liệt thì không cần đến những điều gì cả. Kẻ cuồng trí không thể cho phép chính họ được hướng dẫn bằng một nguyên lý hay tốt hơn do điểm thiết yếu về sự quan sát và phân tích hợp với khoa học. Do đó, người theo tôn giáo này phải là một con người tự do chọn lựa có tâm hồn khoáng đạt, không chấp trước, không nhờ cậy người nào mở mang kiến thức của họ.

Nếu quý vị cố gắng đọc thêm một ít nữa về con đường hợp đạo đức của tôn giáo này quý vị sẽ tìm thấy rằng: quý vị sẽ phá vỡ những sự hiểu lầm từ trước mà quý vị đã sẵn có về tôn giáo này. Con người không nên đánh giá trị của một tôn giáo nào một cách vội vã, bằng cách quan sát những hành động nào đó đã có sẵn do một số tín đồ không được học

hỏi thay vì con người nên luôn luôn cố gắng tìm hiểu những giáo lý căn bản của tôn giáo đó.

Con Người Và Thượng Đế

Thay vì đặt con người và số mạng của họ dưới quyền điều khiển độc đoán của một vị thượng đế mà không một ai biết người là ai rồi tôn người là bậc có quyền lực tối cao.

Tôn giáo này nâng cao địa vị loài người, và thừa nhận rằng: con người có đức tin nhưng đức tin phải hợp với lý trí.

Tôn giáo này bảo chúng ta nên làm việc nghĩa đối với mọi người mà không cần một ân huệ nào cả.

Các tín đồ thuộc tôn giáo này tránh xa điều tội lỗi không phải vì sợ thượng đế trừng phạt, nhưng vì hiểu rằng đó là những nguyên nhân đem đến sự đau khổ cho chúng sanh. Họ làm những việc thiện giúp đỡ kẻ khác không phải làm cho Thượng đế hài lòng, hầu mong cầu ân huệ, nhưng vì lòng vị tha, thương xót đến những kẻ khác.

Tôn giáo này dạy cho quý vị làm thế nào để tìm thấy một con đường đến sự hoàn toàn thiện và trí tuệ siêu việt không cần một vị Thượng đế phiếm chỉ. Sự hiểu biết cao siêu không cần đến tha lực.

Hệ thống đạo đức thế gian và ngay cả sự trừng phạt, tất cả cái đó không do ai đặt ra mà do định luật thiên nhiên sẵn có và do chính con người chúng ta tạo ra, sự sinh tồn vẫn tiếp diễn không một sự phân ly "linh hồn bất diệt" chân hạnh phúc tuyệt đối không có thiên đàng giả tạm. Có thể xảy ra những hình phạt, nhưng không có vị cứu thế nào tha thứ hoặc gánh chịu thế cho ai. Nơi tịch tịnh, trong đó mọi người đều là vị cứu tinh của chính họ. Con người nào được sanh trong kiếp này và ở trên quả địa cầu đều do kết quả mà họ đã gieo.

Không có sự vui thú nhục dục, cuộc đời còn kéo dài chẳng? Không có tin tưởng sự vô sanh bất diệt con người có thể ở hợp luân thường đạo lý chẳng? Không van xin cầu khẩn đến thượng đế con người có thể tiến bộ đến chân lý chẳng? Đáng sáng lập tôn giáo này trả lời rằng: đúng thế, những điều sau cùng đó có thể đạt đến được do công việc thiện, do sự làm cho tinh khiết, kỷ luật và trí tuệ.

Những đức tính tốt đó sẽ mang lại sự yên tĩnh, thanh bình, hạnh phúc và cứu cánh đối với đời sống.

Định Luật Vũ Trụ

Định luật vũ trụ như đã giảng giải ở trong tôn giáo này đã giải về vấn đề đau khổ, sự bí ẩn về số mạng

và thuyết tiền định do một số tôn giáo đưa ra, các Thần đồng hoặc siêu nhân, cùng sự bất đồng của nhân loại. Tìm hiểu về định luật đó làm cho họ thoải mái, hy vọng, tự tin và lòng can đảm hợp theo đạo lý. Sự hiểu biết đó làm cho họ tinh tấn (siêng năng). Thiện tâm và lòng nhiệt thành của họ tăng lên mãi và khuyến khích con người làm phước thiện, nhẫn nại và xem xét, vì họ hiểu rằng không có thế giới nào hoàn toàn thiện hoặc hoàn toàn ác trong vũ trụ này, duy chỉ có một nơi hoàn toàn an lạc họ có thể đến đó khi nào họ diệt được ái dục và đánh tan màn vô minh.

Tôn Giáo Tối Tân

Đây không phải là lý thuyết nhưng là một con đường thực dụng cho đời sống, đây là tôn giáo xưa nhất trong lịch sử. Tuy vậy, vẫn tối tân nhất trong mọi phương diện. Nó khuyên con người không nên làm nô lệ cho bất cứ thần tiên hoặc uy quyền tối thượng nào, nhưng nên khai thác uy lực ẩn kín, tiềm tàng trong con người bằng cách dùng sự tinh tấn và lý trí để chiến thắng những khó khăn đó.

Người ta muốn có những đức tính tốt nên nhờ vào tôn giáo hợp lý sẽ làm vừa lòng trong kiếp này, và trong đời vị lai, tôn giáo đó phải là một tôn giáo hợp với khoa học, luân lý đạo đức và sự tiến bộ văn minh. Tôn giáo này sẽ làm cho tín đồ của nó được hãnh diện trong thế giới văn minh này.

Thực ra, tôn giáo này là một khoa học trên các khoa học khác, xã hội học ở trên tất cả xã hội học khác và tiến bộ hơn tất cả sự tiến bộ thuộc lãnh vực tinh thần.

Không Phân Biệt Giới Cấp

Đây là một tôn giáo lần đầu tiên trong lịch sử đã đứng lên cách mạng hàng rào giai cấp giữa người và người, đưa sự bình đẳng vào trong loài người, nhờ có cơ hội bình đẳng đó mà con người có thể nhận ra lối đi trong đời. Tôn giáo này còn đưa sự tự do thật sự đến phái yếu để nghiên cứu học hỏi và thực hành một tôn giáo, sự bình đẳng xã hội nam nữ bình quyền đầu tiên trong lịch sử của thế giới đều do tôn giáo này chủ xướng.

Đấng Thượng sư Ngài tuyên bố rằng: các cửa ngõ vô sanh bất diệt đã mở rộng cho tất cả những ai dù cho địa vị cao sang hay thấp hèn, hiền lương hoặc tội lỗi muốn quay đầu về với chân thiện mỹ và mong mỏi đến đó. Ngài không có ép buộc tín đồ của Ngài trở nên nô lệ cho chính Ngài hoặc giáo lý của Ngài mà Ngài để cho họ hoàn toàn tự do suy nghĩ.

Vô Thường

Tôn giáo này phân chúng sanh ra làm hai phần, hồn và xác tất cả đều ở trong trạng thái biến đổi, không duy trì hai sát na trong một thời gian. Sự phát triển hoàn toàn về trạng thái hợp luân lý đạo đức này vẫn thay đổi một cách chắc chắn. Vì vậy nên con người gây ra sự chém giết lẫn nhau và làm cho bánh xe luân hồi tiếp tục xoay chuyển. Do đó chẳng có gì sẽ tồn tại thường, luôn cả trong thế giới này lẫn thế giới khác. Tôn giáo này tin rằng: nhiều chúng sanh tùy thuộc hệ thống trong mỗi thế giới khắp cả vũ trụ.

Những Mệnh Lệnh Và Giới Luật

Không có những mệnh lệnh nào trong tôn giáo này bắt buộc phải tuân theo. Thay vì chỉ có những điều giới để quý vị tùy ý xem xét. Do sự xem giới luật như: tránh xa sự sát sinh (không giết, không bảo người khác giết bất cứ chúng sanh nào), sự trộm cắp (không lấy vật gì mà người khác chưa cho), sự tà dâm (không quyến rũ vợ, chồng con người khác theo mình), sự nói dối (không nói những việc có nói không, không nói có hoặc tự mình đặt ra làm cho người khác tin) và sự uống rượu hoặc các chất say. Họ có thể làm cho trong sạch chính họ, và còn giúp sinh vật khác sống một cách an lành.

Mục Đích Của Chúng Tôi

Mục đích của chúng tôi trong sự ấn tống bài luận thuyết này không phải làm cho người khác phải theo đức tin của chúng tôi, nhưng chỉ làm cho thấy rõ đường chân nẻo chánh để tìm đến sự thanh bình hạnh phúc. Và để thực hành tôn giáo tùy theo sự tôn sùng tín ngưỡng của họ, miễn sao đừng tin tưởng một cách mù quáng. Chúng tôi khuyến khích mọi người thực hành tôn giáo của chính họ, nếu họ có thể tìm thấy sự chân chính, thanh nhàn hạnh phúc, hợp lý trí và thoát khỏi sự thống khổ cõi đời trong tôn giáo đó.

Tôn giáo này còn có thể trả lời bất cứ vấn đề gì về tinh thần hoặc nó có thể vạch cho một hướng đi tươi sáng và làm sáng tỏ ý nghĩ của quý vị có liên quan đến tôn giáo và triết học. Nó còn giúp quý vị hiểu đời sống văn minh Á châu. Quý vị sẽ tìm thấy trong tôn giáo này một sự hướng dẫn tinh thần trong thế giới tân tiến này, để xa lánh những điều xấu xa tội lỗi.

Tôn giáo này đã đem lại cho thế giới một tinh thần mới, hy vọng và con đường mới. Sự chân thật và những điều thiết yếu mà đã được tìm hiểu và thấu rõ trong ngày hôm nay cũng như nó đã có từ trước.

Quý vị đã có lý tưởng chưa? Nếu có hoặc không, chúng tôi mời quý vị bỏ chút ít thì giờ để nghiên cứu về tôn giáo này và những tư tưởng của vị sáng lập ra nó. Chúng tôi sẵn sàng giúp quý vị.

Tôn giáo vĩ đại đã được đề cập trong bài luận này là Phật Giáo nguyên thủy và người sáng lập ra tôn giáo này chẳng ai khác hơn là Đức Phật GOTAMA (Thích Ca).

Hòa thượng Sri Dhammananda, Tỳ khưu Pháp Tâm dịch.



Hạnh Phúc ở đâu?

Thích Chân Tuệ

Trước khi phát tâm tu học, con người cứ tưởng Phật pháp chỉ ở trong kinh điển, chỉ ở nơi niết bàn, hay ở cõi Phật và chỉ dành cho các nhà sư trong chùa chiền, tự viện.

Không ngờ Phật pháp ở khắp thế gian. Phật pháp ở tại thế gian. Sống trong thế gian, nhận được Phật pháp, đó mới là niềm an lạc và hạnh phúc chân thật nhất.

Hạnh phúc không có ở bên ngoài, không có ở địa phương nào, không có ở thành phố lớn hay thị xã nhỏ, dù nơi đó giàu sang hay đang phát triển, không có ở Việt Nam, không có ở Hoa kỳ, Canada, Âu châu hay Úc châu.

Hạnh phúc không có trong nhà, không có trong chợ, không có trong chùa.

Hạnh phúc ở trong tâm của mỗi người. Khi thân tâm an lạc, con người hưởng được hạnh phúc chân thật. Đó chính là niềm mơ ước của con người. Đó chính là câu chúc nhau chân thật nhất, trang nghiêm nhất. Chúc các bạn thân tâm an lạc.

*** Khi nào thân của con người được bình an?**

Thân của con người được bình an là khi con người đang hưởng phước.

Nghĩa là: con người đầy đủ mắt tai mũi lưỡi, tứ chi lành lặn, không bệnh tật, được ăn no, mặc ấm, sống nơi an ninh, không gặp bất trắc, hiểm nguy.

*** Khi nào tâm của con người được hỷ lạc?**

Tâm của con người được hỷ lạc là khi con người đang hưởng phước. Nghĩa là: con người được an nhiên tự tại trong cuộc sống, không bị sợ hãi bởi các lời hăm he, hù dọa, gạt gẫm của các tà sư, không lạc vào tà đạo, mê tín dị đoan, không bị tà kiến trói buộc, tà pháp sai sử. Tâm của con người được hỷ lạc nhất là khi con người sống đời tri túc, biết đủ, tri nhân, biết thư giãn, không còn tâm tham lam, sân hận và si mê.

Thân được bình an, tâm được hỷ lạc, không do lời cầu nguyện, hay chúc tụng, không do ơn trên, thánh thần thiên địa ban cho. Bởi lẽ, tại sao trời lại ban cho người này, không ban cho người kia, không ban cho tất cả mọi người? Thực ra, thân tâm an lạc có được, chính là phước báu, là công đức và phước đức, tạo nên do sự tu tâm dưỡng tánh của chính bản thân.

Có sáu phương cách để tạo nên phước báu, đó là: bố thí, trì giới, nhẫn nhịn, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Trong kinh sách, gọi đó là Lục Độ Ba La Mật.

Thực hành bố thí, tâm con người hoan hỷ, bớt tham lam, ích kỷ, nhỏ nhen. Phước báu vô lượng.

Thực hành trì giới, 5 giới căn bản, 10 giới thiện, 250 hay 348 giới xuất gia, tâm con người bớt loạn động, được an tịnh, nhất tâm. Phước báu vô lượng.

Thực hành nhẫn nhịn, nhẫn mà không thấy nhục, nhịn mà không thấy thiệt, tâm con người từ bi hơn, khoan dung, độ lượng hơn. Phước báu vô lượng.

Thực hành tinh tấn, làm việc phước thiện, cứu người giúp đời không mệt mỏi, tâm con người an vui hơn khi thấy người khác an vui. Phước báu vô lượng.

Thực hành thiền định, tức giữ được sự bình tĩnh thân nhiên trong cuộc sống, tâm con người dễ dàng hỷ xả, không sân hận, không kích động; hành động, lời nói và ý nghĩ thấy đều thanh tịnh. Phước báu vô lượng.

Thực hành trí tuệ là bước cuối cùng, tâm con người sáng suốt, giác ngộ chân lý, giải thoát phiền não khổ đau trong sanh tử luân hồi. Đây chính là cứu cánh tột cùng của đạo Phật. Phước báu vô lượng.

Phước báu vô lượng tức là hạnh phúc vô biên.

* * *

Sách có câu: Thứ nhứt thì tu tại gia, Thứ nhì tu chợ, Thứ ba tu chùa.

Người tu tại gia thực hành lục độ, tất được phước báu, rồi ráo sẽ được thân an tâm lạc, đó không còn là lời chúc tụng suông nữa. Đó chính là sự thực.

Người tu tại gia, cũng phải ra chợ, tiếp xúc với đời, không tránh khỏi. Người tu tại chợ thực hành lục độ, cũng được thân an, tâm lạc, không nghi. Đó chính là sự thực.

Người tu tại gia có lúc đến chùa, hoặc phát tâm xuất gia, thực hành lục độ, nhất định được thân an tâm lạc. Đó chính là sự thực.

Tất cả đều do tâm tạo. Tâm tạo được an lạc hạnh phúc, nếu trong cuộc sống, con người biết thực hành lục độ. Con người đã có an lạc hạnh phúc trong tâm, dù sống bất cứ ở nơi nào trên thế gian, trong bất cứ hoàn cảnh nào, trong bất cứ thời đại nào, cũng cảm nhận được thân tâm an lạc.

Ngược lại, tâm tánh xấu xa, ích kỷ, nhỏ nhen, ganh tị, đố kỵ, hiềm khích, thù hận, cuồng tín, dù sống tại gia, tại chợ hay tại chùa, dù sống bất cứ nơi nào trên trái đất, con người cũng cảm thấy phiền não và khổ đau, không sao tránh khỏi.

Tóm lại, con người biết tu tập, nên quán xét tâm tánh chính mình, cố gắng tu tâm dưỡng tánh. Khi tâm tánh con người sáng suốt, chân chánh và thanh tịnh, không cần lập nguyện, cũng được vãng sanh tịnh độ. Sống hạnh phúc, chết bình an. Nhất thiết duy tâm tạo, chính là nghĩa đó vậy.

Suốt đời tìm khắp đông tây,

Ai hay hạnh phúc ở ngay tâm mình.

Tỳ-Khuê Thích-Chân-Tuệ



an tâm

HT. Thích Thiện Siêu

Hàng năm khi những ngày đông ảm đạm giá rét trôi qua, bầu trời lại được sưởi ấm và trên những cành cây trụi lá đã nảy lộc đơm hoa, lòng người theo đó cũng hớn hở đón xuân với bao niềm ước vọng. Trong khung cảnh Minh niên đầy hân hoan, lòng người con Phật lại thành kính hướng về Tam Bảo để cầu nguyện.

Trong đời sống không ai không khỏi bất an trước bao nỗi lo toan phiền muộn, nên cầu an là điều ai cũng đều mong ước. Người ta cầu nguyện bằng nhiều cách, tùy ở niềm tin và nhận thức.

Nếu ai chưa thấm nhuần Chánh pháp, thì họ đi khấn vái am này đền nọ, hoặc cúng sao giải hạn đầu năm. Người thấm nhuần Chánh pháp không cho lối cầu nguyện ấy là thích đáng, là lợi lạc viên mãn. Người Phật tử nghĩ rằng: Duy chỉ đem tâm thành kính thanh tịnh trang nghiêm trì tụng kinh chú trước ngôi Tam Bảo và vâng lời Phật dạy làm những việc ích mình lợi người, bố thí phóng sanh để cầu cho thế giới hòa bình chúng sanh an lạc, thì sự cầu nguyện ấy mới đúng với Chánh pháp.

Sự an hay bất an được thể hiện ở trên hai lãnh vực là thân và tâm. Khi thân bị bệnh, bị đói khát, rét mướt, tai nạn, tật nguyền, bị tra tấn đánh đập v.v... đó là những bất an của thân. Khi tâm sầu muộn, bi ai, âu lo, sợ sệt, ân hận hay uất hận, giận hờn, bị các phiền

não của tham, sân, si chi phối đó những mối bất an của tâm.

Ở đời cũng có những hạng người sống hời hợt, chỉ biết tìm cầu sự an lành ở thể chất qua sự đáp ứng cho những đòi hỏi như: ăn ngon, mặc đẹp, lăm của nhiều tiền, mong cho tai qua nạn khỏi, công thành danh toại, chứ ít khi nghĩ đến sự an lành cho tâm hồn, nên họ thường thả nhiên để cho tham tâm khởi, si tâm, kiêu căng, ngã mạn khởi. Kết quả họ là phải chuốc lấy nhiều phiền muộn, ray rứt ân hận đè nặng lên tâm thức hằng ngày, hằng giờ, từng phút, từng giây không bao giờ nguôi.

Trong mối tương quan tương duyên giữa thân và tâm quện vào nhau thì những nỗi bất an hoặc sự an lành của thân và tâm khó mà trình bày một cách tách bạch. Hơn nữa, vấn đề cảm nhận còn tùy vào nhận thức và khả năng tu tập.

Trình bày một cách giản lược, thì sự bất an và an lành được tác động trên hai lãnh vực là bên ngoài và chính tự trong ta.

Những cái bất an đau khổ từ bên ngoài đưa đến, đó là sự bất an của hoàn cảnh, như bị tai nạn, bị đánh đập, tai trời vạ người. Muốn tránh, ta phải có những hành động thích ứng để đem lại an lành. Nếu bị bất an do đói rét, ta phải tìm công ăn việc làm, phải cần mẫn, làm việc có phương pháp để đem lại cơm no áo ấm. Khi thân nhuộm bệnh, ta phải điều trị, uống thuốc, biết đi dưỡng và đề phòng.

Còn sự bất an chính tự trong ta là những sầu, bi, khổ, ưu, não. Muốn tránh những bất an ấy, ta phải trì tụng kinh chú, tức là trau dồi tâm ta bằng cách tu tâm dưỡng tánh, thực hành theo giáo lý của Đức Phật dạy. Như đau khổ vì tham tâm, ta cố gắng tu pháp môn bố thí. Quán rõ thật tướng của vạn pháp là vô thường, khổ, vô ngã cho lòng tham lắng xuống. Khi sân làm ta đau khổ, thì phải tu pháp quán từ bi, tu pháp nhẫn nhục, để dập tan ngọn lửa sân hận đang hừng hực đốt cháy từ tâm của ta. Nếu đau khổ vì si mê tật đố, ta phải tu pháp quán nhân duyên, để nhận thức rõ ràng tất cả sự vật đều do nhân duyên giả hợp, là trống rỗng, là hư dối, chứ không phải là chắc chắn như ta tưởng. Khi đã quán rõ được các pháp như vậy, thì tự nhiên tâm bĩ thử, tật đố lắng xuống nhường chỗ cho một nhận thức rộng rãi hơn, sáng suốt hơn, không bị cái bĩ thử, tham lam chấp thủ làm điên đảo.

Giải trừ được sự tác động của tham, sân, si trong tâm, đó là cách cầu an làm cho tâm hồn nhẹ nhàng trong sáng.

Ngài Thần Quang đến cầu xin Tổ Bồ-đề-đạt-ma an tâm cho mình, cũng chính vì lẽ này.

Thần Quang là một cao tăng Trung Hoa, sau khi một nhọc lặn lội tìm đến gặp Tổ Bồ-đề-đạt-ma đang ngồi lặng nhìn vách tại chùa Thiếu Lâm ở Tung Sơn, ân cần tha thiết van xin Tổ giải thoát nỗi thống khổ ray rứt của lòng mình, nhưng Tổ vẫn yên lặng, lăm li thản nhiên một cách tàn nhẫn. Thần Quang không nản chí, đứng suốt đêm giữa tuyết với đôi mắt long lanh, hoài vọng. Tổ cảm thấy động lòng, liền hỏi:

- Người đến đây để cầu việc gì?

Thần Quang rưng rưng nước mắt vội thưa:

- Bạch Thầy, tâm con không an, xin Thầy an tâm cho.

- Người hãy đem tâm người ra đây, ta an cho.

Thần Quang sững sốt một hồi lâu, rồi thưa tiếp:

- Bạch Thầy, con kiếm tâm mà chẳng thấy đâu cả.

Tổ đáp: Đó, ta đã an tâm cho người rồi đó (Vô môn quan).

Đây là một cách an tâm thâm thúy nhất trong muôn vàn cách an tâm mà Đức Phật đã dạy, được ghi lại thành văn và không thành văn. Nếu ai có một tâm hồn tha thiết cầu an tâm và biết tiếp thu thấu đáo pháp an tâm của Đức Phật thì chắc chắn cũng được an tâm như ngài Thần Quang.

Vậy vấn đề cầu an không phải chỉ một mực cầu an thân mà bỏ mất sự cầu an nơi tâm hồn. Nếu thân không có tâm thì đó là một đồng thịt, một xác chết. Cho nên, thể xác được an lạc khi có sự cảm nhận ấy của tâm thức, và cấp độ an lạc cũng tùy thuộc vào sức mạnh của tâm thức. Như có người dù bệnh nhẹ, nhưng tâm hồn yếu đuối, khiếp nhược thì nỗi khổ đau của cơn bệnh sẽ tăng gấp bội. Và ngược lại, người bị bệnh nặng, nhưng với tâm thức bình tĩnh sáng suốt, có ý chí vững mạnh, không giải đãi buông xuôi, thì nỗi khổ đau của cơn bệnh cũng được giảm thiểu. Với sức mạnh của tâm hồn, tức là tâm an lạc, có tác động làm vơi đi những khổ đau ở thân xác.

Ở đời thường có hai hạng người sống theo hai lối sống thái quá: Có hạng chỉ chú trọng củng cố dưỡng thân xác, tạo an lạc cho thân xác bằng sự thỏa mãn những ham muốn nhục dục. Lại có hạng quá khổ hạnh bằng sự tiết chế tất cả những nhu cầu tối thiểu và tự hành hạ thân xác. Đó chỉ là những lối sống không trung đạo, thiếu cân bằng mà ngày xưa Đức Thế Tôn đã từ bỏ và cấm các đệ tử thực hành.

Trong bài pháp Tứ Đế đầu tiên cho năm vị Tỷ-kheo, câu mở đầu Ngài dạy rằng:

Có hai thái cực cần phải tránh xa:

- Thái cực thứ nhất là sống xa hoa trụy lạc vật dục, đó là lối sống thấp hèn, không đưa đến giải thoát, cần phải tránh.

- Thái cực thứ hai là sống ép xác khổ hạnh, nhịn ăn nhịn mặc, chịu đói chịu rét, đứng giữa trời, nóng lạnh hành hạ, thì đó cũng là lối sống tà vạy không đưa đến giải thoát, cần phải tránh.

Đức Phật khuyên cần phải tránh xa hai lối sống ấy để tu hành mới đưa đến giải thoát. Như vậy Ngài không phủ nhận đời sống về thể xác, nhưng Ngài cũng không tán dương cái lối sống tham đắm vật chất, chỉ biết chú trọng đến thân mà không chú trọng đến tâm. Lời dạy của Đức Phật nhắc nhở cho tất cả ai muốn đi trên con đường an lạc, thì trước nhất phải có lối sống quân bình, chứ không phải bỏ ăn, bỏ làm, ghét bỏ của cải hoặc phung phí của cải, nhưng phải biết sống không say mê vật chất, không say mê theo đời sống dục lạc, xa hoa, không tìm hạnh phúc, không chôn vùi cuộc đời vào cồn sa thuốc phiện, chén rượu sòng bạc. Đức Phật đã bỏ quốc thành, thê tử đi xuất gia là dạy cho chúng ta bài học đó. Nhiều tiền chưa hẳn có hạnh phúc, chức trọng quyền cao chưa chắc có hạnh phúc. Các yếu tố vật chất chỉ là những phần phụ thuộc, còn cái hạnh phúc chân thật bao giờ cũng chính là trong lòng chúng ta.

Khi lòng ta khởi tham lam do bị tiền của chi phối, bị quyền lợi danh vọng chi phối, thì tấm lòng của ta trở nên hẹp hòi ích kỷ, khi đã ích kỷ thì nó không thể trải rộng để hứng lấy những hạnh phúc cao thượng, chân thật được. Bởi vậy, trên bước đường tu tập cầu giải thoát an lạc, người Phật tử phải chú trọng tu tập cả hai mặt thể xác lẫn tâm hồn. Với thể xác luôn luôn phải biết tri túc, cần có cơm đủ no, mặc đủ ấm, cần đủ những tiện nghi tối thiểu mà không nên hưởng thụ tham đắm vật chất tức là phải sống quân bình không để rơi vào hai thái cực như Phật đã dạy.

Với tinh thần, phải giữ cho tâm hồn luôn luôn được trong sáng, được rộng rãi. Người Phật tử càng biết mở rộng từ bi tâm, càng diệt trừ được chấp thủ, tham ái thì càng có hạnh phúc chân thật. Khi tâm hồn không trong sáng nhiều tham đắm thì dù ở trên vàng trên bạc họ vẫn không cho là đủ, vì còn mong cầu là còn khổ. Hạnh phúc chỉ đến với những tâm hồn biết tiết chế, có đạo đức cao cả, có tu tập theo giáo pháp Đức Phật, sống trong sáng, hướng thiện, sống vô tham, biết đủ như trong kinh Di Giáo đã dạy: "Người

nhiều ham muốn, nhiều tham cầu lợi dưỡng nên khổ não cũng nhiều. Người biết đủ tuy nằm dưới đất mà vẫn lấy làm an vui, người không biết đủ, dù ở thiên đường vẫn không vừa ý".

Chúng ta nhìn lên gương chư Tổ đức, quý ngài có đời sống vật chất rất đơn sơ, đạm bạc, thế mà tâm hồn quý ngài rất tự tại, rất khoan khoái, rất an nhiên vui vẻ. Không hề thoáng những nét cau có, giận hờn hoặc buồn rầu. Vì sao như vậy? Bởi vì tâm hồn của quý ngài đã lướt trên tất cả những tầm thường của đời sống thế gian, đời sống của tham lam ích kỷ. Quý ngài đã làm chủ được tâm, điều phục được tâm, để tâm không bị chi phối bởi ngoại cảnh, bởi tham, sân, si, nên đối trước hoàn cảnh nào quý ngài vẫn tự tại an vui. Đúng là "Tâm bình thế giới bình, tâm xuân vũ trụ xuân".

Cho nên Đức Phật đã dạy: "Tự tại với tâm, tự tại với pháp". Thường chúng ta chỉ đi tìm sự an bình trong thế giới hiện tượng, tìm nguồn vui trong vũ trụ vật chất luôn chuyển biến vô thường, nên chúng ta chỉ nắm bắt được những bào ảnh an lạc. Và chính cái lạc ấy lại là nhân của cái khổ, nhân quả quả nhân, mãi vận hành, trong quá trình sinh tử.

Có một hôm, Đức Thế Tôn ngồi một mình trên đám cỏ, một người đi qua thấy vậy liền hỏi:

- Sa môn Cù Đàm có sầu muộn hay sao mà ngồi một mình cô độc thế?

Đức Phật trả lời:

- Ta mất gì mà Ta sầu muộn?

Ông ta lại hỏi:

- Nếu không sầu muộn thì chắc là Ngài hoan hỷ, mà hoan hỷ thì sao lại ngồi cô độc một mình?

Ngài lại trả lời:

- Ta được gì mà Ta hoan hỷ?

Người đó ngạc nhiên hỏi lại:

- Không sầu muộn thì hoan hỷ, không hoan hỷ thì sầu muộn. Ngài không hoan hỷ, không sầu muộn là nghĩa làm sao?

Ngài trả lời rằng:

- Hoan hỷ chỉ đến với người có tâm sầu muộn, sầu muộn chỉ đến với người có tâm hoan hỷ. Ta đã dứt bỏ nguồn gốc của sầu muộn rồi, cho nên Ta không sầu muộn, cũng không hoan hỷ. Tâm ta không dao động.

Qua lời dạy ngắn gọn, nhưng hàm chứa một ý nghĩa thâm sâu vô cùng, giúp ta soi rọi vào thực tế cuộc đời để thấy rằng: hoan hỷ là điều người đời mong muốn, và chỉ đạt sự mong muốn qua sự nắm bắt, chấp thủ, như mong cho được trúng số độc đắc, mong sự ước muốn tìm cầu của cải vật chất, như vậy thì cái hoan hỷ đó là những hoan hỷ đi đến với người có tâm thiếu thốn và sầu muộn, và sau hoan hỷ đó chắc chắn là những sầu muộn âu lo của mất mát. Như người vừa trúng số thì sung sướng vô cùng nhưng liền sau đó không khỏi lo sợ bà con biết sẽ đến xin, đến mượn, hoặc bị mất, hoặc bị cháu con tranh giành làm mất hòa khí gia đình. Nếu cố giấu không cho ai biết thì cũng phải phùng sợ người ta biết.

Tham cầu là một nỗi khổ, khi thành đạt là một sự hoan hỷ, rồi mất mát lại là một nỗi khổ. Sầu muộn rồi hoan hỷ, hoan hỷ rồi sầu muộn cứ nối đuôi nhau mãi.

Có người đang cồn cào vì cơn đói, đang khổ vì đói, nếu ai đem cho ổ bánh mì thì họ rất sung sướng, rất hoan hỷ. Thế là hoan hỷ đi đến với người có tâm sầu muộn.

Có người trong ngày Tết mặc chiếc áo đẹp, đang hoan hỷ trong chiếc áo đẹp, bỗng bị một kẻ tinh nghịch ném pháo làm áo bị rách, loang lỗ làm người ấy tức tối, sầu muộn, như vậy là sầu muộn đi đôi với người có tâm hồn hoan hỷ.

Cuộc đời chúng ta cứ mãi diễn đi diễn lại, hoan hỷ rồi sầu muộn; sầu muộn rồi hoan hỷ. Ngày qua tháng lại. Suốt cả cuộc đời mãi loanh quanh ở trong cái vòng, cái tâm lượng của chúng sanh phân biệt, so đo nhơn ngã mà có như thế.

Đức Phật, Ngài đã dứt hết nguồn gốc chấp thủ, tức là diệt hết nguồn gốc của khổ đau. Ngài luôn hoan hỷ, một sự hoan hỷ không tạo nên bằng tiền tài danh vọng, chức quyền mà là một sự hoan hỷ đã dứt sạch nguồn gốc khổ đau, tức dứt sạch vô minh, tham ái, chấp thủ. Bởi vậy, Ngài dạy: "Ta không hoan hỷ cũng không sầu muộn". Nhưng chính cái không hoan hỷ không sầu muộn trong đối đãi ấy, mới là một sự hoan hỷ không thể diễn đạt bằng cái quan niệm so sánh, bỉ thử của nhị nguyên, của người trúng số đầy mong cầu và tham đắm.

Cái hoan hỷ của Đức Phật được tạo nên bằng trí giác ngộ, bằng tâm từ bi, lòng hỷ xả, đó là sự hoan hỷ vi diệu, vĩnh cửu. Một sự hoan hỷ phát xuất từ nội tâm của một người tu tập đã tự tại với nguồn tâm. Đó là

sự hoan hỷ không bị ai cướp mất vì không phải giành của ai mà có được, nhưng lại ban bố cho tất cả.

Cho nên, hễ học Phật, chúng ta cố gắng xây dựng niềm hoan hỷ, an lạc bằng những công phu tu tập, trưởng dưỡng từ bi, khơi sáng nguồn tri giác, thì sự hoan hỷ an lạc đó chẳng sau không nhuốm bóng dáng sầu muộn, sợ hãi.

Người có tu tập là người hiểu biết tâm, khi tham tâm khởi, sân tâm khởi, tâm kiêu mạn khởi, v.v... thì phải điều phục tâm, chế ngự tâm để trở thành tự tại, tâm giải thoát. Được thế, thì trước bất cứ một hoàn cảnh nào cũng được tỉnh giác, tâm không bị chi phối. Đã thế, ta lại còn chủ động, biết sử dụng mọi phương tiện, mọi đối cảnh, để phục vụ những mục đích cao đẹp. Làm chủ được đời sống cả vật chất lẫn tinh thần là cách sống an lạc, tự tại giải thoát.

Là người Phật tử còn sống trong tương quan giữa cuộc đời, chúng ta cần phải có tiền, cần có cơm ăn, áo mặc, cần có mọi tiện nghi cần thiết trong cuộc sống. Song cũng phải cần có từ bi hỷ xả, cần có trí tuệ, có bố thí, trì giới v.v...

Thực hiện lời Phật dạy để xây dựng bản thân và xã hội tốt đẹp là cách cầu an đầu năm thiết thực nhất, đem lại an lạc cho nhiều đời, hiện tại cũng như tương lai.

Chúng ta tụng kinh, lạy Phật cũng chỉ với mục đích trưởng dưỡng thiện tâm và tiến dần đến giải thoát tâm vậy.

HT. Thích Thiện Siêu

cuối năm nửa đời

Nửa đời còn mảnh trăng nghiêng
Cuối năm lặng lẽ soi hiên vắng nhà
Trong khối thuốc thoáng pha màu nhớ
Nhịp võng đưa gợi mở cung sầu
Trăng xưa dòng nước soi mau
Trăng nay lắng đọng nổi sầu thế nhân
Đời mấy kẻ tri âm vận bĩ
Thức khuya ai tri kỷ canh tàn
Thục đạo nan! Thục đạo nan!
Chén say đọng mảnh trăng tàn ủ sương
Nửa đời trước vô thường mộng ảo
Nửa đời sau lão đảo phù sinh
Còn trong ai một chút đỉnh
Hẹn nhau chén rượu trường đình hóa duyên.

Nguyễn Song Anh

Pháp Âm Xuân Tân Mão 2011

chiều xuân nhớ về

Ngoài kia biển nắng đã chiều rất đẹp
mây tím vàng đang trải lụa trên cao
lòng chợt thấy xôn xao lên niềm nhớ
khung trời xưa, kỷ niệm cũ, năm nào.

Nơi phương chốn có bạn bè đàn đúm
chuyện trên trời, dưới đất cũng vui tai
cũng có đứa chửi thề đời khốn nạn
chiến tranh hoài làm thui chột đời trai

Nhưng lại có tình em thơm bông bưởi
áo trắng đơn sơ mộng ước đông đầy
em tha thướt lúc tan trường chung lối
như đàn cò bay trắng giữa chiều mây

Ai cũng ngỡ quê nhà ngày thống nhất
sẽ hòa bình giữa kẻ thắng người thua
nhưng đâu biết mẹ con thân lang bạt
cha tập trung cải tạo những mót mùa

Nay khuất cách biết lấy gì nương náu
mộng ngày xưa còn hiu hắt bên lòng
đường về khó đã ngàn trùng thiên lý
nỗi nhớ hằn lên mắt lệ thương mong

Tìm đâu thấy bóng ngày xưa thân ái
đứng xa trông hun hút một trời quê
chợt ngó lại em trở thành sương phụ
vì người đi chinh chiến mãi không về

Ngày xa lắm đời buồn hơn màu nắng
khi ngùi trông hắt vợi bóng trời chiều
hiu quạnh quá xuân về không cánh én
ngỡ như ngày chìm khuất giữa cô liêu

Mùa đang đến gió ngoài kia thổi lạnh
mây âm thầm chìm nổi một màu tang
đời đã lạc thương chim trời mỗi cánh
đang trôi dần về một phía không tên

Nhưng may mắn còn tự do để được
suy niệm lại đời: còn, mất, hơn, thua
và dành dụm cho đời từng giây phút
ngồi trông về quê mẹ đã xa, xưa...!

Trần Đan Hà

ảnh hưởng Phật giáo đối với nhân loại

Nyanatiloka Maha Thera
Hòa thượng Thích Trí Chơn chuyển ngữ

Không những Phật giáo đã làm phát triển đức tánh tự tin nơi con người mà còn khuyên con người phải sáng suốt trước khi tin một điều gì. Phật giáo phủ nhận lối tin vào những tập tục mù quáng hay những quyền lực vu vơ.

Khoảng vài ba mươi năm trước đây, bất cứ người nào ở các nước Tây Phương có cảm tình với Phật giáo đều được coi là hạng người thiếu suy xét. Vào thời đó, người ta còn xem đạo Phật đại để như một tôn giáo đầy màu sắc thần bí lẫn mê tín dị đoan và không ai tin rằng Phật giáo sẽ có thể đóng một vai trò quan trọng trong sự hướng dẫn đời sống tinh thần cho các dân tộc Tây Phương như hiện nay. Có nhiều người Âu Châu, phần đông thuộc các tín ngưỡng đối lập, họ đã chỉ trích xuyên tạc Phật giáo, cũng như đã cố gắng thuyết minh cho những bạn bè của họ tin rằng ảnh hưởng của Phật giáo rất tai hại vì nó gieo rắc tư tưởng bi quan yếm thế cho con người. Do đó, dưới mắt họ, Phật giáo là một chương ngại nguy hiểm cho mọi hoạt động xã hội và phát triển quốc gia. Tuy nhiên, những người có hiểu biết đạo Phật ít nhiều hoặc đã từng sống ở các quốc gia thuần túy theo Phật giáo chẳng hạn như Miến Điện, Thái Lan, nơi mà dân chúng cảm thấy cuộc sống hầu như được an lành và hạnh phúc nhất trên thế giới thì họ sẽ nhận thấy ngay những lời phê bình trên về Phật giáo của một số người Tây Phương là hoàn toàn vô căn cứ, sai hẳn sự thật.

Dưới đây, chúng ta sẽ thấy rằng, một học thuyết cao siêu toàn hảo như Phật giáo chỉ có thể gây nên những ảnh hưởng tốt đẹp cho tâm tính con người và đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho xã hội, quốc gia. Phật giáo luôn nhắc nhở con người nên tin ở mình, tinh tấn tu hành để tự giải thoát. Thật chưa có tôn giáo nào xác nhận tinh tấn là động lực chính giúp con người vươn đến cõi toàn thiện và trái lại giải đãi (biếng nhác) là nguyên nhân khiến con người phải sa đọa khổ đau như Đức Phật đã dạy:

"Tinh tấn là đường dẫn đến Niết Bàn,
Giải đãi và trì hoãn là đường về sanh tử"

Chỗ khác Đức Phật bảo: "Này các Tỳ Kheo! Nhờ ý chí cương quyết thiền định mà Ta đã giác ngộ cũng bởi sự tinh tấn chuyên tu mà Ta đã được giải thoát hoàn toàn. Hỡi các Tỳ Kheo! Nếu các con biết mãi mãi tinh tấn tu hành, không bao lâu các con cũng sẽ chứng được quả Bồ Đề Vô Thượng". Và trước khi nhập Niết Bàn, trong lời di chúc cuối cùng Đức Phật cũng dạy: "Các con hãy nỗ lực tinh tấn để tự giải thoát". Bởi thế, trên đường tu tập, người Phật tử luôn trông cậy vào sự cố gắng của chính mình. Họ không ỷ lại vào một ngoại lực nào, vì họ thừa hiểu rằng không một ai, dù là đáng có quyền phép đến đâu cũng chẳng cứu giúp cho họ thoát khỏi được trong đời hiện tại, những nghiệp quả khổ đau mà họ đã lỡ gieo nhân từ tiền kiếp. Cho nên, "Lành do ta mà dữ cũng do ta. Tịnh hay bất tịnh đều bởi ta. Không ai có thể làm cho người khác thanh tịnh được".

Phật giáo dạy rằng, mỗi chúng ta phải chịu trách nhiệm lấy những hành động thiện hoặc ác mà chúng ta đã gây ra và cuộc đời hạnh phúc hay đau khổ cũng do tự bàn tay chúng ta xây dựng lấy. Vì: "Mọi hành động xấu đều không phải do cha mẹ, bạn bè của ta gây nên mà bởi ta đã tạo ra, cho nên chính ta phải gặt lấy những kết quả đau khổ đó". Người Phật tử biết rằng không phải hoàn toàn ỷ lại vào sự giúp đỡ của Đức Phật, Giáo Hội, hay của chư Tăng mà mình có thể giải thoát được, nên người Phật tử buộc phải trông cậy vào nỗ lực tu tập nơi chính bản thân để tự cứu lấy mình. Nhờ thế mà họ đạt được cao độ của tinh thần tự tín. Cũng không ai chối cãi được rằng, sự tin tưởng vào một đấng Thượng Đế hay bất cứ một năng lực tưởng tượng nào đều làm con người mềm yếu, mất hết đức tính tự tin và tự trách nhiệm. Trong khi đó trái lại, kẻ biết tự tin vào năng lực của chính mình họ sẽ trở nên cương quyết và mạnh mẽ.

Không những Phật giáo đã làm phát triển đức tánh tự tin nơi con người mà còn khuyên con người phải sáng suốt trước khi tin một điều gì. Phật giáo phủ

nhận lỗi tin vào những tập tục mù quáng hay những quyền lực vu vơ. Muốn đạt được chân lý, giải thoát mọi khổ đau, con người phải tin tưởng vào khả năng giác ngộ và thiền định nơi chính mình. Đức Phật dạy: "Đừng tin vào một điều gì đầu điều ấy là lời khải truyền hay những tập quán. Đừng tin theo điều gì dù điều ấy do một bậc Thầy dạy lại., Những điều nào các con tự xét thấy là sai lầm, xấu xa sẽ gây đau khổ cho các con và mọi người khác thì các con hãy đừng tin theo". Một học thuyết nêu cao khả năng giác ngộ của con người như thế không thể nào gây ảnh hưởng tại hại cho nhân loại được.

Những tôn giáo phủ nhận lý trí cá nhân, buộc tín đồ mù quáng tin vào thần quyền, giáo điều hoặc những lễ nghi tập tục sai lầm, mới thật đưa con người vào con đường mê tín dị đoan, phá sản xã hội. Cho nên tinh thần con người chỉ tiến bộ được khi họ có tự do tư tưởng. Và ai cũng nhận thấy rằng, lòng tin mù quáng vào giáo điều, tín ngưỡng đã gây nên ở con người bệnh cố chấp và lòng phân chia hẹp hòi ích kỷ. Ngày nay họ còn nhớ tới xã hội thời Trung cổ (Middle Ages) với những hình phạt tra tấn, thiêu đốt chém giết, tàn sát con người một cách dã man cùng những cuộc Thánh chiến rừng rợn. Tất cả những hành động phi nhân này đều là kết quả của lòng tin cuồng nhiệt vào giáo điều của những tôn giáo Thần quyền. Nói tóm, mọi chủ trương độc tài tín ngưỡng và tàn bạo bao giờ cũng đưa xã hội con người đến cảnh suy vong, man rợ phản tiến hóa vậy.

Trái lại, một nền tiến bộ tự do và hòa bình trong sự phát triển xã hội, đạo đức, kiến thức, nghệ thuật, khoa học và triết học chỉ có thể xuất hiện trong một quốc gia biết tôn trọng đức tánh khoan dung cũng như tự do tư tưởng con người. Và không thể có được trong một quốc gia mà nơi đó có sự kỳ thị về tôn giáo, chính trị hay sự tự do của con người bị bóp chết hoàn toàn. Bây giờ điều trên hết để giúp chúng ta phát triển đức tánh khoan dung này trong nhân loại là lòng từ bi, mà theo Phật giáo nó là nền tảng luân lý để xây dựng cho mọi sự tiến bộ xã hội và đạo đức con người. Đúng vậy, dân chúng những quốc gia thật sự theo Phật giáo đều thấm nhuần tinh thần từ bi này. Nó không phải là kết quả của đức tin mù quáng vào những giáo điều cố định mà là kết quả của sự hiểu biết chân chính rằng, tất cả chúng sanh từ loài người đến côn trùng đều có tương quan mật thiết: "Ta là tất cả chúng sanh, tất cả chúng sanh là ta".

Bởi sự sống của ta với sự sống của mọi chúng sanh là một, nên con người không có quyền sát hại bất cứ sinh mạng nào. Không có tôn giáo nào trên thế giới

đề cập đến lòng từ bi như Phật giáo. Nó thể hiện qua những lời kinh chân thành mà thường nhật chư Tăng tụng đọc với mục đích cầu nguyện cho chúng sanh không phân biệt chủng loại luôn thoát khổ được vui. Cho nên, tại các nước Phật giáo, kinh Từ Bi (Metta Sutta) đã được tụng hàng ngày hai buổi sáng tối cho tất cả hàng chư Tăng, Đại Đức cũng như hàng Thượng Tọa, lớn cũng như nhỏ mà tôi xin trích một đoạn ngắn dưới đây:

Như bà mẹ chăm sóc bảo vệ hết sức đứa con độc nhất của mình.

Làm thế khi chúng ta đối với tất cả chúng sanh,

Hãy phát tâm từ bi rộng lớn,

Trần khắp vũ trụ bao la,

Trên dưới mọi nơi,

Không còn những tâm niệm hận thù ganh ghét ...

Trong khi đó, những kẻ cuồng tín tin vào Thần quyền lại khuyên tín đồ: "Hãy giết chết những kẻ thù của anh bất cứ nơi nào anh gặp chúng. Hãy tắm chúng trong máu đào bởi đó là hình phạt dành cho những kẻ bất tín". Hay là "Hãy chiến đấu chống lại những kẻ thù của anh cho đến khi chúng chịu đầu hàng, cho đến khi nào chúng chịu tôn thờ Thượng Đế. Phải bắt chúng chịu mọi sự đau khổ của sự trả thù". Như vậy, chúng ta thấy rằng ở đâu lời khuyên răn tàn bạo được chấp nhận thì nơi đó sẽ phát sanh ảnh hưởng tai hại của sự cuồng tín, độc ác và có thể gây cho thế giới con người sự đau khổ và âu lo khủng khiếp. Điều ai cũng thấy là lòng từ bi và đức tánh khoan dung nói trên thường được nhắc đến trong các kinh điển Phật giáo, một đặc điểm mà ở các kinh sách những tôn giáo khác rất khó tìm thấy.

Thật vậy, chưa có nhà truyền giáo tên tuổi nào của Phật giáo có ý tưởng phỉ báng hay sân hận chống đối những kẻ khác tín ngưỡng với mình và cũng không bao giờ có sự kỳ thị về tôn giáo quốc gia hay chính trị nơi một dân tộc đã thực sự thấm nhuần chân tinh thần từ bi của Phật giáo. Nhờ thế mà không cần đến súng đạn hay giáo gươm, Phật giáo vẫn chinh phục được tâm hồn của hàng trăm triệu người trên thế giới. Trong lịch sử, như chúng ta đã biết, từ lúc Phật còn ở đời cho đến hôm nay, chưa có một giọt máu nào đã chảy vì danh nghĩa của Đức Phật hay bởi sự truyền bá giáo lý của Ngài. Nhưng với các tôn giáo khác thì sao? Thật không thể nào dẫn chứng hết ở đây tất cả những phương tiện man rợ mà một vài tôn giáo đã dùng đến để truyền bá đạo lý của họ.

Hơn nữa, Phật giáo cũng dạy rằng đức tin và những hình thức phát triển bên ngoài không hẳn hoàn toàn giúp người Phật tử đạt đến sự giác ngộ giải thoát và

truyền bá Phật giáo bằng vũ lực có nghĩa là bành trướng những đức tính công bình và tình thương bằng phương tiện bất công và tàn bạo. Người Phật tử không xem sự cải giáo của tha nhân là trọng. Với một kẻ tự nhận mình là Phật tử hay không, điều ấy không mấy cần thiết đối với họ, bởi người Phật tử biết rằng, chỉ có chính bản thân họ học hiểu và thực hành giáo lý, họ mới đến gần được cứu cánh giải thoát của Đức Phật.

Người Phật tử chỉ muốn tạo sự an lạc cho những kẻ khác bằng cách hướng dẫn họ trở về với ánh sáng đạo đức, trí tuệ cùng chỉ cho họ một con đường giải thoát khỏi mọi khổ đau mà thôi. Và ngay từ xưa, tinh thần từ bi này cũng đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến các dân tộc theo Phật giáo, khiến dân chúng thực hiện được nhiều công tác từ thiện hữu ích như thiết lập trên các quốc lộ những nhà tạm trú miễn phí cho khách bộ hành mỗi một hoặc cung cấp thức ăn, nước uống cho người và vật; xây cất những nhà thương thí và phát thuốc không cho các bệnh nhâ, v.v...

Như vậy, có thể nói rằng thay vì gây ảnh hưởng tai hại cho loài người - như các quốc gia Tây Phương thường bày tỏ - trái lại, Phật giáo là một trong những tôn giáo của thế giới bao hàm nhiều phương pháp tốt đẹp nhất, có thể cải thiện và giáo dục tâm tánh cho con người. Nó đánh thức nơi con người đức tính tự trọng và tinh thần trách nhiệm bản thân. Phật giáo còn khích lệ sự tiến bộ tinh thần bằng cách tán dương năng lực suy tưởng của chính con người. Nó phổ biến trong nhân loại đức tánh khoan dung và giúp cho loài người thoát khỏi bệnh cuồng tín cố chấp hẹp hòi vì tín ngưỡng quốc gia. Nó phát huy trong nhân loại đức tính từ bi, tình huynh đệ, cùng dứt trừ được nơi con người lòng sân hận và bạo tàn.

Nói tóm, Phật giáo đã nêu cao tinh thần tự tín bằng cách dạy rằng số phận con người nằm trong tay của nó, và chính con người có đủ tiềm lực để phát triển những đức tánh tốt đẹp, hầu đạt đến quả vị giải thoát, chứ Thượng Đế và Đức Phật không bao giờ có thể giúp con người điều ấy. Cho nên, tự trọng, tự tín, khoan dung, từ bi, trí tuệ là những đức tánh tốt đẹp có thể tạo được cho nhân loại nhờ ảnh hưởng của Phật giáo. Và trong một quốc gia mà mọi dân chúng đều thấm nhuần những đức tính ấy thì chắc chắn là hạnh phúc, hòa bình sẽ hiện đến và một quốc gia như thế sẽ là một quốc gia kiểu mẫu cho toàn thế giới, một nhân gian tịnh độ vậy.

* Trích tập "Influence of Buddhism On A People", phát hành tại Tích Lan (Sri Lanka).

hạnh phúc chân thật là gì?

Allen Wallace - Nguyễn Duy Nhiên chuyển dịch

Anh ta không đi tìm hạnh phúc ở bên ngoài mình. Khi chúng ta trông cậy vào địa vị, tiền bạc, vào vợ hay chồng của mình để mang lại hạnh phúc, thì ta sẽ không bao giờ có hạnh phúc. Vì chúng ta nương tựa vào những gì không phải của mình.

Ông Allen Wallace là một học giả và cũng là một nhà Phật học Hoa kỳ nổi tiếng. Ông đang điều hành những chương trình dài hạn tại Santa Barbara Institute và đại học UCLA, nghiên cứu về sự liên hệ giữa thiền tập và hạnh phúc. Trong bài này ông chia sẻ và giới thiệu về quyển sách mới của mình có tựa đề là Genuine Happiness, vừa mới được xuất bản. Xin được gửi đến các anh chị.

Một buổi sáng đầu Thu ở West Virginia, Hoa Kỳ

Duy Nhiên

-ooOoo-

Thế nào là một hạnh phúc chân thật (genuine happiness)?

- Tôi nghĩ ta dùng chữ "con người hưng thịnh" (human flourishing) thì chính xác hơn, vì nó có gốc từ chữ eudaimonia của Hy Lạp. Dịch là hạnh phúc chân thật cũng được, nhưng tôi nghĩ "hưng thịnh" (flourishing) thì chính xác hơn.

Và hạnh phúc ấy sẽ mang lại cho ta những gì?

- Một cuộc sống có ý nghĩa.

Cái gì làm cho cuộc sống ta có ý nghĩa?

- Theo tôi thì đó phải là cho mỗi ngày chứ không phải là chỉ cho một cuộc sống. Tôi thấy có bốn yếu tố cho một ngày hạnh phúc. Thứ nhất là ngày hôm nay mình có sống trong giới hạnh hay không? Mà ở đây tôi chỉ nói về những luân lý căn bản trong đạo Phật thôi, ví dụ như đừng làm hại ai, đừng nói nặng lời với ai, cố gắng thực tập từ bi và chánh niệm. Điều thứ hai là tôi cảm thấy hạnh phúc thay vì là khổ đau. Tôi đã gặp những người có tu tập, lúc nào họ cũng biểu lộ ra một sự bình an trong những bước đi của họ, trong lối hành xử của họ đối với những khó khăn trong cuộc sống và khi tiếp xúc với người khác. Điều thứ ba là đi tìm sự thật, muốn thấy và hiểu rõ được thực tại, chân tướng của chính mình và cuộc sống. Và ta có thể ngồi yên trong căn phòng nhỏ của mình mà vẫn có thể làm hết được những việc ấy. Nhưng có điều là trong chúng ta không có ai là riêng rẽ và độc lập hết. Vì vậy muốn có một đời sống hạnh phúc, ta phải trả lời câu hỏi thứ tư này "Ta mang lại gì cho cuộc đời này?"

Nếu tôi có thể nhìn lại một ngày trong đời mình và thấy có đủ bốn yếu tố: giới hạnh, hạnh phúc, sự thật và biết nghĩ đến chung quanh, thì tôi có thể nói rằng "Tôi là một người có hạnh phúc."

Vấn đề hạnh phúc không hề tùy thuộc vào tương mục ngân hàng của ta, hoặc thái độ của vợ hay chồng mình, vào công việc làm hay số tiền lương của ta. Ta có thể sống một đời tròn đầy ý nghĩa, cho dầu nếu ta chỉ còn lại mười phút để sống trên cuộc đời này.

Trong bốn yếu tố ấy không có yếu tố sức khỏe, như vậy sức khỏe không là một yếu tố quan trọng sao?

- Sự thật là không! Một người học trò của tôi bị mang một chứng bệnh rất hiểm và nan y, mỗi ngày anh ta đều phải vào bệnh viện để chữa trị và được cho thuốc. Và anh phải sống như vậy trọn cuộc đời còn lại của mình. Ta có thể nói rằng "Thật là tội nghiệp và khổ cho anh! Hoàn cảnh thật đáng thương quá!". Nhưng ngày hôm kia tôi gặp anh, anh bảo tôi, "Allen này, tôi đang 'flourishing' đây!". Và tôi cảm thấy anh thật sự như thế. Anh ta tìm được cho mình con đường đi giữa những giới hạn, và trong những điều kiện nào đang có mặt với anh. Tâm ý anh trong sáng. Anh đọc sách, anh viết bài, anh tăng trưởng. Anh ngồi thiền mỗi ngày, và anh còn dạy thiền cho các bệnh nhân nan y khác trong bệnh viện nữa.

Anh ta sống một cuộc sống rất tròn đầy ý nghĩa, và anh có thể thành thật nói rằng mình đang có hạnh phúc.

Bí quyết của anh ta là gì?

- Anh ta không đi tìm hạnh phúc ở bên ngoài mình. Khi chúng ta trông cậy vào địa vị, tiền bạc, vào vợ hay chồng của mình để mang lại hạnh phúc, thì ta sẽ không bao giờ có hạnh phúc. Vì chúng ta nương tựa vào những gì không phải của mình. Và lại nữa, những người chung quanh cũng đang tranh giành với ta những thứ tiền bạc và địa vị ấy, mà chúng đâu có dư dả cho tất cả mọi người đâu. Đáng buồn là vậy.

Còn điều đáng vui?

- Điều đáng mừng là hạnh phúc chân thật không có đem bày bán ở ngoài phố chợ, mà hề có tiền là ta có thể đi mua về cho mình. Một trong những điều bí mật mà ít có ai khám phá được là: cái hạnh phúc mà ta đang đi tìm ở những chức vụ cao, trong một người chồng hay người vợ gương mẫu, đứa con ngoan, sức khỏe đầy đủ, việc làm tốt, có an ninh, có diện mạo đẹp... thật ra chúng lúc nào cũng đang có sẵn bên trong ta, chỉ cần ta tiếp xúc mà thôi. Thay vì đi tìm bên ngoài thì tại sao ta lại không thử quay vào tìm bên trong chính mình đi, thử xem sao!

Nhưng điều ấy không có nghĩa là ta sẽ không lấy vợ hay chồng, đi mua xe, hay tìm một việc làm cho ứng ý. Nhưng tôi chỉ muốn nói rằng, nếu bạn có hạnh phúc thì hạnh phúc ấy không hề tùy thuộc vào những yếu tố bên ngoài, vì chúng không nằm trong sự kiểm soát của bạn.

Mọi người ai cũng nói rằng tiền bạc, địa vị không mang lại cho mình hạnh phúc, nhưng có mấy ai là thật sự sống như vậy đâu?

- Thật ra thì trong thâm tâm chúng ta chưa thật sự có niềm tin. Chúng ta vẫn đi tìm kiếm bên ngoài, đeo đuổi những gì mà ta nghĩ nó sẽ mang lại cho mình hạnh phúc - danh vọng, chức vụ, tình yêu, một sự an ninh về tiền bạc và tình cảm. Chúng ta không có hy vọng và niềm tin vào một hạnh phúc chân thật nào đó. Ta tự nhủ rằng, "Có lẽ một hạnh phúc chân thật không có mặt đâu, nói cho nghe hay ho vậy thôi. Mình thì bằng lòng với một iPod hay một big screen tivi, như vậy là vui rồi. Không đòi hỏi hay cầu mong gì xa xôi hết". Hoặc cũng có người nói rằng, "Thôi đừng nói chuyện hạnh phúc, chỉ ráng qua được ngày hôm nay là đủ khỏe rồi!". Tôi nghĩ họ cũng đáng thương thật!

Như vậy đó có phải là một sự tuyệt vọng không?

- Nó là một trạng thái mà tâm ta không còn không gian nữa, ta đánh mất đi một cái nhìn rộng lớn. Tôi nghĩ tới tâm từ, metta. Khi thực tập tâm từ, chúng ta bắt đầu bằng một tình thương với chính mình. Nhưng điều ấy không có nghĩa là "Công việc nào là tốt nhất cho tôi đây? Lương bao nhiêu là xứng đáng với mình đây?". Nhưng chính là, "Làm cách nào để ta được hưng thịnh?". "Ta nên sống cách nào để ta có hạnh phúc, an lạc và có ý nghĩa đây?". Và sau đó, ta nhìn rộng cái nhìn đó ra, "Làm thế nào để những người đang sống trong khổ đau tìm được một hạnh phúc thật sự đây?"

Shantideva nói, "Những kẻ đi trốn tránh khổ đau lại cứ cắm đầu lao mình vào chốn khổ đau. Chính vì sự tham muốn hạnh phúc mà họ lại vô tình đi phá vỡ cái hạnh phúc mà họ đang có, và xem chúng như kẻ thù." Tại sao lại như vậy? Tại sao chúng ta lại ít ai chọn con đường tu học, nếu như nó có thể mang lại cho mình một hạnh phúc chân thật?

- Thật ra câu trả lời là vì chúng ta không hề biết cái gì có thể mang lại cho mình một hạnh phúc thật sự. Sẽ cần một thời gian dài và những kinh nghiệm khổ đau trước khi ta tỉnh thức dậy và ghi nhận được những gì đang xảy ra. Chúng ta bị kết chặt vào những hình tượng, ý niệm trong đầu "Phải chi vợ hay chồng tôi là người như vậy, phải chi tôi có được công việc như vậy, có được một số tiền như vậy, tương diện tôi như vậy, sức khoẻ tôi như vậy... tôi sẽ có hạnh phúc." Nhưng đó chỉ là một ảo tưởng mà thôi.

Chúng ta chắc ai cũng biết những người có đầy đủ sức khoẻ, có tiền bạc, địa vị, dư thừa tình yêu... nhưng họ cũng vẫn mang đầy khổ đau. Những người đó là thầy của chúng ta, vì họ dạy cho ta một bài học lớn. Họ dạy cho ta thấy rằng, mình có thể trúng một tấm vé số lớn của cuộc đời nhưng vẫn thua trật tám vé số của hạnh phúc.

Khi Ông nói về một "hạnh phúc chân thật", thì có lẽ ý ông ám chỉ rằng trong cuộc đời còn có những loại hạnh phúc khác nữa?

- Phải rồi! Chúng ta thường lầm lẫn cái mà Đức Phật gọi là Bát Phong, tám ngọn gió xao động của cuộc đời, và cho đó là hạnh phúc. Tám ngọn gió ấy là muốn thịnh mà không suy, muốn vui mà tránh khổ, muốn được khen mà không bị chê, muốn danh vọng mà không bị khinh thường. Nhưng mà ta phải nhớ điều này, thật ra không có gì là sai quấy với lại giàu, vui, được khen, và có danh tiếng hết. Ví dụ như nói về sự giàu có đi: giả sử như nếu ta có một chiếc áo lạnh mới. Nếu như ta bỏ chiếc áo mới ấy đi, ta có là một con người tốt đẹp hơn không? Dĩ nhiên là

không! Thật ra không có gì là sai quấy với vấn đề được có hết, nhưng nó hết sức là sai lầm nếu ta cho rằng nó có thể mang lại cho mình hạnh phúc.

Hạnh phúc chân thật là tiếp xúc với cái gốc rễ của hạnh phúc, chứ không phải chỉ đi nắm bắt những yếu tố nào mà chúng có thể hoặc không có thể chế tác ra được hạnh phúc. Và sự khác biệt giữa tu tập và đi đuổi bắt theo tám ngọn gió xao động của cuộc đời là ở chỗ đó. Cũng có người đi tu tập vì mục đích muốn thoả mãn ngọn bát phong ấy, muốn tìm được một niềm vui thú trong thiền tập. Họ xem thiền tập như là một tách cà phê, một cuộc chạy bộ thể dục, hay là được mát-xa vậy. Mà thật ra cái đó cũng không có gì là sai quấy hết, nhưng có điều nó rất là giới hạn. Thiền tập có thể làm một việc mà mát-xa không thể làm được, nó có thể chữa lành được những vết thương trong tâm ta.

Con đường hạnh phúc này dường như đòi hỏi ta phải có một niềm tin và sự buông bỏ rất lớn. Điều ấy hơi đáng sợ một chút. Nếu như tôi buông bỏ hết những thứ bên ngoài ấy thì tôi sẽ trở thành gì đây?

- Thật ra chúng ta không cần phải nhảy vào chỗ nước sâu làm gì. Nó cũng giống như là một ngày nào đó tự nhiên ta hứng khởi lên rồi tuyên bố rằng "Thế giới này như căn nhà lửa. Đây khổ đau. Tôi sẽ từ bỏ hết tất cả để đi tìm một niềm an lạc theo Phật pháp." Rồi độ chừng vài ngày, vài tuần hay giỏi lắm là vài tháng, ta sẽ nói, "Ái chà, cái tu tập này cũng đâu có gì là hạnh phúc hay an lạc gì như họ nói đâu, mà không biết cái iPod, cái tivi hay cô bồ cũ của mình đâu rồi nhỉ, có ai biết đâu rồi không?"

Vì vậy vấn đề không phải là đột nhiên lập tức mà xả bỏ hết tất cả mọi thú vui, bát phong, của cuộc đời, và chỉ thực tập giáo pháp sâu xa của Phật pháp. Cũng giống như dạy một đứa trẻ mới tập bơi vậy, ta đâu có thấy đứa bé vào chỗ nước sâu rồi xem chuyện gì sẽ xảy ra! Ta tập cho nó bơi ở nơi cạn cho từ từ quen trước. Cũng vậy, ta hãy bước đi chậm mà vững. Bắt đầu bằng ngồi thiền một chút vào mỗi sáng và mỗi tối. Xem nó ảnh hưởng đến một ngày của ta như thế nào. Từ từ ta sẽ nếm được mùi vị của đạo pháp. Ta có thể sẽ cảm thấy rằng, "Cũng thú vị đó chứ! Ta cảm thấy hạnh phúc hơn. Mà không phải chỉ có hạnh phúc thôi, ta còn có chút đạo hạnh nữa. Ta thấy được thực tại rõ ràng hơn. Và nếu muốn, bây giờ ta có khả năng giúp được người chung quanh và cuộc đời hữu hiệu hơn, nhờ sự thực tập của mình." Ta thật sự có hạnh phúc hơn, và ta cũng sẽ có niềm tin vào con đường mình đi hơn. Tám ngọn gió xao động của cuộc đời vẫn thổi, chúng vẫn tiếp tục đến rồi đi.

Chúng vẫn có mặt, nhưng bây giờ ta có thể sử dụng chúng để hỗ trợ thêm cho sự thực tập của mình.

Như vậy ta có thể kết luận rằng con đường tu tập của Đức Phật không phải chỉ để giác ngộ dưới cội bồ đề, mà là còn để mang lại hạnh phúc cho kẻ khác?

- Tôi tin rằng Đức Phật đã chứng nghiệm được một điều rất sâu sắc và phi thường dưới cội bồ đề. Nhưng ngài cũng ý thức rằng, sự giác ngộ đó sẽ không có kết quả viên mãn nếu ngài không chia sẻ nó với kẻ khác. Giác ngộ không phải là cho riêng chính mình "Bây giờ thì tôi ngon lành rồi. Xong việc, đến nơi, nghỉ được rồi". Thế giới chúng ta được chuyển hóa nhờ sự có mặt của đức Phật trên cuộc đời này. Nhưng không phải là 49 ngày ngài ngồi dưới cội bồ đề khiến cho cuộc đời này được chuyển hóa, mà chính là 45 năm sau đó, khi Đức Phật đi gặp gỡ và tiếp xúc với hạng bần cùng, vua chúa, bậc chiến sĩ, kẻ ăn mày... gặp ai ngài cũng chia sẻ sự giác ngộ của mình với kẻ khác.

Thế cho nên, trở lại bốn yếu tố mà tôi nêu lên ở trên, khi ngồi dưới cội bồ đề là Đức Phật phát huy ba yếu tố đầu: đạo hạnh, hạnh phúc và sự thật. Và 45 năm sau đó ngài phát triển yếu tố thứ tư, mang hạnh phúc vào cuộc đời. Và theo tôi Đức Phật chính là khuôn mẫu của một cuộc sống hạnh phúc và tròn đầy ý nghĩa.

Nhưng ở đây tôi cũng phải cảnh cáo các bạn trước, đôi khi muốn tiếp xúc với cái hạnh phúc chân thật (genuine happiness) của mình, bạn cũng phải chịu khó bỏ qua cái iPod và plasma tivi của mình một chút!

Allen Wallace, Nguyễn Duy Nhiên chuyển dịch

... Hiểu rõ bi kịch đang ngăn cản sự phát triển quốc gia, làm cho văn hóa suy đồi, đạo lý nghiêng ngả như thế, chư liệt vị Trưởng lão, Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng Ni, cùng đồng bào Phật tử trong và ngoài nước hãy cùng đứng lên đảm trách sự cứu khổ trừ nguy mà Đức Phật trao truyền : Hễ là Chánh đạo thì tiến tới, chỉ sợ bước tới không mau ; hễ không phải Chánh đạo thì lui bước, chỉ sợ đi lui không gấp....

(Thông Điệp Xuân Canh Dần – 2010)



khởi đầu là tâm

Cư Sĩ Nguyên Giác

Lời ngắn gọn về giáo pháp nhà Phật, có lẽ nên gọi đơn giản là “pháp tu tâm”. Và ngay cả, nếu có nhiều cách trình bày ngắn gọn khác, theo diễn giải của từng vị Thầy, nhưng chắc chắn vẫn không thể là tâm mà nói.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14 cũng từng nói, “Đây là tôn giáo đơn giản của tôi. Không cần ngôi chùa nào; không cần triết lý phức tạp nào. Chính bộ óc chúng tôi, quả tim chúng tôi là ngôi chùa của chúng tôi; triết lý [chúng tôi] là từ bi”. (This is my simple religion. There is no need for temples; no need for complicated philosophy. Our own brain, our own heart is our temple; the philosophy is kindness).

Như thế, khởi đầu phải là tâm. Nghĩa là, trước tiên phải từ nơi các hoạt động của tâm mà tu, phải thanh tịnh trước tiên là từ nơi niệm, suy nghĩ, nhận thức, lý luận, cảm xúc, tưởng tượng, ước mơ, ý chí...

Bởi vậy, khởi đầu trong Kinh Pháp Cú là lời Phật giảng về tâm. Từ đây sẽ là nền tảng cho mọi pháp tu về sau. Bản dịch của Hòa Thượng Thích Minh Châu về bài kệ đầu tiên này là:

“Ý dẫn đầu các pháp,

Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý ô nhiễm,
Nói lên hay hành động,
Khổ não bước theo sau,
Như xe, chân vật kéo.” (Kinh Pháp Cú, Phẩm I)

Nghĩa là, tất cả các pháp đều khởi từ tâm.

Truyện tích ghi lại trong tập “The Dhammapada: Verses and Stories” (nguồn: www.tipitaka.net), rằng khi Đức Phật ngụ ở tu viện Jetavana ở Savatthi, đã nói lên bài kệ này để giải thích về Trưởng Lão Cakkhupala, một vị A La Hán mù.

Một đêm, ngài Cakkhupala trong khi thiền hành đã sơ ý giẫm chết một số côn trùng. Buổi sáng, một số thầy tỳ kheo tới thăm trưởng lão, gặp côn trùng chết, mới suy nghĩ xấu về trưởng lão, và kể lại với Đức Phật. Đức Phật hỏi họ, có phải họ thấy Trưởng Lão Cakkhupala giết côn trùng không. Khi họ nói không thấy, Phật mới đáp, “Cũng như quý thầy không thấy trưởng lão đó sát sanh, vị trưởng lão đó cũng đã không thấy là tự mình đạp chết côn trùng. Thêm nữa, vì Cakkhupala đã chứng quả A La Hán, nên không thể có ý định sát sanh, và do vậy không có tội.”

Khi được hỏi vì sao Cakkhupala bị mù, mặc dù là một vị A La Hán, Phật mới kể rằng Cakkhupala là một y sĩ trong một tiền kiếp. Một phụ nữ bệnh mắt, có hứa là nếu chữa, cô và các con sẽ làm nô lệ cho y sĩ này. Nhưng khi mắt chữa lành xong, cô sợ là cô và các con sẽ làm nô lệ như lời hứa, mới nói là mắt cô đang tệ hại thêm. Vị y sĩ biết cô nói dối, mới đưa thêm thuốc xức mới để làm cô mù mắt luôn. Vì làm ác như thế, y sĩ này đã bị mù mắt trong nhiều kiếp về sau. Kể xong, Phật đọc bài kệ trên. Nghe xong, ba mươi ngàn tỳ kheo đồng chứng quả A La Hán.

Như thế, tâm đã khởi lên nghiệp và từ đây dẫn tới thế giới chúng ta đang thọ dụng. Ngắn gọn, tất cả các cảnh hôm nay là sinh khởi do nhân kiếp trước. Tất cả các pháp chúng ta thọ nhận đều từ tâm sinh khởi. Đó là lý do, khởi đầu Kinh Pháp Cú, Phật dạy là phải tin sâu nhân quả. Vì cảnh khổ đều từ tâm dẫn tới, và như thế, diệt khổ phải từ tâm mà tu mới là tận gốc. Tất cả không lìa nhân quả mà có.

Một điều ghi nhận, rằng một số vị Thầy có vẻ tránh nói tới nhân quả ba đời mà chỉ ưa nói tới an trú hiện tại, tránh nói tới “khổ” mà chỉ ưa nói tới “lạc,” tránh nói tới làm tâm lìa gốc ô nhiễm mà chỉ ưa nói tới hãy cảm nhận lạc thọ của thân tâm hiện nay.

Do vậy, khi nào hết nghiệp cõi người, và có tâm tương ứng với cõi trời, chúng ta có thể thấy cõi trời

hiện ra. Như trường hợp ngài Dipa Ma (1911 - 1989), nguyên học Thiền Minh Sát từ Miến Điện và sau đã đi dạy nhiều nơi trên thế giới -- được kể trong sách “Knee Deep In Grace: The Extraordinary Life and Teaching of Dipa Ma” (sưu khảo của Amy Schmidt, bản Việt ngữ là “Ngập Sâu Trong Ân Sủng: Cuộc đời ly kỳ và Giáo pháp của Nữ Thiền sư Dipa Ma,” do Thiện Nhứt phỏng dịch).

Do vậy, các pháp không lìa tâm mà có. Thế giới này hiện ra với chúng ta là qua chúng ta nhận biết – vì chúng ta đang nhìn, nghe, ngửi, nếm, suy nghĩ, cảm thọ... Tâm chúng ta như tấm kính lớn, trong đó thế giới hiện ra. Mặt trời, mặt trăng, nhà cửa, núi, sông, vân vân hiện ra là qua nhận biết của chúng ta. Tiếng chim, tiếng suối reo, tiếng người, vân vân là hiện lên trong nhận biết của chúng ta. Và toàn bộ thế giới, là từ nghiệp mà hiện ra với thân ngũ uẩn này của chúng ta. Thế nên, Đức Phật mới đọc bài kệ, khởi đầu Kinh Pháp Cú, rằng, “Ý dẫn đầu các pháp...” Ý, hay tâm, là mẹ của các pháp, và cần được giữ cho trong sạch.

Đó là lý do Đức Phật tóm gọn giáo pháp của Ngài bằng bài kệ:

“Không làm mọi điều ác,
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.” (Pháp Cú. 183)

Pháp tu “giữ tâm ý trong sạch” có thể thực hiện ngay trong đời thường của chúng ta. Trong khi đi, đứng, nằm, ngồi và trong mọi việc làm trong đời thường, chúng ta chỉ cần nhìn thấy tâm ý của mình lúc nào cũng “tĩnh giác và lặng lẽ.” Với thời gian, tâm sẽ thuần thực. Bạn có thể thử quan sát tâm ý mình như thế.

Và sẽ thấy gần như là tức khắc, cảm giác hạnh phúc sẽ hiện ra ngay trên thân tâm của bạn, khi hơi thở dịu dàng hơn, và khi tâm ý bắt đầu tĩnh giác và lặng lẽ. Từ sáng đến tối, hãy quan sát như thế.

Cư Sĩ Nguyên Giác

... Hai nghìn năm Phật giáo Việt Nam là hai nghìn năm phấn đấu cho tâm linh giác ngộ và bảo vệ chủ quyền quốc gia, mà các triều đại Đinh Lê Lý Trần Lê là dấu ấn của đạo Phật trong lòng dân tộc. Truyền thống ấy phải được tiếp nối, phát huy vào đầu thế kỷ XXI này....

(trích Thông Tư Xuân Mậu Tý 2008 của VHD)



một chữ XẢ

Đề tài hôm nay là một chữ **XẢ**. Quý Vị biết ngược với **XẢ** là gì không? Là cố chấp, nắm chặt. Cố là chặt, chấp là nắm; cố chấp là nắm chặt. Khác với nắm chặt là buông bỏ.

Mối nghe đơn giản quá nhưng xét kỹ, Quý Vị sẽ thấy tất cả chúng ta sống trên thế gian này, ai cũng than buồn than khổ, gốc tại cố chấp thôi, chớ không có gì khác. Bây giờ muốn hết buồn, hết khổ thì chúng ta phải làm sao? Phải xả, phải buông bỏ. Buông bỏ thì hết khổ.. Như vậy quá giản đơn, quá tầm thường. Chỉ cần Quý Vị thực hiện được điều chúng tôi nhắc thì sẽ bớt khổ ngay trong cuộc sống hiện tại này.

Lâu nay chúng ta cố chấp những gì mà bây giờ phải buông xả ?

Người thế gian luôn luôn nghĩ ai làm trái ý mình thì mình buồn, mình giận. Buồn giận nên bỏ liền hay nên giữ mãi? Có người thường hay nói: “Con giận người đó hai, ba chục năm không quên.” Giận hai, ba chục năm không quên thì nghe như khăng khải lắm nhưng thật ra là đại, là khổ, chớ có hay gì đâu.

Quý Vị nghĩ trên thế gian này chung quanh mình nào xóm giềng, thân tộc v.v... có bao giờ hoàn toàn không đụng chạm nhau đâu? Người ta nói vợ chồng như chén trong sóng. Chén úp trong sóng thế nào cũng có khua, huống là xóm giềng, thân tộc làm sao vừa ý mình hết, mà trái ý thì mình giận. Giận rồi chứa trong tâm. Chứa là cố chấp. Giận một người chứa trong lòng, giận hai người cũng chứa trong lòng. Nếu giận một trăm người thì sao? Chứa cả một trăm cái giận trong lòng, làm sao chịu nổi.

Quý vị xét khi mình đang vui vẻ mà bỗng nhớ tới người mình giận thì lúc đó gương mặt quạu xuống liền. Sở dĩ chúng ta ngủ không ngon là cũng tại giận đó. Khi nào nằm nhớ lại hôm qua, hôm kia ai làm trái ý mình liền nổi giận lên, thì hết ngủ. Đó là chứa chấp oán hờn. Chứa chấp là khổ. Ta đang vui vẻ tươi mát mà chứa một cái giận, cũng như đem cục than bỏ trong tay hay trong da, trong thịt mình vậy. Nếu cục than bỏ trong tay, trong da, trong thịt thì sao? Nóng, khó chịu. Vậy mà lòng mình chứa một trăm cục than thì người này khổ nhiều ít? Khổ thứ nhất là khô héo vì ngủ không ngon, ăn không ngon. Giận quá làm sao ăn ngon, ngủ ngon được. Khổ thứ hai là giận làm cho mình dễ xấu. Quý vị thấy mỗi lần nổi giận lên gương mặt mình thế nào? Nổi giận lên thì con mắt đỏ ngầu, mặt đổi màu đổi sắc, không còn tốt đẹp nữa. Cả trăm cái giận ở trong lòng thì nó đốt riết mình khô héo, xấu xa. Như vậy ôm ấp cái giận mấy chục năm là khôn ngoan hay thiếu khôn ngoan?

Bởi vậy nên người biết tu ai nói gì trái ý, mình giận chút rồi bỏ đi, xả đi. Giận làm chi, ngu! Ôm cái giận là ngu chớ không phải khôn, tội gì ôm cho khổ. Trong nhà Phật có câu: “Tăng hận bất cách túc” nghĩa là Tăng (người tu) giận không quá một đêm. Chúng ta là Phàm tăng nên tham sân si cũng còn, vì vậy gặp việc trái ý cũng giận. Nhưng giận chút thôi rồi bỏ, chớ không nên chấp chứa.

Người thế gian thường thích chứa, chứa năm này qua năm nọ. Họ tưởng như vậy là hay, là khôn mà không ngờ đó là tự chuốc họa vào mình, tự đeo khổ cho mình chớ không có lợi gì hết. Vì vậy nên Phật dạy phải **XẢ** hết những giận hờn. Chứa chấp vừa bị khổ trong hiện tại, mà còn khổ cả vị lai nữa.

Trong kinh Phật dạy, người khi sắp bỏ thân này qua đời khác thì nghiệp thương và nghiệp ghét sẽ đi theo. Bởi vì thương ai thì ta nhớ người đó, ghét ai cũng nhớ kẻ đó. Như chúng ta ngồi ôn lại trong lòng, thì nhớ những người mình thương và những người mình ghét nhiều nhất phải không? Ghét không mất, thương cũng không mất. Vì vậy càng chứa sâu thì

khi nhắm mắt các nghiệp đó dẫn mình đi đến chỗ thương hoặc chỗ ghét.

Do đó khi chúng ta thọ thân sau, nếu ôm ấp nghiệp ghét nhiều quá thì đến những gia đình gặp toàn chuyện buồn phiền, hờn giận, không vui. Có bao giờ chúng ta muốn gặp những người mình ghét không? Không muốn. Ai cũng muốn gặp người mình thương. Nhưng trong lòng thù oán nhiều quá thì nó sẽ dẫn mình gặp lại những người thù oán. Nên hiện tại khổ mà vị lai cũng khổ luôn. Điều này rất thiết yếu.

Chúng ta phải khéo đừng nuôi dưỡng oán thù trong lòng, nên buông bỏ hết. Cái gì qua rồi không chứa chấp nữa. Hơn thua, phải quấy, chuyện đó không có gì quan trọng. Quan trọng ở chỗ làm sao cuộc sống mình bình an, thanh thản, tươi vui. Đó mới là điều đáng lưu tâm. Chúng ta sống muốn hạnh phúc, muốn được an lạc thì nên giữ hay nên xả? Nên xả.. Vì vậy tôi nói tu muốn cho hết khổ thì phải xả, đừng chứa chấp. Đó là điều thứ hai.

Điều thứ ba, chúng ta đừng cố chấp ý kiến mình là đúng, ý kiến người khác là sai. Bởi vì ở thế gian này không có gì là đúng cố định mà cũng không có gì là sai cố định. Chúng ta mở miệng nói với ai cũng “Tôi nghĩ thế này là đúng”. Nếu nói tôi nghĩ như vậy là đúng, người thứ hai nói tôi nghĩ thế khác mới đúng, thì hai cái đúng nó đụng nhau. Mình đúng theo cái

nghĩ của mình, người khác đúng theo cái nghĩ của họ. Ai cũng đúng hết thì cãi lộn hay huề? Thế gian không ai chịu thua ai, mình đúng thì người khác sai, mà người khác đúng thì mình sai. Cho nên khi người ta nghĩ khác với mình, mà họ cho rằng họ đúng thì mình bực lên liền, và người kia cũng nổi tức vậy. Hai cái nổi tức sẽ đi đến khẩu chiến. Khẩu chiến không xong thì tới thân chiến.

Như vậy chỉ một chữ Xả mà chúng ta được an ổn vui tươi. Cần gì phải nhiều. Một chữ mà biết tu là cả cuộc đời sống thoải mái, an vui. Ngược lại quý vị sẽ thấy mặt mày nhăn nhó hoài, bất mãn cái này, bất mãn cái nọ, bất mãn con cái, bất mãn vợ chồng, bất mãn xã hội... Mấy chục năm cứ nhăn nhó hoài, uổng một cuộc đời. Cho nên mình phải vui tươi xả bỏ, có mấy mươi năm ngắn ngủi, sống làm sao cho thanh thoi, tạo phước lành để khi nhắm mắt được đến cõi lành, ở đó mà buồn giận làm chi cho khổ.

Vậy mong Quý Vị nghe hiểu, ứng dụng tu để tất cả chúng ta sống trên thế gian này lúc nào cũng tươi cười, không còn buồn bực. Đến lúc nhắm mắt ra đi chúng ta cũng vui luôn. Đó là kết quả tốt đẹp của người Phật tử khéo tu..

Bài giảng tại Thiền Viện Chân Không năm 1998 của

HT Thích Thanh Từ

thôi hãỵ buông bỏ

Sinh ra thân giả tạm
Chịu nhiều nỗi đắng cay
Sinh, già, bệnh rồi chết
Luật vô thường - chẳng sai.
Đúng mãi!

Chào đời bàn tay trắng
Khi chết - trắng đôi tay
Tội phước vẫn tồn tại
Kiếp sau theo ta hoài.
Nghiệp lực!

Ta sống nên tỉnh thức
Xác thân không của ta
Chết rồi thân hủy hoại
Định luật cõi ta-bà.
Xót xa!

Tài sản rồi cũng mất
Vật chất chóng tiêu tan
Vạn pháp đều như thế
Trần gian mãi vô thường.
Đáng thương!

Sống thiếu đức tri túc (1)
Không tham đắm lợi danh
Nên vun bồi đạo đức
Tránh nghiệp ác - làm lành.
Nhân thiện!

Khi ta già, bệnh, chết
Tất cả chẳng theo ta
Xác thân tan rã hết
Nghiệp lực mãi theo ta.
Thức tỉnh!

Chấp nhận đời như thế
Buông bỏ (2) không thiết tha

Danh lợi với tiền tài
Luôn cả thân nhân ta
Từ già!

Tình thương còn ở lại
Nếu ta biết giúp đời.
Thân nhân còn thương tiếc
Nếu ta yêu mến người.
Nhân ái!

Nếu buông được tất cả
Không còn tham, sân, si...
Sống bao dung, hỷ xả
Thân tâm thường an lạc.
Quý thay!

Minh Lương Trương Minh Sung

(1) Muốn ít - biết đủ.

(2) Cố chấp là nắm chặt . Buông xả là buông bỏ



năm mào nói chuyện mèo

Theo lý tuần hoàn của vũ trụ thì cứ mỗi chu kỳ 12 tháng, người Việt chúng ta lại có dịp đón một cái Tết, một năm mới, một mùa xuân mới - với mọi điều hy vọng ước mong tươi đẹp. Năm 2010 Canh Dần đã qua, nay ta chuẩn bị đón năm mới Tân Mão 2011 – năm đầu của nhị thập niên mới của thiên niên kỷ thứ ba.

Năm Mão hay Mẹo, Miêu, hay Miu... cũng chỉ là tên gọi của mèo. Ta gọi là năm Mèo chứ người Trung Hoa thì lại gọi là năm Thỏ. Nói đến con mèo người Việt chúng ta cảm thấy rất quen thuộc và thương mến nó, cho dù sự thương mến của chúng ta có khác so với người Tây phương là cho ăn mặc đầy

đủ, đẹp đẽ, v.v... để xem nó như là một xa xỉ phẩm chưng diện trong phòng khách hay thêm hơn nữa lại có bác sĩ thú y riêng chăm sóc khi ốm đau, ... trái lại mèo của chúng ta là một con vật nuôi chỉ để bắt chuột, ăn xương cá, và hiện nay trong một xã hội nghèo đói mèo còn bị “đem xào để xơi, nhậu” thay thế các chú “cây tơ” hay “nai đồng quê” trước đây, v.v...

Các đặc điểm của mèo

- Thích sống đơn độc, gần như không có đời sống hợp đoàn. Mèo rừng có thể là thủy tổ của loài mèo nhà, vì vậy người ta lầm tưởng là mèo rừng rất hung hãn, dữ tợn, thậm chí dám tấn công người. Trái lại mèo rừng rất nhát gan... (theo ông B. Cordé, một giáo sư thuộc trường Đại Học Nancy, Pháp)
- Là loài động vật nhỏ nhắn và loại mèo nhà thông thường (felis) cân nặng khoảng từ 2,5 kg đến 3 kg, riêng mèo cái thì nhẹ hơn.
- Mèo có 32 răng rất vững chắc nhất là răng nanh và hàm rất mạnh dùng để cắn xé, nhai thịt con mồi. Khi bắt mồi, các móng vuốt giương ra khỏi đệm thịt ở bàn chân để cào xé và bắt giữ.
- Lưỡi mèo nhám vì có gai hướng vào phía trong họng, giúp việc liếm lông làm sạch được dễ dàng.
- Nhiệt độ cơ thể mèo trong khoảng 38 tới 39°C (101 tới 102.2°F), xấp xỉ với thân nhiệt thông thường của cơ thể người khoảng 37°C (98.6°F). Nhịp tim bình thường của mèo khoảng 140 đến 220 nhịp một phút, khoảng gấp đôi con người.
- Là loại động vật có vú, biết ăn thịt, sống từ 14 đến 20 năm tùy theo sức khỏe và sự chăm sóc tốt của con người.
- Thân thể mèo cấu tạo 7 đốt sống cổ, 13 đốt sống ngực, 7 lưng và 3 hông, tùy theo đuôi dài hay ngắn mèo có từ 14 đến 28 đốt sống đuôi. Bộ xương sống của mèo có hơn 44 đốt xương nhỏ nên mèo có thể cuộn tròn khi nằm. Chân có vuốt nhọn, các vuốt chân trước sắc hơn chân sau và đều thu lại nằm trong da và lông bao quanh đệm ngón chân, nên đi rất nhẹ. Từ trên cao rơi xuống mèo có phản xạ tự xoay thân tới vị trí thích hợp và rơi chân xuống trước. Dáng đi của Mèo cũng khá đặc biệt, nhờ xương nhỏ mảnh mai nên dáng đi uyển chuyển, nhẹ nhàng trên các đệm thịt của các ngón chân; Bất cứ dáng đi của mèo, trên sàn biểu diễn thời trang, các người mẫu cũng nhún nhảy thân mình, thanh thoát hai chân mà người ta gọi là “cat walk”.

- Mèo không mặn mà việc tắm nước nhưng có thói quen thè lưỡi tiết nước bọt vào chân của nó bôi lên toàn thân để làm sạch cơ thể, chải chuốt lông.

- Mèo uống nước rất nhanh lưỡi chạm nhẹ mặt nước kéo theo một lượng lớn nước, một tốc độ quá nhanh khó có thể nhìn thấy bằng mắt thường, mèo không nhận được vị ngọt của đường, nhưng xúc giác của mèo rất nhạy bén và tai mèo rất thính. Mèo ăn thịt cá nhưng đôi khi cũng nhai cỏ tươi để giúp cho sự tiêu hóa.

- Mèo thuộc loại “ăn vụng nhất hạng”, nhất là cá và mỡ.

- Mèo mang danh tiểu hổ nhưng trông nhu mì, tiếng kêu nho nhỏ trừ khi nổi giận gầm gừ.

- Mèo cái từ 2 đến 3.2 kg hay trên 4, 5 tháng tuổi thì động dục, và tìm mèo đực với những tiếng kêu đặc biệt hấp dẫn... thảm thiết.

- Mèo mang thai từ 50 đến 70 ngày. Một năm thường 4 đến 5 lứa, mỗi lứa thường từ 3 con trở lên. Khi sinh mèo thường tìm chỗ kín, để mèo con trong bọc. Sinh xong liếm sạch bao cho mèo con. Chăm sóc con rất kỹ lưỡng. Mèo con thôi bú sữa mẹ một tuần sau mở mắt, chạy nhảy leo trèo và bắt mỗi nhó từ một tháng tuổi, và thường bị mèo mẹ ngậm cổ mang đi, từ 4 tháng mèo con trưởng thành và có thể tự bắt mồi.

- Mèo con đến 6 tháng thì thay lông trong khi mèo lớn thì thay lông mỗi năm một lần. (Trẻ em có thể bị dị ứng vì lông mèo). Mèo mẹ thường liếm lông để thay lông cho mèo con.

- Thường có một bộ ria dài và nhiều sợi đẹp, từ 25 đến 30 cái. Ria mèo là những đài radar tinh nhạy. Ria mép mọc hai bên mép có thể chạy dài đến gần mắt. Ria giúp cho mèo tránh khỏi bị vướng vào cây, đụng vách, đụng tường, v.v.. và mèo thường cọ

ria để nói chuyện.

- Thích ngủ vào ban ngày (trên 18 giờ/ngày). Nên bị người đời phán “làm biếng như mèo”. Nhưng khi trời bắt đầu tối thì mèo rất năng động.

- Mèo là một giống rất đặc biệt với hai con mắt tinh tường. Riêng trông con mắt thì thu nhỏ lại chỉ còn một lần vào ban ngày nhưng khi đi vào bóng tối thì nở ra và trông rất rõ các vật. Do đó một khi con mồi nào đã lọt vào mắt mèo thì thường khó chạy thoát, nhất là chuột. Mắt mèo rất tinh trong điều kiện sáng mờ và có sức nhìn vừa phải trong ánh sáng ban ngày. Mặt khác, mèo rất thích nhìn một độ màu sắc nào đó. Mèo có thể phát hiện mau lẹ một vật màu đậm đang chuyển động trên một bề mặt sáng, cách xa vài mét, nhưng trái lại mèo không thể phân biệt được các chi tiết của một vật thể nào đó, nhất là khi vật thể này đang đứng yên, hay chuyển động chậm!

Nhưng mèo lại có một đặc điểm khá quan trọng là mèo có giác quan định hướng thật tinh vi và chính xác ít ai ngờ được.

- Tai mèo rất đặc biệt, dựng thẳng nhờ lớp lá sụn mỏng và vận động bởi 32 bó sợi cơ nhỏ, nên khi nghe tiếng động của con mồi, mèo có thể vểnh tai, mỗi vành tai vểnh theo hướng khác nhau trong khi đầu và mắt mèo nhìn về hướng khác. Thính giác mèo nghe được những âm thanh có âm độ thấp, nhưng có thể nghe những âm độ cao hơn.

- Khứu giác của mèo cũng gấp 14 lần khứu giác của người, số lượng tế bào khứu giác ở mũi cũng gấp đôi nên mèo ngửi được những mùi mà con người không cảm nhận được. Mèo còn có một cơ quan đánh hơi ở vòm miệng gọi là Vomero nasal Jacobson. Vị giác của mèo tuy nhạy bén nhưng giống như thỏ, mèo không cảm nhận được vị ngọt.

Các loại mèo

Mấy tờ lịch cuối

Ngoài trời mưa bụi, mưa sương
Dường như thoáng một chút buồn quanh tôi
Hôm nay đã tháng chạp rồi
Mấy tờ lịch cuối bồi hồi hắt hiu.

Đường về kỷ niệm xanh rêu
Ai ra biển nhớ con diều xa bay
Mà nghe sóng nước vơi đây
Ý thơ hòa với ý mây phiêu bồng.

Gió trời thoáng gió hư không
Triền xanh hư ảo một vùng nước mây
Gửi vào trời biển niềm tây
Gửi vào thơ chút hương ngày tháng xa.

Năm vòng con giáp vù qua
Khói sương bảng lảng la đà cõi tôi
Ngàn năm mấy trắng vẫn trôi
Vẫn thơ thả gió ý đời buồn tênh...

Chuông Xuân

Mai trắng vườn xa thoảng gió ngàn
Bao mùa ly xứ ý mênh mang
Tuyết bay lớp lớp dòng mơ trắng
Thư mở trang trang bụi phấn vàng
Ai đỏ trắng sâu xanh biển nhớ
Nhạc reo hoa nắng ấm mùa sang
Phím đầu vắng khúc mừng xuân mới
Tiềm thức chuông ngân tiếng nhẹ nhàng.

Tuệ Nga

1. Căn cứ vào bộ lông

Mèo là gia súc thuộc loài ăn thịt sống, có bà con gần gũi với những thú rừng hung dữ như cọp, beo, sư tử mà tất cả đều thuộc giống mèo (felis). Căn cứ vào bộ lông thì ta có những loại mèo tiêu biểu như sau:

Mèo lông ngắn: được nuôi nhiều nhất ở Hoa Kỳ. Chúng có nhiều đức tính tốt như rất thân với người, khỏe và không hay sợ hãi, ..

Mèo Xiêm (Thái Lan): là loại mèo trước đây chỉ được nuôi trong các cung điện nhà vua. Bộ lông của nó có màu xám nhạt và ửng xanh, nhưng lông ở tai, mũi, chân và đuôi thì màu đậm hơn. Chúng hay kêu “meo meo” với chủ tối ngày. Tuy là mèo Xiêm nhưng hiện nay nó được nuôi nhiều nhất ở Hoa Kỳ và Anh quốc. Một đôi khi nó có đôi tai, bộ mặt phủ lông đen tuyền với đôi mắt sáng quắc và con người xanh biếc.

Mèo Miến Điện: là loại mèo có bộ lông giống như mèo Xiêm, nhưng lông đậm hơn. ở ngực, lưng và hai tai thì lông sậm lại. Đôi tai thì dài hơn mèo Xiêm và mắt của chúng thì có màu vàng đậm.

Mèo Á quốc: bắt nguồn từ Ai Cập, sau đến xứ Abyssinia (Ethiopia). Chúng có bộ lông màu sậm hơn loại mèo nhà ở Hoa Kỳ. Mắt chúng thường có màu xanh, vàng hay nâu. Loại mèo này rất trung thành với chủ nếu được đối xử tốt. Chúng có đuôi dài, chân nhỏ nhưng mắt lại to.

Mèo xanh gốc Nga: có lông dày và ngắn nhưng đôi mắt to, màu xanh, sáng và rất đẹp. Giống mèo này thuộc loại lớn con, thân chúng dài và khỏe.

Mèo Manx: là loại mèo duy nhất không có đuôi, hai chân sau của chúng dài hơn hai chân trước và thường nhảy như thỏ khi chạy (có lẽ vì vậy mà người Tàu thay vì gọi năm nay là mao thì gọi là thỏ chảnh??). Tuy chân nó ngắn nhưng chạy rất nhanh và bền sức hơn các giống mèo khác.

Mèo lông dài: là các giống mèo lai Ba Tư (Iran), Angora. Chúng thường có mắt, tai và mũi dài. Đặc biệt là chúng có một cái khoang ở cổ màu đậm hơn.

Ngoài các giống mèo kể trên ta còn có nhiều loại mèo khác rất hiếm có là:

Giống mèo Úc châu: thường có tai, mũi lớn nhưng râu ngắn. Chúng được xem như là hậu duệ của mèo Xiêm.

Giống mèo Tây Tạng: thân chúng dài và màu đậm hơn loại mèo thường. Chúng thường được nuôi trong những ngôi đền ở Tây Tạng (Tibet).

Giống mèo Paragua: loại nhỏ con.

Giống mèo Mễ Tây Cơ: lông như chuột, thân ửng hồng.

Giống mèo tai xù: có đôi tai dài và xù xuống.

Giống mèo Kimono: thân giống như chiếc Áo Kimono của Nhật.

Và loại mèo Mã Lai và giống lông vàng Thái Lan.

2. Các loại mèo theo người Việt

Như trên đã đề cập, mèo có nhiều loại căn cứ vào bộ lông, nhưng riêng đối với người Việt thì công dụng thực tiễn nhất của mèo là bắt chuột. Do đó ta thường nói: “Chó giữ nhà, mèo bắt chuột”. Và với dáng điệu thướt tha, qua thân hình mềm mại, yêu kiều và tướng đi uyển chuyển nhẹ nhàng, nhưng không thiếu vẻ uy nghi như một chú cọp - chúa tể sơn lâm. Lại thêm đôi ria hai bên mép, càng tăng thêm vẻ “trai” của mèo. Ban đêm rình mồi thì mèo đã có cặp mắt sáng quắc xanh rờn từ trong bóng tối vờ ra bắt các chú chuột phá phách làm thức ăn cho riêng mình. Và do đó người Việt chúng ta lại chia mèo thành các loại sau:

- Mèo nhị thể, tam thể: là loại mèo có lông 2 hay 3 màu, thường là màu đen, vàng và trắng. Đây là loại mèo hiếm. Từ xưa ông cha ta quan niệm rằng mèo mẹ mà sanh ra con mèo tam thể thì đó là điềm lành, sẽ phát tài phát lộc.

- Mèo đen: Còn gọi là mèo mun, hay mèo mực vì thân hình đen thui như mực hay bộ lông láng mượt như gỗ mun.

- Mèo vá: là loại mèo thường là trắng có đốm đen, loang lổ như tấm áo vá của người ăn mày.

- Mèo vện: là loại mèo lông màu vàng đậm và có thể xen lẫn với màu vàng nhạt.

- Mèo mướp: là loại mèo đen nhạt, trông dơ bẩn như vết mực tàu lan trên tờ giấy ướt.

- Mèo trắng: có bộ lông trắng mượt nhưng lại có màu đen ở sau đuôi hay ở các đầu ngón chân. Còn gọi là mèo bạch.

- Mèo hoang: là loại mèo không chủ, chạy rong ngoài đường. Loại này vào nhà ai tức mang điềm dữ đến nhà ấy. Nên mới có câu: “Mèo ở đậu khó, chó ở đậu giàu.”

- Mèo ngoao: là loại mèo suốt ngày cứ kêu ngoao ngoao. Không ai thích nuôi loại mèo này vì cho rằng có nó trong nhà thì khó làm ăn phát tài phát lộc. Nên ta có câu: “Mèo ngoao cắn cổ ông thầy - Ông thầy

bắt được một bầy mèo ngoao.

Mèo và tín ngưỡng

Mèo gắn đời sống con người, nên có nhiều truyền thuyết, thần thoại, tranh, tượng... được thần thánh hoá. Tuy nhiên, mèo thỉnh thoảng bị coi là ma quỷ, ví dụ như nó không mang lại may mắn hay thường đi liền với những mục Phù thủy trong thời Trung cổ. Đặc điểm nền Văn hóa Ai Cập cổ đại về nông nghiệp, họ theo tôn giáo đa thần thờ nhiều thần linh. Biểu hiện nữ thần Bastet/ Pasht (Bastet được coi là vợ của thần mặt trời RA, mẹ của sư tử thần Mahes. Bastet mình sư tử đầu mèo là sức mạnh của mặt trời, bảo trợ cho sự phì nhiêu và tình mẫu tử).

Mèo sinh trưởng nhanh biểu tượng cho hạnh phúc và tình yêu. Theo nhà sử học người Hy Lạp Herodot (484-424 TCN) thời ấy nếu con mèo trong nhà chết, cả chủ nhà lẫn tôi tớ phải cạo lông mày và làm lễ tang long trọng. Nếu mèo nuôi trong các đền thờ thì cả xóm làng, thành phố đó phải để tang. Sau khi chết, mèo được ướp xác và chôn riêng ở một nghĩa trang, chọn nơi rất cao quý. Địa vị cao quý của loài mèo có lẽ bắt nguồn từ khả năng bắt chuột tài tình ở các vựa lúa của Ai Cập. Sự sùng kính quá độ này đã gây không ít tai họa, ai vô tình làm chết mèo bị kết tội tử hình.

Một số huyền thoại về mèo: con mèo của tiên tri Hồi giáo Mohammed, xe của nữ thần Freya luôn luôn vẽ hai con mèo, cầu Devil về mèo. Các ngôi đền đứng ở Tokyo Go-To-Ku-Ji, vinh danh mèo “Neko Maneki”. Ở Trung Quốc và Thái Lan vẫn còn thờ mèo như vị thần, ở Đông Timor ai giết một con mèo bị nguyên rủa cho tới bảy đời... Ngày nay các nước Tây phương có Hội bảo vệ súc vật, nếu ai đánh hay giết chó mèo cũng bị phạt.

Nhiều người cho rằng Mèo đen mang lại niềm vui, nhưng lại có người cho rằng nó mang lại niềm xui. Riêng người Việt Nam thì chỉ có sợ con Linh Miêu (tức giống kết tạo bởi mèo và rắn hổ).

Bảo tàng mèo

Nước Thụy Sĩ từ lâu đã có một Viện Bảo Tàng mèo nổi tiếng khắp thế giới. Nhưng mới đây đã có một Cụ Bà tên V. Cavaliauskene ở Siaulai, nước Latvia cũng đã thành lập được một bảo tàng riêng về mèo.

Số là bà ta từ lâu nay đã sưu tập được gần 10000 (mười ngàn) con mèo làm từ kim loại, gỗ, sứ, sành, thủy tinh, đá, ... và bày biện đầy rẫy trong các tủ kiếng ở nhà.

Hàng xóm láng giềng thấy lạ đến xem rất đông và

tấm tắc khen ngợi bộ sưu tầm phong phú của bà ta. Từ đó bà ta đã vui lòng biến nơi trưng bày mèo trong các tủ kiếng này thành Bảo tàng về mèo cho mọi người thưởng lãm.

Cũng tại thành phố Riane, Pháp vừa mới đây chính thức khánh thành một nhà bảo tàng tương tự. Và người ta đã bỏ ra hơn 30 (ba mươi) năm để sưu tầm mọi thứ về mèo nhằm lập nên nhà bảo tàng này.

Tính ra bộ sưu tầm phong phú này đã có đến hơn 10000 (mười ngàn) tư liệu bao gồm phim ảnh, tranh vẽ, tượng, sách, tem, băng ghi âm ... về con vật rất quen thuộc và gần gũi với con người từ hàng ngàn năm nay. Đặc biệt nhất của nhà bảo tàng này là những tài liệu và hiện vật về những con mèo quý của Vua Pharaon (Ramsès II) nước Ai Cập lúc xưa, nay cũng được trao lại cho nhà bảo tàng này để phục vụ quần chúng.

- Bảo Tàng Mèo Tại Thành Phố Kuching (Mã Lai) : Kuching là thủ phủ của bang Sarawak (Mã Lai Á) nổi tiếng nhờ mèo. Đặc biệt giống mèo ở đây đều có chiếc đuôi xoắn tít hay đuôi cụt như pho tượng mèo được tạc đứng trước chiếc cổng dẫn vào thành phố.

Cho đến nay không ai biết được xuất xứ của những con mèo kỳ lạ này tại Kuching, ngoài việc sự hiện diện đông đảo của chúng khắp thành phố. Có nhiều ý kiến về nguồn gốc của giống mèo này được các thương gia Tàu hoặc Ấn mang tới. Ngoài ra chúng cũng là hậu duệ của mèo rừng và mèo Xiêm tạo ra.

Theo tiếng Mã Lai, Kuching ngoài nghĩa chính là mèo còn dùng để chỉ một loại trái nhỏ giống như trái vải qua tên “Saungai Mata Kuching” mà cả người Mã lẫn người Việt đều gọi là mắt mèo, lúc đó mọc đầy hai bên bờ suối Mata Kuching. Năm 1988 Kuching trở thành thủ phủ của bang Sarawak, người dân ở đây đã dựng tượng “đại miêu” được coi là lớn nhất thế giới để ăn mừng. Ở đây còn có một bảo tàng mèo đặc biệt, trưng bày nhiều hình ảnh, hiện vật và tài liệu quý giá... nên thu hút rất nhiều du khách bốn phương. Từ đó ta mới biết được sự tôn thờ mèo như thần thánh của người cổ Ai Cập. Riêng các doanh nghiệp rất thích hai tượng mèo Nhật Bản mang tên Manekineko với ý nghĩa “chúc mừng thịnh vượng và phát tài”. Ngoài còn có một phòng đặc biệt, trưng bày hình ảnh của những nhân vật nổi danh trên thế giới rất yêu mèo như Victor Hugo, Florence Nightingale, Lincoln, Einstein, Hemingway...

Mèo qua tranh tết chuột dâng lễ vật cho mèo

Cứ mỗi lần Tết đến, ngày xưa người ta lại thấy bày

bán các loại tranh Tết ở các đầu vỉa hè hay ở chợ. Các tranh Tết ấy gồm đủ đề tài, nhưng đáng kể nhất là những bức: Thần Trà, Uất Lũy, Tam Đa, Tố Nữ, Cá Chép Trông Trăng, Con Công múa nước, Con Gà, Con Lợn, hoặc những bức tranh vui như hái dừa, đánh ghen, thầy đồ cóc dạy học, chuột vinh quy dâng lễ vật cho mèo....

Nhiều đề tài với nhiều ngụ ý khác nhau nhưng nhân dịp năm Kỷ Mão (mèo), thử bàn về ý nghĩa của bức tranh Chuột dâng lễ vật cho Mèo.

Cách bố cục của bức tranh rất khéo, chia làm hai tầng có vẽ một con mèo và mười hai con chuột.

Chuột được đậu tiến sĩ vinh quy bái tổ, đầu đội mũ cánh chuồng, mình mặc áo thụng xanh, chân đi hia, ngồi trên lưng con ngựa hồng, quay nhìn trở lại với bộ mặt hơi vênh lên, có vẻ tự đắc vì đã đỗ cao lại được cưới vợ đẹp. Theo hầu phía sau có con chuột đen cầm lọng và một con chuột khoang nửa trắng nửa đen cầm biển đề hai chữ "nghinh hôn" hoặc "vinh quy".

Con cầm lọng thì ra vẽ nghiêm trang, con cầm biển thì có vẻ tinh nghịch, quay đầu trở lại nhìn kiệu cô dâu. Bốn con chuột khác thì khiêng kiệu. Còn hai con phía sau thì nhìn trở lại như có ý cho ta thấy đám rước còn dài chưa hết. Cô dâu thì ngồi ở trong kiệu, cũng vấn khăn, mặc áo gấm xanh, nhìn chồng đang đi ở phía trước.

Trong khi đám cưới đang diễn hành thì ở tầng trên bốn con chuột cũng tiến lên dâng lễ vật cho mèo.

Con chuột đi đầu, hai tay dâng lên một con chim, cong mình sợ sệt, quắp cả đuôi lại. Con thứ hai xách cá trong tay, cũng đang tiến lên theo, cong đuôi, mắt nhìn mèo cũng có vẻ run sợ. Hai con chuột ở cuối thì thối kèn cũng tỏ vẻ sợ sệt không kém hai con đi đầu dâng lễ vật.

Con mèo thì được vẽ ở một góc trên cùng bức tranh, ai cũng trông thấy ngay, khiến nó trở thành nhân vật chính của bức tranh trào phúng đầy ý nghĩa.

Bức tranh chỉ có chú thích tên các nhân vật và hành động của chúng chứ không thấy có thơ đề như ở các bức tranh khác. Tuy nhiên có người lại nói rằng tranh ấy xưa kia có bốn câu thơ đề như sau:

Khôn khốn khôn khôn đã có đuôi
Đỗ cao, cưới vợ tiếng rầm trời
Chú mèo vừa mới vênh đầu ngó
Lễ cả sai quân đệ tới nơi.

Mấy câu thơ trên đã tả rõ cái cảnh quan trọng chuột vinh quy về vang trở về làng cưới vợ, khôn ngoan

đến vậy, nhưng cái "khôn mọc đuôi" ấy cũng không qua khỏi cách hèn kém là đút lót cho mèo. Việc làm ấy cũng là ngu xuẩn vì mèo khi nào lại thân với chuột được!

Ngụ ý của bức tranh thực sâu sắc. Nó cho ta thấy người dân quê Việt Nam trong xã hội phong kiến xưa kia đâu dám công khai chỉ trích đám quan lại uy quyền, hống hách, tham nhũng chuyên đục khoét của cải của dân chúng nghèo khổ, nên đã mượn bức tranh chuột vinh quy cưới vợ để gián tiếp phê bình. Và họ đã mượn hình ảnh chú mèo già, bề ngoài trông vẻ thuần hậu mà bên trong thì độc ác với lũ chuột - một loài chuyên gặm nhấm đục khoét, để đả kích bọn thống trị quan lại từ lớn đến nhỏ.

Qua hình ảnh của một đám rước vinh quy vui vẻ ấy, cũng biển cũng lọng, cũng mũ mành cân đai, cũng ngựa hồng, kiệu hoa, cũng kèn, cũng trống, nhưng muốn được như vậy, cả họ nhà chuột đã phải tìm cách dâng lễ cho mèo.

Bức tranh mặc dầu đã được sử dụng châm biếm từ xưa nhưng mãi đến nay vẫn còn có giá trị đặc biệt của nó. Chính bức tranh này đã nói lên được về uy quyền, cảnh bóc lột, tham nhũng dưới chế độ chuyên lái đục khoét, khoe tài - chính quyền Cộng Sản hiện nay tại quê nhà. Muốn có một chút quyền hành, uy lực phải đút lót, hối lộ rồi khi có được lại phải canh cánh ngày đêm lo đục khoét lại số vốn bỏ ra kéo chậm trễ mà mất tước cùng tiền tài. Ôi thật là một cảnh đau lòng cho người dân khốn đốn cùng cực đầu tắt mặt tối, quanh năm quần đi quần lại cũng chỉ bằng mồ hôi và nước mắt.

Mèo trong y học

Qua tối chuyện thịt mèo, nhiều bợm nhậu thề sống thề chết là rất ngon và nên thuốc, nhất là thịt mèo mun tức là mèo đen. Các vị đầu bếp cũng nói rằng khi lột da, thịt mèo cũng giống như thịt thỏ, cách nấu cũng tương tự, như nấu sốt vang, rô ti hay cà ri. Thịt mèo cũng được dùng trong y học cổ truyền với tên thuốc là miêu nhục. Xương mèo (miêu cốt) và mật mèo (miêu đởm) thường dùng là của mèo đen. Ngoài ra, xương đầu, nước tiểu và phổi mèo cũng được dùng làm thuốc.

Thịt mèo vị ngọt, mặn, chua, tính ấm, không độc, có tác dụng tiêu thũng, chống lao lực, giải độc, giảm đau, chữa bệnh được bệnh báng bụng, lao, chóng mặt, trĩ, mụn nhọt. Thịt mèo làm thuốc có thể dùng dưới dạng nấu chín ăn hoặc sấy khô tán thành bột pha nước uống.

Mật mề đen vị đắng, tính hàn, có tác dụng giảm đau, chống co thắt. Ngâm rượu uống hằng ngày chữa bệnh hen suyễn, đau bụng kinh niên. Xương mề đen vị ngọt, tính ấm có tác dụng bổ dưỡng ngâm rượu uống là thuốc bổ, giảm đau nhức, dùng thích hợp cho người cao tuổi. Xương đầu mề đốt thành tro, tán nhỏ, uống với rượu, chữa ho suyễn do đờm khí. Nước tiểu mề rỏ vào tai sẽ làm cho đĩa hoặc sâu bọ bò ra ngoài. Người ta lấy nước tiểu bằng cách bắt mề giữ chặt bốn chân, lấy vỏ bưởi xát vào mõng hoặc gừng tươi xát vào lỗ mũi, mề sẽ tiểu ra. Các dân tộc thiểu số ở miền Bắc dùng thịt và dạ dày mề rừng chữa cơ thể suy nhược, xanh xao, gầy yếu. Xương mề rừng ngâm rượu uống chữa đau nhức gân xương.

Ở Trung Quốc, thịt mề được sử dụng để làm thuốc dưới nhiều hình thức. Thịt mề ninh nhừ, thêm ít muối và rượu, ăn trong ngày chữa loét dạ dày. Thịt mề thái nhỏ, hấp cách thủy với đẳng sâm, long nhãn, ăn cái, uống nước, chữa thần kinh suy nhược, xuất huyết dưới da do dị ứng. Chữa chứng gan thận hư nhược bằng cách dùng thịt mề nấu chín với khởi tử, hoàng tinh, long nhãn, ăn cả cái lẫn nước. Chữa cam tẩu mã bằng xương đầu mề đen đốt cháy khô, tán bột, pha vào rượu để uống.

Trái lại với đà tiến bộ của nền văn minh vật chất lên đến tột đỉnh, người ta đã khám phá ra những tương quan mật thiết của mề trong Tây Y như sau:

a. Chỉ cột mỗ bằng tế bào ruột mề (Cat gut)

Đây là một ứng dụng ở phòng mổ. Chỉ cột các bộ phận ở nội tạng con người trong lúc phẫu thuật và may các lớp thịt và da lại đều được làm bằng ruột mề hay bằng những tinh chất hóa học có cấu tạo tương tự. Tùy theo nhu cầu, nhà chế tạo đã sản xuất ra nhiều loại chỉ to nhỏ khác nhau, đánh số từ 1 đến 6. Số càng lớn thì đường kính sợi chỉ càng nhỏ.

b. Bệnh móng (vuốt) mề cào

Mề có những móng nhọn rất sắc ở đầu các ngón chân. Y học Pháp gọi là "Maladie de griffe de chat". Y học Mỹ gọi là "Cat-scratch disease". Đó là một loại

bệnh nhiễm (infections), do một loại vi trùng được tìm thấy năm 1983, các loại vi khuẩn này thường sinh sản ở các vuốt mề, gây ra khi được truyền vào cơ thể con người sau khi bị mề cào, làm rách da chảy máu.

Ba tuần sau khi bị mề cào, chỗ da chảy máu bị sưng mủ. Người mắc bệnh thấy nhức đầu, chóng mặt, nóng sốt. Hạch nổi ở nách, cổ hoặc háng. Biến chứng sưng màng óc có thể xảy ra nhưng rất hiếm. Bệnh hay xảy ra ở con nít và giới trẻ thường hay đùa giỡn với mề. Không có thuốc gì riêng biệt để chữa trị và bệnh có thể tự nó lành hẳn vì mủ ở chỗ đã bị cào sưng từ đầu có thể tự nhiên tiêu đi. Bệnh này lúc xưa ở Việt Nam rất hiếm, bởi một lẽ rất dễ hiểu là trẻ em Việt Nam ít thích đùa giỡn với mề.

c. Bệnh tiếng mề kêu (Criduchat syndrome)

Đây là một hội chứng phức tạp di truyền do sự khiếm khuyết cấu tạo của đôi nhiễm thể thứ 5 (1). Đứa trẻ lúc lọt lòng mẹ đã có một khuôn mặt giống khuôn mặt mề, khóe mắt rộng, đôi khi bộ mặt tròn như hình mặt trăng. Đầu nhỏ và khoảng cách giữa hai con mắt lớn, và ngắn. Hai khóe mắt trong có nhiều đường nếp. Tai to và ngắn. Lớn lên đứa bé sẽ có khuôn mặt dài và mỏng lại không cân xứng. Một điểm đặc biệt là hạ thiệt và tiểu thiệt của đứa bé mềm và thanh quản bị teo nhỏ, do đó tiếng nói do cơ quan phát âm này truyền ra có một giọng giống như tiếng mề kêu vậy. Bệnh này chưa bao giờ thấy ở Việt Nam trước đây.

d. Bệnh mắt mề (Glaucome hay Glaucoma)

Đó là một chứng bệnh do sự tăng áp lực nhãn cầu sinh ra và gây ra biến chứng mù lòa. Bệnh này thường thấy ở người lớn tuổi, và mắt thường có màu lục đậm ở tròng đen như mắt mề ban đêm. Vì thế bệnh được phiên âm ra danh từ "bệnh mắt mề" (2) cho dễ hiểu, bệnh có thể chữa bằng thuốc Diamox hay Zolamox, hay bằng giải phẫu. Cả hai phương pháp đều có mục đích làm cho thủy dịch trong nhãn cầu bớt xuống, từ đó áp lực mắt giảm thấp đến con số bình thường từ 25 đến 30. Bệnh này rất thường thấy ở Việt Nam. Theo thống kê của Khu Nhãn Khoa (3) Bệnh Viện Bình

Gọi Xuân

Chiều xuân rơi xuống từ lâu
Ngọn đèn chờ đó
buông sầu bơ vơ
Thời gian đếm những ngu ngơ
Bước qua mấy nẻo
thần thơ riêng mình
Bên cửa sổ
nến lung linh
Bóng in tường cũ
lặng thinh lòng mềm
Mây trôi
chìm khuất bóng đêm
Tuyết rơi theo gió
bên thềm đông đưa
Hỡi người!
còn nhớ xuân xưa
Đêm dài xứ lạnh
ai vừa gọi xuân.

Cơ Phu

Dân, Sài Gòn trước năm 1975 thì tỉ số người mắc bệnh lên đến 35%.

Nói tóm lại, ngoài công dụng "bắt chuột", mèo không tương xứng cho cái gì cả, mà trái lại theo phần đông và theo kinh nghiệm truyền thuyết, mèo chỉ đem lại cho đời sống chúng ta nhiều cái xấu hơn cái tốt.○

Chú thích:

(1) Nhiễm thể là yếu tố di truyền. Mỗi tế bào sinh dục đực có 23 nhiễm thể. Mỗi tế bào sinh dục cái cũng vậy. Sau khi giao hợp, hai tế bào đó liên hợp lại và tạo thành bào thai có tế bào sinh dục chứa 23 đôi nhiễm thể (46 nhiễm thể). Tùy theo sự bất thường về cấu tạo của mỗi nhiễm thể mà ta sẽ có những hợp chứng bệnh lý khác nhau.

(2) Phỏng theo tài liệu của Ủy Ban Danh Từ Y Học do Bác sĩ Nguyễn Đình Cát, Giáo sư bệnh lý nhãn khoa trường Đại Học Y Khoa Sài Gòn, trước năm 1975 làm Chủ Tịch phiên dịch. Do chữ "Oeil de chat" mà ra.

(3) Bác sĩ Nguyễn Đình Cát, Giáo sư trưởng khoa bệnh lý.

* Phần y học: Theo tài liệu y khoa trích ở cuốn "Current Medical Diagnosis & Treatment", Lange Medical Publications, Los Altos, California 94022.

Pháp Âm lược lặt và biên soạn



năm Mão với lịch sử và danh nhân

Tân Mão 2011 lại về, vậy chúng ta cùng nhau ôn lại một vài sự kiện lịch sử đáng nhớ, cũng như nhớ về một số nhân vật (danh nhân) đáng nhớ qua những năm Mão...

A. Những Năm Mão Lịch Sử

* **Năm Quý Mão 258** (trước Công Nguyên) là năm cuối cùng chấm dứt triều đại các vua Hùng theo truyền thuyết. Thục Phán lập ra nước Âu Lạc nhưng về sau đã bị Triệu Đà thôn tính để lập ra nước Nam Việt.

* **Năm Tân Mão 31** (thế kỷ thứ I) đời Quang Vũ nhà Hán bên Trung quốc, các lãnh tụ ở đất cũ của Triệu Đà (Giao Chỉ) đã lần lượt theo về với vua nhà Hán và cho sứ đến triều cống.

* **Năm Quý Mão 43**, Hai Bà Trưng phải lui binh khỏi Lăng Bạc vượt sông Hồng về căn cứ Cấm Khê, dựa vào rừng núi để đánh lâu dài. Nhưng vì quân của Mã Viện quá đông, có thủy bộ phối hợp, lại thạo đánh tập trung theo kiểu trận địa nên quân của Hai Bà Trưng bị thiệt hại nặng. Hai Bà Trưng đã chiến đấu anh dũng và hy sinh.

* **Năm Đinh Mão 187**, Nhà Hán suy yếu, cử Lý Tiến làm Thứ sử Giao Chỉ. Nhiều quan lại và dân chúng người Hán và Nho giáo bắt đầu du nhập vào Giao Chỉ.

* **Năm Đinh Mão 547**, Triệu Quang Phục đem hơn một vạn quân từ Khuất Lão về đóng ở đầm Dạ Trạch, lấy đó làm căn cứ để chiến đấu lâu dài. Người trong nước gọi đầm này là đầm Dạ Trạch, gọi Triệu Quang Phục là Dạ Trạch vương (Vua Đầm đêm).

* **Năm Tân Mão 571**, Lý Phật Tử chống lại Triệu Quang Phục để tranh quyền. Triệu Quang Phục thua,

Lý Phật Tử xưng vương. Bên Trung quốc nhà Tùy diệt được nhà Lương, thống nhất thiên hạ, sai tướng là Lưu Phương đem quân chinh phục miền Nam. Lý Phật Tử về hàng nhà Tùy, nước ta lại lệ thuộc phương Bắc như cũ.

* **Năm Đinh Mão 607**, chính quyền đô hộ nhà Tùy chuyển trụ sở của quận Giao Chỉ từ Long Biên (Bắc Ninh) về huyện Tống Bình. Từ đây, vùng đất Trung tâm Hà Nội chính thức được chính quyền đô hộ phương Bắc chọn làm thủ phủ. Sự kiện này mở đầu quá trình đô thị hóa Tống Bình - Đại La.

* **Năm Kỷ Mão 679**, đặt An Nam đô hộ phủ bao gồm 12 châu, 59 huyện. Trụ sở của An Nam đô hộ phủ đóng ở Tống Bình. Từ đây cho đến đầu thế kỷ X, Tống Bình (Hà Nội) trở thành đại bản doanh của chính quyền đô hộ.

* **Năm Đinh Mão 907**, Khúc Thừa Dụ mất, Khúc Hạo (con Khúc Thừa Dụ) lên thay giữ chức Tiết độ sứ. Là nhà cải cách và tổ chức quản lý giỏi. Ông củng cố nền độc lập non trẻ, lấy “khoan, giản, an, lạc” (khoan dung, giản dị, yên ổn, vui vẻ) làm phương châm trị nước và tiến hành những cải cách táo bạo về hành chính, kinh tế, xã hội, pháp luật, chia đặt lại các lộ, phủ, châu, giáp và xã ở các xứ.

* **Năm Tân Mão 931**, Nghĩa quân Dương Đình Nghệ (Dương Diên Nghệ) là tướng của họ Khúc từ Thanh Hóa tiến ra Bắc, chiếm thành Đại La (Hà Nội), lật đổ chính quyền đô hộ Nam Hán, tiếp tục sự nghiệp họ Khúc, làm chủ đất nước và tự xưng làm Tiết độ sứ. Được 6 năm thì bị Kiều Công Tiễn phản bội và giết chết. Con rể là Ngô Quyền đem quân chống trả, Kiều Công Tiễn thua, cầu cứu vua Nam Hán là Lưu Cung. Và Thái tử Nam Hán là Lưu Hoằng Tháo đem quân sang nước ta bị Ngô Quyền đánh bại trong trận Bạch Đằng vào năm 938.

* **Năm Đinh Mão 967**, nghĩa quân của Đinh Bộ Lĩnh đánh đâu thắng đấy, dẹp được loạn 12 sứ quân. Và lên ngôi vua tự xưng là hoàng đế (thường gọi là Đinh Tiên Hoàng), lấy niên hiệu là Thái Bình, đặt quốc hiệu Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư (Ninh Bình), xây dựng triều chính, mở đầu triều Đinh.

* **Năm Quý Mão 1063**, đầu Xuân, đích thân vua Lý Thánh Tông ra cày ruộng (cày tịch điền) ở cửa Bồ Hải (Thái Bình) để làm gương cho dân chúng. Tháng 5, ban lệnh khoan hồng tội phạm và giảm tính hà khắc của luật lệ.

* **Năm Ất Mão 1075**, Vua Lý Nhân Tông cho mở khoa thi Tam trường (tiến sĩ) để chọn người tài làm quan. Đây là khoa thi đầu tiên ở nước ta, chọn được

hơn mười người. Người đỗ thủ khoa là Lê Văn Thịnh, và là vị tiến sĩ đầu tiên ở nước ta.

* **Năm Ất Mão 1075**, Lý Thường Kiệt theo lệnh của vua Lý Nhân Tông (1072-1127) đem quân đánh chiếm các châu Khâm, châu Liêm, châu Ung (nay thuộc Nam Ninh, tỉnh Quảng Tây, lãnh thổ Trung quốc thời nhà Tống). Tướng nhà Lý là Tôn Đản vây thành 40 ngày, tướng nhà Tống là Tô Dam giữ thành không được bèn cùng vợ con tất cả 36 người tự tử một lượt. Cũng trong năm đó, trước khi đem quân đánh nhà Tống, Lý Thường Kiệt đã đem quân đánh Chiêm Thành, thu hồi đất của Chế Củ đã nhường ngày trước và đem dân Việt từ Bắc vào ở. Ranh giới giữa Đại Việt và Chiêm Thành gọi là Cửa Việt, thuộc tỉnh Quảng Trị bây giờ.

* **Năm Ất Mão 1315**, vua Trần Minh Tông (1314-1329) ban hành luật cấm người trong họ hàng không được thừa kế nhau để giữ tình nghĩa bà con, tạo nên phong tục tốt trong nhân dân.

* **Năm Kỷ Mão 1399**, đập tan cuộc binh biến của Thượng tướng Trần Khát Chân, tháng 7, Hồ Quý Ly tự phong làm Quốc tổ Chương Hoàng, thu tóm quyền lực tối cao và chuẩn bị đoạt ngôi nhà Trần.

* **Năm Quý Mão 1423**, Bình Định Vương Lê Lợi, sau khi đánh nhau với quân nhà Minh bị tổn thất nặng và bị bao vây trong vùng núi Chí Linh, thiếu lương thực, đã xin hòa với giặc rồi đem quân trở về đóng ở Lam Sơn để củng cố lực lượng.

* **Năm Kỷ Mão 1459**, Thái tử Nghi Dân giết Vua Lê Nhân Tông (1443-1459) và Hoàng Thái Hậu, mẹ vua rồi tự tôn lên làm vua. Đây là thời kỳ đen tối của triều đại nhà Lê sau Lê Thái Tổ (Lê Lợi). Về sau Nghi Dân bị Đại thần nhà Lê là Nguyễn Xí, Đinh Liệt lật đổ và tôn Thái tử Lê Tư Thành lên ngôi tức Lê Thánh Tông (1460-1497), lập ra triều đại thịnh trị cho nhà Lê cả về chính trị, quân sự lẫn văn hóa, xã hội.

* **Năm Quý Mão 1483**, Vua Lê Thánh Tông cho biên soạn và ban hành Bộ Luật Hồng Đức, gồm 722 điều, được gọi là “Quốc triều hình luật”.

* **Năm Ất Mão 1579**, chú của vua nhà Mạc là Mạc Kính Điển, một nhà quân sự kiêm chính trị danh tiếng của nhà Mạc mất. Từ đó, thế lực của nhà Mạc yếu dần, và cuối cùng bị tiêu diệt.

* **Năm Tân Mão 1591**, với danh nghĩa phò Lê, quân của Trịnh Tùng kéo ra Thanh Hóa đánh với quân của Mạc Mậu Hợp. Nhưng vì nội bộ nhà Mạc lung củng nên quân Mạc thua to, Mạc Mậu Hợp bị bắt

đem về Thăng Long xử tội. Năm 1592, Trịnh Tùng rước vua Lê vào thành Thăng Long, nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê từ Mạc Đăng Dung (1527) đến Mạc Mậu Hợp (1592) làm vua được 65 năm.

* **Năm Đinh Mão 1627**, tháng 3, quân Trịnh đánh Lũy Thầy (Quảng Trị), mở màn cuộc nội chiến tàn khốc nhất trong lịch sử Việt Nam: Chiến tranh Trịnh - Nguyễn (1627-1672).

* **Năm Quý Mão 1663**, Trịnh Tạc cho người mang lễ vật qua xin nhà Thanh phong cho vua Lê. Bốn năm sau, 1667, vua Khang Hy nhà Thanh sai sứ qua Thăng Long, phong cho vua Lê làm An Nam Quốc Vương.

* **Năm Đinh Mão 1687**, chúa Nguyễn Phúc Trăn dời đô về làng Phú Xuân tức thành Huế bây giờ, thường gọi là thành Phú Xuân hay kinh đô Phú Xuân.

* **Năm Tân Mão 1771**, Trịnh Quốc Anh là người Triều Châu sang ở đất Xiêm, tự xưng làm vua, bắt vua Chân Lạp phải triều cống. Nhưng vua Chân Lạp là Nặc Ông Tôn không chịu và theo chúa Nguyễn. Quân Xiêm của Trịnh Quốc Anh đánh nhau với quân Chân Lạp (Kampuchia) và uy hiếp thành trì của Mạc Cửu ở Hà Tiên. Lúc bấy giờ Mạc Cửu đã chết, con là Mạc Thiên Tứ không giữ được thành, phải bỏ chạy. Chúa Nguyễn sai Nguyễn Cửu Đàm đem binh thuyền đi đánh quân Xiêm, tiến chiếm lại thành Nam Vang (Chân Lạp), quân Xiêm phải rút về.

* **Năm Tân Mão 1771**, anh em Tây Sơn phát cờ khởi nghĩa với mục tiêu lật đổ cả chúa Nguyễn lẫn triều đình Lê - Trịnh. Quân Tây Sơn giành thắng lợi hoàn toàn sau 16 năm.

* **Năm Quý Mão 1783**, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ dẫn quân vào đánh thành Gia Định (Sài Gòn), chúa Nguyễn Phúc Ánh phải đem gia đình chạy trốn ra đảo Phú Quốc, rồi lại chạy ra đảo Cổ Long rồi Cổ Cốt. Trong khi đó ở miền Bắc, Trịnh Sâm chết (1782), Đặng Thị Huệ dựa vào thế lực của Hoàng Đình Bảo, phế bỏ con trưởng của Sâm là Trịnh Tông (Khải) mà lập con của Đặng Thị Huệ là Trịnh Cán, còn nhỏ, lên ngôi. Lính Tam Phủ làm loạn giết Hoàng Đình Bảo, bắt giam Đặng Thị Huệ, đưa Trịnh Tông lên làm chúa. Tình hình ở Thăng Long rất lộn xộn tạo điều kiện cho quân Tây Sơn theo Nguyễn Hữu Chỉnh từ Thuận Hóa kéo ra đánh lấy Bắc Hà.

* **Năm Ất Mão 1795**, Võ Tánh là tướng của chúa Nguyễn chiếm được thành Diên Khánh (gần Nha Trang) của Tây Sơn, tướng Tây Sơn là Trần Quang Diệu đem quân từ Thuận Hóa vào giải vây. Võ Tánh quyết giữ thành, Trần Quang Diệu đánh mãi không

được. Trong lúc quân hai bên đang chống nhau chưa phân thắng bại ở Quy Nhơn thì ở Phú Xuân (Huế), nội bộ triều đình Tây Sơn chia rẽ. Bốn người được đưa lên hàng quan trọng nhất của triều đình Tây Sơn ở Phú Xuân là Trần Quang Diệu (Thiếu Phó), Nguyễn Văn Huân (Thiếu Bảo), Vũ Văn Dũng (Đại Tư Đồ) và Nguyễn Văn Danh tức Nguyễn Văn Tứ (Đại Tư Mã) gọi là tứ trụ đại thần. Do sự chia rẽ đó mà triều đình Tây Sơn dần dần suy yếu và về sau bị mất về tay chúa Nguyễn Phúc Ánh (tức vua Gia Long).

* **Năm Đinh Mão 1807**, vua Gia Long đã xây xong thành Phú Xuân, tức kinh đô nhà Nguyễn ở Huế. Thành ngoại và thành nội đã xong, nhưng việc kiến thiết các cung điện vẫn còn kéo dài cho đến đời Minh Mạng (1820-1840) mới hoàn thành. Cũng trong năm này, vua nước Chân Lạp (Kampuchia) là Nặc Ông Chân bỏ không thần phục vua Xiêm (Thái Lan) mà xin về thần phục vua Việt Nam, cứ ba năm theo lệ đến triều cống một lần. (Phẩm vật gồm có: 2 con voi đực cao 5 thước ta, 2 chiếc sừng tê giác, 2 cái ngà voi, 50 cân hạt sa nhân, 50 cân đậu khấu, 50 cân sáp ong, 50 cân cánh kiến, 20 lạng sơn đen).

* **Năm Kỷ Mão 1819**, Tầu buôn của Pháp chở hàng hóa đến cửa Đà Nẵng buôn bán và mua các sản phẩm của nước ta đem về. Dịp đó, ông Chaigneau, một người Pháp đã giúp vua Gia Long đánh Tây Sơn ngày trước và đang làm quan tại triều đình cũng xin nghỉ ba năm để đem vợ con về Pháp.

* **Năm Kỷ Mão 1819**, Vua Gia Long tên là Nguyễn Phúc Ánh mất, miếu hiệu là Thế Tổ Cao Hoàng Đế của nhà Nguyễn, thọ 59 tuổi, ở ngôi được 18 năm.

* **Năm Tân Mão 1831**, vua Minh Mạng bắt đầu thi hành chính sách Trung ương tập quyền, cải tổ nền hành chính do vua Gia Long đặt ra trước đây, bỏ chức tổng trấn, đổi trấn làm tỉnh, đặt chức tổng đốc, tuần vũ, bố chính sứ, án sát sứ và lãnh binh để cai trị các tỉnh, đồng thời đặt tất cả các tỉnh trực thuộc chính quyền Trung ương.

* **Năm Kỷ Mão 1879**, Khâm Sứ Pháp ở Huế là Philastre về nước và Rheinart trở lại làm Khâm Sứ ở Huế. Le Myr de Viliers làm Thống Đốc ở Sài Gòn, cai trị xứ Nam Kỳ thuộc địa của Pháp. Philastre là một người biết chữ Nho, hiểu văn hóa phong tục Việt Nam nên việc giao thiệp giữa triều đình Huế và Pháp dễ dàng hơn. Khi Philastre về nước rồi, sự giao thiệp giữa hai bên Pháp Việt càng ngày càng khó khăn hơn.

* **Năm Ất Mão 1915**, nước Pháp bị nước Đức tấn công trong thế giới chiến tranh lần thứ nhất (1914-1918), một số thanh niên Việt Nam được đưa qua Pháp làm lính thợ trong các nhà máy để bảo vệ nước Pháp.

* **Năm Đinh Mão 1927**, Nguyễn Thái Học thành lập Việt Nam Quốc Dân Đảng vào ngày lễ Giáng Sinh 25.12.1927 và ba năm sau (1930), cuộc khởi nghĩa Yên Bái bị thất bại, Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí bị bắt, và bị xử tử.

* **Năm Kỷ Mão 1939**, Trương Tử Anh lập ra Đại Việt Quốc Dân Đảng với chủ nghĩa Dân Tộc Sinh Tồn (1939).

* **Năm Tân Mão 1951**, chiến tranh giữa Việt Minh (do Hồ Chí Minh lãnh đạo) và Pháp tại Việt Nam đang hồi biến chuyển. Việt Minh từ thế yếu chuyển qua thế tấn công được Trung quốc hậu thuẫn. Phe Quốc Gia do Quốc Trưởng Bảo Đại lãnh đạo, được Pháp trao trả độc lập từ 1949 và ở trong khối Liên Hiệp Pháp, chưa đủ mạnh để đương đầu với Cộng Sản. Kết quả, Việt Minh thắng trận Điện Biên Phủ 7 tháng 5, 1954 và 20-7-1954, hiệp định Genève ra đời, nước Việt Nam bị chia đôi, miền Bắc thuộc Việt Minh (chế độ Cộng Sản do Hồ Chí Minh lãnh đạo) miền Nam thuộc Quốc Gia (do Quốc Trưởng Bảo Đại và Thủ Tướng Ngô Đình Diệm lãnh đạo).

* **Năm Quý Mão 1963**, Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị phe quân nhân lật đổ và sát hại.

* **Ngày 30.4 năm Ất Mão 1975**, Cộng Sản Miền Bắc không tôn trọng lời cam kết sau khi ký hiệp định Paris ngày 27 tháng 1 năm 1973, đã xua quân đánh cưỡng chiếm miền Nam Việt Nam với sự hậu thuẫn của cả Liên Xô và Trung quốc, trong khi Mỹ rút lui khỏi Việt Nam và không tiếp tục viện trợ quân sự, ... Hàng triệu người đã phục vụ dưới lá cờ VNCH trong đó gồm có binh sĩ, sĩ quan, cán bộ, công chức, các thành phần chính trị, tôn giáo, dân cử, báo chí v.v... đã bị bắt đi tù trong các trại tập trung của Cộng Sản VN gọi là trại Cải Tạo. Rồi từ đó đã có hàng triệu người phải bỏ nước ra đi, kể đến được bờ tự do kẻ bỏ mình trên biển cả, rừng sâu, nước độc... rồi thêm không biết bao nhiêu người đã chếttrong niềm đau khổ không cùng: xa quê hương, không một lần trở lại.

B. Danh Nhân Việt Nam Tuổi Mão

* **Trần Nhật Duật**: Sinh năm Ất Mão (1255-1331). Ông quê Nam Định, là người con thứ 6 của vua Trần Thái Tông. Ông từ nhỏ đã nổi tiếng hiếu học. Tuyên

truyền rằng khi mới sinh, trên tay Ông có bốn chữ "Chiêu Văn đồng tử". Vua Trần lấy đó mà đặt vương hiệu cho ông là Chiêu Văn (có nghĩa là đón, gọi cái đẹp).

Ông chẳng những rất giỏi việc chính trị, ngoại giao, quân sự, lại thông thạo nhiều ngôn ngữ (Tống, Chiêm), phong tục tập quán của các sắc tộc trong và ngoài nước, mà còn là nhà sáng tác âm nhạc, nhà văn xuất sắc.

Ông có nhiều công lao xây dựng và bảo vệ đất nước, đem lại an lành cho dân. Chiến thắng Hàm Tử Quan (tháng 4 năm 1285) là một trong những trận đánh nổi tiếng trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Nguyên.

Ông từng phục vụ 4 triều vua Trần (Nhân Tông, Anh Tông, Minh Tông, và Hiến Tông). Ông được vua Trần Anh Tông phong làm Thái Úy Quốc Công (1302), và được vua Minh Tông phong thành Tá Thách Thái Sư (Tể Tướng) năm 1324, và lại phong Đại vương năm 1329. Ông mất năm Tân Mùi (1331) đời vua Hiến Tông, thọ 77 tuổi.

* **Phạm Ngũ Lão**: Sinh năm Ất Mão (1255-1320). Quê ở làng Phù Ủng, huyện Đường Hào, Hải Dương (nay thuộc huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên).

Tên tuổi ông gắn chặt với những chiến công hiển hách như các trận Chương Dương, Hàm Tử, Vạn Kiếp, Bạch Đằng... Ông cũng đã bốn lần cất quân đi trừng phạt sự xâm chiếm, quấy nhiễu của quân Ai Lao, hai lần Nam chinh đánh thắng quân Chiêm Thành, buộc vua Chiêm là Chế Chí phải xin hàng.

Ông được Vua Trần Nhân Tông phong chức Hữu Kim ngô Đại tướng quân năm 1290, đến đời Vua Trần Anh Tông lại được thăng tới chức Điện Súc Thượng tướng công (quan nội hầu).

Không chỉ có tài về quân sự, mà ông còn để lại nhiều bài thơ về chí trai, lòng yêu nước. Hiện nay tác phẩm của ông chỉ còn lại hai bài là Thuật hoài (Tỏ Lòng) và Văn Thượng tướng quốc công Hưng Đạo Đại Vương (Viếng Thượng tướng quốc công Hưng Đạo Đại Vương).

Ông mất ngày 1 tháng 11 năm Nhâm Thân (1320), hưởng thọ 66 tuổi. Vua Trần Minh Tông nghỉ châu 5 ngày.

* **Trần Quốc Toản**: Sinh năm Đinh Mão (1267-1285). Ông là Tôn thất nhà Trần. Vào tháng 10 năm 1282, các vua Trần mở hội nghị Bình Than để bàn kế chống quân Nguyên. Đại Việt Sử ký Toàn thư (ĐVSKTT) chép: Vua thấy Hoài Văn Hầu Quốc

Toản, Hoài Nhân Vương Kiện đều còn trẻ tuổi, không cho dự bàn. Quốc Toản trong lòng hổ thẹn, phần kích, tay cầm quả cam, bóp nát lúc nào không biết. Sau đó Quốc Toản lui về, huy động hơn nghìn gia nô và thân thuộc, sắm vũ khí, đóng chiến thuyền, viết lên cờ sáu chữ: "Phá cường địch, báo hoàng ân" (phá giặc mạnh, báo ơn vua). Sau này, khi đối trận với giặc, tự mình xông lên trước quân sĩ, giặc trông thấy phải lui tránh, không dám đối địch. Đến khi mất, vua rất thương tiếc, thân làm văn tế, lại gia phong tước vương.

Ông tham gia nhiều trận đánh với những chiến tích vang dội và hy sinh ngày 2-2 âm lịch năm Ất Dậu (1285), khi ông mới 19 tuổi.

* **Mạc Đăng Dung:** Sinh ngày 23.11 năm Quý Mão (1483-1541), trong một gia đình làm nghề đánh cá ở làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương (nay là huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng).

Ông là cháu 7 đời của Trang Nguyên triều Trần Mạc Đĩnh Chi. Cha là Mạc Hịch và mẹ là Đặng Thị Hiếu con gái Đặng Xuân, người cùng làng Cổ Trai, sinh được ba người con trai là Mạc Đăng Dung, Mạc Đăng Đốc (Đốc Tín) và Mạc Đăng Quyết.

Ông làm Thiên vũ vệ đô chỉ huy sứ năm 1508, và làm Đô chỉ huy sứ tước Vũ Xuyên bá năm 1511.

Năm 1523, Mạc Đăng Dung nhân phe Chiêu Tông yếu thế, điều quân đánh Thanh Hoá. Ông bắt được Vua Lê Chiêu Tông năm 1525, mang về Thăng Long và giết chết năm 1526.

Ông lên làm vua từ ngày 15 tháng 6 âm lịch năm 1527 đến hết năm 1529 với niên hiệu Minh Đức. Sau đó, học theo nhà Trần, nhường ngôi cho con là Mạc Đăng Doanh (tức Mạc Thái Tông) để lui về làm Thái thượng hoàng.

Mặc dù trong giai đoạn từ đời Lê Uy Mục đến đời Lê Cung Hoàng thì nhà Hậu Lê đã cực kỳ suy tàn, khởi nghĩa và nổi loạn nổi lên ở nhiều nơi, triều chính thối nát ... ông vẫn bị người đời xem như đã tiếm ngôi vua. Tuy thời gian làm vua rất ngắn, nhưng ông cũng đã làm được một số việc như: cho đúc tiền Thông Bảo, truy tôn Mạc Đĩnh Chi là Kiến Thủy Khâm Ninh Văn Hoàng Đế, xây cung điện ở Cổ Trai, lấy Hải Dương làm Dương Kinh, tổ chức thi tuyển chọn người có tài (thi Hội năm 1529), cũng như sửa định binh chế, điền chế, lộc chế và đặt các vệ-phủ, v.v..

Năm 1540, Mạc Thái Tông mất, Đăng Dung lập cháu nội là Mạc Phúc Hải lên ngôi, tức là Mạc Hiến

Tông. Ông mất ngày 22 tháng 8 năm Tân Sửu (1541), thọ 59 tuổi.

* **Nguyễn Đăng Đạo:** Ông sinh năm Tân Mão (1651-1719), người xã Hoài Bão (có tục danh là làng Bịu), tổng Nội Duệ (nay là xã Liên Bão, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh). Thân phụ ông là tiến sĩ Nguyễn Đăng Minh, giữ chức Quốc tử giám tế tửu trong triều Lê. Ông còn là cháu ruột của thám hoa Nguyễn Đăng Cảo, em trai Nguyễn Đăng Tuân. Ngay từ nhỏ ông đã nổi tiếng thông minh, hoạt bát.

Năm 16 tuổi Nguyễn Đăng Đạo đi thi và đỗ tam trường (tú tài). Năm 19 tuổi lại đỗ đầu hương cống (cử nhân), được triều đình cho vào học tại Quốc Tử Giám. Năm Chính Hòa thứ 4 (Quý Hợi, 1683) ông thi đình và đỗ trạng nguyên đời Vua Lê Hy Tông.

Sau khi đỗ trạng, ông được triều đình giao cho giữ nhiều chức vụ quan trọng từ Đô đài ngự sử, Binh bộ Thượng thư rồi lên chức quan cao nhất là Tể tướng đời nhà Hậu Lê.

Ông mất năm Kỷ Hợi 1719, được phong Lại bộ Thượng thư tước Thọ Quận công. Sau khi ông mất vua Lê Dụ Tông và Chúa Trịnh Cương vô cùng thương tiếc ban cho 4 chữ: "Lưỡng quốc trạng nguyên" và 1 câu đối:

Tiến sĩ, thượng thư thiên hạ hữu
Trạng nguyên, tể tướng thế gian vô.

(Đậu tiến sĩ làm đến thượng thư thì trong thiên hạ thấy có nhiều, nhưng đậu trạng nguyên làm đến tể tướng thì hiếm có)

* **Nguyễn Phúc Chu:** Sinh năm Ất Mão (1675-1725), nhưng theo gia phả dòng họ Nguyễn Phúc thì ông sinh tháng chạp năm Bính Tý (1697). Ông là con trưởng của chúa Nghĩa Nguyễn Phúc Thái, mẹ họ Tống, người ở Quý Huyện, tỉnh Thanh Hóa.

Trong số chín đời chúa Nguyễn, Ông là một trong những vị chúa nhiều tài ba. Năm 17 tuổi, được tôn lên làm Tiết Chế Thủy Bộ Chư Dinh kiêm Tổng Nội Ngoại Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự Thái Bảo Tộ Quận Công. Ông là người hâm mộ đạo Phật và có đạo hiệu là Thiên Túng Đạo Nhân. Trong thời gian trị vì, Ông cho mời nhà sư Thích Đại Sán từ Trung Hoa sang để chấn chỉnh Đạo Phật ở Đàng Trong, khi về nước nhà sư có viết sách Hải Ngoại Ký Sự hết lời ca ngợi ông.

Nổi nghiệp chúa, ông đã áp dụng nhiều chính sách chiêu hiền đãi sĩ, cầu lời hay, nạp lời can gián, bỏ xa hoa, ít chi phí, nhẹ thuế má giao dịch, bớt việc hình ngục, trăm họ không ai là không vui mừng. Nhưng

quan trọng hơn cả là chúa đã thực hiện được việc mở rộng bờ cõi; bảo vệ tổ quốc và đặt nền móng vững chắc cho cả vùng đất nam Trung Bộ và Nam Bộ xưa:

Năm Nhâm Thân (1692) đổi nước Chiêm Thành làm trấn Thuận Thành, sau đổi thành phủ Bình Thuận. Năm Đinh Sửu (1697), chúa đặt phủ Bình Thuận, lấy đất Phan Lý (Phan Rí), Phan Lang (Phan Rang) làm huyện Yên Phúc và huyện Hoa Đa. Năm Mậu Dần (1698), chúa sai Nguyễn Hữu Cảnh vào chia đất Đông Phố thành hai miền; Lấy xứ Lộc Dã (Đồng Nai) làm huyện Phước Long, lập dinh Trấn Biên (Biên Hòa), lấy xứ Sài Côn làm huyện Tân Bình, lập dinh Phiên Trấn (tức Gia Định). Năm Mậu Tý (1708), có Mạc Cửu người Quảng Đông không phục nhà Thanh, bỏ chạy sang Chân Lạp, được vua Chân Lạp cho làm chức Ốc Nha (?). Mạc Cửu khai hoang lập được 7 xã ở Hà Tiên. Sau xin đem đất đó quy thuận nước ta. Quốc chúa nhận lời và giao cho Mạc Cửu giữ chức Tổng Binh, trấn giữ Hà Tiên. Nước ta mở rộng bờ cõi đến Hà Tiên kể từ năm đó.

Năm Kỷ Sửu (1709) Chúa sai đúc Quốc bảo. Đó là chiếc ấn khắc chữ” ĐAI VIỆT NGUYỄN CHÚA VĨNH TRẤN CHI BẢO“. Chiếc ấn này đã được lưu truyền cho đến các vua nhà Nguyễn sau này.

Quốc Chúa mất vào tháng 4 năm Ất Tỵ (1725), ở ngôi 34 năm, thọ 51 tuổi. Chí hướng của chúa được thể hiện trên một bài ‘minh’ do chúa viết trên chiếc chuông đồng tại chùa Thiên Mụ (Huế) đúc năm 1710 :

”Duy nguyên phong điều vũ thuận, quốc thái dân an, pháp giới chúng sinh đồng viên chủng trí“ (Nguyễn cầu gió hòa mưa thuận, nước thịnh dân an, chúng sinh trong pháp giới đều được vẹn toàn trí tuệ).

* **Nguyễn Thiếp:** Sinh ngày 25 tháng 8 năm Quý Mão (1723-1804). Thuỷ tổ quê ở Cương Gián (Nghị Xuân, Hà Tĩnh), lấy vợ lẽ lập chi họ Nguyễn ở làng Mật Thôn, xã Nguyệt Ao (Nguyệt Úc), tổng Lai Thạch, huyện La Sơn, phủ Đức Quang (nay là xã Kim Lộc, Can Lộc, Hà Tĩnh).

Năm 20 tuổi (1743) ông đỗ giải Hương, đến năm 26 tuổi, ông đi thi Hội một khoa vào tam trường. Từ đây, ông thề không đi thi nữa.

Ông huý Minh, tự Quang Thiếp, hiệu tự đặt là Lạp Phong cư sĩ, Bùi Phong cư sĩ, Cuồng Ẩn, Hạnh Am tiên sinh, Nguyệt Ao tiên sinh, La Giang phu tử. Riêng Vua Quang Trung (Nguyễn Huệ) gọi ông là La Sơn phu tử, sau lại ban cho La Sơn tiên sinh.

Năm 1756, ông đã 34 tuổi, được bổ làm Huấn đạo Anh Đô (phủ Anh Sơn, tỉnh Nghệ An). Làm Huấn đạo được 6 năm, ông được bổ làm tri huyện Thanh Chương. Đến năm 1768 ông xin từ quan về ở ẩn tại trại Bùi Phong trên dãy núi Thiên Nhẫn, Hà Tĩnh. Do đó người ta cũng thường gọi ông là Lục Niên tiên sinh vì ông làm tri huyện được 6 năm.

Chúa Trịnh Sâm nhiều lần cho mời nhưng ông không ra tham chính nữa.

Trước khi lên ngôi Hoàng Đế, Vua Quang Trung đã 3 lần đưa thư mời ông ra giúp việc nhưng đều bị từ chối. Trong lần kéo đại quân Tây Sơn ra Bắc quyết chiến với quan xâm lược Mãn Thanh, Vua Quang Trung ghé lại Nghệ An và được La Sơn Phu Tử tiếp với lời khuyên: "Nay trong nước trống không, lòng người li tán. Quân Thanh ở xa lại, tình hình quân ta sức mạnh sức yếu không biết, thế công thế thủ không hay. Chúa công ra chuyến này chẳng qua mười ngày là giặc Thanh sẽ tan". Quả nhiên, nhận định của La Sơn Phu Tử giống như lời tiên tri. Đúng vào ngày mồng 5 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789), quân Tây Sơn đã đánh tan 30 vạn quân Mãn Thanh.

Ông chính thức hợp tác với nhà Tây Sơn từ năm 1790. Tháng 10 năm ấy, ông được vua Quang Trung cử làm Viện trưởng Viện Sùng Chính. Với cương vị Viện trưởng Viện Sùng Chính, ông đã đề ra những cải cách về văn hóa, giáo dục của nước nhà cuối thế kỷ thứ XVIII. Trong đó, công lao lớn nhất của Nguyễn Thiếp là thực hiện chủ trương của Quang Trung: chấn hưng, đề cao chữ Nôm, đưa chữ Nôm trở thành văn tự chính thức của nước Việt, đã dịch nhiều bộ sách quan trọng từ Hán tự sang Nôm, như các bộ: Tiểu Học, Tứ Thư (gồm 42 tập) và các bộ Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Dịch... Ông được cử làm Chánh Chủ khảo khoa thi Hương đầu tiên dưới triều đại Quang Trung (tổ chức ở Nghệ An vào năm 1789). Ông còn được vua Quang Trung giao phó một nhiệm vụ cực kì hệ trọng. Đó là việc chọn địa điểm để xây dựng kinh đô mới của triều đại nhà Tây Sơn tại khu vực giữa núi Kỳ Lân và núi Phượng Hoàng (Nghệ An). Kinh đô mới được đặt tên Phượng Hoàng Trung Đô. Tiếc rằng công việc đang tiến hành dang dở thì vua Quang Trung đột ngột băng hà.

Ông mất ngày 6.2.1804. Hưởng thọ 82 tuổi. Ông mất đi nhưng đã để lại tác phẩm Lạp Phong văn cáo, Hạnh am thi cáo gồm hơn 100 bài thơ chữ Hán và một số bài từ. Những di cáo về chữ Nôm còn lại rất ít, trong số đó đáng chú ý là bài “Qua Lũy Sơn”.

* **Lê Quang Định:** Sinh năm Kỷ Mão (1759-1813), người làng Tiên Nộn, xã Phú Mậu, huyện Phú Vang,

phủ Thừa Thiên (nay là tỉnh Thừa Thiên-Huế). Hiện còn nhà thờ họ Lê Quang tại quê nhà Tiên Nộn. Ông tự: Tri Chỉ, hiệu: Tấn Trai (hay Cấn Trai), Chỉ Sơn; là văn thần đầu đời Nguyễn, là nhà thơ có tiếng trong nhóm Sơn Hội ở Gia Định và Bình Dương thi xã. Ông cùng Trịnh Hoài Đức (1765-1825) và Ngô Nhân Tịnh (?-1813) được người đương thời xưng tụng là Gia Định tam gia của đất Gia Định xưa.

Năm Mậu Thân (1788), khi Nguyễn Phúc Ánh (1762-1820) chiếm lại Gia Định và cho mở khoa thi, ông và Trịnh Hoài Đức trúng tuyển, được cử làm Hàn lâm viện chế cáo, giữ việc biên soạn sổ sách, rồi lần lượt trải chức Điền tuần quan (trông coi việc khai khẩn), Đông cung thị giảng (dạy cho Nguyễn Phúc Cảnh), Hữu tham tri bộ Hình.

Năm 1802, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi, lấy niên hiệu là Gia Long, Lê Quang Định được giữ chức Thượng thư bộ Binh, rồi làm Chánh sứ để cùng với Lê Chính Lộ, Nguyễn Gia Cát sang nhà Thanh (Trung Quốc) cầu phong cho nhà vua.

Năm 1806, ông đảm nhận việc biên soạn Hoàng Việt nhất thống địa dư chí gồm 10 quyển, là bộ địa chí đầu tiên của nhà Nguyễn. Năm 1810, ông giữ chức Thượng thư bộ Hộ kiêm coi Khâm Thiên Giám (tức đài quan sát thiên văn), và sau đó lo việc kiểm tra dân số, lập sổ dinh điền và chia hạng ruộng đất.

Năm Gia Long thứ 12 (1813), Lê Quang Định mất, hưởng dương 53 tuổi. Về sau, ông được vua Tự Đức (1829-1833) đưa vào thờ ở miếu Trung hưng công thần tại kinh đô Huế.

Sáng tác của ông gồm: (1) Hoa nguyên thi thảo bằng chữ Hán, 1 quyển, gồm 74 bài, hầu hết là thơ đề vịnh, cảm hoài và thù tạc. Trong đó có một số bài sáng tác ở Việt Nam, còn phần lớn được viết lúc đi sứ sang Trung Quốc bằng đường thủy. (2) Hoàng Việt nhất thống địa dư chí gồm 10 quyển, chép đủ đường sá, sông núi, thổ sản, phong tục từ Lạng Sơn đến Hà Tiên... Bộ sách được triều Nguyễn đánh giá rất cao, đồng thời trở thành công cụ tra cứu chủ yếu cho các công trình địa chí tiếp theo... (3) Gia Định tam gia thi tập gồm một số bài thơ, in chung với thơ của Trịnh Hoài Đức và Ngô Nhân Tịnh.

* **Nguyễn Văn Siêu:** Sinh năm Ất Mão (1795-1872), tự là Tồn Ban, hiệu là Phương Đình. Ông quê ở làng Kim Lũ (Đại Kim), huyện Thanh Trì (nay là quận Hoàng Mai, Hà Nội).

Năm Mậu Tuất 1838 ông đỗ phó bảng (thứ 9/10 Phó bảng), cùng khoa có các tiến sĩ nổi tiếng: Phạm Văn Nghị, Doãn Khuê. Ông lần lượt được bổ làm quan ở

viện hàn lâm, bộ Lễ, Viện Tập hiền và giữ chức Án sát các tỉnh Hà Tĩnh, Hưng Yên. Năm 1849 ông được cử làm phó sứ đi sứ nhà Thanh. Năm 1854 ông bị bệnh và cáo quan về nhà dạy học. Ông mất năm Nhâm Hợi (1872). Hưởng thọ 78 tuổi.

Tuy chỉ đỗ đến phó bảng nhưng về tài viết văn của ông thì đã có câu thơ của người đương thời (có thuyết cho là vua Tự Đức) ca ngợi: Văn như Siêu Quát vô Tiền Hán, Thi đáo Tùng Tuy thất thịnh Đường. Nghĩa là: về văn chương thì Nguyễn Văn Siêu và Cao Bá Quát hơn cả những nhà văn Trung Quốc thời nhà Hán (thời văn học phát triển nhất) như: Tư Mã Thiên, Bang Cốc. Về thơ phú thì Tùng Thiện vương (Nguyễn Phúc Miên Thẩm) và Tuy Lý vương (Nguyễn Phúc Miên Trinh) hơn đứt các thi nhân Trung Quốc thời nhà Đường (triều đại thơ phú nở rộ) như: Lý Bạch, Đỗ Phủ. Từ đó mới có danh hiệu thần Siêu và thánh Quát đặt cho ông và Cao Bá Quát.

Năm 1865 ông huy động công đức, đồng thời bỏ công sức và tài trí của mình vào việc tôn tạo quần thể chùa Ngọc Sơn, cầu Thê Húc, Đài Nghiên Tháp Bút, nằm bên hồ Hoàn Kiếm. Quần thể kiến trúc này đã trở thành biểu tượng của nét đẹp cổ kính Thăng Long ngàn năm văn vật, đã từng được người đương thời ca ngợi và hiện nay vẫn giữ được nguyên vẹn dáng vẻ thời đó.

Các tác phẩm chính lưu truyền gồm: Phương Đình dư địa chí, Chư sử khảo thích, Phương Đình tùy bút lục, Chư sinh khảo ước, Tứ thư bị giảng, Phương Đình thi văn tập...

* **Bùi Hữu Nghĩa:** Sinh năm Đinh Mão (1807-1872). Tên cũ là Bùi Quang Nghĩa, nổi tiếng hay chữ. Ông tên hiệu là Nghi Chi; sinh trưởng trong một gia đình ngư dân nghèo ở thôn Long Tuyền, phủ Vĩnh Định, trấn Vĩnh Thanh nay thuộc phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Cha ông là Bùi Hữu Vĩ.

Vì nhà quá nghèo nên mặc dù ông thông minh, chăm chỉ, nhưng chỉ theo học chữ Hán được mấy năm. Sau nhờ một nhà giàu cùng xóm họ Ngô, vì mến tài, giúp cho ông lên Biên Hòa ở trọ nhà ông thủ hộ Nguyễn Văn Lý, làng Mỹ Chánh, tổng Chánh Mỹ Thượng, Biên Hòa, thọ giáo với thầy Nguyễn Phạm Hàm, tục gọi là Đồ Hoàn. Năm 1835, Bùi Hữu Nghĩa đậu giải nguyên trong kỳ thi Hương ở trường thi Gia Định nên được gọi là Thủ khoa Nghĩa.

Tháng 2 năm Ất Mùi (1835) BHN đậu giải nguyên tại Trường thi Gia Định và được ông Lý tỏ ý gả con

là Nguyễn Thị Tồn cho, nhưng ông xin khất lại chờ thừa qua cha mẹ. Một thời gian sau, ông được bổ làm Tri huyện phủ Phước Long tỉnh Biên Hòa. Lúc bấy giờ ông mới chính thức kết hôn với bà Nguyễn Thị Tồn. Và có

Lúc đầu ông được bổ nhiệm tri phủ Phước Long, sau đó bị giáng làm tri huyện Trà Vinh tỉnh Vĩnh Long. Bùi Hữu Nghĩa là người cương trực và hay bênh vực dân nghèo nên không được quan trên ưa. Ông bị vu xúi dân nổi loạn nên bị bắt giam và bị kết án tử hình.

Người vợ hiền của ông là bà Nguyễn Thị Tồn đã không quản ngại đường xá xa xôi lặn lội ra Huế kêu oan cho chồng. Sau đó, ông được tha tội chết nhưng bị giáng chức làm Thủ ngữ, coi đồn Vĩnh Thông, Châu Đốc. Chồng được giải oan nhưng bà Nguyễn Thị Tồn sau khi về lại Biên Hòa thì mang bệnh và mất tại đây. Trong thơ văn, tuồng, đối, ông thường ca ngợi vợ mình. Sau đó ông Bùi Hữu Nghĩa tục huyền với bà Lưu Thị Hoán người Vĩnh Thông sanh được 1 gái và 3 trai.

Sau đó, chán cảnh quan trường, ông lui về dạy học và tham gia phong trào Cần Vương chống Pháp năm 1868. Ông nổi tiếng thơ hay và từng được ca tụng: “Đồng Nai có bốn rồng vàng / Lộc họa, Lễ phú, Sang đàn, Nghĩa thi”.

Ông ốm bệnh và mất ngày 21.1 năm Nhâm Thân (1872), thọ 66 tuổi nhưng ông để lại nhiều tác phẩm văn học nổi tiếng như Kim Thạch Kỳ duyên (tuồng Nôm) được xem là một trong số những vở tuồng cổ nhất nước Việt, là vở tuồng đầu tiên được dịch ra tiếng Pháp và đã từng lưu diễn khắp nơi; Quan Công thất phủ Hạ Bì; Hạ âm mộ cảnh; Văn tế vợ; Thơ khóc vợ; Tây Du, Mậu Tùng... Thơ ông chứa chan nỗi lòng yêu nước, thương dân.

* **Huỳnh Mẫn Đạt**: Sinh năm Đinh Mão (1807-1882), quê Tân Hội, Tân Long, Gia Định. Năm 1831, ông đỗ cử nhân khoa Tân Mão (1831) Minh Mạng thứ 31. Sau khi đỗ cử nhân, ông ra làm quan dưới triều vua Tự Đức.

Năm 1861, thực dân Pháp hạ đồn Chí Hòa và đánh Định Tường. Lúc ấy, ông đang làm Án sát Định Tường, đã cùng tuần phủ và tổng đốc Định Tường chặn đánh quân Pháp song bị thua nên bị triều đình Huế cách chức và bắt về kinh trị tội nhưng sau đó được tha và theo Nguyễn Tri Phương vào Biên Hòa đánh giặc lập công để chuộc tội.

Sau khi thực dân Pháp đánh chiếm 6 tỉnh Nam Kỳ, ông từ quan về sống ở Rạch Giá, Kiên Giang và kết bạn cùng với Bùi Hữu Nghĩa.

Ông là người nổi tiếng giỏi thơ Nôm. Khi Nguyễn Trung Trực bị thực dân Pháp xử tử hình, ông đã làm bài thơ Điếu Nguyễn Trung Trực với những lời ca ngợi được xem là “tuyệt bút” với những câu thơ đã trở thành quen thuộc với nhiều thế hệ:

Hỏa hồng Nhật Tảo oanh thiên địa / Kiếm bạc Kiên Giang khắp quỷ thần.

Ông đã từng dùng ngòi bút vạch mặt tên bán nước Tôn Thọ Tường và ca ngợi chiến công của Nguyễn Trung Trực cùng các nghĩa sĩ chống Pháp. Ông mất năm Nhâm Ngọ (1882), hưởng thọ 76 tuổi.

* **Hoàng Hữu Xứng**: Sinh ngày 13.11 năm Tân Mão (1831-1905) đời vua Tự Đức, tại làng Bích Khê, huyện Đăng Xương, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Ông tự Bình Như, hiệu Song Bích

Năm Nhâm Tý (1852), ông thi đỗ cử nhân, được bổ làm quan rồi thăng dần đến chức tuần phủ Hà Nội. Do học lực uyên thâm, Vua Tự Đức đã phê: Hữu Xứng là “tuần mã trong hàng cử nhân”.

Rạng sáng ngày mùng 8 tháng 3 năm Nhâm Ngọ (25 tháng 4 năm 1882), Đại tá Henri Rivière của Hải quân Pháp cho tàu chiến áp sát thành Hà Nội, đưa tối hậu thư đòi giải giới và giao nộp thành.

Vị quan giữ thành khi ấy là Tổng đốc Hà Ninh Hoàng Diệu liền tiếp thư, nhưng phía Pháp không đời trả lời, mà nổ súng tấn công. Quan quân trong thành lập tức kháng cự, nhưng không thể cản ngăn được. Hoảng sợ, Bố chính Nguyễn Văn Tuyền, Đề đốc Lê Văn Trinh đều bỏ chạy thoát thân, còn Tuần phủ Hoàng Hữu Xứng thì ẩn trốn trong hành cung.

Đến khi Tổng đốc Hoàng Diệu đã thất cố tuần tiết, Hoàng Hữu Xứng cũng định tuyệt thực quyên sinh, nhưng nghe theo lời Tôn Thất Bá nên thôi. Hai tháng sau, triều đình nhà Nguyễn nghị tội, Bố chánh Tuyền bị đuổi về làm dân, còn Án sát Bá và ông đều bị cách chức nhưng cho lập công chuộc tội.

Sau khi vua Đồng Khánh kế vị (1885), Hoàng Hữu Xứng được cử ra coi việc biên soạn sách địa dư.

Ngày 12 tháng 5 năm 1886, ông dâng lên bộ Đại Nam quốc cương giới vịnh biên gồm 7 quyển (soạn chung), được vua khen và ban cho thực thụ Lại bộ thị lang, sung Quốc sử quán toàn tu.

Đời vua Thành Thái (nổi ngôi năm 1889), Hoàng Hữu Xứng lần lượt trải các chức: Thượng thư bộ Lễ, Toàn tu sử quán, chủ khảo các kỳ thi Hương, thi Hội, Toàn tu Quốc tử giám...

Ông mất ngày 3.12 năm Ất Ty (1905), thọ 75 tuổi. Tác phẩm của ông có: (1) Đại Nam quốc cương giới vịnh biên: 7 quyển, do ông cùng với Nguyễn Hữu Độ, Phan Bình Đình, Nguyễn Thuật, Hoàng Hữu Thường biên soạn năm 1886. Trong bản sách có tờ tâu của tác giả, đề ngày mồng 9 tháng 4 năm Đồng Khánh thứ 2 (12 tháng 5 năm 1886), (2) Cung kỷ luận âm (cùng viết với Nguyễn Thuật)

* **Phan Bội Châu:** Sinh ngày 26 tháng 12 năm Đinh Mão (1867-1940) tại làng Đan Nhiễm, xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Lúc nhỏ ông có tên là Phan Văn San. Nhưng đến năm 1900 lại đổi thành Phan Bội Châu. Ông tự là Hải Thu, bút hiệu là Sào Nam, Thị Hán, Độc Tỉnh Tử, Việt Điếu, Hãn Mẫn Tử, v.v...

Cha ông là Phan Văn Phổ, mẹ là Nguyễn Thị Nhân. Ông nổi tiếng thông minh từ bé, năm 6 tuổi học 3 ngày thuộc hết Tam Tự Kinh, năm 7 tuổi ông đã đọc hiểu sách Luận Ngữ, năm 13 tuổi ông thi đỗ đầu huyện.

Gia cảnh khó khăn, ông đi dạy học kiếm sống và học thi, nhưng thi suốt 10 năm không đỗ, lại can tội hoài hiệp văn tự (mang văn tự trong áo) nên bị kết án chung thân bất đắc ứng thí (suối đời không được dự thi).

Năm 1896, Phan Bội Châu vào Huế dạy học, do mẫn tài ông nên các quan đã xin vua Thành Thái xóa án. Nhờ vậy, khoa thi hương năm Canh Tý (1900) ở trường Nghệ An ông đã đậu Giải Nguyên.

Thuở thiếu thời ông đã sớm có lòng yêu nước. Năm 17 tuổi, ông viết bài "Hịch Bình Tây Thu Bắc" đem dán ở cây đa đầu làng để hưởng ứng việc Bắc Kỳ khởi nghĩa kháng Pháp. Năm 19 tuổi (1885), ông cùng bạn là Trần Văn Lương lập đội "Sĩ tử Cần Vương" (hơn 60 người) chống Pháp, nhưng bị đối phương kéo tới khủng bố nên phải giải tán.

Trong vòng 5 năm sau khi đỗ Giải nguyên, Phan Bội Châu bốn ba khắp nước kết giao với các nhà yêu nước như Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Hàm (tức Tiểu La Nguyễn Thành), Đặng Nguyên Cẩn, Ngô Đức Kế, Đặng Thái Thân, Hồ Sĩ Kiện, Lê Huân, Nguyễn Quyền, Võ Hoàn, Lê Đại,...

Năm 1904, ông cùng Nguyễn Hàm và khoảng 20 đồng chí khác thành lập Duy Tân hội ở Quảng Nam, chọn Kỳ Ngoại hầu Cường Để - một người thuộc dòng dõi nhà Nguyễn - làm hội chủ. Năm 1912, giải tán Duy Tân hội, thành lập Việt Nam Quang Phục

hội tức thay đổi tôn chỉ từ chủ nghĩa quân chủ sang chủ nghĩa dân chủ.

Năm 1922, cải tổ Việt Nam Quang Phục Hội thành Đảng Việt Nam Quốc Dân. Năm 1905, ông cùng Đặng Tử Kính và Tăng Bạt Hổ sang Trung quốc rồi sang Nhật Bản. Tại Nhật, ông gặp Lương Khải Siêu, một nhà cách mạng người Trung quốc, và được khuyên là nên dùng thơ văn (nghe lời Phan Bội Châu viết Việt Nam vong quốc sử) để thức tỉnh lòng yêu nước của nhân dân Việt Nam.

Ngày 30 tháng 6 năm 1925, ông bị thực dân Pháp bắt cóc tại Thượng Hải giải về nước xử án tù chung thân, mặc dù trước đó (1912) ông đã bị đối phương kết án vắng mặt. Trước phong trào đấu tranh của nhân dân cả nước và nhờ sự can thiệp của Toàn quyền Varenne, ông được đưa về an trí (giam lỏng) tại Bến Ngự (Huế). Trong 15 năm cuối đời, ông (lúc bấy giờ được gọi là Ông già Bến Ngự) vẫn giữ trọn phẩm cách cao khiết, không ngừng tuyên truyền tinh thần yêu nước bằng văn thơ, nên rất được nhân dân yêu mến. Ông mất ngày 29.12 năm 1940 (Canh Thìn), hưởng thọ 74 tuổi.

Ngoài sự nghiệp cách mạng, ông còn viết rất nhiều sách báo, và để lại nhiều tác phẩm, dịch thuật... được phổ biến sâu rộng trong nhân dân. Trong Từ điển văn học (bộ mới), khi giới thiệu về ông và sự nghiệp văn chương của ông, có đoạn: Trong lịch sử văn học Việt Nam không dễ gì có nhiều văn chương có sức lay động quần chúng đứng lên đấu tranh cách mạng lớn lao như văn chương của Phan Bội Châu. Ngày nay trong văn chương đó, về tư tưởng và quan niệm, có thể điểm này điểm khác không còn phù hợp, nhưng trái tim chan chứa nhiệt huyết của tác giả vẫn còn nguyên giá trị. Ông là một trong số những nhà văn lớn của văn học Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ 20.

Pháp Âm lược lật và biên soạn

**... Chúng ta không có quyền trao vận mệnh dân tộc này cho những người phi dân tộc, nguy dân tộc, phản dân tộc.
(...) Chỉ có chúng ta, những người Việt đang sống trên đe dưới búa, đang bị tước đoạt quyền sống và bị phá hoại mới có đủ tư cách để tự biện minh trong mọi quyết định vận mệnh chung cho một thể chế quốc gia dân tộc....**

bài thơ xuân văn

của Điều Ngự Giác Hoàng - Trần Nhân Tông

Thích Thông Huệ

Vua Trần Nhân Tông là một minh quân đời thứ 3 triều Trần. Từ lúc còn là Thái Tử, Ngài đã được vua cha cho học Thiền cùng Tuệ Trung Thượng Sĩ, biết rõ đường lối tu hành theo tông chỉ “Phản quan tự kỷ, bốn phận sự, bất tùng tha đắc” (Xoay lại soi sáng chính mình là phận sự gốc, không cầu bên ngoài mà được). Khi lên ngôi, dù bận bề trăm việc đối nội và đối ngoại, Ngài vẫn có chỗ sống riêng của mình, tuy ở trong trần mà vẫn vui với Đạo. Năm 41 tuổi, Ngài nhường ngôi cho con, sau đó xuất gia về núi Yên Tử, lấy hiệu Hương Vân Đại đầu đà, được tôn xưng là Điều Ngự Giác Hoàng. Ngài sáng lập dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử mang đậm bản sắc dân tộc, trở thành vị Sơ Tổ của dòng Thiền đặc thù Việt Nam. Bài thơ “Xuân văn” là một trong những bài mượn cảnh mùa xuân, diễn đạt một cách sâu sắc trình độ tâm linh vút cao của Ngài:

Xuân văn

Niên thiếu hà tăng liễu sắc không,
Nhất xuân tâm sự bách hoa trung.
Như kim khám phá Đông hoàng diện,
Thiền bản, bồ đoàn khán trụ hồng.

Hòa thượng Trúc Lâm dịch:

Cuối Xuân

Thuở bé chưa từng rõ sắc không,
Xuân về hoa nở rộn trong lòng.
Chúa Xuân nay bị ta khám phá,
Thiền bản, bồ đoàn, ngắm cánh hồng.

Bài thơ tứ tuyệt ngắn ngủi nhưng bao hàm cả hai giai đoạn đời Ngài: lúc còn bé chưa biết đường tu và khi đã là vị Thiền Sư đạt đạo.

“Thuở bé chưa từng rõ sắc không / Xuân về hoa nở rộn trong lòng”: Thuở bé là lúc còn non tuổi đời, cũng là khi còn ấu thơ về đạo lý. Nhân một ngày

xuân đi dạo trong vườn thượng uyển, Thái Tử thấy trăm hoa đua nở tỏa hương ngào ngạt. Chưa thấu hiểu lý Bát Nhã, chưa rõ thể tánh không của các pháp, Thái Tử ngộ thân tâm cảnh đều thật có. Ý thức chấp ngã chấp pháp mạnh mẽ, nhất là trong điều kiện thuận lợi về vật chất, Ngài làm sao tránh khỏi rộn ràng xao xuyến khi thấy cảnh xuân về? Và đây hầu như là tâm trạng chung của con người, nhất là những ai có tâm hồn nghệ sĩ. Nhà thơ Đinh Hùng nhìn xuân sang mà nhớ hương người xưa:

Xuân nào như xuân mới?
Hương nào như hương xưa?
Lòng chàng không có tuổi
Duyên chàng se tình cờ.

hay J. Leiba nói thay cô gái tuổi trăng tròn:

Em nhớ năm em lên mười lăm,
Cũng ngày đông cuối sắp sang xuân.
Mừng xuân, em thấy tim hồi hộp,
Nhìn cái xuân sang khác mọi lần.

Tập khí của chúng ta là dính mắc với trần cảnh, loạn động theo các duyên bên ngoài. Từ đó tạo nghiệp, quẩn quanh trong sáu nẻo luân hồi. Đức Phật dạy, chính sáu căn là đầu mối của phiền não sinh tử, do tiếp xúc với sáu trần mà khởi tâm phân biệt. Nhưng sáu căn cũng là nguồn gốc của Niết bàn, khi thấy nghe hay biết tất cả các pháp mà vẫn an nhiên tự tại. Thời điểm chợt nhận ra tánh giác thường hằng của chính mình là khoảnh khắc diệu thường, ngàn năm không dễ có. Những bậc đạt đạo dùng rất nhiều mỹ từ tạm đặt tên cho tánh giác sẵn đủ ấy, vì thật sự nó không có tên, cũng không thể dùng ngôn từ diễn tả. Ở đây, Sơ Tổ Điều Ngự gọi là Chúa Xuân. “Chúa Xuân nay bị ta khám phá”. Thật ra, Chúa Xuân không lẫn tránh, không giấu mặt, cũng không phải ở đâu xa. Chỉ vì vọng thức che lấp nên không nhận ra tánh giác lúc nào cũng sáng ngời.

Mai Hoa Ni đời Tống viết bài thơ Ngộ đạo như sau:

Tìm Xuân, chẳng thấy bóng xuân sang,
Giày rơm giẫm nát đỉnh mây ngàn.
Trở về chợt ngửi hương mai ngát,
Xuân ở đâu cành đã chứa chan.

(Đỗ Tùng Bách dịch)

Một đời lặn lội, mòn mỏi những bước chân giẫm nát cỏ cây trên đỉnh núi mây phủ, thế mà vẫn chưa tìm thấy mùa xuân. Chính vì ý tưởng “tìm xuân” nên xuân không thể hiện. Chúa Xuân không ở bên ngoài, không phải là đối tượng của sự tìm cầu, mà chính là mình - con người bất sanh bất diệt xưa nay. Sức tỉnh xoay trở về chính mình, ta mới nhận ra, quả thật xuân đang trùm khắp vạn hữu, mai đang tỏa ngát mùi hương.!

Sơ Tổ của chúng ta không những đã trở về, đã khám phá Chúa Xuân, Ngài còn trọn vẹn sống cùng mùa Xuân miên viễn:

“Thiền bản, bồ đoàn, ngắm cánh hồng”.

Thiền bản là chiếc chõng hay giường nhỏ, bồ đoàn là chiếc gối tròn để ngồi. Đây là hai dụng cụ sử dụng khi tọa thiền. Giường hay chõng thiền còn ám chỉ chân tánh hay bản tâm của mỗi người. Ngồi trên giường Thiền nghĩa là hằng sống cùng bản tâm sẵn đủ. Bản tâm thường tịch nhưng thường tri, luôn lặng lẽ mà luôn chiếu sáng. Định của bản tâm không trụ không xả, không nhập không xuất nên là thường định, đại định. Tinh thần Bồ tát Đại thừa không bỏ huyễn cầu chơn, không bỏ mê về ngộ, không bỏ trần gian thủ chứng Niết bàn. Trong các cảnh vô thường sinh diệt, các bậc đạt đạo nhận ra và sống bằng thể tánh chân thường bất sinh, nên có cái nhìn thẩm thấu vào bản chất của các pháp. Do vậy, các Ngài tự tại anh nhiên trước sự biến đổi của vũ trụ vạn hữu, nên nói “ngồi trên giường Thiền ngắm từng cánh hoa rụng trong một chiều xuân vãn”.

Cùng một cảnh xuân nhưng lúc mê thì tâm loạn động, dính mắc theo cảnh, khi ngộ thì an nhiên nhìn mọi sự đổi dời. Xuân đời đến rồi đi, hoa theo xuân nở rồi tàn, nhưng Chúa Xuân mãi hiện hữu, siêu vượt thời - không. Mùa Xuân miên viễn ấy không ở đâu xa, không từ bên ngoài đến, mà ở ngay đường xứ - tại đây và bây giờ. Cầu chúc tất cả chúng ta, nhân mùa xuân đến, nhận ra Chúa - Xuân - tự - tâm của chính mình, đồng thời chan rải hương xuân đến khắp mọi người.

Thích Thông Huệ (Thiền thất Viên Giác)



con mèo trong giai thoại văn chương

1. Phan Văn Trị với bài thơ “Con mèo”:

Ông sanh năm Canh Dần (1830) tại thôn Hưng Thạnh, huyện Bảo An, phủ Hoàng An, Trấn Vĩnh Thanh (nay là xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm tỉnh Bến Tre). Ông mất ngày 16 tháng 5 năm Canh Tuất (22 tháng 6 năm 1910) tại Xã Nhơn Ái (nay thuộc huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ), thọ 80 tuổi.

Năm Kỷ Dậu (1849), ông đỗ Cử nhân. Trong thời cuộc rối ren ông không ra làm quan mà sống đạm bạc ở làng Bình Cách, nay là thị xã Tân An. Vì không chức tước nên người đời bấy giờ gọi ông là Cử Trị.

Ông là một nhà thơ, và là một trong những cây bút đối kháng ở Nam bộ trong thời kỳ đầu kháng Pháp.

Giai thoại kể rằng một lần Cử Trị được phụ thân dẫn đến cụ Phan Thanh Giản để gửi gắm tìm đường tiến thân cho con trai, chẳng biết vô tình hay cố ý ông cử Phan Văn Trị ra mắt quan trên bằng bài thơ “Con Mèo”.

Mấy tầng đài các sải chân leo
Nhảy lẹ chi hơn bằng giống mèo
Chợt ngoảnh mặt hùm nhìn trực thị
Đâu cho lũ chuột dám vang reo
Vuốt nanh sẵn có vàng khoe sắc
Vần vện đành không bụi đóng meo
Trăm tuổi hồn đều về chín tuổi
Nhúm lông để lại học trò nghèo.

Bài thơ làm rất thâm thúy, là đề tài bình luận văn chương bởi khi xem xong bài thơ cụ Phan tỏ ý không vui, cho rằng có ý châm biếm, mỉa mai gì đây. Cũng có thể do ảnh hưởng tính cương trực cứng cỏi nên không muốn nhờ cậy ai chăng? Có người cho rằng lời thơ xem khinh bọn quan lại luôn tìm cơ hội để thăng quan tiến chức. Nhưng cũng có lời bàn luận là lời thơ đề cao những bậc sĩ phu tài đức, học hành mong đỗ đạt đem tài ra giúp nước, không để bọn sâu dân một nước lộng hành, hà hiếp đục khoét dân chúng: “Đâu cho lũ chuột dám vang reo”. Thách thức với khó khăn, sẵn sàng chống lại cường quyền, không sợ hi sinh lại luôn giữ tấm lòng thanh bạch sáng trong :

“Vuốt nanh sẵn có vàng khoe sắc”
Vần vện đành không bụi đóng meo”

Thật là khí khái bậc trượng phu, hết lòng vì nghĩa lớn, từ “đành không” nghĩa là không cam tâm, không khuất phục, không nhu nhược theo chân bọn Tây cướp nước, không cuộc giuộc với lũ xu nịnh bán nước. Theo cụ Phan cuộc sống này ngắn ngủi rồi ai cũng về với trăm năm. Hãy làm một điều gì? Nói như Nguyễn Công Trứ “Phải có danh gì với núi sông”. Để khi mất đi rồi danh còn lưu lại với đời sau. Câu kết bài thơ “Con mèo” cụ cử đã viết: “Nhúm lông để lại học trò nghèo”. Tâm trong sáng, lòng thanh bạch, cái nghĩ chí lớn ngang trời, lại khiêm tốn mầu mực với đôi lời nhắc nhở, dù anh có tiến thân đến tột đỉnh vinh quang thì cũng nên đem chí lớn mà giúp đời, giúp người.

Gương sáng tiền nhân hậu thế soi
Nghìn năm kim cổ mãi lưu đời
Múa bút nghìn câu thơ khảng khái
Trăm năm nhật nguyệt chiếu rạng ngời .

2. Bài thơ “Con Mèo” của Vũ Văn Nhậm

Theo Tây Sơn lương tướng của Nguyễn Trọng Tri và chuyện kể trong dân gian, thì Vũ Văn Nhậm (Võ Văn Nhậm) quê ở Quảng Nam, là người giỏi võ nghệ, tánh phóng khoáng và có sức mạnh. Ông vốn là tướng của Trấn thủ Quảng Nam, thuộc chính quyền chúa Nguyễn, nhưng vì không chịu tuân phục theo quân pháp, nên bị kết tội, phải trốn vào Quy Nhơn.

Đến Phù Ly (thuộc phủ Hoài Nhơn), nghe đồn có viên thổ hào dùng quyền thế cưỡng đoạt một thiếu nữ; ông giận dữ tìm giết chết người ấy. Định đến cửa quan thú tội, thì ông gặp Trần Quang Diệu. Nghe lời khuyên và nhờ sự tiến cử của vị tướng này, Vũ Văn Nhậm được nhận làm thuộc tướng của Tây Sơn Vương (Nguyễn Nhạc). Sau khi Nguyễn Nhạc đã xưng đế (1778), nhà vua xét trong các tướng tài, biết Vũ Văn Nhậm là người chưa vợ, bèn gả con gái cho ông.

Sau khi giết được Nguyễn Hữu Chỉnh nổi loạn, ông đã bị Ngô Văn Sở, phần vì muốn lập công, nên đã gởi những mật báo về Phú Xuân... Ông bị hàm oan (?) và sau đó đã bị giết chết vào năm 1788.

Trong dịp Tết thầy vào năm Mão cũng là đề tài thầy ra để thử tương lai Nhậm. Nhậm ứng khẩu như sau:

Gầm gừ dạng hổ đáng bào hao
Chưa biết mèo nào cắn mỉu nào
Chí quyết phen này vô lấy cớ
Rồi lên đài các sẽ ngêu ngao.

Nghe xong thầy đoán Nhậm sau này sẽ có tiếng tăm vang dội. Quả nhiên về sau theo phò Tây Sơn trở thành con rể của Nguyễn Nhạc.

3. Cụ Phan Chu Trinh và những bài thơ “Con mèo”:

Phan Châu Trinh (Phan Chu Trinh(; 1872–1926), hiệu là Tây Hồ, Hy Mã, tự là Tử Cán. Ông là nhà thơ, nhà văn, và là chí sĩ thời cận đại trong lịch sử Việt Nam. Ông sinh ngày 9 tháng 9 năm 1872, người làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, phủ Tam Kỳ (nay thuộc xã Tam Lộc, huyện Phú Ninh), tỉnh Quảng Nam.

Cha ông là Phan Văn Bình, làm chức Quản cơ sơn phòng, sau tham gia phong trào Cần Vương trong tỉnh, làm Chuyển vận sứ đồn A Bá (Tiên Phước) phụ trách việc quân lương. Mẹ ông là Lê thị Trung (Chung ?), con gái nhà vọng tộc, thông thạo chữ Hán, ở làng Phú Lâm, huyện Tiên Phước.

Năm Phan Châu Trinh lên 6 tuổi, thì mẹ mất. Quê nhà lại bị quân Pháp đốt cháy, nên ông phải theo

cha, được cha dạy chữ và dạy võ, Sau khi cha mất, ông trở về quê sống với anh là Phan Văn Cừ và tiếp tục đi học. Ông nổi tiếng học giỏi, năm 27 tuổi, được tuyển vào trường tỉnh và học chung với Trần Quý Cáp và Huỳnh Thúc Kháng.

Khoa Canh Tý (1900), Phan Châu Trinh đỗ cử nhân thứ ba ở trường Thừa Thiên. Năm sau (1901) triều đình mở ân khoa, ông đỗ phó bảng (đồng khoa với tiến sĩ Ngô Đức Kế và phó bảng Nguyễn Sinh Sắc). Khoảng thời gian này, người anh cả mất nên Phan Châu Trinh về để tang, ở nhà dạy học đến năm Quý Mão (1903) thì được bổ làm Thừa biện Bộ Lễ.

Sau khi chán cảnh quan trường, tiếp xúc với nhiều người có tư tưởng canh tân, năm 1905, ông từ quan. Năm 1906 ông bí mật sang Trung quốc gặp Phan Bội Châu, trao đổi ý kiến rồi cùng sang Nhật, tiếp xúc với nhiều nhà chính trị. Mùa hè năm 1906, ông về nước. Việc làm đầu tiên là gửi một bức chữ Hán (quen gọi là Đầu Pháp chính phủ thư) cho Toàn quyền Jean Beau vạch trần chế độ phong kiến thối nát, yêu cầu nhà cầm quyền Pháp phải thay đổi thái độ đối với sĩ dân nước Việt và sửa đổi chính sách cai trị để giúp nhân dân Việt từng bước tiến lên văn minh.

Sau đó, với phương châm “tự lực khai hóa” và tư tưởng dân quyền, Phan Châu Trinh cùng Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp và nhà cách mạng trẻ Nguyễn An Ninh đi khắp tỉnh Quảng Nam và các tỉnh lân cận để vận động cuộc Duy Tân. Khẩu hiệu của phong trào lúc bấy giờ là: Chấn dân khí, khai dân trí, hậu dân sinh. Phương thức hoạt động của phong trào là bất bạo động, công khai hoạt động nhằm khai hóa dân tộc, cải cách trên mọi lãnh vực, khuyến khích giáo dục bỏ lối học từ chương, phát động phong trào học Quốc ngữ, mở mang công thương nghiệp, chấn hưng công nghệ, bỏ mê tín dị đoan, kêu gọi cắt tóc ngắn, cắt ngắn móng tay,... Thời gian này, ông viết bài Tỉnh quốc hồn ca, kêu gọi mọi người duy tân theo hướng dân chủ tư sản như vừa lược kể.

Ông trút hơi thở cuối cùng tại khách sạn Chiêu Nam Lầu, và được đem an táng tại nhà số 54 đường Pellerin (nhà của Huỳnh Đình Diễm, nay là đường Nguyễn Thị Minh Khai - tức đường Pasteur trước 1975).

Một Ủy ban tổ chức lễ quốc táng nhà yêu nước Phan Châu Trinh đã được hình thành ngay trong đêm ông qua đời. Những thành viên của ủy ban tổ chức lễ quốc táng nhà yêu nước Phan Châu Trinh gồm nhiều nhân sĩ, trí thức. Toàn dân Sài Gòn khoảng 60 ngàn người, không phân biệt chính trị, đảng phái, tôn giáo

tham dự, đưa linh cữu Ông đến nơi an nghỉ cuối cùng vào lúc 6 giờ sáng ngày 4 tháng 4 năm 1926 tại nghĩa trang của hội Gò Công tương tế. Và bất chấp sự ngăn cản của thực dân, phong trào làm lễ truy điệu Phan Châu Trinh ở khắp ba kỳ, là một sự kiện chính trị nổi bật lúc bấy giờ.

Xã hội vào thời ông rất nhiều nhượng, nửa phong kiến, nửa thực dân. Bao nhiêu cái thối nát diễn ra hàng ngày như “Vợ thầy ký lấy Tây để chồng sớm được thăng quan tiến chức “Cô hầu lấy quan lớn” để được trở thành bà lớn của Tú Xương. Chế giễu những me tây, bà Phủ như thế cụ đã làm bài thơ “Mèo lành ai nỡ cắt tai”

Mấy thuở mèo lành ai nỡ cắt tai
Gái ngoan chồng để khéo khoe tài
Năm bồ ỉa bếp xoang tay chủ
Nát đá phai vàng hổ mặt trai
Mặc sức khen đuôi nghe đã lãng
Bao nhiêu tốt miệng mẹo thêm lời
Nồi rang bể nát khôn trông lại
Ngoe ngoét còn đem thúng úp voi.

Trong một bài mèo khác ông đã viết : “Mua bán làm chi hời các ông/Sá chi mèo mả với gà đồng” Cụ không hề khoan nhượng với những tật xấu của những kẻ học thói trăng hoa, lang chạ. Dù xã hội ta rất độ lượng cũng không thể nào chấp nhận được sự rối loạn kỷ cương đó. Đã thế cụ Tây Hồ cũng không dễ gì buông tha những kẻ bất tài vô tướng, ba hoa theo giặc trong bài: “Mèo khen mèo dài đuôi”

Mặt mũi nghêu ngao dễ mấy ai
Xem đi xem lại mỗi đuôi dài
Lươn khô vuốt thử còn non tắc
Rắn lại đo chơi khéo quán nài
Lúc xán nồi rang ngon lỉnh nhỉnh
Khi nằm bồ lúa vất lòi thòi
Không hay bắt chuột hay nằm bếp
Dị tướng như ta ắt có tài.

Ở đây cụ đề cập đến lươn, đến rắn nhắc ta nhớ câu tục ngữ :Rắn quán đuôi mèo mèo theo cái” hay “vuốt đuôi lươn vuốt đàng đầu” Giọng thơ khinh bỉ những kẻ gian trá, trơn tuột, giả nhân, giả nghĩa đầy rẫy trong xã hội.

4. Nữ sĩ Trần Ngọc Lầu với bài thơ “Mắc giống linh miêu”

Trần Ngọc Lầu, còn có tên khác là Trần Ngọc Dung hay Trần Ngọc Bích, tục danh: cô Ba Lào. Bà được xem là một nữ sĩ tiền phong của đất Vĩnh Long xưa. Bà sanh năm 1863 và mất năm 1937. Bà người ở tỉnh Vĩnh Long, là con của Thủ Khoa Trần Xuân

Sanh. Do mẹ mất sớm, cha bà đã cưới thêm vợ sau, nhưng không may gặp phải người đánh đá, nên họ chung sống với nhau không lâu.

Khoảng năm 1867, sau khi sáu tỉnh Nam Kỳ đều thuộc Pháp và người vợ kế đã bỏ đi, cảnh sống càng thêm túng quẫn, nên cha con bà phải rời quê để đến Mỹ Tho tìm sinh kế. Ở nơi mới, ông Sanh làm nghề dạy học và hốt thuốc.

Là con nhà có học, xinh đẹp, biết làm thơ nên bà thường bị người khác phái trêu ghẹo. Và từ thừa trẻ, bà đã cùng một bạn trai tên Nguyễn Hữu Đức (bút danh Phụng Lãm) yêu nhau. Ông này cũng là một khách tài hoa, văn chương lỗi lạc. Nhưng về sau, ông Đức đã phụ bà để cưới vợ giàu, khiến bà phải cười đau khóc hận.

Sau khi gia đình Bà đến ở Phong Điền, Cần Thơ, Bà quen với cai tổng Lê Quang Chiêu, là người có chức quyền, giàu có và khá thành thạo thơ văn. Và bà đã chung sống với ông Chiêu như vợ chồng. Cuộc tình duyên này éo le, vì ông Chiêu đã có vợ nhà, nên Bà Lầu chán ngán, âm thầm dứt tình về quê, mặc dầu đang có thai 4 tháng.

Về Vĩnh Long, bà phải gạt lệ bán bớt một số đất đai để trang trải nợ nần. Vì có nhiều lần tới lui toà án Vĩnh Long, bà có quen với một biện lý người Pháp đa tình tên Des Hameaux. Bởi cảm nghĩa cử cao đẹp của ông này, nên khi viên biện lý cầu hôn, bà nhận lời. Cuộc hôn nhân bất đắc dĩ kéo dài đến năm 1890, biện lý về Pháp và ở luôn bên đó. Từ đấy, bà sống an phận, lo nuôi dạy con...[4]

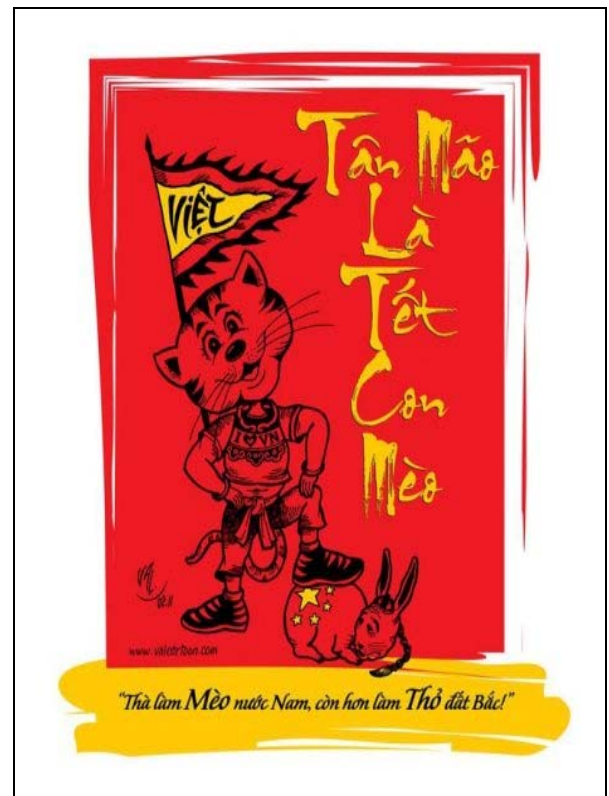
Bà Trần Ngọc Lầu lâm bệnh mất năm 1937, thọ 74 tuổi.

Cuộc sống tình duyên, với nhiều lận đận, Bà đã dùng thơ để mĩa mai những người tình phụ bạc đi cưới vợ giàu, nhưng có ai ngờ bị vợ nhà giàu khinh bỉ coi không ra gì. Đáng đời cho kẻ tham sang phụ khó, nên trong thơ văn bà có đoạn:

Đôi lòng chúng nó quá liu chiu
Tìm kiếm nơi mô lúa gạo nhiều
Xem lấy lớn bồ mừng hí hửng
Nào hay mắc phải giống linh miêu.

Vô cùng thắm thía vô cùng cay độc. Đầu xuân bên tách trà thơm giỏ từng trang thơ xưa để hiểu thêm tấm lòng tiền nhân ta, yêu cái tốt, cái thiện, cái thủy chung, cái nhân nghĩa. Ghét sự giả dối, sự lọc lừa, sự giả trá, thay trắng đổi đen.

Pháp Âm sưu tầm ○○○



mèo và văn học

Từ Đông sang Tây thì mèo là con vật rất được mọi người yêu quý. Tây phương nuôi mèo để làm đáng, kiểng... Trái lại phương Đông nói chung, người Việt nói riêng thì ngoài việc nuôi mèo để bắt chuột phá phách mùa màng, mèo cũng được cưng, yêu mến... Do vậy mèo cũng thường được đề cập trong nền văn học cả Đông sang Tây qua những đáng, điệu và cá tính của mèo. Vậy nhân năm Tân Mão 2011, thử xem qua một số đề tài được đề cập....

A. Các câu tục ngữ Tây phương liên quan mèo

Người Tây phương cũng có rất nhiều tục ngữ liên quan đến mèo như:

- Curiosity killed a cat (Sự tò mò giết chết con mèo). Ý nói kẻ tò mò thường hay bị nạn do họ gây ra.
- Even a cat may look a king (Ngay cả một con mèo

cũng dám nhìn một ông vua). Ý nói là con người có quyền của mình ngay cả đối với những người có quyền lực.

- When the cat's away, the mice will play (Le chat parti, les souris dansent) (Vắng chủ nhà gà vọc niêu tôm hay mèo già đi khỏi, chuột mọc đuôi tôm).

- Honest as a cat when the cream is out of reach (Lương thiện như một con mèo khi nó không với tới hũ kem). Ý nói về một người ta không thể tin được.

- Let the cat out of the bag (Đem con mèo ra khỏi túi). Ý nói tiết lộ một điều bí mật.

- Be made a cat's paw (Bị làm thành móng mèo). Ý nói một người bị lợi dụng làm vật chống đối của người khác.

- Vivre comme chien et chat (Sống như chó với mèo). Ý nói về hai người tuy sống chung nhưng thường chống đối với nhau.

- It rains cats and dogs (Trời mưa mèo và chó). Ý nói một trận mưa tầm tã có thể gây nên lụt lội.

- Vivre comme chien et chat (Như mèo với chó). Ý nói về sự xung đột, mất đi tính hòa nhã của anh em, vợ chồng.

B. Truyện ngụ ngôn về mèo

1. Mèo thềm mỗi

Ngày xưa có một thương buôn định đi buôn nước ngoài. Ông ta mua rất nhiều hàng hóa, từ biệt người vợ thân yêu ra đi cùng với một số người đầy tớ.

Ông ta đi khắp thế giới, từ nước này sang nước nọ, từ thành phố nhỏ đến thành phố lớn để bán hàng.

Một ngày kia ông đến một thành phố do một vị Vua độc ác và gian tham cai trị. Nhà Vua này bắt buộc mỗi nhà buôn phải có quà tặng thật lớn cho ông và phải đánh một ván cờ với ông.

Nhà buôn chất đầy vải vóc tốt trên một mâm lớn và vào triều dâng vua. Vua báo cho ông biết là vua có một con mèo bác học, có khả năng giữ được thăng đứng trên cái đuôi của nó, từ chiều đến sáng, 7 cây đèn cây đang cháy mà không nhúc nhích, cục cựa. Sau khi nhận quà xong, nhà Vua đề nghị nhà buôn cùng đánh một ván cờ với điều kiện: Nếu con mèo giữ trên trên đuôi nó 7 cây đèn cây đang cháy, từ tối đến sáng, vua sẽ được toàn bộ hàng hóa và tiền bạc của nhà buôn và nhà buôn phải vào tù ngồi. Ngược lại thì nhà vua bị tù và nhà buôn sẽ thừa hưởng tất cả kho tài sản của vua.. Chẳng dám từ chối, nhà buôn gật đầu ưng thuận.

Vua mới vừa gọi, con mèo đã đến ngồi cuộn cái đuôi trước mặt. Vua ra lệnh đặt trên đuôi mèo 7 cây đèn cây. Ván cờ bắt đầu. Họ chơi 3 ngày 3 đêm mà con mèo vẫn không động đậy cái đuôi. Cuối cùng nhà buôn kiệt sức, tuyên bố chịu thua. Thế là bao nhiêu hàng hóa đều bị nhà vua lấy sạch, lại còn bị bỏ tù nữa.

Một trong những người đầy tớ nhà buôn thấy vậy, liền đi trở lại và kể rõ sự việc với vợ nhà thương buôn. Bà ta nảy sinh một ý có thể cứu chồng. Bà ta dùng tiền có được mua hết chuột hiện có. Đem nhốt chúng vào hết trong chuồng và cùng người đầy tớ trở lại thành phố kia.

Tới nơi, bà ta xin được vào yết kiến vị vua tham lam. Biếu quà dổi dào, sau đó bà ta cũng bị nhà vua bắt đánh với ông ta một ván cờ. Đã biết trước nên bà ta dặn người đầy tớ thả hết chuột mang theo trong căn phòng bà đánh cờ với vua.

Nhà vua tiếp vợ nhà thương buôn một cách trịnh trọng, và bắt đầu đánh cờ với bà ta vẫn theo điều lệ cũ. Bà ta nhận lời. Vua kêu con mèo đến. Nó cuộn cái đuôi, nằm trước mặt vua. Tới tớ của nhà vua mới bắt đầu đem đốt 7 cây đèn cây, rồi đặt trên đuôi mèo.

Một lúc sau, mèo ta đánh hơi biết có chuột, nó bắt đầu đứng không yên. càng lúc mèo ta dần lòng không được, bèn ủa tới bắt lũ chuột ăn ngon lành, làm tắt cả các cây đèn trên đuôi đổ hết xuống sàn.

Tuân theo những điều kiện đã đặt ra, nhà vua thua trận đánh cờ. Đám tôi tớ của nhà thương buôn lúc bấy giờ vào phòng thu hết đồ vật của vua lại còn trói hết cả hai tay của nhà vua đem bỏ vào căn phòng đã nhốt chồng bà ta. Chồng bà được thả ra. Ấu cũng vì mèo thềm mỗi! Mà vợ cứu thoát chồng! Và nhà vua thua trí!

Câu chuyện trên đây cho ta thấy vì ham mỗi mà phải bị mắc mưu, đem họa vào thân.

2. Con mèo nham hiểm

Trên một ngọn cây cao khô nọ có mẹ con Chim ưng làm tổ, dưới gốc cây là hang của mẹ con Heo rừng, nhưng ở giữa cây thì là nhà của mẹ con Mèo. Chúng nó tuy cùng ở một nơi nhưng không ai qua lại với ai, chúng nó chỉ lo công việc của gia đình chúng nó. Tuy vậy bản tính cố hữu của Mèo là nham hiểm, nên đã âm mưu định phá hoại bầu không khí hòa bình. Vì vậy một bữa kia nó trèo lên ngọn cây tìm bác Chim ưng mà nói rằng:

- Này bác Chim ưng, bác có biết không, số phận bác

sắp chết rồi đấy! Ít nhất con bác sẽ gặp phải chuyện không may nay mai.

Thấy Chim ưng còn chưa hiểu, Mèo ta nói tiếp:

- Bác thử nghĩ xem Heo rừng đang đào hang ở dưới gốc cây. Hẳn ta đào hang để làm gì? Hiển nhiên là bứng gốc cây này đi. Một khi gốc cây bị đổ, con cái của bác sẽ là miếng mồi ngon của Heo rừng. Tai họa này không chóng thì chầy cũng sẽ xảy ra. Bác không thể không tin.

Nghe Mèo nói thế, Chim ưng lo ngại cho con của mình, nên nói với Mèo:

- Chỉ cần bảo vệ con tôi được an lành thì tôi sẽ làm bất cứ điều gì.

Sau khi khiến cho Chim ưng sợ hãi, Mèo ta lại tìm đến chú Heo rừng và nói:

- Tôi xin báo tin cho chú biết, Chim ưng đang định bắt con chú để ăn thịt đấy. Hẳn chỉ cần hôm nào chú vắng nhà thì bay xuống bắt con chú. Xin chú giữ kín tin này nhé. Nếu không giữ kín thì tính mạng của mẹ con tôi chắc cũng sẽ chết về tay Chim ưng.

Heo rừng nghe nói hoảng kinh, đêm ngày không dám rời xa con mình nửa bước. Còn Chim ưng không dám bay xa khỏi tổ để tìm thức ăn. Chúng sống trong hồi hộp, lo âu, nghi kỵ lẫn nhau. Cuối cùng cả nhà Chim ưng và Heo rừng đều bị chết đói. Thế là âm mưu Mèo ta toại nguyện.

Câu chuyện này cho ta thấy cái lưỡi không xương nhiều đường lắt léo.

C. Mèo trong truyện cổ Việt Nam

1. Mèo ăn chay

Thuở xưa có một con mèo già, chậm chạp, mắt mờ, không còn khả năng bắt chuột được nữa, bèn nghĩ ra một kế để lừa đàn chuột trong nhà đang mỗi lúc một đông và càng xem thường mèo ta.

Một hôm, mèo già đeo tràng hạt, gõ mõ, tụng kinh và nói rằng: từ nay không bắt chuột nữa, vì đã tu hành phải kiêng ăn thịt sống, kiêng sát sinh, ... Lúc ban đầu đàn chuột nửa tin, nửa ngờ. Nhưng sau nhiều ngày liên tiếp, chuột ta vẫn thấy mèo già ngồi niệm Phật và chỉ ăn rau. Có chú mạnh bạo thử lại gần xem sự thể ra sao mà mèo ta cũng ngồi yên lặng đọc kinh. Từ đó chúng mới tin là mèo tụng kinh sám hối thật. Vì thế đàn chuột thường nhờn nhờ qua lại xem như không có mèo và không còn sợ bị mèo ăn thịt nữa.

Một buổi tối kia cả đàn chuột sắp hàng đi vào hang,

thứ lớp trật tự. Mèo ta chỉ chờ có thế, mới đầu nằm yên lặng chờ cho đàn chuột vào hang dần khuất chỉ còn một con, mèo ta nhanh nhẹn chộp lấy nuốt chửng. Hôm đầu, thấy thiếu một con nhưng chuột đầu đàn cho là nó bị lạc hay đi chơi xa với các bạn bè lân cận. Qua hôm sau, hôm sau rồi hôm sau nữa, cứ mỗi ngày lại thiếu đi một chú chuột, chuột đầu đàn đâm ra nghi hoặc chắc là mèo già chứ không ai? Nghi thì nghi chớ chưa chắc, chuột ta bèn đổi hướng thử đi sau cùng. Mèo ta đâu biết thế, cứ tưởng bỏ chớ chú chuột cuối cùng thì vô bắt. Chuột đầu đàn đã chuẩn bị, nhưng cũng không thể nào thoát được sự nhanh nhẹn của mèo. Tuy vậy, chuột đầu đàn ta cũng kịp kêu báo động một tiếng cho lũ chuột trong đàn biết.

Thế là từ đó lũ chuột luôn luôn nhắc nhở nhau là chớ nên mắc mưu mèo.

2. Mèo lại hoàn mèo

Xưa có một anh chàng ăn không ngồi rồi, nhưng có nuôi một con mèo rất xinh đẹp. Anh ta muốn chọn cho con mèo của mình một cái tên cũng thật đẹp, mà anh nghĩ mãi không ra.

Một hôm có người chỉ cho anh ta biết chỉ có cái tên Trời là đẹp nhất, vì Trời là ở trên cao, lại vừa bao la rộng lớn. Nghe vậy anh ta thích chí, liền lấy cái tên Trời đặt cho con mèo yêu quý của mình.

Lại một bữa kia có một người bạn đến chơi, hỏi anh ta cơ sao lại chọn tên Trời đặt tên cho con mèo, thì anh ta đáp:

- Con mèo này là con vật tôi yêu quý nhất nên mới gọi nó là Trời, vì ở trên đời này còn có cái gì hơn Trời được.

Anh bạn nói:

- Thế anh không biết Trời còn thua mây hả? Mây che lấp cả Trời nữa đấy.

Anh chàng ngẩn ra, cho là phải. Liền từ nay đặt tên cho con mèo của mình là Mây.

Có một ông già đi ngang qua, ghé thăm anh ta, thấy anh ta gọi mèo là Mây thì hỏi:

- Tại sao lại đặt tên con mèo là Mây.

Anh ta liền kể lại chuyện như trên. Nghe xong ông già bảo:

- Tôi đồng ý với anh. Mây che lấp cả Trời, nhưng hễ Mây mà gặp Gió thì Mây cũng chạy ngay. Điều đó cho biết là Mây thua Gió.

Nghe vậy, anh ta thấy có lý, bèn gọi mèo cưng của

mình là Gió.

Có người nghe vậy, mới bảo anh ta rằng:

- Đồng ý Trời thua Mây - Mây thua Gió, nhưng anh biết Gió thua gì không?

Anh ta suy nghĩ một chút rồi nói:

- Không.

Người kia mới đáp:

- Gió còn thua Tường. Vì Tường cản được Gió.

Nghe vậy anh ta liền gọi tên cho con mèo cưng là Tường.

Lại một bữa kia có một bà cụ tới chơi, nghe anh gọi mèo là Tường thì bà cụ mới hỏi:

- Tại sao lại đặt tên cho mèo cưng là Tường vậy?

Anh ta kể lại các sự việc nêu trên. Bà Cụ mới chậm rãi nói, nếu như vậy thì Tường còn thua Chuột, vì Chuột đục khoét được cả Tường luôn đấy.

Nghe phải lắm nên anh ta lại đặt tên cho mèo là Chuột.

Nhưng một đứa trẻ khi đi ngang qua nhà, nghe anh ta kêu mèo bằng Chuột, thì cười lớn.

Thấy nó cười, anh ta bảo:

- Sao mày lại cười lớn như thế.

Nó mới cất nghĩa là anh không thấy con Chuột bị con Mèo vồ ăn thịt đấy chứ. Nói như vậy để anh thấy rằng Chuột làm sao hơn Mèo được.

Nghe xong, anh ta mới nhớ rõ ra là Chuột thua Mèo. Liền gọi con vật cưng của mình lại gần, vuốt ve lưng nó và bảo:

- Miu Miu! Thôi từ nay tao cứ gọi mày là Mèo vậy.

3. Con mèo của Cống Quỳnh

Trong cung vua có nuôi một con mèo rất đẹp, cổ mèo được đeo một sợi xích làm bằng vàng. Nhà vua cũng con mèo như của quý.

Một hôm, Cống Quỳnh thấy con mèo của vua thì khoái chí, không phải vì lòng tham cũng không phải vì sợi xích bằng vàng, nhưng có ý khuấy phá vua để cười chơi.

Nghĩ vậy, Cống Quỳnh liền lên vào dinh vua bắt cắp được con mèo cưng của vua về nhà. Ạng ta tháo sợi xích vàng giấu đi chỗ khác, lấy dây thừng buộc con mèo lại ở góc nhà.

Thường ngày ông bày ra hai đĩa thức ăn, một đĩa thì toàn là món ăn ngon còn đĩa kia là cơm thừa canh

cặn. Xong rồi ông cho mèo ăn. Một khi nó thè lưỡi vào đĩa đồ ăn ngon thì ông đánh đập dữ tợn, nhưng nếu nó ăn đĩa cơm thừa canh cặn thì lại thôi. Lâu ngày con mèo quen thói cứ ăn đĩa cơm thừa canh cặn.

Nhà vua bị mất con mèo tức lắm. Cho người đi lùng kiếm khắp nơi, không thấy, liền ra chiếu nếu ai thấy được hoặc bắt gặp con mèo của vua ở đâu thì được thưởng hậu.

Mọi người nghe nói có thưởng, liền cố gắng lùng kiếm. Có người trông thấy con mèo nhà Cống Quỳnh hao hao giống mèo của vua liền báo cho vua biết. Biết Cống Quỳnh là tay chuyên phá phách nên vua bèn kêu Cống Quỳnh lại hỏi:

- Nghe nói khanh từ lâu nay không có nuôi mèo, nên nếu khanh có bắt con mèo của trẫm thì cho trẫm xin lại, vì trẫm rất quý nó.

Cống Quỳnh làm bộ ngạc nhiên hỏi:

- Mất mèo sao bệ hạ lại nghi cho tôi?

- Vì có người thấy con mèo của trẫm ở trong nhà khanh.

Cống Quỳnh cãi lại ngay:

- Kẻ đó ăn nói hàm hồ, chớ con mèo đó là con mèo của tôi, không phải con mèo của bệ hạ đâu!

Nhà vua nhất định nói là con mèo của mình. Cống Quỳnh cãi lại con mèo của mình. Đôi bên lời qua tiếng lại không bên nào chịu thua. Cuối cùng Cống Quỳnh bèn nói với vua:

- Xin bệ hạ hãy triệu các quan vào triều chầu, tôi sẽ có cách làm cho rõ sự việc này.

Nhà vua nghe theo bèn cho các quan vào chầu. Cống Quỳnh nói:

- Xin các quan làm chứng cho.

Nói rồi ông xin nhà vua đem ra hai đĩa thức ăn: một đĩa toàn là thức ăn vua thường cho mèo ăn còn đĩa kia là đĩa thức ăn cơm thừa canh cặn. Trước khi cho mèo ăn, Cống Quỳnh lại nói với các quan:

- Bấy giờ muốn biết con mèo của vua hay con mèo của tôi rất dễ. Mèo của vua thì xưa nay ăn toàn đồ ăn ngon, còn mèo của tôi thì chỉ biết ăn đồ ăn cơm thừa canh cặn. Vậy các quan làm chứng cho.

Nghe vậy ai cũng thấy là đúng bèn đồng thanh gật đầu. Rồi thì thả cho mèo đi tới hai đĩa thức ăn.

Vì đã quen rồi nên con mèo đi ngay tới đĩa thức ăn cơm thừa canh cặn mà ăn một cách ngon lành.

Thấy vậy Cống Quỳnh reo lên vui sướng:

- Đó bệ hạ thấy chưa. Con mèo này là con mèo của tôi.

Nói xong ông ta ôm con mèo đi thẳng ngay về nhà.

4. Ông Tú và người buôn mèo

Xưa có một người đỗ Tú Tài, người ta quen gọi là ông Tú. Ông Tú có tính hay khôi hài và thích đùa giỡn với mọi người.

Một hôm ông vào ở trọ trong một nhà trọ, thấy một người buôn mèo đến trước, đã ngồi chiếm chệ trên giường trên, bên cạnh để một cái lồng nhốt rất là nhiều mèo. Ông Tú đành ngồi giường dưới.

Chủ nhà trọ muốn trọng người khoa bảng, lại vừa nể tuổi tác của ông Tú, nên bảo người buôn mèo rằng:

- Ông nên nhường cho Cụ Tú ngủ ở giường trên chớ ông ngủ trên lại có lồng mèo e không tiện.

Người buôn mèo không chịu, mới nói rằng:

- Tôi tưởng ông nên có phép tắc đằng hoàng, ai đến trước thì ngủ trên, ai đến sau thì ngủ dưới. Tôi đến trước thì tôi ngủ trên là đúng rồi cơ sao lại phải xáo trộn.

Ông Tú thấy người buôn mèo không chịu nhường, tức tối lắm, mới kéo chủ quán đi ra xa và bảo rằng:

- Ông buôn mèo nói phải lắm. Cứ để ông ấy ngủ trên, vả lại ông còn cả lồng mèo nữa mà!

Đêm khuya, lúc người buôn mèo đang ngáy o ... o..., ông Tú khẽ thức dậy, lén tháo mấy cái que gài trên miệng lồng mèo vất đi. Bao nhiêu con mèo được dịp tháo chạy hết sạch. Chúng nó chạy cùng kêu ngao ngao ầm cả nhà trọ vì đói.

Người buôn mèo nghe tiếng, ngồi bật dậy, gọi ông chủ nhà trọ:

- Ôi ông chủ ơi! Mèo tôi sổ lồng hết rồi, ông vui lòng mở đèn để tôi bắt chúng nó lại.

Lúc đèn đuốc thấp sáng lên, thấy mỗi con ở mỗi góc: con thì ở dưới, con thì ở trên, con thì trên xà nhà, v.v...

Người buôn mèo ngơ ngác kêu lên rằng:

- Những con mèo phải gió kia! Chúng mày mỗi đứa mỗi nơi thì làm sao tao bắt chúng mày vào lồng hết được.

Ông Tú thấy vậy, trở vào lủ mèo, vừa cười vừa nói:

- Giống mèo nó cũng khôn và lý sự lắm đấy chứ! Con nào ra trước thì ngồi trên còn con nào ra sau thì

ngồi dưới. Thật là loài mèo biết điều!

Người buôn mèo biết đã mắc mưu ông Tú, nhưng không dám nói gì, chỉ từ từ tìm cách bắt mèo nhốt vào lồng lại.

D. Mèo trong văn chương bình dân Việt

Trong văn chương bình dân Việt, mèo cũng được nhắc và nói đến rất nhiều. Như:

* Ăn cơm mèo, nói leo các cụ. Phê phán hạng người nói dóc, ham ăn.

* Ăn nhỏ nhẹ (nhẽ) như mèo hay rón rén như mèo. Là ăn từ tốn, chậm rãi, dài các, cử chỉ dịu dàng thong thả, ăn từng miếng một. Phụ nữ ăn nhỏ nhẹ được khen là có nết. Nhưng đàn ông ăn nhỏ nhẹ như mèo thì bị chê bai, cho là tạt xấu.

* Ăn như mèo hủi / khánh ăn như mèo. Ý nói ăn ít.

* Ăn như rồng cuốn, nói như rồng leo, làm như mèo mửa hay mèo cào vách vôi. Nói hay nhưng làm dở.

* Ăn rồi lại nằm như mèo hay như mèo ngái ngủ. Nói về người làm biếng, nhác nhớn.

* Ăn vụng như mèo. Là đạo đức giả.

* Buộc cổ mèo, treo cổ chó. Nói về sự gian ác, biển lận.

* Chẳng biết mèo nào cắn mỉu nào. (Mỉu: do tiếng miu là mèo đọc chệch ra) Nghĩa bóng nói rằng mỗi người đều có sở trường riêng của người ấy, chưa chắc ai đã hơn ai.

* Chó chê mèo lắm lông. Phê phán kẻ không thấy lỗi mình mà chỉ thấy lỗi người, hay những người hay chê bai kẻ khác.

* Chó gio, mèo mù. Chê những người đần độn, ngu ngốc.

* Chó giữ nhà, mèo bắt chuột. Ý nói ai cũng có nghề nghiệp chuyên môn của mình, không ai xâm phạm ai.

* Chó khô, mèo lạc: Tả hạng người vô học, lang thang.

* Chó tha đi, mèo tha lại: Nói những vật vô giá trị bỏ lẫn lộn chẳng ai thèm lấy.

* Chó treo, mèo đẩy. Ý khuyên cần phải cảnh giác, cẩn thận.

* Chuột cắn dây buộc mèo hay chuột gặm chân mèo. Tả hành động can đảm.

* Có ăn nhặt mới thương đến mèo. Ngụ ý người

đồng cảnh ngộ bao giờ cũng thương nhau.

* Cơm treo, mèo nhịn đói hay mỡ treo mèo nhịn đói. Tả một hành động ác nghiệt, thất đức.

* Đá mèo, quèo chó / Mắng mèo quèo chó / Giận chó đá mèo / Chửi chó mắng mèo. Tức giận người này chửi mắng người khác.

* Giấu như mèo giấu cứt. Chê những người giấu điểm, bưng bít thứ gì, thường là điều xấu.

* Hát như mèo ngao hay hát như mèo động đực. Âm chỉ giọng hát chẳng ra gì.

* Hùm mất hươu hơn mèo mất thịt: Càng mất quyền lợi ở địa vị cao thì càng đau khổ hơn người ở địa vị thấp.

* Im im như mèo ăn vụng: ám chỉ những kẻ cố tình che giấu tội lỗi bằng cách im lặng tuyệt đối, hoặc những kẻ hể thấy lợi là giấu giếm hưởng một mình, không cho ai hay biết.

* Không có chó bắt mèo ăn cứt. Để tả một sự bất đắc dĩ, phải dùng một người không đúng chỗ, không hợp với khả năng của đương sự..

* Lèo nhèo như mèo vật đồng rơm: Ám chỉ người có thói quen thường hay cầm rơm, nói dai, nói đi nói lại một câu chuyện, hoặc lải nhải.

* Lôi thôi như mèo sổ chuột: (Sổ: làm sẩy mất) chỉ sự thần thờ, lơ đãng của người đang tiếc rẻ, vì trót làm lỡ một dịp may nào đó.

* Mèo ăn vụng. Giấu giếm để hưởng lợi một mình.

* Mèo cào không xẻ vách vôi: Ngụ ý khuyên trước khi làm việc gì phải tự lượng sức mình, cố gắng cho lắm cũng vô ích.

* Mèo chết hết chuyện. Ám chỉ một câu chuyện đã đến hồi kết cuộc không cần bàn nữa.

* Mèo con bắt chuột cống: Chỉ người trẻ tuổi tài cao, làm được việc mà nhiều người lớn làm không nổi.

* Mèo nhỏ bắt chuột to. Chỉ một việc quá sức mình.

* Mèo đànง chó điểm. Chỉ loại người bịp bợm, ăn chơi đàn đấm linh tinh.

* Mèo đànง gặp chó hoang. Là những kẻ vô loại kết bè tụ đảng với nhau.

* Mèo đến nhà thì khó, chó đến nhà thì sang. Một quan niệm mê tín từ xưa lưu truyền lại. Do mèo kêu giống với âm “nghèo” còn chó gâu gâu giống với âm “giàu”. Ý nói về sự hên xui.

* Mèo già đi khỏi, chuột mọc đuôi tôm. Để nói về

những người đi làm công, gặp phải ông chủ hãm tài, mặt mũi lúc nào cũng khó, cả ngày chỉ lo dòm ngó, rồi hối thúc, bóc lột sức lao động của công nhân. Gặp khi ông ta đi vắng hay bị bệnh, v.v.. thì công nhân mừng vui khôn cùng.

* Mèo già hóa cáo. Chỉ hạng người tinh ranh, nguy hiểm, càng lâu càng khôn ngoan quỷ quyệt.

* Mèo già lại thua gan chuột nhắt: Ý nói người lớn tuổi thì không còn bạo gan như kẻ thanh niên.

* Mèo già khóc chị chuột chết. Ý nói người đạo đức giả không thực lòng.

* Mèo khen mèo dài đuôi. Để tả thái độ một người tự phụ, tự đề cao, khen ngợi, luôn luôn cho mình là tốt.

* Mèo không ăn vụng trèo giàn làm chi - bản chất xấu khiến người khác luôn hồ nghi. Tình ngay mà lý gian.

* Mèo mả, gà đồng. Để chê bai những người sống ngoài quy ước của xã hội và cũng nói đến những mối tình vụng trộm. Như 2 câu trong Truyện Kiều của Nguyễn Du: “Ra tuồng mèo mả, gà đồng - Ra tuồng lúng túng chẳng xong bề nào”

* Meo meo meo, rửa mặt như Mèo. Ám chỉ tính lười biếng, ở dơ.

* Mèo mù móc cống: Chỉ những kẻ không còn phương kế sinh nhai.

* Mèo mù vớ cá rán. Vận may bất ngờ đến với kẻ nghèo hèn đang túng quẫn.

* Mèo nào chẳng ăn vụng hay như mèo thấy mỡ. Chỉ sự thèm khát danh lợi.

* Mèo nhỏ bắt chuột nhỏ (con): Khuyên hãy biết liệu sức mình mà đảm đương công việc.

* Mèo uống nước bể chẳng bao giờ cạn: Khuyên người biết tận tụy chi tiêu thì không sợ túng.

* Mèo ướt / mèo mắc mưa. Chỉ người sợ sệt, nhát gan.

* Mèo vớ được cá. Ví sự may mắn.

* Mèo vật đụn rơm: Chỉ kẻ tài thô trí thiếu mà muốn cáng đáng việc lớn lao quá sức mình.

* Như chó với mèo hay chó mèo cắn nhau hoặc yêu nhau như chó với mèo. Nói về sự xung đột, mất tình anh em, vợ chồng..

* Như mèo giấu cứt. Chỉ sự kín đáo, kỹ lưỡng.

* Như mèo thấy mỡ hay Mỡ treo miệng mèo hoặc

Mỡ để miệng mèo (vì mỡ là món ăn khoái khẩu nhất của mèo). Nói về người hăm hở, say mê một thứ gì.

* Như mèo ngái ngủ. Ý nói người ăn nằm vật, nằm vạ.

* Rình mèo như rình chuột. Sự kiên nhẫn, siêng năng cho đến khi được việc mới thôi.

* Run run như mèo ướt. Sợ sệt quá độ.

* Sắc nanh chuột dễ cắn được cổ mèo. Để tả một chuyện khó khăn, không thể thực hiện được. Hay dù kẻ thù nguy hiểm đến cỡ nào nếu mình có mưu mẹo, có phương tiện thì mình cũng thắng.

* Tiu ngửu như mèo mất tai (mất râu). Chỉ những ai buồn bã, ỉu xiu, thất vọng.

* Vồn như mèo vờn chuột. Thích đùa giỡn.

* Xanh như mắt mèo. Ý nói người có mắt tròn và xanh.

* Anh đi ba, bốn chẳng đèo / Anh cưới con vợ như Mèo mắc mưa. Ám chỉ người con trai đi đó đi đây nhưng cuối cùng lấy một cô vợ có nhan sắc xấu và chẳng lành lợi.

* Chồng người đi ngược về xuôi / Chồng em ngồi bếp sờ đuôi con mèo. Kẻ bất tài, lười biếng.

* Con mèo con chó có lông / Bụi tre có mắt, nổi đồng có quai. Tả sự việc rành rành, có thật.

* Con Mèo, con Mèo, con Meo / Ai dạy mày trèo, mày không dạy tao leo. Thể hiện tính ích kỷ.

* Con mèo, con mèo, con meo / Muốn ăn thịt chuột thì leo xà nhà. Để tả một hành động thực tế, khuyên răn người đời muốn ăn thì phải làm việc chứ không thể ngồi không được.

* Con Mèo đập bể trà rang / Con chó chạy lại chịu oan phải đòn. Chỉ những việc oan ức.

* Con Mèo trèo lên cây cau / Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà. Chỉ sự rình rập, soi mói, xâm phạm quyền riêng tư.

* Con mèo xáng vỡ nồi rang / Con chó chạy lại nó mang lấy đòn. Để bài bác một hành động bất công.

* Đánh giặc mà đánh bằng tay / Thà về xó bếp giương cung bắn mèo. Ý nói mạnh dạn, hùng hổ ở nhà ra ngoài thì sợ sệt, nhút nhát.

* Mèo già chê chó lẩm lông / Chó cười lại bảo: kém ông cha mày. Phê phán loại người không thấy mình xấu mà chỉ đi soi mói cái xấu của người khác.

* Mèo hoang lại gặp chó hoang / Anh đi ăn trộm gặp

nàng bứt khoai: Chỉ những kẻ vô lại mới kết bè tựu đảng với nhau

* Mèo nằm bồ lúa khoanh đuôi / Vợ anh đẹp lắm, đuổi ruồi không bay.

* Mèo lành ai nữ cắt tai / gái kia chồng rầy khoe tài làm chi?: (Rầy: bỏ, chê) chỉ những người đàn bà bị chồng chê, chồng bỏ vì hư đốn, phải về nhà cha mẹ ruột, nhưng lại khoa trương nọ kia để củng cố danh giá mình.

* Mèo lành chẳng ở mả / Ế lành chẳng ở hàng cơm: Chê người đàn bà ngày hai bữa cứ ăn cơm hàng cháo chợ, không lo chợ búa cơm nước cho gia đình, đó là tính xấu, tính hư.

* Mèo lành ở mả bao giờ / Cửa yêu ai có bán ra ở ngoài? Để tả thái độ của người quân tử.

* Mèo tha miếng thịt xôn xao / hùm tha con lợn thì nào thấy chi: Ý nói kẻ quyền hành làm việc sai trái lớn thì không sao, trong khi kẻ dưới sai trái nhỏ đã bị phạt nặng.

* Mèo tha miếng thịt xôn xao / Kẽnh tha con lợn thì nào thấy chi? Để trách cứ người đời hay làm to những chuyện người bị cô thế, còn những người có thế lực thì được che chở tối đa, hay không dám làm gì.

* Mèo tha miếng thịt thì đòi / Kẽnh tha con lợn, mắt coi trừng trừng (*) Đây cũng là phản ảnh dư luận của người dân quê bị xã hội đương thời đối xử bất công, bị áp bức bởi bọn cường hào ác bá. Người dân thấp cổ, bé miệng kêu không thấu trời xanh.

* Tiếc công anh lên đỉnh, xuống đèo
Bẻ cây chọc chuột cho Mèo họ ăn.

* ... Con cá đối nằm trong cối đá
Con mèo cụt đuôi nằm mục đuôi kèo
Anh có thương em thì làm giấy giao kèo
Thò tay điểm chỉ, em là con mèo của anh

* Con mèo trèo lên cây vông
Con chó đứng dưới, ngó mông con mèo
Mèo rằng sao chó chẳng theo
Lên đây, mèo sẽ dạy leo cho mà.

* Con mèo trèo lên cây cau
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà
Chú chuột đi chợ đường xa
Mua mắm mua muối giỗ cha chú mèo.

Pháp Âm lược lật và biên soạn



trang thơ xuân xưa

LTS: Để gợi nhớ một kỷ niệm êm đềm của khoảng thời gian trên nửa thế kỷ, Pháp Âm xin trích đăng dưới đây một số bài thơ của các thi sĩ của một thời...Pháp Âm.

chúc tết

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc nhau:
Chúc nhau trăm tuổi bạc đầu râu.
Phen này ông quyết đi buôn cối,
Thiên hạ bao nhiêu đứa già trâu.

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc giàu:
Trăm, nghìn, vạn mở để vào đâu ?
Phen này, ắt hẳn gà ăn bạc,
Đồng rụng, đồng rơi, lọ phải cầu.

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc sang:
Đứa thì mua tước, đứa mua quan.
Phen này ông quyết đi buôn lọng,
Vừa bán vừa la cũng đắt hàng.

Lẳng lẳng mà nghe nó chúc con:
Sinh năm để bầy được vương tròn.
Phố phường chật hẹp, người đông đúc,
Bồng bế nhau lên nó ở non.

Bắt chước ai ta chúc mấy lời:
Chúc cho khắp hết ở trong đời.
Vua, quan, sĩ, thứ, người muôn nước,
Sao được cho ra cái giống người.

Trần Tế Xương

rằm tháng giêng

Ngày xưa còn nhỏ... ngày xưa
Tôi đeo khánh bạc lên chùa dâng nhang,
Lòng vui quần áo xanh xang,
Tay cầm hương, nến, đình vàng mới mua.
Chị tôi vào lễ trong chùa,
Hai chàng trai trẻ khấn đùa hai bên:
- "Lòng thành lễ vật đầu niên,
Cầu cho tiểu được ngoài giêng đất chồng!"
Chị tôi phụng phịu má hồng,

Vùng vàng suýt nữa quên bồng cả tôi.
Tam quan, ngoài mái chị ngồi,
Chị nghe đoán thẻ, chị cười luôn luôn.
Quẻ thần, thánh mách mà khôn:
- Số nàng chồng đất, mà con cũng nhiều!
Chị tôi nay đã xế chiều,
Chắc còn nhớ mãi những điều chị mơ.
Hằng năm, tôi đi lễ chùa,
Chuông vàng, khánh bạc ngày xưa vẫn còn.
Chỉ hơi thấy vắng trong hồn,
Ít nhiều hương phấn khi còn ngây thơ.
Chân đi, đếm tiếng chuông chùa,
Tôi ngỡ năm, tháng thời xưa trở về.

Hồ Dzếnh

những nhành mai

Những nhành mai sớm sương bên lá
Những nhành liễu chiều gió bên cây
Cũng lay lắt bởi đời xuân em ạ
Thế nên chi anh cũng viết giòng này.

Hồng vàng tụ bữa kia em có thấy
Nước xuôi giòng là cổ độ nhìn theo
Tuổi mười sáu bây giờ lên gấp gáp
Mộng miên man là mây phủ lưng đèo.

Buồn phố thị cũng xa bay như gió
Cộ xe nhiều cũng nhảy bồng như hươu
Bờ cõi dựng xuân xanh em còn đó
Bến đào nguyên anh khoác áo khinh cừ.

Tìm theo dấu chân người xưa tư lự
Ở bên đường ngóng đôi khánh vân bay
Mơ con mắt một lần lên tiếng thử
Em ô em, anh nói một lời này.

Bùi Giáng

tâm tình cuối năm

Từng cơn mưa lạnh đến dần,
Đời chưa trang điểm, mà xuân đã về!
Hững hờ để nước trôi đi,
Giấc chiêm bao hết, lấy gì mà say ?
Quê ai đậm ấm đâu đây,
Cho tôi về sống mấy ngày trẻ thơ.
Ước gì trăng gió đón đưa,
Mất chờ gặp mặt, tay chờ cầm tay.
Cảm lòng, nhận chút hương bay,
Tình thương đất bạn, cỏ cây là người.
Quê nhà ai sẵn nụ cười,
Núi sông hồn hậu, mà Trời bao dung?
Cho tôi về hưởng xuân cùng,
Bao giờ hoa nở thì lòng cũng nguôi.

Đinh Hùng

xuân

Luống đất thơm hương mùa mới dậy,
Bên đường chân rộn bước trai tơ.
Cây xanh cành đẹp xui tay với;
Sông mát tràn xuân nước đậm bờ.
Ồ những người ta đi hóng xuân;
Cho tôi theo với, kéo tôi gần !
Rộn ràng bước nhịp hương vương gót,
Nhựa mạnh tuôn trào tưởng dính chân.
Bắt gặp mùa tươi lên rún rẫy,
Trong cành hoa trẻ, cổ chim non.
- Có ai gửi ý trong xuân cũ,
Đất nở muôn xuân vẫn chẳng mòn.

Huy Cận

chơi đèn khán xuân

Êm ái chiều xuân tới khán đài,
Lâng lâng chẳng bận chút trần ai!
Ba hồi triều mộ chuông gầm sóng,
Một vũng tang thương nước lộn trời.
Bể ái nghìn trùng khôn tát cạn,
Nguồn ân muôn trượng dễ khơi vơi.
Nào nào cực lạc là đâu tá,
Cực lạc là đây chín rõ mười.

Bà Huyện Thanh Quan

xuân về

Đã thấy xuân về với gió đông
Vội trên màu má gái chưa chồng
Bên hiên hàng xóm cô hàng xóm
Ngước mắt nhìn trời đôi mắt trong.
Từng đàn con trẻ chạy xun xoe
Mưa tạnh trời quang nắng mới hoe
Lá nốn nhành non ai trắng bạc
Gió về từng trận gió bay đi.
Thong thả dân gian nghỉ việc đồng
Lúa thì con gái mượt như nhung
Đây vườn hoa bưởi hoa cam rụng
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.
Trên đường cát mịn một đôi cô
Yếm đỏ khăn thâm trẩy hội chùa
Gậy trúc dắt bà già tóc bạc
Tay lần tràng hạt miệng nam mô.

Nguyễn Bính

nụ cười xuân

Giữa vườn ỉnh ỏi tiếng chim vui
Thiếu nữ nhìn sương chói mặt trời
Sao buổi đầu xuân êm ái thế!
Cánh hồng kết những nụ cười tươi.
Ánh sáng ôm trùm những ngọn cao,
Cây vàng rung nắng lá xôn xao,
Gió thơm phơ phát bay vô ý
Đem đựng cành mai sát cành đào.
Tóc liễu buông xanh quá mỹ miều
Bên màu hoa mới thắm như kieu;
Nỗi gì âu yếm qua không khí
Như thoảng đưa mùi hương mẩn yêu.
Này lượt đầu tiên thiếu nữ nghe
Nhạc thầm lên tiếng hát say mê
Mùa xuân chín ứng trên đôi má
Xui khiến lòng ai thấy nặng nề...
Thiếu nữ băng khuâng đợi một người
Chưa từng hẹn đến - giữa xuân tươi
Cùng chàng trai trẻ xa xôi ấy
Thiếu nữ làm duyên, đứng mỉm cười.

Xuân Diệu



MÈO và trẻ em

Nói đến mèo thì có rất nhiều chuyện để nói, nhưng thử xem qua mèo với một số phim ảnh, đồ vật dành cho trẻ em như sau:

Hello Kitty và sự tích

Cuộc sống của con người trong xã hội công nghiệp càng lúc càng bận rộn, tất bật, người Nhật cũng vậy. Trong gia đình thì người lớn đi làm, trẻ em đi học, cứ thế hàng ngày, hàng tuần... đưa đến việc có rất ít thời gian để chú ý, lo lắng đến nhau. Cuộc sống tẻ nhạt, nhưng không một ai cảm thấy vậy, vì tất cả đều quá bận rộn với công việc hàng ngày.

Có một cô bé sống trong một gia đình điển hình bận rộn như vậy. Bố mẹ đi làm thì cô bé đến trường, do vậy họ rất ít khi gặp nhau. Cô muốn nói chuyện, muốn chia sẻ nhưng chẳng biết nói với ai. Vì chẳng ai có thì giờ ngồi nghe cô nói. Bạn bè thì cuốn quýt với những buổi, giờ học, một số khác thì mải mê với các trò chơi điện tử hiện đại. Cô bé cảm thấy cô đơn và buồn bã. Ngoài ra cô rất bé nhỏ và nhút nhát nên hay bị những đứa trẻ lớp trên trêu chọc, giật cặp sách, giật tóc, đôi khi cả đánh nữa.

Một buổi chiều, khi bị nhóm bạn lớp trên lôi ra làm trò đùa, cô buồn bã đi ra công viên gần nhà, ngồi trên ghế đá và khóc. Khóc một lúc, cô ngẩng lên thì

thấy một ông già đang ngồi cạnh mình. Ông già thấy cô ngẩng lên thì hỏi:

- Cháu gái, tan học rồi sao không về nhà mà lại khóc?

Cô bé lại oà lên tức tưởi:

- Cháu không muốn về nhà. Ở nhà buồn lắm, không có ai hết. Không ai nghe cháu nói!

- Vậy ông sẽ nghe cháu!

Và cô bé vừa khóc vừa kể cho ông già nghe tất cả những uất ức, những buồn rầu trong lòng bấy lâu nay. Ông già cứ im lặng nghe, không một lời phán xét, không một lời nhận định. Ông chỉ nghe. Cuối cùng, khi cô bé kể xong, ông bảo cô đừng buồn và hãy đi về nhà.

Từ đó trở đi, cứ tan học là cô bé vào công viên ngồi kể chuyện cho ông già nghe. Cô thay đổi hẳn, mạnh dạn lên, vui vẻ lên. Cô bé cảm thấy cuộc sống vẫn còn nhiều điều để sống.

Cho đến một hôm, cô bé bị một bạn trong lớp đánh. Vốn yếu đuối không làm gì được, cô uất ức và nóng lòng chạy đến công viên để chia sẻ với ông già cho vơi bớt nỗi buồn tủi. Cô bé vội vã, chạy qua đèn đỏ ... và

Ngày biết tin cô bé mất, vẫn trong công viên, vẫn trên chiếc ghế đá mà cô bé hay ngồi, có một ông lão lặng lẽ đốt một hình nộm bằng giấy. Đó là món quà mà ông muốn đưa cho cô bé ngày hôm trước, nhưng không thấy cô bé đến. Hình nộm là một con mèo rất đẹp, trắng trẻo, có đôi tai to, mắt tròn xoe hiền lành, nhưng không có miệng. Ông già muốn nó ở bên cạnh cô bé, mãi lắng nghe cô mà không bao giờ phán xét.

Từ đó trở đi, trên bàn học của mỗi học sinh Nhật thường có một búp bê hình mèo không có miệng - Chú mèo hiện nay có tên là "Hello Kitty".

Người sáng tạo ra con mèo Hello Kitty là bà Yuko Shimizu. Bà sinh ngày 1.11.1946 tại Chiba, Nhật và Bà đã sáng tạo ra con mèo Hello Kitty vào ngày 1.11.1974 sau khi tốt nghiệp đại học từ trường Musashino Art University..

Một số dữ kiện về con mèo Hello Kitty.

Hello Kitty tên thật là Kitty White (Mèo trắng), sinh ngày 1.11.1974, tại London (Anh quốc). Máu loại A. Thức ăn ưa thích nhất là Apple Pie (bánh táo). Chữ yêu thích nhất là TÌNH BẠN.

Tuy ban đầu Hello Kitty được sáng tác ra cho giới trẻ, sản phẩm đầu tiên là chiếc ví đựng tiền lẻ có in

hình chú mèo con màu trắng nhưng sau đó Hello Kitty đã thu hút được mọi lứa tuổi. Mới đầu chỉ ở Nhật nhưng nay Hello Kitty đã trở thành hiện tượng văn hóa toàn cầu, với hơn 50.000 sản phẩm được bày bán trên hơn 60 quốc gia. Và sản phẩm không chỉ dành riêng cho trẻ con, giới trẻ, mà còn cả cho người lớn nữa... Tổng giá trị hàng hóa hàng năm đã lên tới 1 tỉ USD.

Nhiều ngôi sao của Mỹ đã góp phần đáng kể vào sự thành công ấy. Trong đó có Mariah Carey, Britney Spears, Miley Cyrus, hay Paris Hilton... các ngôi sao này thường xuất hiện với các loại “phụ tùng” có hình Hello Kitty. Riêng Cô đào Paris Hilton đã xuất hiện cùng chiếc ví hồng có hình Hello Kitty trị giá khoảng 100.000 USD tại một buổi ký tặng sách.

Mới đây, để kỷ niệm năm thứ 35, cô mèo búp bê Hello Kitty được thiết kế với 403 viên đá sapphire hồng và 1.939 mẫu ngọc topaz trắng. Trên nơ cô mèo là viên kim cương 1.027 carat, mũi được làm từ một viên đá màu vàng chanh và mắt là 2 viên spinel đen. Với giá tiền 150.000 USD, búp bê lấp lánh này xứng đáng là “Nữ hoàng xinh xắn”.

Ngoài ra Hello Kitty đã được nhiều công ty sử dụng để quảng cáo hay dùng cho sản phẩm của mình như: Công ty máy tính NEC, tập đoàn điện tử Toshiba với các sản phẩm gia dụng như máy pha cà phê và lò vi sóng. Đáng kinh ngạc nhất là hãng hàng không Eva Air của Đài Loan đã có những chuyến bay mang tên Hello Kitty, sơn hình ảnh cô mèo này lên thân máy bay và những khay đựng thức ăn cho hành khách.

Nhưng chú mèo được cả thế giới biết đến là nhờ vào năm 1983, khi Quỹ Nhi đồng Liên Hiệp Quốc Unicef chọn Hello Kitty là một trong những đại sứ của tổ chức này. Bộ du lịch Nhật Bản vào trung tuần tháng 5.2008 đã phong cô mèo Hello Kitty chức danh “đại sứ thiện chí về du lịch” cho Nhật ở Trung Quốc và Hồng Kông.

Ở Trung Quốc, thậm chí còn có cả “cơn sốt mèo Kitty”. Hồi đầu năm nay có hẳn một chuyến lưu diễn ca nhạc, chi phí nhiều triệu đô la, với chủ đề Hello Kitty được tổ chức ở Bắc Kinh. Và hiện chuyến lưu diễn này vẫn đang được thực hiện vòng quanh Trung Quốc. Sau đó, chương trình Hello

Kitty's Dream Light Fantasy sẽ lên đường tới Malaysia, Singapore và Mỹ trong vòng ba năm tới.

Hello Kitty gắn bó mật thiết với 2 nhà thiết kế: Yuko Shimizu và Yuko Yamaguchi. Bà Yuko Shimizu năm nay 65 tuổi, người đã sáng tạo ra Hello Kitty vừa có cuộc gặp gỡ người hâm mộ tại cuộc triển lãm Japan Expo ở Paris (Pháp) vào trung tuần tháng 7.2010. Xuất hiện tại đây, bà được đông đảo người hâm mộ chờ đợi để xin chữ ký. Nhân dịp này bà cũng giới thiệu sáng tạo mới nhất của mình: Đó là một chú chó Pháp được đặt tên là **Rebecca Bonbon** - ý tưởng về chú chó Rebecca Bonbon đến từ khi bà đọc một tờ báo in đen trắng, có in hình một chú chó đi lạc. Bà cho biết, chú chó ấy rất dễ thương, khiến bà nghĩ đến chú mèo của mình. Và nhân vật Rebecca Bonbon đã ra đời một cách hoàn toàn tình cờ như thế và bà hy vọng chú chó này cũng sẽ thành công như cô mèo Hello Kitty.

Tại sao Hello Kitty không có miệng? Bà Yamaguchi lý giải rằng trên một gương mặt không biểu lộ cảm xúc, Kitty trông sẽ hạnh phúc khi người nhìn nó đang hạnh phúc và ngược lại. Người tạo ra cô mèo

chủ định không gắn cho nó bất kỳ cảm xúc nào và vì thế, Hello Kitty mang cảm xúc của người sử dụng.

Chú mèo robot Doremon.

Doremon là một bộ truyện tranh Nhật Bản của hai họa sĩ Fujimoto Hiroshi và Abiko Motoo. Bộ truyện ra mắt lần đầu tiên vào tháng 12 năm 1969 dành cho độc giả thiếu nhi. Theo như lời tác giả Hiroshi thì trong lúc đang bí đề tài cho nhân vật truyện tranh mới thì ông bỗng thấy con gái của mình đang chơi với một con lật đật, khi đó ông bỗng nảy ra ý tưởng tạo ra nhân vật

mới có hình dáng kết hợp của một con mèo với con lật đật, đó chính là hình dáng của nhân vật Doremon sau này.

Ban đầu các câu chuyện về Doremon được nhà xuất bản Shogakukan phát hành đồng loạt trên sáu nguyệt san dành cho trẻ em. Các tạp chí này được đặt tên theo các cấp học của trẻ nhỏ, đó là nhà trẻ, mẫu giáo, và từ lớp Một cho đến lớp Bốn. Nhưng từ năm 1973, bộ truyện được phát hành thêm trên hai tạp chí cho lớp Năm và lớp Sáu. Các câu chuyện



trên mỗi tạp chí khác nhau, đồng nghĩa với việc tác giả phải sáng tác ít nhất là 6 câu chuyện mỗi tháng. Từ năm 1974, các câu chuyện nhỏ của Deremon bắt đầu được tập hợp trong các tập truyện dày, từ năm 1974 đến năm 1996 đã có tổng cộng 45 tập truyện như vậy ra đời. Năm 1977, tạp chí truyện tranh CoroCoro Comic đã ra đời như một tạp chí chuyên về Deremon. Năm 2005 Shogakukan đã phát hành thêm các tác phẩm mới cũng với tên Doremon nhưng là những câu chuyện không có trong 45 tập đã xuất bản trước đây.

Tính cho đến năm 1999 đã có khoảng 100 triệu tập Doremon được tiêu thụ tính riêng ở Nhật (khoảng 1,5 đến 2 triệu bản được bán hết mỗi năm), bên cạnh đó là 1.700 tập phim ngắn được phát sóng (kể từ năm 1979) và 21 tập phim dài được phát hành (kể từ năm 1980) với lượng khán giả đến rạp lên tới 63 triệu lượt.

Doremon đã giành được nhiều giải thưởng truyện tranh ở Nhật Bản và được tạp chí TIME Asia bình chọn là một trong 22 nhân vật nổi bật của châu Á.

Doremon - chú mèo máy của thế kỉ 22, sinh ngày 3 tháng 9 năm 2112, cao 129,3 cm, cân nặng 129,3 pounds, rất sợ chuột và có thể chạy với vận tốc 129,3 km/h khi gặp chuột, nhảy cao 129,3 cm khi bị dọa dẫm. Mặc dù được gọi là một người máy "phế thải" của tương lai nhưng Doremon lại trở nên đáng yêu vì sự không hoàn hảo của mình. Doremon thích bánh rán dorayaki và thường bị mọi người mời ăn bánh để thuyết phục chú cho mượn Bảo Bối. Thêm vào đó tuy được coi là chú mèo máy thông minh song Doremon thường xuyên bị Nobita cầu cứu, rồi khi gặp phải tình huống khẩn cấp chú mèo luôn luống cuống rút nhằm bảo bối. Nhưng với cái túi thần kì chứa các bảo bối của thế kỉ 22 và nhất là lòng dũng cảm, quý mến bạn bè (giống như tất cả các nhân vật chính khác), Doremon vẫn là vị cứu tinh cho Nobita, thậm chí cho cả nhân loại lúc hiểm nguy, và ý nghĩa hơn, là "ông bụt" thời hiện đại, khuyến khích độc giả nhỏ tuổi biết ước mơ và thích ước mơ. Hình thể của Doremon ở những tập đầu hơi to, mập mạp một chút. Ở những tập sau, hình thể của Doremon đã được sửa lại cho cân đối hơn.

Trong bộ truyện ngoài nhân vật chính là Doremon, ta còn thấy một số nhân vật khác như Nobi Nobita,

Minamoto Shizuka (Xuka, là vợ của Nobita), Goda Takeshi (Chaiken), Honekawa Suhneo (Xeko), Dorami (em gái Doremon), Jaiko (em gái Chaiken), Dekisugi Hidetoshi (bạn cùng lớp Nobita), Nobi Nobisuke (bố của Nobita), Nobi Tamako (mẹ Nobita), Nobisuke (con trai của Nobita và Xuka), Sewashi (cháu 3 đời của Nobita).

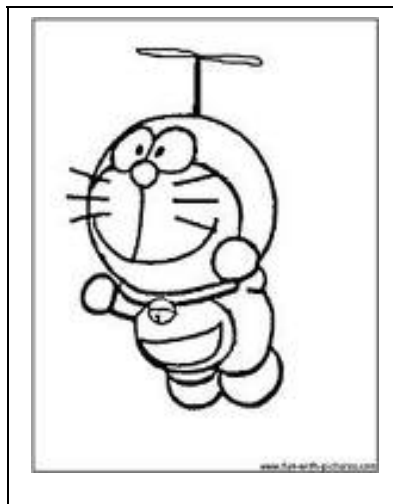
Doremon không chỉ là một bộ truyện được ưa chuộng mà nó còn được coi là một tác phẩm có tác động tích cực tới nhiều mặt của trẻ em Nhật và các nước trên thế giới. Theo phân tích của Anne Allison thì điều làm Deremon được độc giả yêu quý nhất không phải là những bảo bối thần kỳ mà chính là tình bạn của chú mèo máy với cậu bé yếu đuối Nobita. Hình ảnh thân thiện của Doremon cùng những câu chuyện ngắn gọn, dễ hiểu được cho là đã góp phần thúc đẩy quá trình tập đọc, tập viết của trẻ em Nhật trong những thập niên 1970, 1980. Những "bảo bối" cũng các câu chuyện phiêu lưu trong Doremon đã xây dựng cho độc giả nhỏ tuổi sự ham thích tìm hiểu khoa học - công nghệ, đặc biệt là sự ham thích với robot và các ứng dụng của robot trong cuộc sống. Hơn hết cách nhìn tương lai với con mắt tích cực cùng những kết thúc có hậu của các cuộc phiêu lưu trong Doremon đã giúp trẻ em có được niềm tin vào tương lai cùng bài học "luôn cố gắng tìm ra lời giải" cho những khó khăn gặp phải trong cuộc sống.

Trong hoàn cảnh nước Nhật hiện đại ngày nay bộ truyện này còn có thêm một ý nghĩa khác, đó là gợi nhớ lại những quan hệ gia đình gần bó, sự tôn trọng truyền thống và văn hóa dân gian, vốn đang phai nhạt dần trong xã hội Nhật.

Doremon được coi là một trong những bộ truyện xuất sắc nhất thập niên 1970 và 1980. Bộ truyện này đã được trao nhiều giải thưởng như Giải thưởng Hiệp hội họa sĩ truyện tranh

Nhật Bản lần thứ hai (năm 1973), Giải Shogakukan lần thứ nhất dành cho hạng mục truyện tranh thiếu nhi (năm 1982), Giải thưởng văn hóa Tezuka Osamu lần thứ nhất (năm 1997). Năm 2005 Doremon đã xuất hiện trong triển lãm Little Boy: The Arts of Japan's Exploding Subculture do Hiệp hội Nhật Bản tổ chức tại New York với tư cách là một biểu tượng cho nền văn hóa của nước Nhật.

Các tập phim hoạt hình Doremon bắt đầu được phát sóng trên kênh Nippon Television từ năm 1973. Đến



năm 1979 kênh TV Asahi bắt đầu sản xuất một loạt phim hoạt hình ngắn mới, loạt phim Doremon này đã được phát sóng từ đó cho tới hiện tại với khoảng trên 1.700 tập.

Trong thời gian từ năm 1979 đến 2005, bài hát mở đầu mỗi tập phim Doremon có tên Doraemon no uta, bài hát này được nhạc sĩ Nguyễn Ngọc Thiện dịch ra tiếng Việt với tựa đề Đôrêmon. Từ năm 2005, cùng với việc thay đội ngũ nhân viên lồng tiếng, đài TV Asahi cũng sử dụng thêm hai bài hát mở đầu phim mới là Hug Shichao và Yume wo Kanaete Doraemon.

Doremon sau khi ra đời cũng nhanh chóng được chuyển thể thành các trò chơi điện tử trên nhiều thế hệ máy. Và ta có thể tìm thấy các trò chơi lấy nhân vật chính là Doremon và các bạn trên máy NES của Nintendo, PlayStation của Sony hay mới nhất là trên các máy Wii của Nintendo. Ngoài ra, Doremon còn xuất hiện trong nhiều bộ trò chơi khác với vai trò như một nhân vật phụ.

Tom và Jerry

Tom và Jerry là một bộ phim hoạt hình nhiều tập nổi tiếng của điện ảnh Mỹ, được sáng tạo, viết kịch bản và đạo diễn bởi hai nhà làm phim hoạt họa là William Hanna và Joseph Barbera. Mặc dù được sản xuất trong những năm từ 1940 đến 1967 nhưng dường như bộ phim hoạt hình này hiện nay vẫn còn rất cuốn hút và quen thuộc đối với nhiều thế hệ người xem. Tom và Jerry đã từng giành được 7 giải Oscar, chia sẻ danh hiệu "bộ phim hoạt hình đoạt nhiều giải nhất" cùng với Silly Symphonies của Walt Disney.

Mỗi tập phim của Tom & Jerry hầu hết đều quay quanh việc một chú mèo tên là Tom cố đuổi bắt chú chuột Jerry để rồi kết quả là sự đổ vỡ, ngổn ngang trong nhà. Một số lý do để Tom đuổi bắt Jerry là: Đói bụng, Thù hằn giữa mèo và chuột, Bị bà chủ giao cho nhiệm vụ bắt chuột, Khoái trá khi dầy vò Jerry, Trả thù vì những lần bị Jerry làm cho thân tàn ma dại....



Tom thường rất hiếm khi bắt được Jerry, chủ yếu là do cái đầu láu cá, khôn ngoan của chuột và thỉnh thoảng do cả sự ngốc nghếch của mèo. Bộ phim cuốn hút người xem nhờ những tình huống khôi hài: Tom dùng đủ mọi thứ như rìu, súng, chất độc, bẫy chuột, pho mát, v.v... để bắt Jerry trong khi Jerry cũng không vừa, tuy chạy trốn nhưng nó vẫn gài bẫy lại Tom như đập bàn là, tảng thép làm Tom dẹp lép như con tép, đút đuôi Tom vào ổ điện hoặc bày mưu để bà chủ và con chó Spike đánh cho Tom một trận...

Bộ phim Tom and Jerry đầu tiên được chiếu vào ngày 10.2.1940 với tên là Puss Gets the Boot, dài 9 phút 15 giây. Tính đến nay phim Tom and Jerry đã tròn 70 tuổi với

hơn 200 tập phim được sản xuất, và các sản phẩm mang hình ảnh cặp đôi Tom-Jerry rất dễ thương này cũng được chọn mua nhiều nhất (84%). Theo nghiên cứu của Warner Bros là chủ thương hiệu của Tom and Jerry, Harry Potter, Batman, Superman, Scooby Doo, Looney Tunes... cho biết trong các nhân vật hoạt hình của hãng, thì Tom và Jerry là hình ảnh được người tiêu dùng yêu thích nhất trên thế giới, với 98% người nhận biết với đủ mọi lứa tuổi.

Pháp Âm tổng hợp và biên soạn

vườn đầy hương xuân

Em về giú trái sầu thu
Cho anh mộng chín trái mùa mưa đông
Giữa cầu em xõa tóc xuân
Xuôi theo dòng nước anh giang nắng hè
Chung đường nón lá nghiêng che
Bóng em nắng đổ tóc xòe vai anh.

Vườn nhà có sẵn trầu xanh
Cau buồng mẹ chọn cho anh thương nàng
Một hôm rộn rã khắp làng
Pháo hồng rải đỏ họ hàng vui say.
Trời thanh bông bưởi ngát bay
Đêm qua trăng thức vườn đầy hương xuân

Nguyễn Thương Quê

xuân trong nét đẹp người tu

TKN Thích Nữ Chân Liễu

Nhân dịp đầu năm, đi chùa lễ Phật, nhìn thấy muôn hoa đua nở, vẻ đẹp tao nhã của thiên nhiên như lời chúc phúc tốt lành đến với tất cả mọi người.

Một sức sống vui tươi vô cùng kỳ diệu khi nhìn cảnh sắc xinh tươi của "Mùa Xuân", tâm tình ai ai cũng cảm thấy phấn khởi và hoan hỷ đón mừng mùa xuân an lạc hạnh phúc, cát tường như ý. Hương xuân làm con người lạc quan yêu đời, cũng là thời gian mà người tu tâm dưỡng tánh có thể chuyển mình tự đứng lên, vượt thoát quá khứ nhiều phiền não, nhìn về tương lai đầy hứa hẹn.

Đệ tử Phật gia ai ai cũng mong ước được vô lượng an lạc, vạn sự cát tường, Phật sự hanh thông, Phật đạo viên thành và đạt được mùa xuân miên viễn, như những lời chúc đầy đạo vị mỗi khi xuân về.

Mong ước đạt được những điều chúc tụng đầy ý nghĩa trong dịp xuân về, người con Phật nên hiểu rõ ràng về giáo lý nhân quả và sự thực hành đúng chánh pháp, áp dụng giáo lý đạo Phật trong đời sống hằng ngày.

Điều quan trọng vô cùng sâu sắc của Phật pháp, thể hiện qua giá trị nhân cách sống cao thượng chân chánh của người tu, đó chính là "Xuân trong nét đẹp của người tu", kết quả là sự an lạc cát tường như ý, không mong cầu cũng luôn luôn hiện hữu.

Nét đẹp của người tu xuất gia

Theo sự tích của Đức Phật, hình ảnh thanh tịnh, từ tốn, bước chân an lạc xuất trần của một vị Sa môn, cùng tấm áo cà sa đơn giản, đầu trần chân đất, cuộc sống ung dung tự tại đã làm Thái Tử Tất Đạt Đa xúc động. Xuất thân từ cung vàng điện ngọc, địa vị cao sang quyền quý tột đỉnh, nhưng cuộc sống của vị Sa môn Cồ Đàm đơn giản thuần khiết, cơ cực khổ hạnh thể hiện qua một con người siêu việt xuất thế. Đức Phật là nét đẹp đạo hạnh đầy đủ "Từ bi và Trí tuệ". Sự kính phục tuyệt đối của nhân loại về chân lý đạt đến cứu cánh giải thoát sanh tử, ngàn đời nay đến đời sau đối với Ngài là vô cùng vô tận.

Sống trong giới pháp của Đức Phật, người tu xuất gia không phải bận rộn miến cơm manh áo, không lo toan chuyện thị phi thế gian, là đang được hưởng gia tài của cha lành Thế Tôn để lại. Trên bước đường hành đạo, có nhiều chông gai trắc trở, đồng thời cũng có nhiều cám dỗ của vật chất danh lợi trong giai đoạn tự chế ngự bản thân, đó là thử thách, rèn luyện công phu tu tâm dưỡng tánh.

Đối với mùa xuân mỗi năm qua mau, kiếp sống con người thật ngắn ngủi, nếp sống thanh tịnh trầm mặc của các vị tu sĩ là khép lại bột lức căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

Mắt: Không thấy vật chất là vĩnh cửu, là quý giá, cần nắm giữ cho riêng mình.

Tai: Không nghe nhiều, không chấp vào tiếng khen chê, sanh tâm thương ghét phân biệt.

Mũi: Không để cho mùi vị, hương lạ làm tâm tán loạn, sanh tâm mê đắm, thích hưởng thụ.

Lưỡi: Không để cho cảm giác ngon dở, ưa thích sai khiến, tạo nghiệp chướng lành.

Thân: Không hơn thua, đẹp xấu phô trương, sanh lòng khinh mạn đua đòi.

Ý: Không để cho ý sanh vọng tưởng điên đảo, tâm thức tán loạn sẽ rơi vào tội lỗi.

Chứng thực cho sự giải thoát của con người, là được sống thanh thoi trong an nhàn, tâm an tĩnh, trí sáng suốt, rời xa những bon chen, xô bồ của cuộc sống thường ngày, rời xa vòng danh lợi thế gian, thoát khỏi bể khổ trầm luân. Ấy chính là khi Tâm ta hoàn toàn an tĩnh.

"Nét đẹp của người xuất gia" không phải là hình tướng khác thường bên ngoài, không phải mũ cao, áo thêu áo gấm, đủ màu đủ sắc. Xuân đối với người xuất gia là cái đẹp trong sáng ở nội tâm, khi Tâm thanh tịnh, rời xa được lòng tham lam, sân hận, si mê, nhân cách thuần hậu, nguyện đem lợi lạc cho mình cho người.

Tâm hạnh người xuất gia cao thượng chân thật vô ngã vị tha, ắt sẽ đạt đến Niết bàn vô lượng an lạc, đó là "Xuân trong nét đẹp của người tu xuất gia", cũng là giá trị hạnh phúc bất tận cho người tu ngay tại thế gian.

Nét đẹp của người tu tại gia

Đạo Phật không đòi hỏi mọi người đều phải lên Chùa để tu, cầu Kinh sớm hôm và hàng ngày phải ăn chay khổ hạnh hay buộc phải hoàn toàn cắt đứt tất cả tình thương với người thân, mới gọi là biết tu.

Ý nghĩa của chữ TU là tu tâm sửa tánh.

Đức Phật dạy: Thắng vạn quân không bằng tự thắng mình / Tự thắng tâm mình là điều cao quý nhất.

Khi những vọng tâm, vọng tưởng, vọng thức, vọng niệm đã dứt sạch, thì sẽ chế ngự được tham lam, sân hận, si mê. Kết quả thực tế, cũng là phần thưởng cho những cố gắng, nỗ lực không ngừng của người tu tại gia, trước mắt là những chuỗi ngày hạnh phúc, vui vẻ, đầy an lạc.

Một người yếu đuối sợ khó khăn, tâm tánh ích kỷ, thích mơ mộng danh lợi, đòi hỏi nhiều về thú vui vật chất riêng bản thân, muốn một cuộc sống "tu tại gia" không dễ dàng thực hiện được. Một ví dụ, như làm cha mẹ muốn tu tại gia, vừa trách nhiệm lo miếng cơm manh áo cho gia đình, cho các con, lại còn phải hộ trì Tam Bảo, tu học Phật pháp, niệm Phật, ngồi thiền, tụng kinh, tự soi rọi thanh lọc tâm, không phải ai cũng làm được. Nếu thực hành vẹn toàn được công phu "tu tại gia", người tu luôn luôn chịu hy sinh rất nhiều cho riêng bản thân mình, tâm ý cao thượng khó làm khó thực hiện, nhưng đó chính là môi trường tu tâm dưỡng tánh tuyệt vời nhất.

Người muốn tu, ở hoàn cảnh nào cũng tu được, nếu hiểu được cách tu theo lời Phật dạy, nghĩa là áp dụng tứ vô lượng tâm là từ, bi, hỷ, xả, khoan dung rộng lượng trong đối xử, biết tự kiềm chế thú vui vật chất, mạnh dạn hy sinh lợi ích cá nhân, biết xả bỏ ích kỷ nhỏ nhen. Người tu tại gia tự độ và còn có thể độ được cho những người thân trong gia đình và làm tấm gương cho con cháu noi theo. Sống biết đủ, không đòi hỏi nhiều, không bận rộn vào cuộc vui vô nghĩa, người "tu tại gia" sẽ có rất nhiều thời gian cho việc nghiên tầm kinh điển, tu học để khai sáng trí tuệ, trưởng dưỡng từ bi.

"Nét đẹp của người tu tại gia" là cuộc sống chân thật hồn nhiên, một nhân cách trong sạch và một tâm Bồ Tát tại gia vô chấp vô phân biệt, vượt qua được hình

tướng xuất gia, nhưng vẫn có thể thành tựu đạo nghiệp.

Người "tu tại gia" có thể đem lại cho mình, cho những người thân sống chung quanh sự bình yên tuyệt đối trong tâm hồn, sự thoải mái vô cùng qua cung cách cư xử trong từng cử chỉ, lời nói, việc làm cũng như ý nghĩ. Đó là ý nghĩa vi diệu tuyệt vời "Xuân trong nét đẹp người tu tại gia", ngay từ những điều vô cùng giản dị trong cuộc sống hằng ngày.

Tóm lại, mùa xuân trong nét đẹp của người tu xuất gia hay tại gia là ở tâm hạnh của Bồ Tát, nhân cách nghiêm tịnh, giới đức khiêm cung. Được gần các "Bậc Thiện Nhân" con người sẽ cảm nhận vô lượng an lạc hạnh phúc, như được hưởng gió mát và ánh nắng ấm áp, đầy đạo vị của những cánh hoa xuân tươi đẹp.

- Trang nghiêm giới hạnh, đó là thân đẹp.
- Ăn ở hiền hòa, thủy chung, đó là nét đẹp.
- Cư xử khiêm hạ, từ tốn, đó là cử chỉ đẹp.
- Giúp đỡ người bị nạn hay đói nghèo, đó là tấm lòng đẹp.
- Hiếu với cha mẹ, kính bậc hiền thánh, đó là tâm hồn đẹp.
- Gặp người đau khổ, sợ hãi, nói lời an ủi, đó là ngôn ngữ đẹp.
- Không khởi tà niệm, luôn chánh trực, đó là ý đẹp.
- Biết độ lượng, bao dung, đó là đức hạnh đẹp.
- Khai mở tâm trí, phá trừ vô minh, đó là trí tuệ đẹp.
- Đạt được giác ngộ và giải thoát, đó là nét đẹp tối thắng.

Mùa xuân tuyệt đẹp với một tâm thức an bình tự tại, người biết tu hãy quay trở về nội tâm, thấp sáng ngọn đuốc trí tuệ, trưởng dưỡng tâm từ bi, thấy được Phật tánh không sanh, không diệt của mình, để ngộ ra "ý xuân vi diệu" này.

Có như vậy, ta mới có thể thanh thản sống đời, không tự ti cũng không tự tôn, với cái nhìn tự tại, vô úy giữa muôn sự có không, đúng sai, hơn thua, được mất, vinh nhục.

Ở thế gian tất cả các pháp sanh diệt đều là vô thường.

"Mùa xuân trong nét đẹp người tu" mới thật sự đem lại thân tâm an lạc, phước trí trang nghiêm, tùy tâm mãn nguyện, vạn sự cát tường.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

TKN Thích Nữ Chân Liễu (Canada)



xin chúc quê hương

chén rượu mừng

(Mừng Xuân Tân Mão, gửi về Quê Hương, Mẹ và Đồng Bào Việt Nam tôi, quốc nội và quốc ngoại)

Mẹ ơi, rộn rã, kìa, Xuân đến
 Dưa hấu, cành đào, cặp bánh chưng
 Dăm cội thủy tiên, vài chậu quất
 Chao ơi, hương vị đã từng bùng !
 Nhưng mà giữa cảnh vui tươi ấy
 Mẹ ạ, lòng con vẫn đứng đưng
 Bởi lẽ xuân về, con lại nhớ
 Một chiều xuân tím, lệ rưng rưng ...
 Ôi chiều xuân ấy con xa mẹ
 Vỡ tổ, chim non giữa bão bùng!
 Mẩu tử đau thương sâu cách biệt
 Tuổi hồng, lệ tủi nhỏ muôn chung !
 Mùa xuân từ đấy không xanh nữa
 Mà xám, mà đau đến tuyệt cùng !
 Còn nỗi đau nào hơn mất mẹ
 Giữa ngày mộng biếc, giữa mơ nhưng ?!
 Thế mà con mất, ôi, đau xót ...
 Mẹ bỏ con đi, chẳng ngập ngừng ...
 Mẹ bỏ con đi, về với đất
 Về miền vĩnh cửu, cõi vô chung !
 Âm dương hai lối, đời ly cách
 Từ đấy, sầu riêng cứ điệp trùng !
 Và cũng từ làm thân tị nạn
 Lòng con thêm nặng nỗi sầu chung.
 Mẹ ơi, rộn rã kìa, xuân đến
 Xuân đến, mà con dạ nào nùng
 Phần đau vì nỗi hờn vong quốc

Phần xót quê hương vẫn mịt mùng
 Phần tủi cho mình thân lạc xứ
 Phần thương mẹ mẹ giữa người đưng
 Sớm hôm, ai có lòng nhang khói
 Hay đã hoang vu cảnh núi rừng ?
 Cỏ có mọc cao che khuất lối
 Ảnh còn xinh đẹp mắt màu nhung ?
 Mẹ ơi, tết đến, con buồn quá
 Nhớ mẹ trời ơi, nhớ lạ lùng
 Trên cõi trần gian từ vắng mẹ
 Là đời vắng cả chữ bao dung !
 Là con thấy rõ người muôn mặt
 Thấy lối nhân gian lắm chập chùng
 Thấy những mỹ từ che hiểm độc
 Thấy đời khan hiếm khách trung dung
 Hôm nay với mẹ, lời tâm sự
 Dốc cạn lòng con, giọt cuối cùng
 Để có, mẹ ơi, Mồng Một Tết
 Con chờ trong gió, tiếng thơ rung
 Như mong đất nước ngày tươi sáng
 Dân tộc vùng lên, tổ chí hùng
 Đập nát xích xiềng đang trói buộc
 Quét đời cho sạch bọn tàn hung
 Khi quê hết bóng loài lang sói
 Ba cõi đồng ca khúc nhạc mừng
 Rồi góp sức, tài xây tổ quốc
 Và hàn gắn lại vết đau chung.

Mẹ ơi, rộn rã kìa xuân đến
 Mà nước mà dân vẫn khổn cùng
 Dân chủ, nhân quyền còn tí tắp
 Và người yêu nước vẫn lao lung
 Chao ôi, mong quá, ngày quang phục
 Xin mẹ linh thiêng giúp đỡ cùng
 Để áng thơ con ngày tết đến
 Không còn là lệ phải rưng rưng
 Để con, một sáng về thăm mẹ
 Giữa tiếng quân reo dậy núi rừng
 Dưới lá cờ Vàng bay rợp biển
 Trong giờ dân tộc được phùng hưng
 Con quì trước mộ, hôn lên đất
 Thắp một tuần nhang, giải lạnh lòng
 Để thấy mùa xuân xanh đẹp mãi
 Mùa xuân ngạo nghễ bóng Quang Trung !
 Mùa xuân Tổ Quốc thôi hờn tủi
 Dân tộc từ đây được lấy lòng
 Bốn biển năm châu đà nở mặt
 Ba miền sông núi lại phồn hưng.

Xuân này, mẹ ạ, giao thừa nhé
 Con chúc quê hương chén rượu mừng !!!!

Ngô Minh Hằng

chùa xưa

Trần Trung Sáng

Đôi mắt đen tròn, sâu thẳm của nhà sư ngồi đối diện rộng mở xa xôi, không chút biểu lộ vui buồn... khiến đôi lúc thiếu phụ cảm thấy câu chuyện của mình lọt thỏm xuống một đáy nước mênh mông. Bà băn khoăn nhắc lại:

- Thầy trụ trì chùa này trước đây là... thầy Giác Hải?
- A di đà Phật... Bây giờ vẫn là thầy Giác Hải.
- May quá!

Thiếu phụ định nói thêm: “Thầy cho tôi gặp thầy ấy được không?”, nhưng nhìn dáng vẻ điềm nhiên đến lạnh lẽo của nhà sư trẻ, bà ta lại hỏi như vu vơ:

- Thầy Giác Hải vẫn khỏe chứ?
- Dạ... thầy ấy vừa đi Huế.

Thiếu phụ thoáng hụt hẫng. Bà rảo mắt nhìn quanh. Đã gần hai mươi năm qua, nhưng cảnh quan ở chùa xưa chẳng nhiều thay đổi. Phía xa xa, bên ngoài khuôn viên của cổng chùa vẫn thấy rõ ngôi mộ đơn chiếc của nhà chí sĩ yêu nước nổi tiếng một thời gần liền cùng trầm luân đất nước, mà có lẽ những vòng hoa, những hương khói chỉ rộn lên vào những ngày lễ hội. Trong sân chùa, những chiếc lá vàng rơi xào xạc từ những tàn cây râm mát đọng lại trên thành giếng cổ, như có đó tự bao giờ. Nơi đây, hình như thời gian chỉ làm đổi thay một điều kinh khủng duy nhất: con người. Dù là người của Phật hay chốn chợ đời...

Chừng không kìm được cảm xúc, thiếu phụ xoay hẳn vào câu chuyện chính.

- Chùa đây... trẻ như thầy còn có ai không?
- Xưa cũng gần chục người. Lớn lên có người đi học xa, có người hoàn tục...
- Thầy xuất gia từ nhỏ chứ?
- A di đà Phật... Chùa này ai cũng vậy.

Thiếu phụ lại lặng im trong giây lát, như lén nhìn kỹ vào gương mặt nhà sư trẻ để tìm kiếm một điều gì. Rồi nhả nha, bà kể lại một câu chuyện:

Vào ngày xuân năm ấy..., một đôi vợ chồng trẻ cùng một đứa con nhỏ chừng ba, bốn tuổi đến lễ chùa này. Trong lúc hai vợ chồng đang thắp hương khấn Phật đứa bé được bỏ mặc chạy nhảy, đùa nghịch quanh quẩn bên các pho tượng, chuông mõ... trong chùa. Đến chừng ra về, đứa bé vẫn cứ nằn nì, chẳng chịu đi... Tưởng con ham thích cảnh lạ nên hai vợ chồng nhẫn nại đợi chờ. Thế nhưng, đến chiều tối, đứa bé vẫn không cho cha mẹ bỗng. Sau một đêm, rồi nhiều đêm khác gọi lại đứa bé cho nhà chùa, hai vợ chồng trở lại đón con. Nó vẫn một mực đòi ở lại. Thầy trụ trì bảo rằng đứa bé có căn tu. Thôi cứ để nó ở lại cửa Phật hẵng hay... Đứa bé mặc nhiên xuất gia từ đó.

- Vì biết sự việc, trước ngày, thỉnh thoảng tôi vẫn ghé thăm chú tiểu đó. Nhưng rồi cuộc sống, có những đổi thay nhất định, phải đi xa... Để hơn 15 năm mới trở lại quê hương, ghé thăm chùa tôi rất băn khoăn: không biết chú tiểu ngày ấy giờ ra sao?

Nãy giờ nhà sư mới sửa lại dáng ngồi, châm trà mời khách. Thiếu phụ cảm nhận trong đôi mắt sâu thẳm nhà sư như lần đầu có làn sóng xao động nhỏ.

- A di đà Phật... Câu chuyện này thỉnh thoảng tôi cũng có nghe. Cứ tưởng chuyện hồi xa xưa, không có thật.

- Thầy biết chuyện này à? Đây là chuyện hoàn toàn sự thật. Thầy trụ trì Giác Hải kể lại ra sao?

- Tôi cũng không nhớ rõ thầy Giác Hải kể lại hay ai kể. Nhưng khi còn nhỏ, các chú tiểu ở đây ai cũng biết chuyện này và nghĩ đó là giai thoại như chuyện pho tượng, cái giếng cổ, cái chuông đồng... trong chùa. Nhưng nếu nó là câu chuyện thật thì cũng có điều rất đáng băn khoăn...

- Thầy băn khoăn điều chi?

- Nếu là thật, trong gần hai mươi năm nay, chúng tôi cũng phải có lần nhìn thấy cha mẹ của chú tiểu ấy trở lại tìm thăm.

- À, thầy không tin là lẽ vậy...

Câu chuyện của thiếu phụ lại tiếp tục liên mạch.

Có lẽ là định mệnh. Bởi sau khi đưa con nhỏ ở lại cửa chùa thì đôi vợ chồng này lại xảy ra những việc bất hòa, mỗi người một ngã... Khoảng một năm sau đó, người chồng có gia đình khác. Người đàn ông ấy có thể đã quên đi chuyện cũ. Nhưng người mẹ thì không. Chắc chắn là không... Chỉ có một điều ngiệt ngã, cuộc đời đưa đẩy người mẹ ấy đến một nơi rất xa...

- A di đà Phật...

Câu chuyện xem chừng đã làm nhà sư trẻ chú ý nhiều hơn. Nhà sư hỏi:

- Câu chuyện thật rõ ràng, không như tôi nghĩ. Nhưng thí chủ đây với bà mẹ ấy là sao mà biết rõ quá vậy?

- Là... người quen.

- Bây giờ người mẹ đâu rồi? Đã vậy, tôi nghĩ cũng nên giúp bà ta tìm lại người con. Để biết chú tiểu ngày ấy vẫn còn ở đây hay đi nơi nào khác?

- Thầy... thầy hứa giúp tôi nghe!

Thiếu phụ không giấu được vui mừng, nín tay áo nhà sư.

- A di đà Phật. Nếu giúp được, chỉ đơn giản là hỏi thầy Giác Hải chứ không ai khác.

- Thầy nói đúng quá, chỉ có vậy... Mà làm sao đây nhỉ? Nay mai tôi lại đi rồi!

Thiếu phụ không nói nữa. Bà bỗng rảo ánh mắt quan sát nhà sư một cách mạnh dạn hơn. Bà như muốn bóc lộ thêm một điều gì khác. Nhưng cái gọn sóng nhỏ trong ánh mắt của nhà sư đã tan biến mất, trở lại xa vắng như trạng thái ban đầu khiến bà e ngại.

Bất chợt, xen lẫn giữa tiếng kinh tụng chiều rơi rạc vọng lên từ chánh điện, có tiếng điện thoại réo vang...

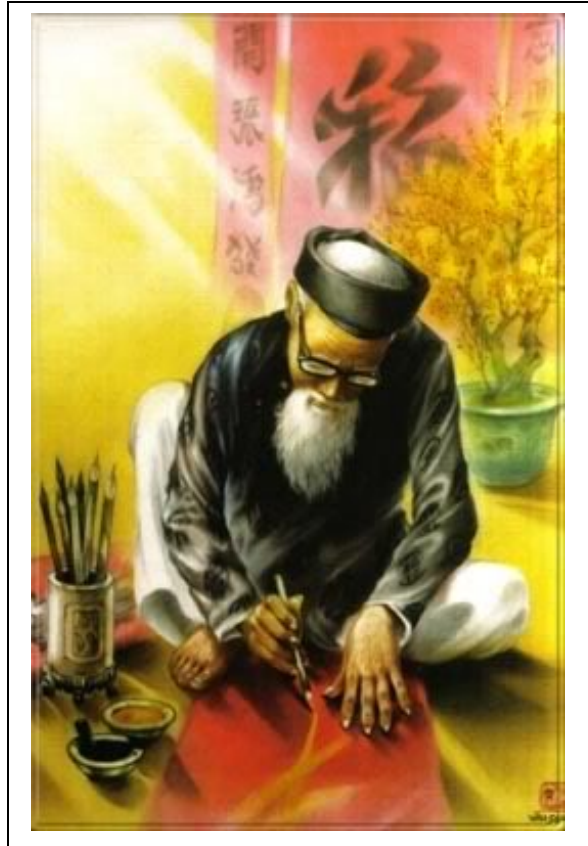
Cái âm thanh hối hả ấy lấn lướt, buông thả vào khoảng không gian u tịch của ngôi chùa hẻo lánh càng nghe rờn rợn như một dự báo chẳng lành.

Nhà sư nghe điện thoại xong trở lại chỗ ngồi, trầm mặc giây lát rồi lên tiếng:

- A di đà Phật, thầy Giác Hải vừa viên tịch tại Huế.

Thiếu phụ cảm thấy hai chân mình rã rời như không đứng dậy nổi. Nhưng bà hiểu: ngay từ phút giây này, cánh cửa quá khứ của chùa xưa đã đóng sập lại. Và trước mặt bà, nhà sư trẻ chừng trở thành pho tượng gỗ...

Trần Trung Sáng



mơ tết quê nhà

Đinh Lê Vũ

Những nôn nao tết trong tôi không hẳn vì tết là dịp hội hè. Đi làm xa nhà cả năm, tôi chỉ mong tết như một kỳ nghỉ vài ngày, không công việc, không stress, không có những bức bối thường nhật...

Một kỳ nghỉ ở ngay chính căn nhà thơ ấu của mình, bên ba mẹ, để thấy lòng thật bình yên, dù là một kỳ nghỉ không dài. Từ lúc lớn lên, đi học xa nhà rồi đi làm xa, tết của tôi bao giờ cũng đi kèm với những vội vã, những ngày qua quá nhanh và những dự định chưa bao giờ làm kịp... Năm nào tôi cũng cố để dành phép xin về sớm một chút, đi muộn một chút, nhưng chưa bao giờ toại nguyện.

Tôi thêm được sống trong bầu không khí của những ngày giáp tết, khi mọi người lục tục dọn dẹp nhà

cửa, quét vôi, sơn cửa, khoác cho căn nhà thường ngày của mình một màu áo mới. Thợ vôi trong những ngày giáp tết đất sô kinh khủng, thường thì không tìm ra hoặc vì đất sô quá làm không kỹ nên ba tôi hay mua vôi, mua sơn về túc tắc tự làm. Hồi tôi còn ở nhà, những thứ bấy, chủ nhật gần trước tết, tôi luôn phụ ba sơn cửa, chà mạng nhện, quét vôi... Sau đó dọn dẹp bàn thờ ông bà, chùi bộ lư đồng cho lên nước bóng loáng, rửa tất cả ly tách, chén bát, nồi niêu sạch sẽ.

Ra nghĩa trang dọn cỏ, quét vôi, đồ lại chữ trên bia mộ ông bà. Đến ngày cuối năm đi dạo chợ hoa tết, hì hục bê về mấy chậu hoa mai, hoa cúc vàng rực. Mẹ tôi thích hoa vàng nên tết nào nhà cũng vàng rực sắc hoa. Hồi đó, những việc tẩn mẩn như vậy làm tôi chán kinh khủng, bởi trong lúc mình chúm đầu với cọ sơn, vôi vữa đầy người thì ngoài kia, nắng tết vàng ươm, mơ hồ như lụa, gió bay, lá reo và bao nhiêu điều hấp dẫn đang chờ đón. Đến khi xa nhà đi học, rồi đi làm, lúc tôi được nghỉ tết về nhà thì nhà cửa đã khang trang, một tay ba cặm cùi làm hết. Mà ba thì ngày càng già đi, sức khỏe chẳng thể như xưa... Bây giờ tôi chỉ ước mình có lúc nào đó được rảnh rang để lãng xăng đỡ dần ba những ngày giáp tết...

Tôi nhớ hồi bà ngoại còn sống, tết nào bà cũng gói bánh tết. Lá chuối hái từ vườn nhà cô Bảy bên cạnh nhà, phơi nắng để vừa heo héo, lấy khăn lau sạch. Đậu xanh ngâm sẵn và đãi vỏ từ ngày hôm trước. Nếp gói bánh bao giờ cũng là loại nếp ngon nhất, mới nhất mà ngoại gửi mua từ quê... Buổi chiều ngoại gói bánh tết, tôi thường lân la ngồi bên cạnh, lòng ngập tràn hạnh phúc khi được ngoại nhờ vả một công đoạn nào đó, như xếp lá, cầm dây đay cho ngoại buộc bánh, lâu lâu lại được ngoại đút cho một chút nhân đậu xanh beo béo, thơm thơm...

Năm nào cũng vậy, sau khi gói bánh xong, tôi được ngoại gói cho một chiếc bánh tết tí hon. Chiếc bánh tết tí hon này, có khi có nhân hoặc không nhân, do được gói từ những nguyên vật liệu còn dư lại, đối với tôi lúc đó là một báu vật... Ngoại xếp củi nhen lửa nấu bánh, củi thường là những nhánh cây to cỡ bằng cổ tay người lớn, lò nấu bánh than hồng đỏ rực. Tôi quần quanh bên lò bánh tết của ngoại đến tận nửa đêm, có lúc ngủ quên mất, nhưng khi thức dậy, bao giờ câu đầu tiên tôi hỏi ngoại cũng là về chiếc bánh tí hon...

Rồi ngoại mua dừa, mua gừng về xắt lát làm mứt. Tết năm nào, nhà nào cũng bắt buộc có hai món mứt đó, như thể thiếu mứt dừa, mứt gừng và hạt dưa thì không phải là tết... Sau này ngoại mất, tôi đi làm xa,

tết đến mẹ ít khi bày biện làm bánh, làm mứt... Bây giờ thì hằng năm, tôi thường hẹn mẹ chờ tôi về để tôi đưa mẹ đi sắm tết. Hai mẹ con đi sắm tết không chỉ là niềm vui của mẹ mà còn là niềm hạnh phúc của tôi, khi thấy mắt mẹ lung linh cười...

Những ngày giáp tết ở thị xã bé tẹo của tôi, chợ tết thường phình to ra một cách bất ngờ, người bán và người mua đều gia tăng, rộn ràng, tấp nập. Đi chợ với mẹ thường sẽ gặp muôn vàn người quen, sẽ phải liên tục cúi chào và mỉm cười khi có ai đó hỏi han. Để mẹ sẽ sung sướng trả lời: con trai tôi ở xa về đó! Sẽ khệ nệ hai tay xách hai túi thức ăn, bánh trái nặng trĩu mà có khi sau tết, khi tôi đi rồi, ba mẹ ở nhà dễ chừng phải ăn đến cả tuần lễ chưa hết.

Biết là phiên chợ đầu năm sẽ họp lại vào ngày mồng hai tết, nhưng năm nào cũng vậy, những ngày tết của gia đình chỉ có ba người chúng tôi luôn tràn ngập thức ăn. Mẹ luôn mơ ước gia đình bé nhỏ của chúng tôi sẽ nhanh chóng thêm người, tôi ray rứt vì chưa làm được cho mẹ nguyện ước này, mà cũng chẳng biết bao giờ mới làm được. Bởi tình yêu chưa bao giờ là một điều dễ dàng đối với tôi, em chưa bao giờ là của tôi, chỉ là một bóng hình thật mơ hồ, thoáng có thoáng không và tôi phải luôn đau đầu vì em...

Ôi, sao mà nhớ quá chừng màu nắng quê tôi vào những ngày giáp tết, thân thuộc đến cháy lòng...

Đình Lê Vũ

chi mà kỳ?

Ý Nga

New Jersey, USA *

Chiều 15-12-2010

Thím than với Ba:

- Hồi xưa em ẵm con bao nhiêu cũng không mỏi, bây giờ lớn tuổi, sao em ẵm cháu em lại hay nhức mỏi vai ghe. Em cứ phải dán thuốc dán Salonpas hoài.

Ba gợi ý:

- Có chi khó đâu thím. Thím nhức chỗ nào thì cứ bảo 2 đứa con gái và 2 cậu con rể này lấy đồ la xanh dán vô chỗ đó là hết ngay! Salonpas làm sao hết nhức!

Cả nhà cười vang.

Tiếng cười đã sưởi ấm căn nhà của chú, dù chú vắng nhà, nhưng có thím, có 2 con gái, 2 con rể, 3 cháu ngoại; có em Trúc con cô Sen và thêm cha con mình cộng lại là đủ 11 người. Ba nói thật vui vẻ:

- Nhìn cả nhà quây quần như vậy thật là vui!

Vui vậy mà tại sao chỉ 3 ngày sau đó Ba đã bất ngờ bỏ 10 người còn lại mà Ba ra đi?

Bây giờ Ba đang ở đâu bên kia thế giới?

Ba có nghe con gọi Ba không?

Ba có thấy những giọt lệ mặn của hai con, của các em con chú, của bao nhiêu người quen Ba, đang rơi rơi từng ngày theo cơn bão tuyết đã đổ về New Jersey?

Con không thể tin được!

Ba vừa mới ngồi đó kia mà!

Ba ngồi giữa bàn tiệc, ở vị trí trang trọng nhất của bàn, Ba không ăn chi cả, chỉ uống ly sinh tố bơ do đứa cháu rể chính tay xay và bưng mời bác. Thím hỏi:

- Sao anh không ăn? Mời anh cuốn bánh tráng hay dùng chén cháo chứ. Có món bún riêu con Thanh nấu nữa kìa.

- Tôi không ăn đâu thím. Mời cả nhà tự nhiên đi.

- Sao vậy anh? Thím hỏi.

- Bởi vì rấp răng giả, ăn thì thức ăn vướng mắc vào làm khó chịu lắm.

Con nói nhỏ:

- Vậy Ba tháo ra đi Ba.

- Không tháo con. Tháo ra trông... già khằn.

Kể từ giờ phút ấy, cuốn bánh tráng đang dùng nửa chừng của con cũng trở nên ... già khằn theo, may mà bé Thanh đã múc cho con tô bún riêu, chứ không thì con cũng ghen... ngào theo câu nói gợi nhớ Tuổi Lá Úa của Ba. Con năn nỉ lắm Ba mới chịu đến nhà chú tối nay, vậy mà Ba chỉ ngồi đó nghe tụi nhỏ nói chuyện và nhìn mọi người ăn uống. Ba làm con áy náy vô cùng! Con đòi múc cháo Ba cũng không chịu ăn.

Thật ra từ trước hôm rời Canada sang thăm Ba, cha con mình đã đồng ý với chương trình mà Thanh đã

gợi ý về bữa cơm đêm nay, Buổi trưa hôm qua Ba còn nhắc:

- Qua con Thanh chứ! Tội nghiệp! Hồi đám cưới nó Ba đã không đi mà đám cưới con Phương, em nó, thì Ba lại đi.

Con giật mình khi nghe Ba nói vậy, chuyện mới từ tháng 5, năm 2008 thôi mà con không nhớ gì cả nên con hỏi Ba:

- Sao vậy Ba?

- Bởi vì chú của mày làm lễ cưới bên nhà trai là sai. Dù nghèo đến mấy thì cũng phải lễ gia tiên tại nhà mình trước, sau đó nhà trai mới được rước dâu đi. Mày đã thay chú mày, đại diện nhà gái mà ngỏ lời đáp từ họ nhà trai mà không nhớ sao? Ba còn nhớ là trước hay sau đó mày vui lắm vì đi họp ở bên tiểu bang nào nữa kìa. Xem chừng con sắp sửa già hơn ba rồi Nga à.

- Ô con nhớ rồi. Vậy mà con tưởng Ba không đi vì Ba vẫn có cá tính không thích tiệc tùng chứ. Nhưng mà nhà đó đâu phải nhà của chú rể, thưa Ba; nhà của cô dâu và chú rể hôn tiền vô mua đó Ba.

- Thì hồi đó Ba mới sang Mỹ, Ba đâu có biết bên này tụi trẻ làm vậy, Ba tưởng...

Bây giờ hiểu ra, tao tội nghiệp cho vợ chồng con Thanh! Dù không thích tiệc tùng nhưng nó là cháu ruột, Ba phải đi chứ.

- Giống như hồi mới qua Mỹ, Ba là con sao không biết dạy thẳng Dương với con Hương. Trời đất ơi! Con ở bên Ý, nó ở bên Mỹ mà Ba làm như ba chị em con ở chung một... nước vậy. Mà dù có một... nhà chung đi nữa, để chi con có thể giải thích cho Ba hiểu bánh xe thời gian đã nghiền nát chúng con theo cơn áo như thế nào trong xã hội Ý, Mỹ. Chúng con đã không còn là những đứa con mà Ba bắt nằm sấp để quét bằng dây nịt mỗi khi hư hỏng ngày nào nữa.

Trước đó một hôm, cô Tựu mời cha con mình đến nhà dùng cơm, vì đi vội vàng, quên rấp răng giả nên Ba còn ăn được một chén cháo nhỏ, nhưng lúc vừa lên được mười mấy bậc cầu thang Ba than:

- Chi mà kỳ? Ba luyện quyền, tập võ mỗi sáng, Ba đi bộ mỗi ngày cả chục cây số không sao, từ bữa bị bể xương đầu gối phải mổ đến nay Ba không đi được nhiều, bây giờ lên có chừng đó mà thấy tim mệt... mệt... Mệt mệt vậy thì mai chắc Ba không qua nhà chú mày nổi đâu.

Chi mà kỳ!

Ba nhắc lại thêm lần nữa 3 chữ ấy như một lời than làm con đâm ra lo.

Lo vì 2 tháng nay tánh tình Ba thay đổi hoàn toàn. Ba thường gọi cho con và hỏi thăm mỗi khi con thử máu, mỗi lần con có hẹn với bệnh viện. Khi con có kết quả không bị ung thư Ba vui mừng lắm.

Trước đây, chưa bao giờ Ba gọi cho con cả, nếu con bệnh hoạn không gọi thì Ba cũng yên lặng vì Ba thích sống tự do thoải mái và Ba đã sống một cuộc sống rất “Tri nhân, đãi nhân, hà thời nhân” giữa một xã hội phức tạp của quê hương sau 1975, cũng như giữa đất Mỹ Lai tù túng trong trại tỵ nạn 7 năm ròng rã cho đến ngày họ cưỡng bức Ba lên máy bay, bắt hồi hương. Ngay cả giữa những xô bồ, hỗn độn của New York và New Jersey, Ba vẫn rất an nhiên, tự tại.

Ba thường nhắc con mỗi lần con gọi hỏi thăm sức khỏe Ba:

- Chưa thấy “hà thời tức”, bây có tiền thì gửi cho Ba vài ngàn xài đi!

Hồi trước muốn tìm vài ngàn gửi biếu Ba thì chị em con phải chạy xác bác, xang bang nhưng từ 2 tháng nay Ba bảo:

- Đừng gửi tiền cho Ba nữa, Ba không có nhu cầu gì để xài, các con đừng lo nữa.

Ba ơi!

Bây giờ thì dù các con có tiền muôn, bạc triệu đi nữa cũng chẳng biết làm sao gửi cho Ba?

Mà ở đó Ba đâu còn cần tiền nữa phải không Ba?

Bây giờ Ba không còn... nhức mỏi ở đâu nữa cả rồi!

Những tờ đô la Canada xanh cũng sẽ không còn biết dán ở chỗ nào cho Ba vui thêm được một ngày bên các con nữa rồi.

Từ bây giờ, nỗi đau... nhức mất Cha sẽ ở lại với con đời đời, Ba lấy giấy dán cho con, thưa Ba?

Ba nói đúng!

Con sắp sửa già hơn Ba rồi!

Cho nên con đang lẩm cẩm nhắc lại chuyện của nửa tháng về trước. Nhắc hoài thôi! Nhắc, để các em của con biết được giá trị của tình phụ tử, và nhất là biết trân trọng tình mẫu tử mà săn sóc Má trong những ngày cô đơn cuối đời còn lại một mình ở Quê Nhà.

Ba ơi!

1-1-2011

Canada

Mỗi ngày, pha ly cà phê sữa cúng Ba mà lòng con tan nát.

Hôm qua thu hết can đảm và sức lực, con đã làm xong phần Cáo Phó và Cảm Tạ của gia đình để gửi đi cho mọi người, sợ để sang năm mới sẽ bị quở.

Đêm nay là đêm đầu tiên của năm mới dương lịch đó Ba, chỉ còn 34 phút nữa thôi là bước sang mồng Hai, Ba vừa nói với con hôm 15/12 rằng:

- Tử vi của Ba sẽ không hết năm này đâu con, dòng họ bên nội nhà mình ít ai thọ hơn 70 tuổi, Ba sống vậy là đã đủ rồi.

Con không tin tử vi, con cũng không chú tâm lời nói như trối trăn của Ba chút nào, nhưng Ba ơi, nếu là không hết năm thì tại sao Ba không chọn năm âm lịch để ra Giêng của dương lịch con còn được trở lại Mỹ chơi với Ba một tháng và sẽ đưa Ba đi khám tổng quát toàn bộ lại sức khỏe, như cha con mình đã định, mà Ba lại ra đi khi năm dương lịch hầy còn 14 ngày nữa mới hết năm?

Tại sao vậy Ba?

Tại sao Ba không chờ con trở lại Mỹ?

Tại sao Ba ra đi vội vàng vậy?

Ba bỏ con ở lại một mình rồi!

Từ nay mỗi lần con không được khỏe, con sẽ chẳng biết gọi ai khi múi giờ đã là nửa đêm bên Việt Nam, để nghe Ba khuyên răn và an ủi:

- Đừng sợ chết con! Khi tới giờ, số mệnh sẽ gọi, mình sẽ đi trong niềm thanh thản.

Con cầu Phật gia hộ cho Ba được... thanh thản vì Ba đã... đi khi ... số mệnh gọi, dù chính Ba cũng đã từng tự hỏi:

- Chi mà kỳ?

Ba ơi!

Con thương Ba lắm!

Bốn chữ này lần đầu con viết cho Ba thì đã quá muộn màng, dù cha con mình đã viết cho nhau cả bao nhiêu lá thư trong bao nhiêu năm xa nhau, (con còn giữ gìn đủ tất cả những thư của Ba viết cho con từ năm 1979 đến nay), nhưng chưa lần nào con đủ can đảm nói với Ba hay viết cho Ba 4 chữ ấy, dù với Má, lần nào con cũng chấm dứt bằng 4 chữ: “Con thương Má lắm!” mỗi khi con ngừng điện thoại.

Tại sao?

Con không hiểu tại sao? Chi mà kỳ!

Ba ơi!

Ba có nghe con nói không?

Ba có đọc được 4 chữ này không: “Con thương Ba lắm!”

Ba!

Ý Nga, Canada 23g37, 1/ 1/ 2011.

cô con gái quá giang đêm mông một tết

Phạm Tín An Ninh

Chiếc thuyền nhỏ mang theo hơn năm mươi người, một nửa là đàn bà và con nít, ra khơi hai ngày thì gặp bão. Chúng tôi may mắn được một chiếc tàu chuyên chở dầu hỏa của Na Uy trên đường từ Nhật sang Singapore cứu vớt. Hai ngày sống trên tàu chúng tôi có cảm giác như đang ở trên một thiên đàng. Tất cả đều được tận tình hỏi han chăm sóc. Chúng tôi cảm thấy vừa mừng vừa xót xa khi nhận ra thế gian này vẫn còn có đầy áp tình người. Họ là những kẻ xa lạ, không cùng màu da, màu tóc, không cùng ngôn ngữ, mà lòng thông cảm yêu thương họ đã dành cho chúng tôi lớn lao biết đến dường nào. Trong lúc những "người anh em" cùng một nhà thì lại hành hạ đuổi xô chúng tôi đến bước đường cùng

để phải đành lòng bỏ nước mà đi. Với ân tình đó chúng tôi chọn Vương quốc Na Uy là quê hương thứ hai để gởi gắm phần đời còn lại của mình và vun đắp tương lai cho mấy đứa con nhỏ dại.

Sau gần một năm ở trại tị nạn, gia đình chúng tôi được đi định cư. Khi bầu đoàn thể tử như một bầy nai vàng ngơ ngác bước xuống phi trường Oslo, được nhiều người đón tiếp, trong đó lại có cả mấy ông nhà báo và đài truyền hình nhà nước phỏng vấn, quay phim. Gốc nhà quê, nên tôi cũng chẳng biết họ quay phim để làm cái gì. Trước khi về nhà, chúng tôi còn được mời vào một nhà hàng Tàu, và tha hồ gọi bất cứ thức ăn nào mình thích.

Đến khi bước vào ngôi nhà, được bà trưởng phòng xã hội trao cho một chùm chìa khóa, dẫn đi một vòng xem phòng ốc đã được trang trí xong nội thất, cái bếp và cả cái tủ lạnh có sẵn đầy đủ thức ăn nước uống, một cái TV màu. Mọi thứ đều mới tinh. Sáu đứa con và hai đứa cháu họ của tôi thì ngồi mân mê mấy cái bàn học, và mấy cái ba lô có đầy đủ sách vở trong đó. Trước khi ra về bà giới thiệu chúng tôi một cô nhân viên của bà, và một cô giáo ở lại hướng dẫn chúng tôi sử dụng mọi thứ tiện nghi trong nhà, và mỗi ngày sẽ đến đưa gia đình chúng tôi đi mua sắm, khám bệnh, làm răng, còn cô giáo thì đặc trách lo việc học hành cho mấy đứa nhỏ. Khi tất cả ra về, tôi nằm dài dưới sàn nhà và chợt khám phá ra rằng mình quả là may mắn được đến định cư ở một nước Bắc Âu xa lạ nhưng thơ mộng và có quá rộng tấm lòng này, mà lúc xuống biển ra đi chắc hẳn có ai bao giờ nghĩ tới.

Buổi tối, cơm nước xong, cả nhà quây quần trước cái TV. Thằng con trai lớn ra điều mới học được văn minh, bấm tới bấm lui tìm đài. Cả đám bất ngờ nhìn thấy dung nhan của mình trên màn ảnh. Thì ra chương trình phóng sự. Họ đang kể về gia đình chúng tôi, "những công dân mới của Na Uy, mà ông bố đã từng ở tù nhiều năm, giống nhiều người Na Uy bị nhốt trong các trại cải tạo của Đức quốc xã, cái thời Hitler làm mưa làm gió ở Âu Châu, và đã can đảm dấn theo sáu đứa con và hai đứa cháu nhỏ vượt đại dương trên một chiếc thuyền đánh cá mong manh". Nghe họ ca ngợi mình mà tôi xấu hổ. Dù gì tôi cũng là kẻ bỏ nước tha hương, với họ, ít nhiều gì cũng là một cảnh tâm gởi. Còn chuyện vượt biển, vượt biên, đến bước đường cùng thì ai cũng phải liều mạng thể thôi, chứ có hàng triệu người còn can đảm gập vạ lần tôi. Nhiều người đi bằng đường bộ, trèo núi, băng rừng, lội suối, bơi sông, qua Cam Bốt, Thái Lan, để vài năm sau mới đến được Singapore.

Và dĩ nhiên đã có biết bao nhiêu người chẳng bao giờ tới bến.

Cũng vì cái chương trình phóng sự bất ngờ này, mà sau đó, mỗi ngày gia đình chúng tôi phải tiếp nhiều người khách không mời, và nhận đủ thứ quà. Trong số đó, đặc biệt có một người đàn bà Việt Nam, mà lúc bà mới bước vào nhà, chúng tôi cứ tưởng là người Nhật, hay là người Tàu gì đó, khi nhìn thấy cái vẻ quý phái đặc biệt của bà. Tôi nghĩ có lẽ không có người Việt Nam nào sống ở cái xứ Bắc Âu xa lạ này từ lâu để có được nét đẹp của một người con gái đông phương pha lẫn âu tây ở cái tuổi còn trẻ như bà. Sau đó tôi bất ngờ thú vị khi bà tự giới thiệu tên là Huyền-Trần Thomassen, hiện là giảng sư môn nhân chủng xã hội học tại trường đại học Oslo, chồng bà là người Na Uy, hiện đang làm đại sứ tại Mexico. Bà không muốn bỏ nghề bà yêu thích, hơn nữa bà vẫn còn tiếp tục nghiên cứu về ngành này, nên không theo chồng mà ở lại Na Uy với hai đứa con. Lúc nhỏ bà theo cha sang sống ở Thụy Sĩ, khi cha bà là đại sứ của VNCH tại đó. Người chồng của bà, cũng thuộc một gia đình có truyền thống ngoại giao. Cha của ông cũng một thời là đại sứ của Na Uy tại Thụy Sĩ. Hai người con của hai ông đại sứ quen nhau từ khi học chung một trường trung học và làm đám cưới sau khi tốt nghiệp đại học tại thủ đô Bern, một năm trước khi miền Nam Việt Nam thất thủ.

Tôi rất ngưỡng mộ người đàn bà trẻ này. Rồi Việt Nam từ lúc 12 tuổi, nhưng bà nói tiếng Việt rất lưu loát, hiểu biết rất nhiều về văn học Việt Nam, từ truyện Kiều của Nguyễn Du, đến bài thơ Hai Sắc Hoa Ty Gôn của TTKH. Điều đặc biệt hơn hết là bà rất quý mến và giúp đỡ tận tình người đồng hương. Gia đình tôi cũng mang nặng khá nhiều ơn nghĩa của bà.

Những ngày sống hạnh phúc ở quê người, nhìn con cái ngày một lớn lên và đang có cả một bầu trời xanh bao la trước mắt, lúc nào tôi cũng chạnh lòng nhớ lại cái thời mình khốn khó và những bạn bè xưa. Tôi thấy mình nợ nần nhiều người mà không biết làm sao trả được. Trong số này, người mà tôi thường nghĩ tới nhiều nhất và ân hận chẳng giúp được điều gì là Nguyễn Thượng Tâm, người đồng đội và cũng là đứa em kết nghĩa của tôi.

Tâm ra trường sau tết Mậu Thân. Về trình diện đơn vị tôi khi vừa tròn 18 tuổi. Mặc dù còn rất trẻ, nhưng được đào tạo từ lúc còn nhỏ tại trường Thiếu Sinh Quân nổi tiếng ở Vũng Tàu nên Tâm là một hạ sĩ quan gương mẫu trong kỷ luật và gan dạ trong chiến trường. Tâm hiền lành và rất ít nói. Nhưng không

phải vì vậy mà tôi trở thành thân thiết với Tâm và hai thằng kết nghĩa anh em, nếu không có buổi sáng mồng một Tết năm 1969, khi đơn vị chúng tôi tạm dừng quân trong một ngôi làng hoang đổ nát nằm sâu giữa những động cát nơi giáp ranh hai tỉnh Bình Thuận và Bình Tuy lúc trước.

Dù đang hành quân, nhưng biết hôm nay là mồng một Tết, tôi thức dậy thật sớm, thay bộ đồ trận mới, đi một vòng chúc tết anh em. Ngày đầu năm, nằm giữa một khu hoang tàn không một bóng người, chắc ai cũng chạnh lòng nhớ tới gia đình. Chiếc radio từ một căn lều poncho nào đó đang phát ra tiếng hát nỉ non của ca sĩ Duy Khánh, trong bản nhạc Xuân Này Con Không Về của Trịnh Lâm Ngân, làm lòng tôi càng thêm lắng xuống. Đến cuối ngôi làng, tôi bỗng giật mình khi nghe tiếng sục sùi. Lại gần tôi mới nhận ra Tâm. Anh ta đang quỳ lạy trước một cái bàn thờ được kê bằng cánh cửa sổ của căn nhà nào sập xuống. Trên bàn thờ đã chiến, tôi thấy có mấy cái hoa rừng cắm trong cái bi đông nước, hai bát cơm bằng gạo sảy và một lon guigoz có lẽ chứa nước trà hay canh nấu bằng lá giang hay lá tàu bay gì đó. Tâm khấn vái một lúc, quay lại bất ngờ nhận ra tôi. Tâm đưa tay chào và cũng như mọi khi, không nói một lời nào. Có lẽ Tâm biết là tôi đã đứng im lặng ở đây từ lâu lắm. Tôi bước tới nắm chặt tay Tâm, kéo anh đứng lên. Tâm vội rút tay ra lau nước mắt. Tôi đến trước bàn thờ vái một vái, rồi vỗ vai Tâm

- Em cúng bố mẹ à. Sao đầu năm mà buồn quá vậy em.

- Không, bố em còn ở ngoài Bắc, em không biết là còn sống hay đã chết. Mẹ em thì đã qua đời lúc em còn bé lắm. Nhà em ở tận Ý Yên, nhưng bố em đi làm xa, nên phải gởi hai anh em em xuống nhà ông chú ở Hà Nội học, rồi theo gia đình chú ấy xuống tàu há mồm vào Nam luôn.

- Còn anh của em bây giờ ở đâu? Tôi hỏi.

- Anh ấy chết rồi. Anh là sĩ quan thủy quân lục chiến, tử trận đúng ngày mồng một tết Mậu Thân ở ngay Sài Gòn. Hôm nay là giỗ đầu của anh ấy.

- Anh em tên gì?

- Nguyễn Thượng Minh, khi chết anh vừa mới lên trung úy.

Tôi giật mình. Cái tên Nguyễn Thượng Minh làm tôi nhớ ngay đến một thằng bạn cùng tên hồi còn tiểu học. Tôi hỏi Tâm:

- Vậy có phải em là cháu của thầy giáo Nguyễn Thượng Cầu?

- Dạ phải, nhưng chú Cầu đã chết lâu rồi. Tâm trả lời rồi nhìn tôi ngạc nhiên.

Năm 1954, tôi đang học lớp nhì trường huyện Vạn Ninh. Nhập học được vài tháng, thì thầy hiệu trưởng Nguyễn Công Tố dắt ba đứa học trò lạ vào lớp giới thiệu với cô giáo Kiệt rồi dặn dò đám học trò chúng tôi :

- Hôm nay trường nhận thêm những em học trò mới, trong đó có ba em vào lớp này. Tất cả các em phải biết yêu thương và giúp đỡ những người bạn này, vì họ đã vừa phải bỏ quê hương, gia đình ngoài miền Bắc, di cư vào đây. Đó cũng là lời kêu gọi của Ngô Thủ Tướng.

Hai thằng con trai và một đứa con gái cúi đầu chào cô giáo rồi quay xuống chào chúng tôi bằng thứ tiếng lạ hoắc khó nghe. Thằng lớn con nhất được cô Kiệt chỉ cho ngồi dãy bàn cuối lớp, ngay phía sau tôi.

Đến giờ ra chơi, bọn tôi bu quanh "phổng vấn" nó đủ điều. Tên nó là Nguyễn Thương Minh. Nó và thằng em nhỏ hơn bốn tuổi, nhà ở quê, mẹ chết sớm, ông bố đi làm xa, nên phải gởi anh em nó xuống Hà Nội ở nhà ông chú để học hành, hơn nữa ông lại là thầy giáo. Khi có lệnh di cư, ông chú không liên lạc được bố nó, nên dắt hai anh em nó xuống tàu há mồm vào Nam luôn, rồi được chính quyền phân phối đến định cư ở quê tôi, Vạn Giã, cùng với hơn mười gia đình khác. Nó bảo vài hôm nữa ông chú nó cũng sẽ được sắp xếp cho vào dạy lớp ba trường này, thay cho một ông thầy thuyền chuyển đi nơi khác.

Nó lảm lì ít nói, chắc ngại cái tiếng Bắc Kỳ xa lạ của nó. Nhưng không phải vì điều đó mà làm cho tôi ghét nó, và đã có nhiều lần đánh lộn với nó nữa. Lý do chính là nó đánh bi rất giỏi, giành mất giải quán quân của tôi trong lớp. Nó đánh bi khác với chúng tôi. Chúng tôi để viên bi lên đầu ngón tay giữa rồi bắn đi, còn nó đặt viên bi trong lòng bàn tay và bắn đi bằng ngón tay cái. Vậy mà nó ăn tôi sạch túi. Bọn tôi bảo là nó ăn gian, không được chơi kiểu bắc kỳ của nó mà phải chơi theo kiểu trung kỳ của bọn tôi. Nhập gia phải tùy tục. Nó cô đơn một mình nên chịu thua, phải trả lại cho tôi tất cả viên bi nó thắng ngày hôm đó. Vậy mà hai hôm sau nó chơi trở lại, dĩ nhiên với cái kiểu hoàn toàn mới lạ với nó, nhưng nó vẫn thắng tôi oanh liệt. Cuộc đấu bi này bây giờ không phải chỉ giữa cá nhân hai thằng: tôi với nó, mà giữa hai miền nam-bắc, cho nên học trò trai gái cả trường bu quanh làm khán giả. Tôi thua trắng tay, mất luôn chức vô địch từ lớp năm đến bây giờ. Dĩ nhiên là tôi ức lắm.

Điều ghê gớm hơn nữa, là chỉ có cuối tháng đầu tiên nó đứng hạng ba trong lớp, lên nhận bằng danh dự sau tôi, nhưng kể từ tháng thứ nhì trở đi nó đều chiếm hạng nhất. Tôi đâm ra hận nó, có nó là tôi mất tất cả. Mấy lần tôi nhại tiếng Bắc chộc quê nó, nó cũng chỉ cười, tôi nghe lời xúi của lũ bạn, bảo nó rờ sau "đít" coi có còn tồn ten cọng rau muống nào không, nó chỉ im lặng. Có lần bọn tôi xô nó ngã, nó chỉ cười, đứng dậy rồi phủi bụi trên áo quần. Tôi thua nó, nhưng cố làm ra vẻ tự mãn: "nó vẫn chỉ là một anh hùng cô đơn, không có ai chơi với nó".

Đùng một cái nó nghỉ học. Chẳng có ai biết lý do. Nhưng rồi vài ngày sau nó tới trường, nhưng không phải để học mà để bán bánh mì và cà rem. Cô giáo và bạn bè hỏi, nó khóc và bảo là bà thím, sau khi cãi vã với chú nó một trận, không nuôi hai anh em nó nữa, nó phải tự "khắc phục" để còn nuôi một thằng em nhỏ. Hôm đó bọn tôi nhiều thằng cũng khóc theo với nó. Chờ cho tất cả vào lớp, tôi ở nán lại chỉ để ôm nó và nói một lời xin lỗi về những điều đã qua. Nó nhìn tôi thân thiện, và bảo là nó chưa hề để tâm tới điều ấy. Tôi "tâm phục khẩu phục" nó. Nó còn nhỏ mà thông minh và thánh thiện hơn tôi nhiều.

Tôi bèn làm ngay một cuộc "quảng cáo" cho bánh mì và cà rem của nó, vì vậy hôm nào nó mang mọi thứ tới trường là bán sạch ngay trong giờ ra chơi buổi sáng. Sau đó tôi còn kêu gọi một cuộc lạc quyền giúp nó: gạo, tiền xu, tiền cắc, áo quần, có thằng còn mang tới cho nó cả buồng chuối và một trái mít nữa.

Rồi nó cũng được chính quyền giúp đỡ, tôi nghĩ như thế, nên vài tuần sau nó trở lại lớp học, và chỉ bán bánh mì trong giờ ra chơi. Nó vẫn học giỏi, vẫn đứng đầu lớp, nhưng lần này nó không còn là anh hùng cô đơn nữa mà nó có đông đảo bạn bè, mà thằng thân nhất chính là tôi.

Ông chú nó, thầy giáo Nguyễn Thương Cầu, cũng đã vào trường dạy lớp ba, nhưng bây giờ anh em nó không còn ở chung với ông chú nữa, mà chỉ đến thăm ông vào những cuối tuần. Có khi nó dắt tôi đi theo. Vì vậy tôi mới biết ông thầy, chú nó sợ bà vợ Bắc kỳ còn hơn sợ tử, nên chẳng dám bênh vực nhiều anh em nó, mặc dù ông rất đau lòng xót xa khi bọn nó phải dọn ra ở ké nhà một gia đình người di cư khác.

Tôi mất mẹ, cha tôi cũng đi làm xa, nên tôi thông cảm hoàn cảnh của Minh, nên thường đưa anh em nó về nhà ông bà nội tôi và chơi với đám anh em họ hàng của tôi.

Khi xong tiểu học, tôi vào Nha Trang học trung học, cũng là lúc phải chia tay nó. Bởi Minh cũng vừa theo một số người di cư vào tận khu định cư Phước Tỉnh nào đó ở trong Nam, người ta bảo trong ấy làm ăn khá hơn ở quê tôi nhiều lắm. Từ đó, tôi không gặp lại nó, mặc dù trong ký ức tuổi ấu thơ của tôi, lúc nào hình ảnh nó cũng in lên đậm nét

Không ngờ hôm nay, giữa chiến trường xa xôi này tôi lại bất ngờ gặp lại thằng em duy nhất của Minh, và lòng tôi lắng xuống khi biết nó cũng từng là lính đánh giặc và đã hy sinh đúng ngày này năm trước: ngày mồng một Tết. Cái ngày mà lời chúc Tết của ông Hồ Chí Minh trên đài phát thanh Hà Nội chính là cái mật lệnh "Tổng Công Kích Tết Mậu Thân" để giết hại bao nhiêu người vô tội, đặc biệt hàng vạn người ở Huế bị chôn sống. Cũng là cái ngày người ta nhận diện được bọn trí thức, sinh viên phản trắc, đã giết hại bao nhiêu thầy, bạn của chính mình.

Sau đó, tôi rút Tâm về làm việc bên cạnh tôi, phụ trách toán quân báo gồm toàn những người lính trẻ. Chúng tôi yêu thương nhau như anh em. Rồi vào một đêm trăng sáng, dưới sự chứng giám của đất trời, tôi đã nhận Tâm là đứa em kết nghĩa, sau lần Tâm liều mình cứu tôi thoát chết trong một cuộc phục kích ở Thiện Giáo. Đổi lấy sự an toàn cho tôi, Tâm phải mất hai ngón tay của bàn tay trái và nằm bệnh viện hơn một tháng để được giải phẫu lấy một mảnh đạn nằm trong sâu trong thanh quản. Sau khi xuất viện, Tâm phát âm tương đối khó khăn. Được hội đồng giám định y khoa xếp vào loại không còn khả năng chiến đấu, Tâm có thể chọn về một đơn vị hành chánh hay tiếp vận nào mà Tâm thích, nhưng Tâm một mực chối từ và nằng nặc đòi trở lại đơn vị cũ. Tâm xác nhận là mình vẫn còn khả năng chiến đấu, hai ngón tay của bàn tay trái và giọng nói khó khăn một chút không gây trở ngại nhiều cho một người lính chiến trường. Cuối cùng Tâm được toại nguyện.

Tôi vừa vui mừng vừa cảm động khi Tâm trở về trình diện. Tâm bảo sống chết gì em cũng muốn ở bên anh. Vì gia đình em có còn ai nữa đâu. Đơn vị này là gia đình của em. Tôi sắp xếp cho Tâm một công việc tạm thời ở hậu cứ để tiếp tục chữa bệnh. Chỉ sau vài tháng giọng nói của Tâm gần trở lại bình thường. Tâm nghe lời tôi xin vào khoá Sĩ Quan Đặc Biệt ở Thủ Đức. Tâm được ưu tiên thu nhận vì gốc TSQ.

Ra trường đúng vào mùa hè đỏ lửa 1972, Tâm lại xin trở về đơn vị cũ, lúc này đang ngày đêm nằm trong lửa đạn ở mặt trận Kontum. Năm tháng sau, tôi bị thương, được tản thương về QYV Pleiku nằm điều trị

gần một tháng. Xuất viện, được điều về Phòng Hành Quân. Cả tháng tôi không gặp lại Tâm, nhưng ngày nào chúng tôi cũng liên lạc trên hệ thống vô tuyến.

Cuối năm 1973, chiến trường lắng dịu. Tâm xin phép về Sài Gòn cưới vợ. Vợ Tâm là cô bạn nhỏ ngày xưa trong cùng một viện mồ côi. Bây giờ là cô giáo. Hai người gặp lại và tình yêu nảy nở trong thời gian Tâm học ở trường Thủ Đức. Cả vợ chồng tôi đều có mặt trong ngày cưới, và làm chủ hôn bên họ nhà trai. Đám cưới xong, tôi vận động xin cho vợ Tâm được chuyển lên dạy tại một trường tiểu học nằm trong thành phố Pleiku, để vợ chồng được gần gũi nhau hơn.

Đầu tháng 3/1975 Ban Mê Thuật thất thủ, bản doanh Bộ Tư lệnh SĐ 23 BB bị tràn ngập. Sau một phi vụ bắn nhầm. Ông Tư Lệnh Phó cùng ông tỉnh trưởng Đắc Lắc bị bắt. Hai tiểu đoàn của Trung Đoàn 44 được trực thăng vận nhảy xuống đầu tiên ở Phước An, quận duy nhất còn lại của tỉnh Đắc Lắc, nhằm vừa ngăn chặn địch quân tràn xuống Khánh Dương theo Quốc Lộ 21, vừa tái chiếm thị xã Ban Mê Thuật khi tình hình cho phép. Tâm có mặt trong toán quân đầu tiên này. Tôi không gặp được Tâm nhưng có liên lạc nói chuyện vài lần trong máy vô tuyến. Tâm rất đau lòng khi phải bỏ vợ và đứa con gái ba tuổi trên Pleiku, trước khi gởi gắm cho anh trung sĩ tiếp liệu đại đội cố dất theo cùng đoàn quân triệt thoái về tỉnh lộ 7, bây giờ không biết ra sao. Tâm khẩn khoản nhờ tôi tìm mọi cách liên lạc và giúp vợ con mình. Tôi lấy cái tình anh em kết nghĩa mà thể với Tâm là tôi sẽ cố gắng hết sức mình.

Không ngờ, đó là một kế hoạch triệt thoái tồi tệ nhất trong lịch sử chiến tranh Việt Nam, đã làm mất biết bao nhiêu sinh mạng, kéo theo sự sụp đổ cả miền Nam. Ra tận Tuy Hòa, đứng đón dòng người tởn tởn, nét mặt còn đậm nỗi kinh hoàng, họ vừa trải qua và chứng kiến biết bao nhiêu cái chết thê thảm để được đến bên này bờ con sông Ba nhuộm máu, tôi nghĩ là tôi chẳng còn có cơ hội nào gặp lại vợ con Tâm. Trở lại Khánh Dương, đúng lúc Phước An thất thủ và đơn vị của Tâm đã phải tan hàng, tôi gặp lại vị chỉ huy của Tâm ở Dục Mỹ, ông xác nhận là trung úy Nguyễn Thượng Tâm đã nằm lại trên đỉnh đồi Chu Cúc, khi chiến đấu tới viên đạn cuối cùng rồi tự sát trước một biển người của địch quân tràn lên chiếm giữ.

Hơn sáu tháng định cư ở Na Uy, cả nhà tôi lúc nào cũng miệt mài để sớm hội nhập vào quê hương mới. Thời gian qua nhanh quá. Mới đây mà chúng tôi cũng đã tập tành tổ chức ngày lễ Giáng Sinh và ăn

cái tết Tây đầu tiên theo truyền thống của Na Uy. Sau đó bạn bị đi học đi làm, và cũng chẳng có cuốn lịch Âm lịch nào để biết ngày nào là Tết Ta, Nguyên Đán. Một buổi tối vợ chồng tôi đang ngồi cãi nhau về thời điểm giao thừa để thắp một nén hương tưởng nhớ ông bà, thì điện thoại reo. Bà Huyền-Trần Thomassen gọi, mời cả nhà chúng tôi tối mai lên ăn Tết với gia đình, chồng bà từ Mexixo cũng mới trở về. Bà cho biết bây giờ đã là sáng mùng một Tết bên Việt Nam. Thì ra, chúng tôi tị quá, mới rời khỏi Việt Nam hai năm mà không còn nhớ ngày Tết và tổ chức mừng Tết như bà. Tôi cảm ơn và nhận lời bà xong, vội vàng thắp mấy nén hương tạ tội ông bà. May mắn ngày mai là thứ bảy.

Bà biết gia đình chúng tôi có tới mười người mà chỉ có một cái xe Ford vừa nhỏ vừa cũ, nên bà đặt một chiếc taxi tám chỗ ngồi lại đón chúng tôi. Bà xã tôi chỉ huy bảy con gái trên chiếc taxi, còn tôi lái xe chở đám con trai chạy theo sau. Trời thật lạnh, tuyết rơi trắng cả bầu trời. Chúng tôi phải chạy gần một tiếng đồng hồ mới tới nhà bà. Bà ở trong một ngôi biệt thự khá xinh, cách trường đại học Oslo, nơi bà dạy, chừng năm phút lái xe. Trong phòng khách bà trang trí giống như tết ở Việt Nam, đặc biệt có cả một cành mai thật to (một loài hoa Bắc Âu nở hoa vào mùa đông, nhìn giống như hoa mai) trong một cái bình sứ lớn, nằm ở giữa nhà. Chồng bà rất phúc hậu, và nói được một ít tiếng Việt. Khi giới thiệu ông với chúng tôi bà đùa:

- Hoàng đế Chế Mân của tôi đây.

- Không, tôi là Trần Khắc Chung. Ông vừa đưa tay bắt tay tôi vừa đùa.

Ông ta khá am tường về lịch sử Việt Nam. Ông cũng biết khá nhiều và có những nhận định khá công bình về cuộc chiến Việt Nam. Ông cho biết là lúc cuộc chiến Việt Nam đang ác liệt, khi ấy ông là trưởng ban ngoại giao của Quốc Hội Na Uy, đã phản đối kịch liệt những nhóm tả khuynh và đặc biệt là những nhận định và việc làm của ông Olaf Palma, thủ tướng Thụy Điển. Người đã hô hào ủng hộ Bắc Việt và tuyên bố sẵn sàng chấp nhận cho binh lính Mỹ đào ngũ đến dung thân ở nước ông. Khi chiến tranh Việt Nam kết thúc, nhìn hàng triệu người phải bỏ nước ra đi, ông vừa kịp phản tỉnh thì cũng bị ám sát chết.

Bữa ăn còn có cả dưa hành, thịt kho và bánh chưng. Tôi phục bà và thấy xốn xang nhớ những ngày tết lúc tôi còn nhỏ ở quê nhà.

Ăn uống xong, bà còn lì xì bì thơ màu đỏ cho mấy đứa con và mấy đứa cháu của tôi. Tôi đành phải ngượng ngùng xin lỗi vì không chuẩn bị kịp quà cáp cho hai đứa con của bà. Nhưng bà rất khéo léo, khi bảo sự có mặt của gia đình chúng tôi trong thời khắc đặc biệt này đã là một món quà vô giá, rất có ý nghĩa cho mẹ con bà.

Tôi thay mặt gia đình cảm ơn, chúc tết ông bà và gia đình. Tôi cũng nói lên lòng ngưỡng mộ của chúng tôi đối với một người đã xa quê hương lâu ngày và lập gia đình với một người ngoại quốc mà vẫn còn giữ được truyền thống và bản sắc văn hóa Việt Nam, trong lúc một số người mới chân ướt chân ráo sang đây đã vội tập tành thành người bản xứ, muốn quên hết nguồn cội của mình.

Chia tay bà lúc gần mười hai giờ đêm. Đường sá vắng tanh. Tuyết vẫn rơi kín bầu trời. Không quen lái xe trên tuyết, tôi chạy thật chậm. Khi đến trước khu đại học Blindern, tôi thấy có một người đứng dưới tàng cây thông, đưa tay đón.

Tôi dừng xe lại. Một cô gái chạy tới xin quá giang về nhà, vì cô dự tiệc tối ra, đã gọi taxi khá lâu mà không thấy tới. Tôi bảo đứa con trai lớn của tôi ra ngồi ở băng sau, nhường ghế trước cho cô gái. Khi cô lễ phép chào tôi, và bắt tay mấy cậu con và cháu của tôi ngồi ở băng sau, tự giới thiệu tên Anita rồi ngồi lên ghế, tôi mới nhận ra cô gái gốc Á Đông, nhưng phát âm tiếng Na Uy và điệu bộ hoàn toàn như người bản xứ. Tôi ngạc nhiên khi thấy cô đang run vì lạnh. Cô chỉ mặc một cái áo khoác mỏng. Tôi dừng xe, cởi cái áo choàng bằng lông cừu choàng qua vai cô. Gương mặt cô bé xinh xắn dễ thương, nhưng phảng phất buồn.

Tôi hỏi cô bé đến từ nước nào. Cô cho biết cô được cha mẹ nuôi người Na Uy nhận mang về đây lúc chưa tròn ba tuổi, nên cô chẳng biết gì. Sau này lớn lên, cô mới được cha mẹ nuôi kể lại là cô được Cơ quan Bảo Trợ Nhi Đồng LHQ nhận từ một viện mồ côi ở Việt Nam, vào năm 1975. Ông bà xin nhận cô làm con nuôi từ Cơ quan này. Cô bé rất mong muốn được trở lại Việt Nam một lần, để biết nơi mình sinh ra và nhờ người tìm lại tông tích, mồ mả của cha mẹ ruột. Cô sẽ xây mộ cho ông bà. Cha mẹ nuôi có hứa sẽ đưa cô về sau khi cô học xong trung học, và khi nào việc xin visa vào Việt Nam dễ dàng hơn.

Nhà cô không xa nơi tôi ở, có lẽ không quá hai mươi phút lái xe. Khi qua hết mấy khu rừng thông thanh vắng, cô chỉ ngôi nhà lớn nằm lưng chừng trên một ngọn đồi, bảo tôi dừng lại phía dưới. Cô sẽ đi lên bằng con đường tắt. Cô cảm ơn tôi, cởi trả lại tôi cái

áo choàng. Cô hỏi xin tôi một mảnh giấy, viết địa chỉ xong rồi đưa lại cho tôi. Cô mời tôi đến Lễ Phục Sinh ghé lại nhà cô chơi. Vì chỉ còn một ngày nữa cô phải đi London tiếp tục theo học một năm chương trình trao đổi học sinh. Cha mẹ nuôi của cô rất thích nói chuyện với người Việt Nam, nhất là những người đã từng tham gia cuộc chiến. Tôi hứa với cô là thế nào tôi cũng đến thăm cô cùng ông bà cha mẹ nuôi tốt bụng.

Về nhà, khi kể lại chuyện cô bé quá giang cho vợ và mấy cô con gái nghe, tôi mới nhận ra một điều: sao tôi lại có duyên với những người mồ côi đến thế. Suốt cả đêm hôm ấy tôi nằm trằn trọc nghĩ đến thân phận mình và nhớ thật nhiều đến Nguyễn Thượng Tâm, người mà tôi đã từng nhận làm đứa em kết nghĩa, nhưng mãi đến bây giờ vẫn chưa làm tròn được lời thề ước của mình.

Đến Lễ Phục Sinh, nhớ lời hẹn, tôi rủ bà xã và hai cô con gái lớn đến thăm cô Anita. Bây giờ là đầu tháng tư mà tuyết vẫn còn rơi trắng cả bầu trời. Nhờ ban ngày nên tôi thấy rõ nhà cô hơn. Ngôi nhà có dáng của một lâu đài, cổ kính, sang trọng. Chung quanh là một hàng thông. Chủ ngôi nhà chắc đã trọng tuổi và giàu có. Ngần ngừ một lúc, tôi bấm chuông. Đúng như tôi nghĩ, người mở cửa là một bà già khoảng trên bảy mươi, nhưng còn khỏe mạnh và nói năng vui vẻ lịch thiệp. Bà ngạc nhiên nhìn tôi, và hỏi tôi đến có việc gì bất ngờ mà bà không được báo trước. Tôi xin lỗi, giới thiệu tên mình và cho bà biết là tôi có hẹn với cô Anita, con gái của bà, đến thăm cô ấy và vợ chồng bà. Có lẽ cô Anita quên, không kể chuyện lại với bà. Bà tròn mắt ngạc nhiên:

- Anita nào? Vì đứa con gái duy nhất của chúng tôi đã chết rồi mà.

Bây giờ đến lượt tôi ngơ ngác. Tôi kể cho bà nghe chuyện tôi gặp cô Anita trước cổng trường đại học hồi tháng hai, và cho cô quá giang về đây lúc nửa đêm. Bà mời tôi vào nhà, chỉ cho tôi tấm ảnh treo trên vách.

- Đây chính là cô Anita mà tôi đã gặp, trước khi cô trở lại London để tiếp tục học. Tôi nói to như để xác nhận với bà. Bà nhìn tôi sục sùi hai dòng nước mắt.

- Đúng rồi, sau lần về thăm nhà và cũng để khám bệnh ấy, thay vì trở lại trường, con tôi phải vào bệnh viện, do một mảnh đạn nằm sâu trong tim từ lúc cháu ba tuổi, và cháu qua đời sau đó một tuần. Trước đây, bác sĩ có khám và chụp hình, nhưng bảo mảnh đạn nằm ở một vị trí khá an toàn, và rất nguy hiểm

nếu phải giải phẫu. Không ngờ cháu lại chết vì chính mảnh đạn từ thời chiến tranh này.

Bà ra nhà sau lên tiếng gọi ông chồng, kể cho ông nghe câu chuyện tự nãy giờ. Ông đến chào tôi, và bảo tôi chờ ông bà mặc áo lạnh rồi sẽ dẫn tôi ra nghĩa trang, nằm không xa ở phía sau nhà, thăm ngôi mộ cô con gái. Ngôi mộ phủ đầy tuyết trắng. Bà đưa tay phủi lớp tuyết trên tấm bia, hàng chữ khắc sâu trên bia: ANITA NGUYEN HILDE. Nhìn tấm ảnh trên mộ bia, tôi có cảm giác dường như cô cũng đang nhìn tôi mỉm cười. Tôi đứng trước mộ, chắp hai tay khấn nguyện một đôi điều. Ông bà chủ nhà sụt sùi, bảo với tôi đó là cô con gái duy nhất mà ông bà hết lòng thương quý. Từ khi cô ta qua đời, ông bà chẳng còn thiết tha bất cứ thứ gì trên cõi đời này nữa. Đưa tôi trở lại nhà, ông châm củi thêm vào lò sưởi, rót mời tôi một tách cà phê nóng. Ông bảo nếu cô không chết thì mùa hè này ông bà sẽ đưa cô về thăm quê hương nguồn cội ở Việt Nam. Riêng cha mẹ ruột của cô thật sự đã chết trong chiến tranh rồi.

Dường như vừa nhớ lại một điều gì, ông đứng lên bước tới kệ sách, quay lại nói với tôi:

- Trong hồ sơ của con tôi, người ta có ghi chú: Khi hấp hối, mẹ cháu có trần trối nhờ người mang nó về một viện mồ côi mà bà quen. Bà có để trong túi áo quần của đứa con một tấm hình khi vợ chồng bà làm đám cưới. Sau tấm hình có ghi tên và đơn vị của ba cháu. Đó cũng là dấu tích duy nhất về gốc gác của cô con gái nuôi yêu dấu của chúng tôi.

Tôi chưa kịp hỏi, ông đã đưa cho tôi tập album, và chỉ cho tôi một tấm ảnh đen trắng ngả màu vàng sậm, được dán ngay ở trang đầu. Nhìn tấm ảnh, tôi giật thót cả người, như đang bị mộng du vào một cõi xa xăm nào đó: hai người trong tấm ảnh chính là vợ chồng Nguyễn Thượng Tâm, người em mồ côi kết nghĩa mà chúng tôi đã lạc mất nhau trong những ngày cuối của một cuộc chiến huynh đệ tương tàn./

Phạm Tín An Ninh (Vương quốc Na Uy)

... Hiện tình Đất nước, Giáo hội, Cộng đồng người Việt hải ngoại vô cùng phức tạp. Hành hoạt của mỗi thành viên chúng ta trước hết và trên hết là tinh thần trách nhiệm. Phải cương quyết không để những dị biệt tiểu tiết làm hỏng đại sự, không để chuyện tư chi phối việc chung, không để những buồn vui ngắn hạn làm trì trệ hành trình dài trước mắt....

vai trò của Phật giáo trong đời sống xã hội thời Lý qua bài văn bia Sùng Thiện Diên Linh

Thích Phước Đạt

---o0o---

Sau một thời gian dài từ khi du nhập, đến thời Lý, Phật giáo đã có đủ thời gian và điều kiện để vươn tới sự hưng thịnh phát triển, đi sâu hòa nhập vào tư tưởng nếp sống và suy nghĩ, lời nói của người dân Đại Việt. Phật giáo song hành với dân tộc trong bối cảnh lịch sử đất nước Đại Việt không chỉ độc lập tự chủ trên cương giới lãnh thổ mà còn phát triển, thành tựu trên các lĩnh vực văn hóa, chính trị, kinh tế...

Việc nghiên cứu, tìm hiểu bài văn bia Sùng Thiện Diên Linh của Thượng thư Nguyễn Công Bật như một bản tổng kết những thành tựu của đất nước trên các lĩnh vực: tư tưởng, chính trị, kinh tế, văn hóa dưới triều đại Lý Nhân Tông. Bài viết này đóng góp, bổ sung sự hiểu biết về một tác phẩm của tác giả bài văn bia có dấu ấn trong lịch sử – văn học ở thời kỳ đầu xây dựng và phát triển nước Đại Việt, đồng thời, có thêm cơ sở tìm hiểu văn học thời Lý – Trần trước một di sản văn hóa cha ông để lại.

Không phải ngẫu nhiên, sử thần Lê Văn Hưu khi nhận định đạo Phật đời Lý, đã phát biểu: “Lý Thái Tổ lên ngôi hoàng đế mới hai năm, nhà tông chưa xây đàn, xã tắc chưa dựng, đã tạo tác 8 ngôi chùa ở phủ Thiên Đức, lại sửa sang các tự quán quốc lộ, độ hơn ngàn người làm Tăng...” (1). Sử gia Ngô Thời Sĩ thì nhận định: “Vua Lý Thái Tổ thì sinh trưởng nhờ

cửa Phật, Khánh Vân nuôi lớn, muốn kiến quốc đã sáng tạo nhiều chùa, cấp điền độ chúng Tăng, muốn đưa cả thế giới vào nước Phật” (2). Xem ra, đạo Phật đã đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc dùng Chánh pháp để đem đạo vào đời, thực thi khát vọng xây dựng cuộc sống thanh bình thịnh vượng cho quê hương xứ sở qua các triều đại Đại Việt. Điều đáng lưu tâm ở bài văn bia “Đại Việt quốc đương gia đệ tứ đế Sùng Thiện Diên Linh tháp bi” của Thượng thư Bộ Hình Nguyễn Công Bật không chỉ có giá trị văn học lớn mà còn thể hiện đường lối dựng nước giữ nước của Lý Nhân Tông, hợp với lòng dân và hợp với đạo lý nhà Phật. Với giọng văn đầy hào khí và lòng tự hào độc lập dân tộc, bài văn bia nghiêm nhiên đi vào lòng người như hơi thở trong lành, đem lại sự khỏe khoắn tươi mát ngọt ngào, như khúc khải hoàn làm cho chúng ta thích thú vững tiến đi lên.

1. Bài văn bia thể hiện nguồn gốc vạn pháp - cơ sở lý luận xây dựng phát triển tâm thức con người và đời sống xã hội

Dưới triều đại vua Lý Nhân Tông trị vì, đất nước đang ở thời kỳ xây dựng phát triển. Phật giáo đã trở thành quốc giáo, dân chúng cả nước hầu hết là Phật tử, hàng loạt chùa, tháp được xây dựng, Phật giáo trở thành hệ tư tưởng được triều đình tôn kính và áp

dụng trong công cuộc xây dựng phát triển đất nước, bảo vệ thành quả đạt được với ý thức tự chủ, độc lập sau một ngàn năm bị phong kiến phương Bắc đô hộ. Tư tưởng "Vạn pháp duyên sinh vô ngã" của Phật giáo đi vào đời sống hiện thực, góp phần hóa giải các mâu thuẫn giữa vua chúa với các tầng lớp quý tộc, giữa quý tộc và nhân dân lao động. Tất cả vì mục đích xây dựng một đời sống hạnh phúc an lạc trong bối cảnh đất nước Đại Việt đang hùng cường, thịnh vượng. Chính vì thế, mối quan hệ "Đất vua – chùa làng – phong cảnh Bụt" càng trở nên khắng khít hơn bao giờ hết.

Cơ sở lý luận để xây dựng con người và xã hội dựa chủ yếu vào tư tưởng Phật giáo. Vua Lý Nhân Tông đã đệ trình tâm nguyện của mình với Thiền sư Mãn Giác: "Bậc chí nhân thị hiện, tất lo cứu người, không hạnh nào chẳng đủ, không việc gì chẳng làm, không chỉ có sức định tuệ, mà cũng có công phò tá" (3). Điều đó có nghĩa rằng mọi thành viên của Phật giáo không chỉ đem tài đức ra để phụng đạo mà còn nỗ lực phục vụ cho sự nghiệp phát triển đất nước.

Xem ra, hầu hết các thành tựu của nước Đại Việt bấy giờ đều bắt nguồn từ sự thành tựu của tấm lòng vì dân vì nước. Nói cách khác, những thành tựu đó phải chăng đều bắt nguồn từ thành tựu của tâm – một cái tâm trong sáng, nhu nhuyễn, không chấp trước, làm hóa hiện tất cả những gì con người và đất nước đang trông đợi. Vì thế, mở đầu bài văn bia, Thượng thư Nguyễn Công Bật đã giới thiệu nguồn gốc vạn pháp:

"Cái diệu thể thì huyền tịch, là ánh linh quang không ở trong, không ở ngoài, nhưng là khởi nguyên của năm nguyên tố, còn cái đại dụng thì tràn đầy, là cõi bao la, có hình thù, có thể chất, nhưng lại nằm trong khí thái hư. Nó không có dấu hiệu để suy lường; không có bóng hình tìm kiếm. Nó bao trùm cả trời đất rộng lớn, đâu khá dò xem; nó hòa đồng cả tinh tú huy hoàng, dễ nào tìm xét. Dù cho then máy của tạo hóa chuyển vần, nó nghiêm nhiên tồn tại; dù có xô đẩy cho sự mau chậm của âm dương vận động, thì cái bí yếu vẫn riêng sâu kín. Đó chẳng phải là huyền tịch hay sao?".

Như vậy, nguồn gốc vạn pháp chính là "Huyền tịch" hay nói khác đi là Tâm. Tâm chính là cơ sở ngọn nguồn mà vạn pháp theo đó duyên khởi. Trong vạn hữu, có gì vận hành mà tâm không rọi chiếu. Chân lý cuộc đời không thể nằm ngoài tâm. Lý Duyên khởi từng minh chứng: "Cái này có mặt thì cái kia có mặt, cái này sinh cái kia sanh; cái này không cái kia không, cái này diệt cái kia diệt", cho nên chúng sinh

hay Phật đều từ nơi tâm duyên khởi mà có mặt giữa cuộc đời. Vạn pháp đều lớn như vũ trụ hay nhỏ như vi trần cũng thế thôi.

"Rất diệu mà rất tĩnh,
Không dáng cũng không hình
Gượng đặt tên cho nó
Cực nhỏ và cực tinh
Đạm bạc riêng tồn tại
Thuở trước trời đất sinh
Muốn nhuộm đen chẳng được,
Đem màu vẽ nguyên lành.
Diệu thay cái tâm ấy
Thuần túy và tinh anh"

2. Tán dương công đức Phật pháp trong việc xây dựng đời sống hạnh phúc của một nước thanh bình

Kinh Phật dạy rằng: "Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác" nghĩa là Phật có mặt giữa cuộc đời này, ngoài thế gian này thì không có Phật pháp. Thế nên, Phật Tổ Như Lai đã hiện thân giữa cuộc đời, tự thân tu tập, tự thân chứng ngộ. Hay nói khác đi, Ngài đã chuyển hóa tâm thức để hiện thân đầy đủ với 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, đem giáo pháp mà Ngài đã chứng ngộ vào đời để chúng sinh nương theo đó tu tập:

"... Người lập nên diệu giáo Bồ đề, để nuôi dưỡng kẻ đói lòng bao thuở; thấp ngọn đèn rực rỡ, soi đêm tối bao năm. Khiến cho cái hồn nhiên của tấm lòng phóng đãng được yên; thói tà vạy của tính mê lầm được định. Cho nên quy y ba giới, quy y mười phương hồi hướng..."

"Rộng mở lời thể nguyện
Tu hành đủ lục độ
Tham cứu sâu đạo thiền
Trí tuệ đuổi hư ngụy
Dựng giáo lý diệu huyền".

Đây chính là nếp sống hưởng thượng của Phật giáo mà nhà Lý muốn vận dụng Chánh pháp để tự thân mỗi người sống tỉnh thức, sống đúng đạo lý. Tại đây, từ vua quan đến thần dân, nhà nhà đều an trú trong hạnh phúc theo mô hình lý tưởng mà nhà Lý vươn tới: "Đất vua – chùa làng – phong cảnh Bụt". Có thể nói, chùa chính là nơi để con người hướng đến sống tốt, sống hạnh phúc an lành: "... Thi nhau xây chùa, cất cao vật báu. Từ xưa đến nay, lưu truyền không mất..."

Rõ ràng, Phật giáo giai đoạn này đã chuyển sang thời kỳ Phật giáo thế sự. Nhà sư muốn cứu độ chúng sinh thì phải đầy đủ trí tuệ, đức hạnh và tham gia các

công việc cần thiết của quốc gia. Để Phật giáo phát triển hưng thịnh trong lòng dân, các vua chúa quan lại sẵn sàng đem hết tâm lực, tài lực ủng hộ Phật giáo. Vì thế, các nhà sư cũng hết sức tùy hỷ tham gia Phật sự và ủng hộ vương triều trong việc dùng Chánh pháp để trị dân. Công đức ấy, các nhà sư cũng không hết lời ca ngợi trong những dịp khánh thành chùa hay bảo tháp, thể hiện tấm lòng đền đáp Tứ ân. Trong bài văn bia Chùa Linh Xứng núi Ngưỡng Sơn, Thiền sư Hải Chiếu viết:

“Ôi, sinh nuôi ta, không ai lớn hơn vua, cha, cho nên phải tôn kính; dẫn dắt ta không gì cao hơn phúc huệ, cho nên phải tôn sùng. Lấy cái phúc lành ấy, chút cái vận lớn ấy. Trông cho cơ đồ dài lâu, dòng vua bền thịnh” (4).

Đạo Phật trở thành nền tảng đạo đức xã hội, duy trì trật tự đời sống nhân dân. Sống đúng Chánh pháp, thực hành Lục độ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng là sống hòa nhập theo quy tắc, hiến pháp triều đại. Giáo lý nhân quả nghiệp báo cũng đóng góp thiết thực trong việc chỉnh đốn các ham muốn cá nhân trong vấn đề tư lợi. Vì vậy, bất cứ cá nhân nào cũng phải lo làm việc công đức, ích nước lợi dân. Nhà chùa trở thành nhà trường, nhà sư trở thành nhà giáo dạy kiến thức và lễ sống cho mọi người. Chính giáo lý Lục độ đã khiến cho Lý Thường Kiệt trong 19 năm trấn trị Thanh Hóa áp dụng vào việc hành xử chấp pháp một cách thành công, dân chúng nường đó mà an bình, xã hội nhờ thế mà ổn định kỷ cương:

“Ông trông tỏ ra khoan minh, ngoài thì ân huệ, sửa đổi tục xấu cho dân, không quản khó nhọc, làm việc cốt tránh phiền dân, sai dân thì cốt vỗ về để dân vui lòng mà làm.. đem cái bụng khoan thứ cứu dân, lấy lòng nhân ái yêu dân.. Lấy oan vũ để trừ lũ ác, lấy chính sự mà xử kiện... Xem sự đủ ăn là nguyện của dân, với việc cày cấy là gốc của nước.. lại nuôi nấng kẻ già nua” (5).

Nhờ vậy, lòng dân tin vào chính quyền cũng có nghĩa là tin vào giáo lý Đức Phật, hết lòng phục vụ đất nước, hết lòng phụng đạo. Việc xây chùa, dựng tượng tháp thờ Phật nhằm thể hiện tấm lòng vì dân vì nước.

Trong khi đó, Nho giáo cũng muốn gây ảnh hưởng vào lòng dân chúng. Tuy nhiên, lý thuyết Nho giáo hầu như chỉ bảo vệ quyền lợi giai cấp quý tộc vua quan trong xã hội phong kiến, nó không đủ cơ sở để lý giải các mâu thuẫn nội tại giữa tầng lớp quý tộc với nhau và mâu thuẫn đối kháng giữa quần chúng nhân dân và chính quyền phong kiến. Lực lượng làm

cho trên dưới đồng lòng, tương thân tương ái đứng với truyền thống và đạo lý tư tưởng người Việt Nam bấy giờ là Phật giáo. Lý Nhân Tông đã thừa nhận vai trò Phật giáo: không chỉ sáng lập ra triều đại nhà Lý mà còn là lực lượng nòng cốt bao trùm, kết dính sức mạnh tổng hợp toàn dân trong việc giữ nước và dựng nước:

“Vạn Hạnh dung tam tế
Chân phù cổ sấm ky
Hương quan danh Cổ Pháp
Chống gây trấn vương kỳ”
(Vạn Hạnh dung tam tế
Thật hợp với lời xưa
Quê hương tên Cổ Pháp
Chống gây trấn kinh vua. (6)

Như thế, Phật giáo đã cùng dân tộc sát cánh bên nhau trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ thành quả đã đạt được. Cả hai cùng mục đích thiết thực xây dựng đời sống người dân Đại Việt an lạc hạnh phúc trong bối cảnh đất nước thanh bình, đúng với tinh thần bài thơ thiền sư Không Lộ cảm tác dưới triều Lý:

“Vạn lý thanh giang vạn lý thiên
Nhất thôn tang giá, nhất thôn yên
Ngư ông thụ trước vô nhân hoá
Quá ngọ tình lai tuyết mãn thuyền”.

(Trời xanh nước biếc muôn trùng
Một thôn sương khói, một vùng dâu đầy
Ông chài ngủ tít ai hay
Quá trưa tỉnh dậy tuyết bay đầy thuyền).

(Kiều Thu Hoạch dịch) (7)

3. Vai trò và công hạnh của Lý Nhân Tông đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước Đại Việt

Tiếp nối truyền thống buổi đầu khai mở triều đại nhà Lý, trong đó, quần chúng Phật giáo là gốc xây dựng đất nước thịnh vượng, mà đứng đầu là Lý Thái Tổ. Lý Nhân Tông lên làm vua là sự kiện lịch sử tất yếu. Ông trở thành một nhân vật lịch sử biểu tượng cho sự kết tinh mọi thành tựu của cả dân tộc. Nói theo ngôn ngữ nhà Phật, ông là hiện thân của sự giác ngộ, cho nên trong bài văn bia của Nguyễn Công Bật đã ca ngợi:

“Kính nghĩ đức Hoàng đế bệ hạ, bậc thánh hiền thể đạo, thánh văn thần võ, anh cách dân vật, vạn linh chiếu ứng, vĩnh long nguyên hóa, thông minh quảng vận, nhân trí ý nghĩa, thần thánh minh hiếu của triều Lý, là do đất trời chung đức, nhật nguyệt kết tinh”.

Ngài lên ngôi trị vì là ý nguyện của toàn dân. Sự toàn bích của ngài chính là sự uy nghi của cả dân tộc, “sự anh minh của nghìn đời; vượt lên về kỳ thú của trăm chúa”. Hiển nhiên, Thượng thư Nguyễn Công Bật phải tự hào về vị vua anh minh của mình như thế nào mới viết được như thế.

Điều đáng nói, vua Lý Nhân Tông là một vị vua anh minh, có công lao lãnh đạo và xây dựng quốc gia Đại Việt hưng thịnh, phú cường. Đại Việt sử ký toàn thư nói rõ về ông như sau:

“Húy Càn Đức, con trưởng của Thánh Tông, mẹ đẻ là thái hậu Linh Nhân, sinh vua ngày 25 tháng Giêng năm Bính Ngọ, Long Chương Thiên Tự thứ 1 (1066), ngày hôm sau lập hoàng thái tử. Thánh Tông băng, vua lên ngôi hoàng đế, ở ngôi 56 năm (1072 – 1127), thọ 63 tuổi (1066 – 1127), băng ở điện Vĩnh Quang. Vua trán dô mặt rộng, tay dài quá gối, sáng suốt thần võ, trí tuệ hiểu dân, nước lớn sợ, nước nhỏ mến, thần giúp người theo, thông âm luật, chế ca nhạc, dân được giàu đông, mình được thái bình, là vua giỏi triều Lý. Tiếc rằng mộ đạo Phật, thích điềm lành, đó là điều lụy cho đức tốt”. (8)

Điều này cũng đủ minh chứng ông là vị vua lãnh đạo dân tộc Đại Việt không chỉ phú cường và thịnh vượng ở trong nước mà còn có chính sách đối ngoại với các nước lân bang trong tinh thần tự chủ độc lập, không khuất phục bất cứ thế lực nào. Điều đáng nói là ông duy trì chính sách hòa hợp, hòa bình trên tinh thần hai bên cùng có lợi, khiến nước lớn vị nể, nước nhỏ tâm phục. Thế nên, trong Thơ văn Lý Trần, khi đánh giá về ông, có đoạn: “Được các bề tôi giỏi hết lòng giúp đỡ, và nhân dân ủng hộ, triều đại của ông đã có những chiến công lừng lẫy, mấy lần đánh Nam dẹp Bắc thắng lợi, đập tan âm mưu xâm lược nhà Tống. Về nội trị, vua rất quan tâm đến công việc nhà nông, thường đi xem dân gặt hái, xuống chiếu cấm trâu. Đặc biệt mở khoa thi tam trường, lập Quốc Tử Giám, tổ chức thi để chọn văn thần.. có thể nói ông đã đặt nền móng cho sự phát triển chính quy của Nho giáo Việt Nam, đồng thời cũng đóng góp vào việc xây dựng văn hóa nước nhà” (9).

Sự nghiệp xây dựng và giữ nước của dân tộc Đại Việt trong triều đại nhà Lý bao giờ cũng gắn với sự nghiệp cả cuộc đời ông. Việc xây chùa, dựng tháp là dịp tổng kết các thành tựu đất nước đạt được để hậu thế noi theo. Hiển nhiên, công đức của ông phải được thần dân ngưỡng vọng, tán thán kính đề vào văn bia:

“Trên vừa yên trị trong nước; dưới giúp đỡ lân bang; nhân dân hòa hợp; trăm họ yên vui. Mùa Xuân vào

lệ, dâng kính ngọc ngà; mùa Thu vào châu, noi theo chức tước. Hợp các nước chư hầu mà yến thưởng... Làm chủ của trời đất; xét huyền cơ của tạo hóa. Vận trí biến thông; hiển mưu đầy khắp... Hợp với sự thanh bình của bốn biển; hòa cùng sự êm ấm của muôn dân...”.

Lại nữa, tài trí, đức hạnh của vua Lý Nhân Tông còn được ca ngợi: “Tinh thông tới chỗ yếu huyền; pháp thuật ngoại quyền, thấu tóm toàn ý chỉ. Đức lời đẹp như đá vàng, sáng lòa tinh đầu...”. Bằng các lễ hội văn hóa nhân dịp đại lễ hay dịp Trung thu, vua dân đồng tâm hát khúc khải hoàn “Phật – Thánh – Tiên – Người là một”. Hạnh phúc nào bằng khi cõi Phật ở tại quê nhà, không phải tìm đâu xa. Trong niềm an lạc, thịnh vượng vô biên, Đại Việt trở nên oai hùng, đón chào tất cả bè bạn lân bang trong không khí lễ hội.

“... Kể trở oai trong chốc lát, người đón rước lúc bấy giờ. Lân quốc mến nên đất già bể trẻ; chư hầu về mà vượt lũy băng tường. Chăm chú đón xem; chờ mong được thấy. Khắp chốn trang hoàng gấm vóc; hàng năm vui vẻ ba ngày. Đưa mọi người lên cõi hồ thiên; đặt quần chúng vào nơi lạc quốc...”.

Quả thật, Phật giáo đã đồng hành với dân tộc, lúc thịnh vượng cũng như suy vong. Lúc nào triều đại hợp lòng dân, hợp Phật tâm mỗi người thì lúc đó đất nước thịnh trị. Việc xây dựng chùa, tháp thực chất là xây dựng môi trường nếp sống đạo đức dân tộc, nếp sống hưởng thượng nhà Phật. Về sau, Nho sĩ đời Trần Lê Bá Quát cũng phải thừa nhận: “Đạo Phật lấy họa phúc để cảm lòng người, sao mà được lòng người tin sâu và bền vậy. Trên từ vương công, dưới đến bình dân, hễ có công việc gì quan hệ đến Phật thì dù có hết của cải cũng không bủn xỉn. Nay nếu đem việc dựng tháp xây chùa phước thác cho thì hơn hởi vui mừng như cầm được tờ văn tự tín phiếu về sự báo đáp ngày sau. Cho nên, từ trong kinh đô, đến ngoài châu phủ, hang cùng ngõ hẻm, chẳng ra lệnh mà tuân theo, không bảo rõ mà tin, chỗ nào có nhà là có chùa, bỏ đi lại dựng lên, hư nát liền tu sửa, chuông trống lâu dài cùng với dân cư có tới một nửa. Sự hưng thịnh của đạo Phật sao mà dễ dàng, sự tôn sùng cũng rất lớn rộng vậy” (10).

4. Đời sống văn hóa nước Đại Việt

Trong xu hướng thịnh vượng như thế, đời sống văn hóa nước Đại Việt phát triển rực rỡ từ văn hóa vật chất đến văn hóa tinh thần. Những lễ hội văn hóa dân tộc mang âm hưởng, màu sắc Phật giáo thường xuyên được tổ chức dưới sự bảo trợ của chính quyền nhà Lý. Lễ hội là dịp để các thành phần trong xã hội

tiếp xúc, thông cảm và hòa hợp với nhau, trên hết, nó thể hiện tinh thần đoàn kết toàn dân, chứng minh sức mạnh cả dân tộc đối với các nước lân bang. Điều đó cũng chứng tỏ, Phật giáo không chỉ tham gia vai trò cố vấn chính trị mà còn tham gia phò tá, đóng góp công sức trên các lĩnh vực khác của đời sống. Đại Việt sử ký toàn thư cũng ghi nhận 4 lần vua Lý Nhân Tông tổ chức lễ hội, trong đó có lần xuống chiếu cho sứ thần của Chiêm Thành xem. Văn bia Sùng Thiện Diên Linh diễn tả lễ hội đền Quảng Chiếu thật hoành tráng, công phu, để lại dấu ấn lớn trong lòng dân Đại Việt, biểu dương sức mạnh mà dân tộc đang vươn mình lớn dậy, bước sang thời kỳ hoàng kim, thấp sáng hàng nghìn ngọn đèn để tỏ ý kính thành Thăng Long từ đây chấm dứt đêm dài tăm tối thời Bắc thuộc. Nó cũng minh chứng tinh thần và sức sống Đại Việt: “Khuynh thiên hạ chi ung hòa, dạ vi trú thưởng”, Nghĩa là “đốc lòng hòa vui thiên hạ thì đêm mới trở thành ngày”.

Kiến trúc Phật giáo nhà Lý là một trong những thành tựu nổi bật trong lịch sử kiến trúc Việt Nam nghiêm nhiên trở thành biểu tượng quốc gia. Nó là sự tôn vinh một giai đoạn phát triển của nền văn hóa Đại Việt. Đằng sau các biểu tượng, nó minh chứng cho thái độ sống của người dân: đoàn kết, hòa hợp, độc lập, tự chủ, thanh bình. Nói như nhà Phật: “Tâm bình là thế giới bình”. Ngôi chùa mái cong hài hòa; bảo tháp uy nghi cho con người nghiêng mình đánh lễ; hoa sen thanh thoát để cõi lòng hướng thiện.. Tất cả chỉ nói lên một điều, chừng nào con người còn khát vọng dập tắt khổ đau, chừng đó con người còn vươn tới chân hạnh phúc. Vua Lý Nhân Tông xây chùa, dựng tượng, đúc chuông, thiết lập bảo tháp Sùng Thiện nhằm thực thi, mở mang phát triển văn hóa đất nước.

“Rộng vận thần công; cả suy thánh đoán. Sửa sang thắng sự; chăm tới lương duyên. Dựng đài cao quảng chiếu; hướng sân trước đoan môn. Trong nêu một cột; ngoài đặt bảy tầng; Uốn hình cung nâng đỡ sen vàng; máy lồng nhiều che cho ngọn nến. Giấu cơ vi ở dưới đất như bánh xe xoay chuyển; rực sáng giữa bầu trời...”

Lại có đài cao thất bảo, xếp thành một dãy, chính giữa có ngọn núi vàng. Đặt tượng đẹp Đa Bảo Như Lai, bày chân hình xe pháp mấy tầng.. Thờ đến hai tòa bạch ngân; bên tả đặt chân dung tượng A Di Đà; phía hữu để Xá lợi của sắc thân mẫu nhiệm. Chiều cao mở ra thế khỏe; vẻ đẹp phô rõ mái cong. Long lanh ngời tuyết trắng đang tan; rực rỡ ắt trắng thu vằng vặc. Thờ nữa có hai tòa điêu văn; bên tả đặt

thân mẫu Quảng Bác, phía hữu đặt diệu tượng Bồ đề...”.

“Tôn sùng đạo Phật; hâm mộ thắng nhân, mở chùa Diên Hựu ở tại vườn Tây. Dấu vết theo quy mô thuở trước; lo toan thánh ý ngày nay. Đào ao thơm Linh chủ, giữa ao trôi lên một cột đá, trên cột có một đóa sen nghìn cánh sen xòe ra. Trên hoa dựng một ngôi đền đỏ sẫm; trong đền đặt pho tượng sắc vàng...”.

Những công trình kiến trúc đời Lý đã chứng minh sự thành tựu đỉnh cao của kiến trúc Phật giáo. Việc kiến trúc chùa tháp và thiết kế chương trình lễ hội, chứng tỏ thành tựu khoa học kỹ thuật của nhà Lý đã theo kịp các nước lân bang. Bằng chứng, trong lễ hội, người dân Đại Việt đã chế tạo các máy móc điều khiển phục vụ lễ hội như: máy ngẫm, sư bằng gỗ có thể đánh chuông vào những lúc mình muốn. Các thành tựu này cũng có thể ứng dụng vào quốc phòng, ngẫm biểu tượng sức mạnh sẵn sàng đối phó với bất kỳ kẻ thù nào muốn dòm ngó Đại Việt.

Trong hào khí vươn lên ấy, vua Lý Nhân Tông đã hạ chiếu xây chùa ở núi Long Đọi: “xây ba mươi tầng chọc trời, mở bốn mươi hống gió. Vách chạm rồng ổ; xa treo chuông đồng. Tầng trên đặt hộp vàng xá lợi, tỏa tường quang cho đời thịnh sau này; đỉnh nóc xây tiên khách bưng mâm, hứng móc ngọc dưới bầu trời tạnh ráo. Tầng dưới chia tám tướng khôi ngô; đứng hộ vệ thần dân cầm kiếm... cho nên nhà vua đặt tháp ấy là Sùng Thiện Diên Linh”.

Sự đồ sộ, uy nghi, cũng như các chi tiết mềm mại, nhu nhuyễn trong kiến trúc chùa tháp nói lên tính cách con người Đại Việt. Suy cho cùng, mục đích tối thượng mà triều đại nhà Lý thiết lập trong tâm thức mỗi người dân là ý thức độc lập tự chủ trong mọi hoàn cảnh lịch sử.

Như vậy, quan điểm của vua Lý Nhân Tông về vấn đề xây chùa, dựng tháp chính là biểu thị sức mạnh đoàn kết toàn dân, khai phóng trí tuệ đời sống văn hóa Đại Việt. Theo các tài liệu sử ghi, trong 50 năm cầm quyền, ông đã hơn 18 lần làm chùa và tổ chức lễ hội. Cứ mỗi lần xây xong, toàn dân tự nguyện cùng nhà nước tổ chức lễ khánh thành, dân chúng an vui vì có thêm một trung tâm văn hóa giáo dục – đào tạo ra mẫu người yêu nước thương dân, giàu lòng phụng đạo. Trên hết, chùa còn là cơ sở để toàn dân trấn giữ đế đô vương triều, bảo vệ chủ quyền dân tộc. Phạm Sư Mạnh đã từng ca ngợi trong Văn bia tháp Báo Thiên ở kinh đô Thăng Long như sau:

“Trấn áp đông tây củng đế đô
Khuy nhiên nhất tháp độc nguy nguy

Sơn hà bất động kinh thiên trụ
Kim cổ nam ma lập địa chùy”.

(Trấn áp Đông Tây giữ đế đô
Ngang nhiên ngọn tháp vút lên nhô
Non sông giữ vững tay trời chống
Nạp xửa khôn tiêu đất cấm vồ) (11).

Vì thế, mỗi người dân đều được hưởng trọn phúc lành nhiệm mầu từ chất liệu từ bi giải thoát của Đức Từ phụ. Vậy nên, khi đất nước có chiến tranh, nhờ thấm nhuần giáo lý nhà Phật mà người dân đã từ bỏ hận thù cá nhân để sống gần gũi, yêu thương nhau, cùng nhau chia sẻ, cùng nhau tham gia đóng góp vào việc công ích, không phân biệt hoàng thân quốc thích hay nhân dân lao động nghèo khổ:

“Hương trầm khói tỏa quanh
Gấm vóc khoe xuân sắc
Phúc lành khắp chúng sinh
Gông cùm và tù ngục
Phá bỏ, đời thanh bình”

Đúng như lời nhận định của nhà nghiên cứu Chu Quang Trứ: “Chùa tháp thời Lý là kiến trúc Phật giáo sớm nhất hiện còn dấu tích trên mặt đất và thư tịch. Nó khẳng định một giá trị nghệ thuật dân tộc đặc sắc Phật giáo Việt Nam và của thời đại, xứng đáng mở đầu văn minh Đại Việt và bằng sức lao động sáng tạo của cả dân tộc có trình độ thẩm mỹ cao” (12).

Có thể nói, dưới triều Lý Nhân Tông, Phật giáo và dân tộc là một thể thống nhất bất khả phân ly. Sách lược mà vua Lý Nhân Tông vạch ra đáp ứng nhu cầu lịch sử của đất nước trong thời đại xây dựng và phát triển nước Đại Việt hùng cường độc lập tự chủ trên mọi lĩnh vực.

Tóm lại, việc tiếp nhận một tác phẩm văn học có giá trị về nghệ thuật là tiếp nhận một thông điệp mang lại sự vận hành với xu hướng đi lên tất yếu của lịch sử. Tính thẩm mỹ của tư tưởng phần nào giúp con người nhận ra chân lý cuộc đời. Nó hóa hiện giữa cuộc đời cho tất cả những ai biết thực thi bằng cả tấm lòng hướng thượng. Đại Việt quốc đương gia đệ tứ đế Sùng Thiện Diên Linh tháp bi của Thượng thư Nguyễn Công Bật, cho đến tận bây giờ không chỉ là bài ca về hào khí dân tộc một thời an thịnh mà còn có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc phát triển đất nước thời đại ngày nay. Hầu hết giá trị trong cuộc đời có mặt khi giá trị tâm thức con người hiện hữu. Phật giáo xây dựng con người bắt nguồn từ việc xây dựng tâm thức con người. Một tâm thức trong sáng, một trí tuệ cao cả, một tấm lòng biết yêu

thương thì lo gì con người đó không an bình thắng tiến, nhà nhà thịnh vượng, xã hội hạnh phúc bền vững. Nhà Lý ngự trị hơn 200 năm trong lịch sử nước nhà, thiết nghĩ là nhờ vậy.

Chú thích:

- (1) Đại Việt sử ký toàn thư, tập I, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1998, trang 242
- (2) Nguyễn Đăng Thục, Khái quát tư tưởng nhà Lý, tạp chí Văn Hạng số 1, 1965.
- (3) Lê Mạnh Thát, Lịch sử Phật giáo Việt Nam, NXB TP.HCM, 2002, trang 278.
- (4) Chu Quang Trứ, Mỹ thuật Phật giáo là tiêu biểu của mỹ thuật của dân tộc thời Lý và Trần. Tập Văn Thành Đạo, số 17, Ban Văn hóa Trung ương – GHPGVN xuất bản, 1990, trang 60.
- (5) Chu Quang Trứ, Mỹ thuật Phật giáo là tiêu biểu của mỹ thuật của dân tộc thời Lý và Trần, Tập Văn Thành Đạo số 17, Ban Văn hóa Trung ương – GHPGVN xuất bản, 1990, trang 61.
- (6) Lê Mạnh Thát, Lịch sử Phật giáo Việt Nam, tập III, NXB TP.HCM, 2002, trang 279.
- (7) Nguyễn Phạm Hùng, Trên hành trình văn học trung đại, NXB Đại Học Quốc Gia, Hà Nội, 2001, trang 122-123.
- (8) Đại Việt sử ký toàn thư, tập I, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1998, trang 276.
- (9) Thơ văn Lý Trần, tập I, NXB Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1977, trang 432.
- (10) Nguyễn Đăng Thục, Phật giáo Việt Nam, Mặt Đất, 1974, trang 302.
- (11) Lê Mạnh Thát, Lịch sử Phật giáo Việt Nam, tập III, NXB TP.HCM, 2002, trang 330.
- (12) Chu Quang Trứ, Ngôi chùa kiến trúc thời Lý, dẫn theo Tập Văn Thành Đạo, PL. 2532, trang 50.

Tài Liệu tham khảo:

1. Đại Việt sử ký toàn thư, tập I, NXB KHXH, Hà Nội, 1998, trang 242.
2. Nguyễn Đăng Thục, Khái quát tư tưởng nhà Lý, TC Văn Hạng, số 1, 1965.
3. Lê Mạnh Thát, Lịch sử Phật giáo Việt Nam, tập III, NXB TP.HCM, 2002, trang 278.
- 4, 5 Chu Quang Trứ, Mỹ thuật Phật giáo là tiêu biểu... Tập Văn Thành Đạo, số 17, Ban Văn hóa TƯ GHPGVN, 1990, trang 60 - 61.



37 năm trước ngày 19.1.1974!

Song Chi

37 năm trước, vào ngày 19.1.1974, trận chiến giữa hải quân Việt Nam Cộng hòa và hải quân Trung Quốc kết thúc, quần đảo Hoàng Sa đã bị mất vào tay Trung Quốc từ đó đến nay.

Tài liệu trên Wikipedia viết:

“Theo một bài "Không thể chấp nhận được!" của Bùi Thanh đăng trên báo Tuổi Trẻ Online ngày Thứ Năm, 06/12/2007, 08:14 (GMT+7) "Trong trận hải chiến lịch sử và không cân sức này, 58 binh sĩ quân đội Sài Gòn đã ngã xuống nhưng không giữ được mảnh đất thiêng liêng của ông cha."

Theo tài liệu của Trung Quốc thì 274, 271, 389, 391 đều trúng đạn, 281, 282 và 402, 407 bị hư hại trung bình, HQ-10 bị chìm tại trận. Trung Quốc bắt giữ 48 tù binh, trong đó có một người Mỹ. Trung Quốc có

trao trả tù binh sau đó tại Hồng Kông qua Hội Chữ thập đỏ.

Trung Quốc chiếm đóng toàn phần quần đảo Hoàng Sa từ thời điểm này. Sau trận chiến, Việt Nam Cộng Hòa đã ra nhiều tuyên bố cũng như trưng ra các chứng cứ lịch sử về chủ quyền của mình và đã được Chính phủ Pháp ủng hộ vì trước đây theo hòa ước Pháp Thanh thì người Pháp đã thực hiện chủ quyền ở quần đảo này.

Tuy nhiên, Trung Quốc đã cho đập phá các bia chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa, đào các mộ của người Việt đã chôn ở đây, xóa các di tích lịch sử của người Việt...”

Ngoài ra còn có rất nhiều bài viết, những lời kể lại của chính những người trong cuộc, trong đó có Cựu Phó đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại, Tư Lệnh Hải Quân vùng I Duyên Hải, người trực tiếp ra lệnh khai hỏa, tấn công Tàu chiến Hải Quân Trung Cộng ở quần đảo Hoàng Sa, và nhiều người khác.

Là một người sinh sau đẻ muộn, tôi chỉ biết đến trận hải chiến này qua những tư liệu và những bài viết như vậy. Nhưng dù chỉ đọc qua tư liệu, tôi cũng cảm nhận được một phần nào nỗi đau đớn, cay đắng của những người trong cuộc khi đã làm hết sức mà không giữ được mảnh đất của tổ tiên để lại, khi phải chứng kiến cái chết của đồng đội, sự phản bội của đồng minh-nước Mỹ. (Ai cũng biết, lúc đó Bộ tư lệnh Hải quân Việt Nam Cộng Hòa đã yêu cầu Đệ thất Hạm đội trợ giúp, nhưng Mỹ từ chối) và thậm chí, khi những người lính VNCH bị thương trôi trên biển, thì cũng không có chiến hạm nào của Mỹ đến cứu vớt mà là “Hai ngày sau trận hải chiến, ngày 20 tháng 1, tàu chở dầu Hòa Lan "Kopionella" vớt được 23 người thuộc thủy thủ đoàn của HQ-10 đang trôi giạt trên biển. Đến mười ngày sau, ngày 29 tháng 1, ngư dân Việt Nam vớt được một toán quân nhân Việt Nam Cộng Hòa gần Mũi Yến (Qui Nhơn), gồm 1 sĩ quan, 2 hạ sĩ quan và 12 quân nhân thuộc lực lượng đổ bộ lên Quang Hòa, đã dùng bè vượt thoát đảo sau trận hải chiến” (theo Wikipedia).

Rõ ràng đảng cộng sản Trung Quốc đã rất biết chọn thời điểm để đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa. Khi đó cuộc chiến tranh gần kết thúc, quân đội Sài Gòn không còn được đồng minh viện trợ như trước, phải căng mình ra mà chiến đấu với miền Bắc vẫn còn đầy đủ sự viện trợ từ Liên Xô, Trung Quốc và phe XHCN nên dù có muốn giữ Hoàng Sa cũng không đủ sức; Mỹ thì đã rút khỏi VN sau Hiệp định Paris, đã bắt tay với Trung Quốc nên không muốn can thiệp; còn phía Việt Nam dân chủ cộng hòa tức Bắc

Việt lúc bấy giờ thì lại đang cần đến viện trợ quân sự và kinh tế của Trung Quốc nên cũng không phản ứng gì!

Thế là Hoàng Sa mất, và thực tế bây giờ càng cho thấy, chuyện đòi lại Hoàng Sa từ tay Trung Quốc còn khó hơn cả chuyện hái sao trên trời!

Nhiều năm sau ngày mất Hoàng Sa, nếu tôi nhớ không lầm thì Tuổi Trẻ chính là tờ báo đầu tiên ở trong nước nhắc đến trận hải chiến này với chi tiết 58 binh sĩ của quân đội Sài Gòn đã ngã xuống qua bài viết “Không thể chấp nhận được” của nhà báo Bùi Thanh đã kể trên, sau đó vào tháng 9.2009, báo Tuổi Trẻ còn định làm một loạt bài phóng sự “Hoàng Sa-tường trình 35 năm sau” nhưng mới chỉ đi được hai kỳ thì đột ngột dừng lại, không nói thì ai cũng hiểu vì sao! Rồi lần lượt một số người, trong đó có cả Thiếu tướng Nguyễn Trọng Vĩnh trong bài phỏng vấn đăng trên báo Người Việt “Mỹ phải làm mạnh hơn nữa” (ngày 30.8.2010) cũng nhắc đến việc phải ghi nhớ và vinh danh những người lính đã chết trong trận Hoàng Sa: “Máu của những chiến sĩ này [Việt Nam Cộng Hòa, trận Hoàng Sa 1974 - NV] đổ ra là đổ cho tổ quốc, phải tuyên dương, phải xem họ ngang với tất cả liệt sĩ của Quân Đội Nhân Dân Việt Nam chứ chưa nói tới việc dùng cái chết của họ để chứng minh chủ quyền của Việt Nam”. Hay Tiến sĩ luật Cù Huy Hà Vũ vào tháng 3.2010 đã gửi kiến nghị đến nhà nước Việt Nam về việc xây dựng đài tưởng niệm liệt sĩ hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam, nhấn mạnh việc “64 công dân Việt Nam đã anh dũng hy sinh trong chiến đấu bảo vệ quần đảo Trường Sa đã được Nhà nước Việt Nam công nhận Liệt sĩ, được truy tặng Bằng “Tổ quốc ghi công”. Do vậy, “58 công dân Việt Nam đã anh dũng hy sinh trong chiến đấu bảo vệ quần đảo Hoàng Sa phải được Nhà nước Việt Nam công nhận Liệt sĩ, truy tặng Bằng “Tổ quốc ghi công” theo quy định “Mọi công dân đều bình đẳng trước Pháp luật” của Hiến pháp Việt Nam.”

Thế nhưng nhà nước Việt Nam đã hoàn toàn im lặng.

Một chuyện nhỏ và chính đáng như vậy họ còn không làm được nói gì đến bao nhiêu chuyện khác, nói gì đến hòa giải hòa hợp dân tộc, chẳng trách bao nhiêu năm sau ngày đất nước thống nhất, lòng người Việt vẫn ly tán!

19.1.2008, để tưởng niệm 34 năm ngày mất Hoàng Sa đồng thời lên tiếng phản đối việc Quốc vụ Viện Trung Quốc phê chuẩn việc thành lập thành phố

hành chính cấp huyện Tam Sa (thuộc tỉnh Hải Nam) trực tiếp quản lý ba quần đảo trên Biển Đông, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam”, tẩy chay Olympic Bắc Kinh 2008, nhóm bloggers của CLB Nhà báo tự do và một số văn nghệ sĩ đã tổ chức biểu tình ngay trước cửa Nhà hát Thành phố HCM. Cuộc biểu tình diễn ra khoảng 30 phút thì công an ập tới và tất cả bị bắt đưa về đồn và bị giữ lại làm việc suốt cho đến tối, riêng một vài người như anh Nguyễn Văn Hải tức blogger Điều Cày, trưởng nhóm CLB NBTD, còn bị giữ lại đến trưa ngày hôm sau, sau đó còn phải tiếp tục lên làm việc thêm.

Kể từ sau đó, tất cả những con người đã có mặt hoặc có liên quan trong cuộc biểu tình đều “được” cho vào tầm ngắm của công an, cuộc sống của họ trở nên khó khăn hơn nhiều.

Đến tháng 4.2008, công an đã bắt giữ blogger Điều Cày vì sợ anh cùng bạn bè lại tổ chức một cuộc biểu tình khác nhân dịp đoàn rước đuốc Olympic Bắc Kinh đi ngang qua Sài Gòn. Tòa án đã chụp cho anh cái bản án nguy hại là tội “trốn thuế”, và xử anh 30 tháng tù giam, bồi hoàn 1 tỷ đồng. Trong thời gian blogger Điều Cày vào nhà tù nhỏ gở lịch, nhiều người bạn của anh, người vợ cũ và hai đứa con bị công an thường xuyên xách nhiễu, khó để đủ mọi cách, mục đích chỉ để hành hạ về mặt tinh thần, để họ mệt mỏi, sợ hãi và trở nên “ngoan ngoãn”! Bản thân Điều Cày ở trong tù thì bị hành hạ kiểu khác, khi thì không cho thăm nuôi, khi thì biệt giam, không loại trừ cả hành hạ về thể xác, nhưng những điều đó chẳng ăn thua gì đối với người từng là cựu binh của chính chế độ này.

30 tháng sau, mãn hạn tù, bạn bè người thân tưởng đâu sẽ được đón Điều Cày trở về, nhưng không, anh lại bị tù tiếp, lần này vì chính cái tội “tuyên truyền chống phá chế độ” mà lẽ ra công an và tòa án phải buộc vào cổ anh trước kia, chứ không phải đợi đến bây giờ.

Và một người khác trong nhóm CLB NBTD cũng bị bắt, blogger Anh Ba Sài Gòn. Cũng để điều tra về cái tội tuyên truyền chống phá chế độ, về hoạt động của nhóm CLB NBTD mà thực chất từ mấy năm nay, khi Điều Cày vào tù thì chẳng có cái hoạt động gì nữa. Thật là bi hài cho chế độ này, chỉ có một nhóm bloggers tự động kết bạn với nhau, cùng nhau viết blog về những điều mắt thấy tai nghe trước hiện tình xã hội, chả có cơ sở, phương tiện, tổ chức hay hoạt động gì khác mà mấy năm qua rồi nhà nước này vẫn theo hạch hỏi, hành tội, đủ biết họ sợ hãi nhân dân

đến mức nào, nhìn ai cũng nghĩ là kẻ thù, là lực lượng thù địch đang đánh phá!

Một người khác, là một người bạn với nhóm CLBNBTD, nay cũng đã ngồi tù với bản án 7 năm, là thạc sĩ tin học Nguyễn Tiến Trung trong vụ án cùng với luật sư Lê Công Định.

Và người viết bài này, cũng là một người bạn, thì đã buộc phải rời khỏi đất nước.

37 năm trước, khi quần đảo Hoàng Sa mất vào tay Trung Cộng, Hà Nội đã không hề có một phản ứng gì trước sự kêu gọi cùng lên tiếng của chế độ Sài Gòn. Một phần, Hà Nội lúc ấy đang ở vào thế mang ơn há miệng mắc quai với Trung Quốc, nhưng bên cạnh đó, còn do cái suy nghĩ nông cạn, tầm nhìn hẹp hòi của những người lãnh đạo Đảng cộng sản VN lúc bấy giờ khi tin vào tình đồng chí giữa Việt cộng và Trung cộng, thậm chí có người còn nghĩ rằng “Quần đảo Hoàng Sa thà để cho nước Trung Quốc đồng chí anh em của ta giữ giữ còn hơn nằm trong tay bọn “ngụy quân ngụy quyền”!

Cái thời ấy những người lãnh đạo đảng cộng sản VN nếu có mê muội cũng còn có thể hiểu được, nhưng nhiều năm sau nữa, họ vẫn tiếp tục u mê, bị mắc lõm, bị chơi xấu bởi những người anh em láng giềng “16 chữ vàng” của họ, thậm chí bị “dạy cho một bài học” bằng trận chiến đổ máu nát xương năm 1979 và mấy năm sau đó-1984; bị mất thêm một số đảo ở quần đảo Trường Sa, bị xử ép mất đất, mất biển qua các Hiệp ước biên giới trên đất liền 1999 và Hiệp định phân định Vịnh Bắc bộ VN-TQ 2000... Và cho đến tận bây giờ thì họ đã mắc vào rọ của Trung Quốc quá sâu rồi khi từ trên rừng, ngoài biển, bên hông là các nước Lào, Campuchia cho đến ngay trên mái nhà Tây Nguyên, Trung Quốc đều đã tính toán đầu vào đó, đã có mặt khắp nơi, đồng thời đã vây bủa khắp mọi đường, từ kinh tế cho đến chính trị, ngoại giao... Nguy cơ lệ thuộc lẫn mất nước đã sờ sờ trước mắt!

Ấy vậy mà khi những người dân lên tiếng tố cáo bọn bành trướng Bắc Kinh thì họ lại không cho phép.

37 năm trước, năm 1974, vì lợi riêng, vì tầm nhìn ngắn, Hà Nội đã không lên tiếng trước vụ mất Hoàng Sa.

34 năm sau, năm 2008, cũng vì lợi riêng, và vì sự hèn nhát, Hà Nội đã dập tắt tiếng nói của những người dân đơn độc cất lên nhằm tưởng niệm ngày mất Hoàng Sa.

Trong não trạng của những người lãnh đạo đảng và nhà nước cộng sản VN chưa bao giờ và sẽ không bao giờ biết đặt quyền lợi của đất nước, của dân tộc lên trên quyền lợi của đảng, và nếu điểm tựa lớn nhất của bất cứ chế độ nào là nhân dân thì họ lại quay qua sợ hãi, nghi kỵ, đàn áp nhân dân trong lúc hèn hạ khiếp nhược trước kẻ thù truyền kiếp.

Nếu một ngày nào đó vận rủi mà mất nước, liệu họ có bao giờ ăn ngon ngủ yên khi nghĩ đến câu “Giá như vào thời điểm đó năm đó, vào thời điểm kia năm kia, chúng ta biết nghĩ đến quyền lợi của đất nước, của dân tộc lên trên hết, biết dựa vào dân, biết thay đổi để mà cứu nước, cứu cả bản thân, thì...”. Liệu có bao giờ như thế? Như tất cả những kẻ cầm đầu những thể chế độc tài bị sụp đổ mà mới đây nhất, là tổng thống Zine El Abidine Ben Ali của Tunisia, hẳn đều ước ao, giá mà...thì đã muộn!

Song Chi

xuân xa nhà

Cánh bèo xấu cũng tìm dòng nước ấm
Con lạc loài từ đất Mẹ sang đây
Mười xuân qua hưởng ấm vài mươi ngày
Đồng băng giá, hạ cũng hờ áo khoác.

Tết lạnh quá! Lạnh xứ người có khác
Chẳng Má, Ba, anh em chị, họ hàng
Vài bạn bè cùng lý tưởng cứu mang
Lại xa lác những hành trình dang dở.

Trắng đất trời, tuyết cứ rơi dai dẳng
Nắng Sài Gòn còn xa lác, xa lơ
Dân tỵ nạn vẫn cù bất, cù bơ
Mơ trở lại để san bằng biển khổ.

Tự do ấy không ngẫu nhiên tự có
Bao anh hùng từng vượt khó chông gai
Để ngày nay Cộng giết hết muôn loài
Tìm chưa thấy đáp số bài nan giải.

Đường đến đích con tìm hoài chưa thấy
Vẫn miệt mài trong ngược gió cờ bay
Đường còn... dài, xin cho đời đủ... dài
Con đi tiếp, nuôi niềm tin: TRỞ LẠI!

Ý Nga



TUYÊN CÁO của chính phủ VNCH liên quan tới Hoàng Sa (1974)

Đàn Chim Việt: Ngày 19/1/1974 trong trận hải chiến không cân sức diễn ra giữa hải quân Trung Quốc với hải quân Việt Nam Cộng Hòa đang canh giữ quần đảo Hoàng Sa, 58 người lính Việt Nam Cộng Hòa đã ngã xuống nhưng không giữ được biên cương của Tổ Quốc.

Bắc Việt khi đó đã giữ im lặng cả lời nói lẫn hành động để người “anh em” phương Bắc chiếm giữ Hoàng Sa. Sự im lặng đó còn kéo dài nhiều thập niên sau cho tới khi có loạt bài của Bùi Thanh đăng trên báo Tuổi Trẻ (năm 2007) dư luận trong nước mới biết tới trận chiến oanh liệt và những hy sinh của phía Việt Nam Cộng Hòa trong việc bảo vệ lãnh thổ của ông cha.

Sắp tới ngày 19/1, chúng tôi sẽ giới thiệu một số tư liệu, bài viết liên quan tới Hoàng Sa để rộng đường dư luận và như một nén nhang thấp cho những người đã ngã xuống vì đất nước.

TUYÊN CÁO CỦA BỘ TRƯỞNG NGOẠI GIAO VIỆT NAM CỘNG HÒA VỀ NHỮNG HÀNH ĐỘNG GÂY HẤN CỦA TRUNG CỘNG TRONG KHU VỰC ĐẢO HOÀNG SA

(Ngày 19.1.1974)

Nguyên văn:

Sau khi mạo nhận ngày 11.1.1974 chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam Cộng Hòa, Trung cộng đã đưa Hải quân tới khu vực Hoàng Sa, và đổ bộ quân lính lên các đảo Cam Tuyền, Quang Hòa và Duy Mộng.

Lực lượng Hải quân Trung Cộng gồm 11 chiến đĩnh thuộc nhiều loại và trọng lượng khác nhau, kể cả một tàu loại Komar có trang bị hỏa tiễn.

Để bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ và nền an ninh quốc gia trước cuộc xâm lăng quân sự này, các lực lượng Hải quân Việt Nam Cộng Hòa trấn đóng trong khu vực này đã ra lệnh cho bọn xâm nhập phải rời khỏi khu vực.

Thay vì tuân lệnh, các tàu Trung Cộng, kể từ 18.1.1974, lại có những hành động khiêu khích như đâm thẳng vào các chiến đĩnh Việt Nam.

Sáng ngày nay, 19.1.1974 hồi 10 h20, một hộ-tổng hạm Trung Cộng thuộc loại Kronstadt đã khai hỏa bắn vào khu vực hạm “Trần Khánh Dư” mang số HQ-04 của Việt Nam Cộng Hòa. Để tự vệ, các chiến hạm Việt Nam đã phản pháo và gây hư hại cho hộ tổng hạm Trung Cộng. Cuộc giao tranh hiện còn tiếp diễn và đang gây thiệt hại về nhân mạng và vật chất cho cả đôi bên.

Các hành động quân sự của Trung Cộng là hành vi xâm phạm trắng trợn vào lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa, và một lần nữa vạch trần chánh sách bành trướng đế quốc mà Trung Cộng liên tục theo đuổi, đã được biểu lộ qua cuộc thôn tính Tây Tạng, cuộc xâm lăng Đại Hàn và Ấn Độ trước kia.

Việc Trung Cộng ngày nay xâm phạm lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa không những chỉ đe dọa chủ quyền an ninh của Việt Nam Cộng Hòa mà còn là một hiểm họa đối với nền hòa bình và ổn cố của Đông Nam Á và toàn thế giới.

Với tư cách một nước nhỏ bị một cường quốc vô cớ tấn công. Việt Nam Cộng Hòa kêu gọi toàn thể các dân tộc yêu chuộng công lý và hòa bình trên thế giới hãy cương quyết lên án các hành vi chiến tranh thô bạo của Trung Cộng nhằm vào một quốc gia độc lập và có chủ quyền để buộc Trung Cộng phải tức khắc chấm dứt các hành động nguy hiểm đó.

Làm ngơ để cho Trung Cộng tự do tiến hành cuộc xâm lấn trắng trợn này là khuyến khích kẻ gây hấn tiếp tục theo đuổi chánh sách bành trướng của chúng và sự kiện này đe dọa sự sống còn của những nước nhỏ đặc biệt là những nước ở Á Châu.

Trong suốt lịch sử, dân tộc Việt Nam đã đánh bại nhiều cuộc ngoại xâm. Ngày nay, Chính phủ và nhân dân Việt Nam Cộng Hòa cũng nhất định bảo vệ sự toàn vẹn của lãnh thổ quốc gia.

(Tài liệu ronéo của Bộ Ngoại Giao, Sài Gòn, Số 015/BNG/ TTBC/ TT)

TUYÊN CÁO CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM CỘNG HÒA VỀ CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM CỘNG HÒA TRÊN NHỮNG ĐẢO Ở NGOÀI KHƠI BỜ BIỂN VIỆT NAM CỘNG HÒA

Nguyên văn:

Nghĩa vụ cao cả và cấp thiết của một chánh phủ là bảo vệ chủ quyền, độc lập và sự vẹn toàn lãnh thổ của quốc gia. Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa cương quyết làm tròn nghĩa vụ này, bất luận những khó khăn trở ngại có thể gặp phải và bất chấp những sự phản đối không căn cứ dầu phát xuất từ đâu.

Trước việc Trung Cộng trắng trợn xâm chiếm bằng vũ lực quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam Cộng Hòa, Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa thấy cần phải tuyên cáo long trọng trước công luận thế giới cho bạn cũng như thù biết rõ rằng:

Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là những phần bất khả phân của lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa. Chính phủ và nhân dân Việt Nam Cộng Hòa không bao giờ chịu khuất phục trước bạo lực mà từ bỏ tất cả hay một phần chủ quyền của mình trên những quần đảo ấy.

Chừng nào còn một hòn đảo thuộc lãnh thổ ấy của Việt Nam Cộng Hòa bị nước ngoài chiếm giữ bằng bạo lực thì chừng ấy Chính phủ và nhân dân Việt Nam Cộng Hòa còn đấu tranh để khôi phục những quyền lợi chính đáng của mình.

Kẻ xâm chiếm phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về mọi tình trạng căng thẳng có thể do đó mà có.

Trong dịp này, Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa cũng long trọng tái xác nhận chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa trên những hải đảo nằm ở ngoài khơi bờ biển Trung Phần và bờ biển Nam Phần Việt Nam, từ trước tới nay vẫn được coi là một phần lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa căn cứ trên những dữ kiện địa lý, lịch sử, pháp lý và thực tại không chối cãi được.

Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa cương quyết bảo vệ chủ quyền quốc gia trên những đảo ấy bằng mọi cách.

Trung thành với chánh sách hòa bình cố hữu của mình, Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa sẵn sàng giải quyết bằng đường lối thương lượng những vụ tranh chấp quốc tế có thể xảy ra về những hải đảo ấy, nhưng nhất định không vì thế mà từ bỏ chủ quyền của Việt Nam Cộng Hòa trên những phần đất này.

Làm tại Sài Gòn, ngày 14 tháng 2 năm 1974.
(Nguồn: Tập san Sử Địa, tập 29 từ Blog Nguyễn Xuân Diện)

bỏ trường mà đi

Những khuôn mặt ấy thơ ngây lắm
má hồng mất sáng với môi tươi
đầu năm khai giảng vào trong lớp
rạng rỡ bao nhiêu những nụ cười.

Không thể ném vào trong lửa đỏ
những đầu xanh tóc tuổi đôi mươi
không thể an thân mà đồng lõa
làm nát tan đi những mộng đời.

Mấy năm giảng những điều gian dối
những bài rỗng tuếch những khoa trương
thôi thì bỏ lớp xa trường vậy
là bỏ đời ta nghĩa đá vàng.
Ta đi buổi ấy mù tăm tối
trời thẳm đất dày thương lắm thay
xứ lạ biết chi mà ngóng đợi
biết có qua cơn sóng gió này?

Xứ lạ. Tàn dần bao mộng ước
áo cơm mòn mỗi tháng năm trôi
đôi khi dừng lại nhìn xuôi ngược
tuổi già trần trở bóng chiều rơi.

Những cánh chim xưa đã lạc bầy
chợt nghe riu rít ở quanh đây
gọi nhau soải cánh bay về tổ
tình vẫn tình xưa nghĩa vẫn đây.

Những học trò ta cũng chớm già
cũng nhiều dâu biển cũng phôi pha
trong cơn hồng thủy tang thương ấy
tàn nhẫn bao nhiêu trận gió mưa.

Thôi cùng quên hết điều oan trái
mừng ta còn được gặp nhau đây
chở trên cánh nhỏ niềm vui mới
hàn huyền câu chuyện thuở xa bầy...

Cung Vĩnh Viễn

chính trị là gì?

Huỳnh Thục Vỹ

Thỉnh thoảng tôi tự hỏi rằng mình có nên tiếp tục viết về đề tài chính trị chẳng? Đối với nhiều người, chính trị có vẻ như là một vấn đề quá lớn lao - điều mà thường không dành cho những người còn quá trẻ. Mặc dù có nhiều người chia sẻ với tôi, nhưng cũng không ít người cho rằng tôi không nên đi sâu vào đề tài này vì rằng những gì tôi đã viết có vẻ như không xuất phát từ một cái đầu của con bé hai mươi lăm tuổi. Tôi đã suy nghĩ rất nhiều và tự hỏi rằng chính trị có phải chẳng là một miền tri thức và lĩnh vực hoạt động chỉ dành cho các chính trị gia chuyên nghiệp hoặc ít ra cũng là dành cho các bậc trưởng thượng?!

1/ Những biểu hiện tiêu cực của chính trị

Lúc nhỏ khi vẫn còn là một cô bé con, trong đầu óc mơ hồ của tôi, chính trị là một cái gì đó rất phức tạp và nguy hiểm, nó làm mỗi trí nghĩ của những người không chuyên và rằng chính trị là ấu trĩ, là phiêu lưu, là cực đoan, là “bẻ gãy chống trời”. Vì cuộc sống của gia đình tôi đã bị đẩy vào tình trạng cực kỳ tồi tệ sau cái bản án “chính trị phạm” mà nhà cầm quyền đã tuyên cho ba tôi. Chính trị là cái gì, làm sao nó tốt đẹp được trong khi người ta dùng nó để đẩy dọa con người đến chỗ khốn cùng và có thể là đến cái chết?!

Lớn lên chút nữa, tôi mang vào tâm trí ngây thơ của mình những cuộc tranh giành quyền lực, những cuộc đổi thay triều đại đẫm máu trên khắp thế giới, đặc biệt là ở Trung Hoa và Liên Xô “thành trì xã hội chủ nghĩa” qua những trang sử tan tóc. Tôi thực sự cảm thấy hãi hùng về cái cách mà con người đối xử với nhau nhân danh chính trị.

Chúng ta vẫn nghĩ rằng làm chính trị là mua bán đổi chác (kể cả què hương đất nước) để thủ lợi cho riêng mình hay cho phe nhóm của mình nhưng lại nhân danh những lý tưởng cao quý.... Ví như việc hàng triệu thanh niên thiếu nữ miền Bắc ruột thịt đã được động viên nhân danh ý thức hệ và “lòng yêu nước” của những người cộng sản để rồi tiến vào miền Nam

giao chết chóc tan thương thực tế chỉ để phục vụ cho mưu đồ quyền lực của một nhóm nhỏ người lãnh đạo.... Trong cái trí nghĩ non nớt của tôi và có lẽ cũng là của biết bao bạn trẻ khác đây cảm giác sợ hãi và ghê tởm chính trị.

Trong chương trình đại học, chúng tôi được dạy rằng Nhà nước ra đời từ một xã hội có các giai cấp mâu thuẫn đối kháng nhau, là một tổ chức đặc biệt do giai cấp thống trị sử dụng để tổ chức và thực hiện quyền lực chính trị của giai cấp mình. Và rằng chính trị là hoạt động liên quan đến quyền lợi giai cấp, dân tộc, quốc gia và xoay quanh một vấn đề trung tâm là giành, giữ và sử dụng quyền lực Nhà nước. Từ những hiểu biết đó, bao thanh niên Việt Nam thường có cảm giác bất an khi đề cập đến chính trị, đến nỗi nếu có ai đó muốn khẳng định mình “tốt đẹp” thì người đó phải chứng minh rằng mình không quan tâm, không dính dáng gì đến chính trị vì chính trị là hoạt động của những kẻ đầy dã tâm, là “kẻ thù giai cấp”.

Và gần đây những vụ án chính trị xảy ra liên tiếp ở Việt Nam trong giai đoạn từ khi bắt đầu thế kỷ 21 đến nay mà nhà cầm quyền sử dụng hết công suất những phương tiện truyền thông đại chúng để bêu riếu, hạ nhục những con người yêu nước, tô vẽ họ như những nhân vật “bất hảo”, kẻ thù của dân tộc như Linh mục Nguyễn Văn Lý, luật sư Nguyễn Văn Đài, luật sư Lê Thị Công Nhân. Nhà cầm quyền Việt Nam với những ưu thế của mình (một thứ ưu thế bất công) đã chụp lên đầu những nhà hoạt động dân chủ này những tên gọi khủng khiếp làm cho những ai thiếu thông tin (nhất là những người trẻ) hoảng sợ, và không ít người có một cái nhìn ngờ vực, khó hiểu về những con người cao quý này; làm cho họ hoài nghi không dám tin vào bất cứ điều gì cao đẹp.

Từ cuối năm 2010 đến nay, nhà cầm quyền VN siết chặt vòng kiểm tỏa đối với trang mạng xã hội Facebook, vậy là nhiều người đã lên tiếng đổ lỗi cho những ai bàn đến vấn đề chính trị: “Nếu các người không bàn đến chính trị thì sao người ta phải chặn Facebook, làm ảnh hưởng đến cả chúng tôi?”. Và rằng mỗi khi có ai bức xúc lên tiếng chỉ trích, phê phán nhà cầm quyền thì liền bị cho là “những kẻ ăn khoai lang mà bàn chuyện quốc gia đại sự”. Chúng ta nhận thấy rõ ràng một sự từ chối thẳng thừng từ đại đa số người dân đối với vấn đề chính trị. Nó trở thành vấn đề nhạy cảm không chỉ bởi khi đề cập

đến nó anh sẽ “khó sống” mà còn bởi người ta muốn khẳng định mình là người con người trong sáng, bình dị, đôn giản và không có tham vọng. Tôi từng nghe nhiều người bạn nói không thích chính trị vì chính trị là xảo trá và chính trị gia là những kẻ khốn nạn.

Hôm nay, tôi viết bài này mong đưa ra một vài ý kiến khải dĩ để ủng hộ cho chính trị (kể cả những người hoạt động chính trị của các tổ chức, đảng phái và những người chỉ có bày tỏ một thái độ chính trị) trước sự chối bỏ của mọi người và cũng nhằm tạo sự chính danh và một căn bản đạo đức cho những ai đã, đang và sẽ bàn luận và hoạt động về chính trị.

2/ Hai quan điểm lý luận khác nhau về chính trị

Từ “chính trị” có lẽ được nhắc đến lần đầu tiên trong lịch sử nhân loại bởi Aristotle-một triết gia Hi Lạp cổ đại, đặc biệt nó còn là tựa đề cho một tác phẩm nổi tiếng và nhiều ảnh hưởng của ông –cuốn “Politics” (Chính trị luận). Tuy nhiên từ “Chính trị” và các vấn đề chính trị cơ bản như quyền lực và tổ chức nhà nước đã được tiếp cận bởi các triết gia khác như Khổng Tử, Plato.... Dù Aristotle đã khẳng định con người là động vật chính trị, mọi công dân có đạo đức (không có nô lệ và phụ nữ) đều có quyền tham gia chính trị, nhưng một điểm chung lớn trong lý luận của các triết gia cổ đại này là quyền lực chính trị tốt nhất nên được nắm giữ bởi những ông vua thông thái! Vì thế chính trị ở đây có nghĩa là nghệ thuật cai trị và quản lý thành bang của một nhà lãnh đạo lỗi lạc, xuất chúng hay là Khoa học giành và nắm giữ vương quyền cha truyền con nối trong thiên hạ. Dưới nhãn quan này đại bộ phận dân chúng bị gạt ra bên lề của các cuộc chơi chính trị. Rồi khi có được quyền lực trong tay những kẻ cầm quyền đã tạo nên bao nhiêu sự tha hóa, mục ruỗng trong bộ máy lãnh đạo và bao nhiêu vấn nạn quốc gia mà hậu quả của tất cả vấn đề này đổ cả lên đầu người dân. Từ đó mặc nhiên chính trị được hiểu như một thứ xấu xa, là đặc quyền của kẻ thống trị, đối kháng với lợi ích và cuộc sống bình dị của người dân.

Nhưng nền văn minh nhân loại đã bước qua một trang mới hoàn toàn khác, cùng với sự ra đời của nhiều luận thuyết cổ vũ cho chủ nghĩa tự do. Mà một sự cổ vũ to lớn cho lý tưởng này là sự ra đời của một nhà nước hiến pháp đầu tiên trên thế giới-nhà nước Mỹ. Từ đây cả thế giới làm quen với một lý thuyết hoàn toàn mới về nguồn gốc và bản chất của Nhà nước, rằng nhà nước không phải là một thế lực thống trị xã hội mà chính là một tổ chức quyền lực công, được người dân trao cho quyền lực để đổi lại họ

được sống dưới sự bảo vệ của Nhà nước và một trật tự luật pháp do Nhà nước ban hành (luật pháp không trái với đạo đức và luân lý); và rằng quyền lực chính trị đó không thể là quyền lực tuyệt đối vì “quyền lực có xu hướng tha hóa, quyền lực tuyệt đối dẫn đến tha hóa tuyệt đối” (Lord Acton). Dưới nhãn quan triết học này, quyền lực chính trị xuất phát từ dân chúng, nó được tạo lập để phục vụ xã hội. Chính trị là nghệ thuật hay khoa học vận hành và quản lý xã hội bằng quyền lực Nhà nước nhưng nó phải bị hạn chế bằng luật pháp và được giám sát bởi người dân thông qua các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, tôn giáo. Như vậy người dân mọi thành phần có đủ tư cách để tham gia gián tiếp vào nền chính trị quốc gia bằng những hoạt động xã hội cụ thể của mình; quyền tự do báo chí cho phép người dân phát biểu quan điểm của mình đối với tất cả các vấn đề của quốc gia; hơn nữa mọi công dân đủ tuổi chuẩn pháp quy đều có khả năng tham gia vào hoạt động quản lý Nhà nước một cách trực tiếp. Từ nay chính trị chẳng còn là vương quyền cha truyền con nối, cũng chẳng còn là đặc quyền của những người thuộc tầng lớp quý tộc.

3/ Thái độ và hành động của chúng ta

Chúng ta đã từng gán ghép cho chính trị những đặc tính tiêu cực. Chính trị chỉ là một thiết chế do con người tạo ra. Con người không hoàn hảo và đặc biệt là luôn tư lợi nên quyền lực chính trị luôn dễ bị lạm dụng. Xa lánh và căm ghét chính trị không phải là thái độ tích cực, chúng ta cần thiết nhận ra rằng điều duy nhất chúng ta có thể làm được đó là tạo lập một cơ chế vận hành mà ở đó người lãnh đạo dù chẳng phải là con chiên ngoan đạo của Chúa Jesus, cũng không phải là một tín đồ Phật giáo thuần thành thì anh ta cũng không dám làm những việc đi ngược với lợi ích nhân dân.

Đến nay, lý tưởng tự do dân chủ đã trở thành một giá trị phổ quát toàn cầu. Vì những giá trị lý luận và thực tiễn không thể chối bỏ của nó trong hệ thống chính trị quốc gia nói riêng và trong việc thăng tiến nền văn minh nhân loại nói chung, ngày nay khắp thế giới người ta tung hô nó, nhân danh nó. Ngay cả những tên độc tài cũng cố gắng tổ chức những cuộc bầu cử hoành tráng. Bởi sự thắng thế của quan điểm triết học theo chủ nghĩa tự do như đã nói trên, nên dù có lý luận thế nào chúng ta cũng không thể phủ nhận sự cần thiết và chính danh của việc tham gia vào sinh hoạt chính trị của mọi tầng lớp nhân dân. Tôi trao quyền cho anh thì tôi phải có quyền kiểm soát anh, tôi phải được biết anh làm gì và làm như thế nào với quyền lực đó. Còn nếu như anh nói anh

đã cướp được chính quyền từ tay ngoại bang thì anh muốn hành xử thế nào cũng được thì chính anh đã khẳng định mình là một tên cướp. Chúng ta-những người dân thường trao quyền cho họ rồi cứ để họ làm gì thì làm, chà đạp lên quyền làm chủ, phủ nhận quyền tự do và phẩm giá của chúng ta thì chúng ta có khác gì những người nô lệ bán mình vô điều kiện cho chủ nô?!

Từ lúc sinh ra, cuộc sống của chúng ta đã được định hình, chúng ta mặc nhiên nhận lãnh vào mình một phần trách nhiệm đối với quá khứ, hiện tại và cả tương lai. Chúng ta khép mình vào một trật tự chung của xã hội. Tất cả mọi sinh hoạt của chúng ta đều liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến chính trị. Bạn nghĩ là bạn tâng lờ đi thì chính trị nó không chạm được vào cuộc sống của bạn sao? Dù bạn có ý thức được hay không, có chấp nhận hay không, khi bạn là một thành viên của một cộng đồng người sống dưới sự cai quản của một tổ chức mang quyền lực Nhà nước thì tất tần tật mọi thứ trong cuộc sống của bạn không thể tránh khỏi ảnh hưởng của nền chính trị. Vì thế cứ lặng im, mặc cho kẻ cầm quyền lộng hành chính là chúng ta đã “giao trứng cho ác”, chúng ta đã tự nguyện khoán trắng cuộc sống và tương lai của chúng ta cho những kẻ chẳng ra gì. Vậy chúng ta đã thật sự làm chủ và có trách nhiệm đối với chính cuộc sống chúng ta chưa?! Trong bài này, tôi không muốn nhân danh Tổ quốc, dân tộc nữa, tôi muốn nhân danh cuộc sống của chính tôi để khẳng định rằng tôi và mọi người dân Việt Nam có quyền tham gia chính trị, không phải để trở thành ông nợ bà kia mà để đảm bảo cho xã hội phát triển theo xu hướng tích cực vì lợi ích trước mắt và lâu dài của tất cả chúng ta, để ngăn chặn kẻ cầm quyền không đưa cả dân tộc trong đó có chúng ta đến bờ vực. Chúng ta có tư cách để ít nhất là có thể bàn về chính trị nhằm mưu cầu một cuộc sống tự do, sung túc và an ninh với tất cả phẩm giá con người.

Thay cho lời kết, tôi muốn nhấn nhủ rằng nếu bạn chối bỏ chính trị rồi có ngày bạn sẽ hối hận vì điều đó. Nếu bạn không sợ hãi, không lo lắng cho an ninh của bản thân và gia đình thì mọi lúc mọi nơi bạn luôn có thể bàn về chính trị với một sự tự tin rằng bạn là chủ thể của quyền lực Nhà nước, bạn tham gia bàn bạc và thực hiện các quyền chính trị là để thúc đẩy tiến bộ và phúc lợi xã hội. Đừng sợ hãi trước những cáo buộc của người khác rằng chính trị không dành cho bạn và chính trị là khốn nạn hay nghiêm trọng hơn là “phản động”. Thực hiện các quyền chính trị tức là bạn đã làm trách nhiệm công dân; phơi bày và phê phán những xấu xa của nhà

cầm quyền là biểu hiện của tinh thần trách nhiệm; lên tiếng cổ vũ cho tự do dân chủ là một hành vi cụ thể của lòng yêu nước.

© Huỳnh Thục Vy (nguồn © Đàn Chim Việt)



nghĩ về quê nghèo trong lũ

Người Dân

[07.10.2010 23:35 - Nhịp Cầu Thế Giới Online]

(NCTG) “Trong những thời khắc nhất định, cách ứng xử của chính khách có tầm quan trọng rất lớn đến niềm tin của người dân đặt vào họ và vào những gì họ nói, họ làm”.

PIC. Những cánh tay trở mái nhà kêu cứu ở huyện Bố Trạch (Quảng Bình) khi canô cứu nạn đi qua - Ảnh: Hữu Khá (“Tuổi Trẻ”)

1. “Làng tôi không xa kinh kỳ sáng chói

Có những cánh đồng cát dài
 Có lũy tre già tả tơi
 Ruộng khô có những ông già rách vai
 Cuộc đất bên đàn trẻ gầy
 Có người bừa thay trâu cày

Bình minh khi sương rơi mờ trên rẫy
 Thấp thoáng bóng người bên ngòi
 Tát nước với giọt mồ hôi
 Chiều rơi thoi thóp trên vại lúống khoai
 Hiu hắt tiếng bà mẹ cười
 Vui vì nổi cơm ngô đầy...

Bao giờ cho lúa được mùa luôn, lúa ơi
 Để cho cô con gái không buồn vì gió Đông
 Bao giờ cho lúa về đầy sân, hỡi em
 Để cho anh trai trắng được gần người gái quê.

Làng tôi luôn luôn vươn vãi đám khói
 Những mái tranh buồn nhớ người
 Xơ xác điều tàn vì ai
 Nửa đêm thanh vắng không một bóng trai
 Có tiếng o nghèo thở dài
 Vỗ về trẻ thơ bụi ngùi

Từ khi đau thương lan tràn sông núi
 Quê cũ đã nghèo lắm rồi
 Thêm đói thêm sầu mà thôi
 Nằm mơ, mơ thấy trăm họ tốt tươi
 Mơ thấy bên lề cuộc đời
 Áo dài đùa trong nắng cười...

Bao giờ em trở lại vườn dâu, hỡi em
 Để cho anh bắc gổ, xây nhịp cầu (anh) bước sang
 Bao giờ cho nối lại tình thương, hỡi ai
 Để em ra bến vắng, đón người người chiến binh”

(“Quê nghèo”, Phạm Duy, 1948)

Sáu mươi hai năm trước, trong chuyến công tác về miền Trung, qua tỉnh Quảng Bình, nhạc sĩ Phạm Duy có bộ “tam bình” thần sầu và để đời về cảnh quê hương điêu tàn trong chiến chinh: “Về miền Trung”, “Bà mẹ Gio Linh” và “Quê nghèo”.

Bao năm trôi qua, quê hương đã “sạch bóng thù”, nhưng cứ mỗi lần nghe tin bão lũ ở miền Trung, mở lại bản “Quê nghèo”, tôi lại không sao cầm được lòng mình. Cho dù, gia đình tôi dường như không có thân nhân ở vùng đó, nhưng tôi có không ít bạn bè, thân hữu ra đi từ mảnh đất “cày lên sỏi đá” ấy...

Miền Trung vẫn nghèo, và đói lắm, kể cả khi không có thiên tai...

2. Sáng nay, vừa tỉnh dậy, mở máy tính, tôi nhận được một lá thư như sau:

“SOS - Kêu gọi Chính phủ tập trung cứu dân!

Thưa các bác, các cô chú,

Thưa các anh chị, các bạn,

Bắc Trung Bộ đang đối mặt với trận lũ lớn nhất từ năm 1992 đến nay.

Thiệt hại về người mỗi ngày một tăng; từ 27 người theo báo cáo ngày 5-10, đến chiều tối 6-10 đã lên đến 48 người.

Tình hình vẫn còn đang rất nguy ngập, bởi hồ chứa nước của thủy điện Hồ Hô, Hà Tĩnh nay trở thành túi nước khổng lồ và có nguy cơ bị vỡ; trong khi có đến 17 xã và 16.000 hộ dân trong khu vực này bị chia cắt, không đi lại được.

Bằng thông điệp này, chúng ta kiến nghị Chính phủ tập trung trực thăng cứu hộ, đưa đồng bào ra khỏi nguy cơ hiểm họa. Nếu cần, Chính phủ nên dừng màn trình diễn máy bay trong dịp lễ 1.000 năm Thăng Long, đưa ngay các phương tiện cần thiết vào Bắc Trung Bộ để cứu dân.

Nếu các bác, các cô chú, các anh chị, các bạn cùng suy nghĩ với tôi, hãy chuyển tiếp thông điệp này đến tất cả người thân và những người có trách nhiệm, đến báo chí. Mỗi người hãy giúp chuyển tải nhanh kiến nghị này lên những người có trách nhiệm để kịp thời hành động.

Nguy cơ là thật, rất rõ ràng. Chính phủ cần phải được cảnh báo để có ngay hành động thích hợp với tình hình.

Thân ái”

Thư được ký bằng cái tên quen quen và gửi chung cho nhiều người từng học tập, công tác tại Hungary. Ngờ ngợ, tôi hỏi lại, hóa ra của một cựu DHS Việt Nam bên này, hiện làm việc tại TP HCM.

Rốt cục, tôi đã không gửi lá thư đi cho ai. Thảm họa sờ sờ, nhỡn tiền, Chính phủ làm gì không biết, Nhà nước lẽ nào không hay, mà phải “cảnh báo”, “kiến nghị”? Có điều, “the show must go on”, Đại lễ không thể bị ảnh hưởng, cho dù nổ ở Mỹ Đình, lũ ở miền Trung.

Mặc “Tuổi Trẻ” đau đớn “Khắc khoải miền Trung: Chẳng còn gì ngoài nước mênh mông”, mặc “Dân Việt” suy tư “Xem Đại lễ, thương người miền Trung”, mặc “Đất Việt” cảnh báo “Rốn lũ Quảng Bình: Người chết, mất tích tăng từng giờ”, mặc “VietNamNet” kêu thương “Miền Trung đói lả sau lũ” và mặc “Sài Gòn Tiếp Thị” báo tin “Đã có 75 người chết và mất tích vì mưa lũ ở miền Trung”,

nhưng dường như các vị lãnh đạo, các quan chức “ta” vẫn ung dung “bận” hội họp, ăn mừng “ngàn năm” linh đình.

Ở cấp cao nhất của Chính phủ, mới chỉ có động thái của Thủ tướng, gửi “công điện khẩn yêu cầu UBND các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Thừa Thiên-Huế ứng ngân sách địa phương để mua mì tôm, nước uống đóng chai để cứu trợ cho dân vùng ngập lũ”. Quá ít, và quá “nhẹ nhàng” so với tình thế khẩn cấp đang xảy ra...

3. Thái độ bàng quan, vô cảm ấy của một bộ phận không nhỏ chính giới - như không ít lần trong những năm gần đây - đã gặp phải phản ứng bất bình của giới blogger.

“Không có đất nước nào lại đi nhảy múa hò reo, bắn pháo hoa làm lễ hội giữa lúc hàng chục vạn ngôi nhà đang chìm trong lũ, gần 50 người chết và hàng vạn sinh mạng đang cầu cứu” - blogger, nhà báo Trương Duy Nhất, phần uất trong entry “Đại lễ buồn”. Bởi lẽ, trước đó, anh đã kỳ vọng... quá lớn, đã lạc quan quá... tếu khi nghĩ:

“Cứ tưởng sau sự cố nổ hôm qua, chương trình pháo hoa nghìn năm sẽ hủy. Nhưng không, chẳng những không hủy, mà còn tức tốc chi thêm tiền nhập pháo. Cứ tưởng sẽ có thêm những chiếc trực thăng bay về cứu dân vùng lũ. Nhưng không, khi ông Bí thư Quảng Bình gào xin như van lạy mới có được 2 chiếc trực thăng bay về cứu dân. Trong khi 10 chiếc trực thăng khác lại đang được tập trung cho việc tập dượt kéo mấy lá cờ duyệt binh mừng đại lễ nghìn năm”.

Còn blogger, GS. TS. Nguyễn Văn Tuấn thì cảm thấy “khó hiểu” khi đặt câu hỏi: “Chẳng lẽ cả xã hội đều vô cảm như thế sao?”. Lý do là vì ông thấy “lãnh đạo chẳng có động thái nào để tỏ ra mình quan tâm đến những đồng hương đang chịu đau khổ”:

“Các bác cao cấp thì đang công du nước ngoài. Bác cao cấp khác đang ở trong nước thì chưa thấy nói gì. Hay có nói gì nhưng chỉ là... chỉ thị. Cấp trung ương chỉ thị cấp tỉnh, cấp tỉnh chỉ thị cho cấp huyện, huyện chỉ thị cho xã, và đây chuyên chỉ thị cứ thế mà tiếp diễn. Thật ra, hình như ở Việt Nam ta đã hình thành “văn hóa chỉ thị”, chứ không có “văn hóa làm”. Lãnh đạo cấp tỉnh đi thị sát tình hình mà giống như là đi... du lịch”.

Nhưng có lẽ, cảm động nhất và ấn tượng nhất đối với tôi là khi đọc bài “Miền Trung hỏi Hà Nội có mưa không?” của Trần Hồng Hiếu, với hình ảnh một

miền Trung cam chịu trong đau thương, “sống chung với bão lũ lâu rồi cũng thành quen, không thấy khổ nữa, nhưng sao vẫn thấy thương quê mình”:

“Người Hà Nội mong mùa thu về để ngắm nắng vàng, băng khuâng cùng gió heo may. Miền Trung quê mình, mùa thu về thì lo bão lũ. Nhưng cũng mừng, rứa (thế) là Hà Nội không sao. Hà Nội vẫn tổ chức được đại lễ. Phải rứa chứ, nghìn năm có một mà!”.

“Hà Nội ơi, mưa sẽ thuận, gió sẽ hòa để Hà Nội tổ chức thành công đại lễ như một sự tôn vinh những giá trị văn hóa tinh thần cả dân tộc. Miền Trung bão lũ quen rồi, giờ sống chung với nó. Mà nếu có giống như ai đó nói đùa: Miền Trung gánh bão cho Hà Nội đẹp trời mừng đại lễ thì người miền Trung sẽ không chần chừ, vì Hà Nội là “trái tim của cả nước”, là niềm tự hào của cả dân tộc”.

Và những lời nhắn gửi Hà Nội động lòng: “Quảng Bình cũng đã kịp gửi những người con ưu tú nhất, đó là những người anh hùng, mẹ Việt Nam anh hùng ra Thủ đô dự Đại lễ. Nếu có nhắn gửi gì thì là thủ đô hãy vì cả nước, làm cho thế giới biết văn hóa Việt, tâm hồn Việt không chỉ là trầm tích. Và đừng lãng phí vì miền Trung còn bão lũ, dân mình nhiều nơi còn thiếu đói...”.

4. Hungary, xứ sở chúng tôi đang cư ngụ, còn rất nghèo. Thế nên, chưa bao giờ họ dám tổ chức cái gì thật xa xỉ, thật “sang trọng”, “hoàng tráng” như ở ta. Kể cả những dịp trọng đại, như dịp kỷ niệm nửa thế kỷ cuộc cách mạng dân chủ 1956, một trong những sự kiện lịch sử quan trọng nhất của thế kỷ XX.

Trong năm nay, Hungary cũng gặp nhiều thiên tai, bão lụt. Ngày Quốc khánh 20-8, kỷ niệm 1010 năm ngày lập quốc, đã được tiến hành trên tinh thần chừng mực, đoàn kết và từ thiện. Tổng chi phí cho ngày đại lễ ấy (150 triệu USD, tức chừng 750 ngàn USD) chỉ bằng phân nửa chi phí các năm trước, phần tiết kiệm được sẽ được dùng để hỗ trợ những vùng bị thiên tai, lũ lụt.

Cách đây 4 năm, cũng trong lễ hội pháo hoa mừng Quốc khánh 20-8, lốc bão đến bất ngờ gây nhiều thiệt hại về người và của. Chính phủ Hungary cũng quyết định tự nguyện bỏ ra chừng 1,5 triệu USD để bồi thường cho mọi nạn nhân và tuyên bố năm nay không bắn pháo hoa nếu sức gió mạnh hơn 45km/h. Không thấy họ đưa ra bàn bạc các giải pháp tốn kém như bắn mây, hoặc tìm cách “chạy” những “phương án phụ” phung phí tiền thuế của dân!

Gần đây nhất, chỉ vài giờ sau khi tai nạn bùn đỏ khủng khiếp xảy ra, các quan chức cấp cao như Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Quốc phòng, Bộ trưởng Nội vụ, Cục trưởng Cục Phòng chống Thiên tai Quốc gia đã lần lượt xuống ngay hiện trường để chỉ đạo công tác khắc phục. Thủ tướng Hungary cũng có chuyến thị sát tại ngôi làng bị bùn đỏ khai tử ngay sau khi làng được mở cửa sau thảm họa sinh thái.

Nhìn các vị lãnh đạo nước bạn đi ủng và ăn vận trang phục bình dị, nét mặt đầy âu lo trong chuyến kiểm tra thực địa, và thái độ cương quyết đứng về phía dân, lên án doanh nghiệp tặc trách và tự nhận bốn phần tối thượng lo cho dân về phía Chính phủ, những cử tri bi quan nhất, hay ngờ vực nhất cũng có thể tạm gác suy nghĩ cho rằng, chính trị là bẩn thỉu, là dối lừa, là mỵ dân.

Bởi lẽ, trong những thời khắc nhất định, cách ứng xử của chính khách có tầm quan trọng rất lớn đến niềm tin của người dân đặt vào họ và vào những gì họ nói, họ làm.

* * *

“Làm sao để tránh thiệt hại cho dân khi bão lũ bất ngờ? Bài toán ấy lâu rồi vẫn chưa có lời giải?!... Khuya lắm rồi, ngoài trời mưa vẫn không ngừng rơi... miền Trung ơi...”, Trần Trung Hiếu đặt câu hỏi và cảm thán trong đoạn kết của bài viết nghẹn ngào.

Lời giải đáp, ai cũng biết, rất khó và còn có thể phải chờ nhiều thế hệ nữa, nhiều Ngô Bảo Châu tiếp tới trong khoa học và công tác quản lý.

Nhưng, trước cảnh người dân tự lo cho nhau, tự hào quyên góp, tự vận động ủng hộ, bất chấp khả năng một phần những đồng tiền ấy có thể bị bên “trung gian” ăn chặn giữa đường, giới chính khách ta có biết nhìn lại mình?

Có biết nghĩ và biết đau, khi quê ta còn nghèo lắm?

Người Dân

... Trong quá khứ lịch sử, khi toàn dân cùng đứng lên chống ngoại xâm, thì lãnh thổ toàn vẹn, chủ quyền thiết lập, độc lập dân tộc hoàn thành, văn hiến phát huy. Quy luật tối hậu này mãi mãi là tư tưởng chỉ đạo nhằm bảo vệ chủ quyền và văn hóa dân tộc, bảo vệ tự do, no ấm và hạnh phúc cho nhân dân....

(Trích Tuyên Cáo về Trường-Hoàng Sa của VHD)

bài blog cuối cùng của năm 2010.

Việt Nam-bao giờ cho đến ngày vui?

Song Chi.

Năm 2010 sắp đi qua.

Thập niên thứ nhất của thế kỷ XXI sắp trôi qua.

Một năm đối với một đời người không phải là dài cũng không ngắn, còn đối với một quốc gia tưởng chừng như không đáng kể. Tuy vậy nhưng một năm cũng đủ để cho một quốc gia như Việt Nam có thể giải quyết bao nhiêu bài toán khó, bước được những bước đi dài về phía trước, hay bằng một cú rẽ dứt khoát, thoát khỏi những sai lầm vẫn tồn tại suốt mấy chục năm làm cho đất nước và dân tộc không ngóc đầu lên nổi. Ngược lại, cũng một năm đó thôi, nhưng với những sai lầm nối tiếp sai lầm, sẽ thêm một lần làm lỡ chuyến tàu hội nhập vào thế giới tự do dân chủ toàn cầu, kéo lùi đất nước tụt hậu thêm vài thập niên nữa, và đẩy số phận của dân tộc đến gần hơn với nỗi ám ảnh về sự lặp lại của một ngàn năm Bắc thuộc cũ...

Trong những ngày cuối cùng của năm 2010 này, đọng lại trong lòng những người Việt Nam ưu tư với vận mệnh của đất nước vẫn là nỗi buồn nhiều hơn vui.

Buồn vì con đường đi của Việt Nam trước mắt vẫn không có gì thay đổi. Đại hội Đảng cộng sản lần thứ XI sắp diễn ra nhưng nhìn vào những khuôn mặt lãnh đạo của nhiệm kỳ tới cũng như bản dự thảo đề cương đại hội Đảng, hoàn toàn không có hy vọng gì. Một lần nữa dân tộc này lại tiếp tục nhờ tào, như cách nói của nhà văn Võ Thị Hảo. Mà trong thời đại này, lẽ thêm một nhiệm kỳ 5 năm là đủ để cho rất nhiều chuyện có thể xảy ra và khoảng cách giữa Việt Nam và các nước càng thêm vời vợi, trong khi

mối quan hệ giữa Việt Nam với Trung Quốc sẽ càng khó gỡ... Số phận của Việt Nam như thế là vẫn chưa có gì sáng sủa hơn.

Buồn vì người dân Việt Nam vẫn còn khốn khổ quá, chưa biết đến bao giờ mới được sống trong một đất nước thật sự tự do, dân chủ, một môi trường sống an toàn, văn minh, ở đó luật pháp, quyền con người cũng như các giá trị đạo đức, nhân văn được thật sự tôn trọng.

Khép lại năm 2010, với nhiều người nông dân nghèo Việt Nam ở khắp mọi miền đất nước, tiếp tục là những vụ xô xát, biểu tình, khiếu kiện vì bị cưỡng chiếm đất đai. Xin được dành bài viết cuối cùng trong năm 2010 trên blog này để nhớ về những người nông dân chịu nhiều oan ức, thiệt thòi mà một trong những vụ lớn nhất xảy ra gần đây là vào ngày 20, 21.12 tại huyện Vụ Bản, Nam Định. Không chỉ sử dụng giới công an, lần đầu tiên nhà nước Việt Nam đã huy động cả quân đội đàn áp nhân dân để cướp đất. Những hình ảnh, chi tiết về việc này đã được một số trang mạng “lề trái”, như Nữ vương công lý, Dân làm báo...và báo chí bên ngoài đưa lên đầy đủ, chi tiết. Cả một lực lượng hùng hậu từ quân đội, cảnh sát cơ động, công an các loại...bảo vệ cho một đoàn máy xúc, máy ủi tiến hành san lấp mặt bằng trong nỗi uất ức, bất lực của người dân!

Năm 2010 với giai cấp công nhân Việt Nam tiếp tục là cuộc sống thất lung buộc bụng, vất vả chèo chống với đồng lương “còm côi” trong lúc lạm phát gia tăng, giá sinh hoạt leo thang từng ngày khiến cho đời sống người công nhân đã khổ càng khổ. Xin được dành bài viết cuối cùng trong năm 2010 này để nhớ về những người công nhân đã phải sống kiếp làm thuê ngay trên đất nước mình và đã phải đứng lên đình công vì lương tiền quá thấp, vì sự ngược đãi của chủ thuê lao động; mà điển hình là vụ đình công của hơn 10,000 công nhân tại nhà máy giày Tae Kwang Vina, khu công nghiệp Biên Hòa 2 và hơn 4000 công nhân công ty Namyang tại khu công nghiệp Amata, chuyên sản xuất sữa bột, sản phẩm dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ sơ sinh vào ngày 23.12 vừa qua. Tiếp nối hàng loạt vụ đình công có quy mô lớn của giới công nhân Việt Nam riêng trong năm 2010, như vụ đình công kéo dài nhiều ngày của 10,000 công nhân nhà máy Giày da Mỹ Phong (Trà Vinh) vào cuối tháng 1.2010 (theo BBC ngày 2.2.2010); cuộc đình công của 10,000 công nhân công ty Hưng Nghiệp cổ phần TNHH Pouchen VN (TP. Biên Hòa, Đồng Nai) kể từ ngày 2.4.2010 (theo Báo Tuổi trẻ ngày 2.4.2010); của hơn 7000 công

nhân thuộc Công ty cổ phần giày Duy Hưng (KCN Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương) ngày 17.12.2010 (theo VNExpress ngày 17.12.2010) v.v...

Xin được dành bài viết cuối cùng trong năm 2010 này để nhớ về đồng bào tôi ở miền Trung đã phải trải qua những cơn bão lũ dữ dội cướp đi hàng trăm sinh mạng và đẩy hàng ngàn con người vào cảnh mất sạch nhà cửa, tài sản, phải làm lại từ đầu... Đã bao nhiêu năm nay người dân miền Trung phải chịu cảnh sống chung với lũ, nước mắt không còn để khóc mỗi khi mùa lũ về, nổi cay đắng càng thêm đắng cay vì trong cái họa của thiên nhiên có cả nhân họa do nạn phá rừng bừa bãi, xây đập thủy điện bừa bãi và xả lũ vô tội vạ... Điều đáng nói là câu chuyện dài tang thương mùa lũ này năm nào cũng xảy ra, năm nào cũng mất nhà, có người chết, cũng phải cứu trợ nhưng rồi năm tới, mùa lũ sau...vẫn cứ lặp lại như thế.

Xin được dành bài viết cuối cùng trong năm 2010 này để chia sẻ với những người ngư dân bị tàu Trung Quốc bắt giữ, đánh chìm tàu, cướp hết tài sản, đòi tiền chuộc...nhưng nhà nước của họ thì không dám làm gì để bảo vệ họ ngoài việc lặp đi lặp lại những câu phản đối thông qua cái miệng của bà Nguyễn Phương Nga. Đồng thời xin chân thành gửi lời chúc mừng muộn đến những người may mắn thoát nạn hoặc được Trung Quốc thả ra như 9 ngư dân huyện Lý Sơn, Quảng Ngãi trong tháng 10.2010; những thủy thủ vì miếng cơm phải đi làm thuê xa cho tàu cá Nam Hàn và bị chìm tàu ở Nam Cực song đã may mắn sống sót trở về trong tháng 12 này, bên cạnh những người vĩnh viễn bỏ mình dưới lòng nước lạnh giá...

Xin được dành bài viết cuối cùng trong năm 2010 này để chúc mừng những người công nhân đem thân đi làm thuê ở xứ người cuối cùng cũng đã giành được công lý, trong vụ kiện hãng sản xuất đồ nhôm Spektra Alucast về tội buôn người có liên quan đến công nhân VN, khi công ty này chính thức bị cảnh sát Malaysia khởi tố nhờ sự can thiệp mạnh mẽ của tổ chức Camsa, Liên Minh Bài Trừ Nô Lệ Mới Ở Á Châu . Nhưng còn bao nhiêu công ty khác từ tổ chức giới thiệu, môi giới cho đến công ty/đơn vị chủ thuê lao động, thực chất là hoạt động buôn người thông qua chính sách xuất khẩu lao động công khai ở Việt Nam chưa phải ra tòa và đền bù cho những thiệt hại của người lao động?

Xin được dành bài viết cuối cùng trong năm 2010 này để chia sẻ với các nạn nhân của bao nhiêu vụ án oan sai, mà gần đây nhất là hai nữ sinh Thúy, Hằng

trong vụ án mua dâm và cưỡng dâm học trò tai tiếng ở tỉnh Hà Giang. Dù đã biết trước, dư luận vẫn không khỏi cay đắng cho kết quả mới nhất của vụ điều tra, khi hàng loạt quan chức bị điểm mặt chỉ tên trong danh sách mua dâm, kể cả ông Cựu Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang Nguyễn Trường Tô, tiếp tục được thoát vòng lao lý trong lúc hai nữ sinh, nạn nhân của vụ cưỡng dâm, mua dâm thì tiếp tục ngồi tù. Và còn biết bao phận người nhỏ bé khác đang khắc khoải chờ đợi được giải oan như 3 thanh niên tỉnh Hà Đông phải chịu tù oan 10 năm trời vì bản án hiếp dâm, một trong ba người còn vô tình bị nhiễm HIV trong thời gian ngồi tù vì sự ẩu tả vô trách nhiệm của các cán bộ y tế. Công lý nào cho những phận người vô cùng nhỏ mọn trên đất nước này?

Và còn đó linh hồn vất vưởng của những người dân bị chết oan trong những vụ bị công an dùng nhục hình tra khảo dẫn đến tử vong nhiều khi chỉ vì những tội danh rất nhỏ như chạy xe quên đội mũ bảo hiểm hay cãi vã, xô xát với hàng xóm, láng giềng... như anh Nguyễn Quốc Bảo, Hà Nội (tháng 1.2010), Nguyễn Mạnh Hùng, Hà Đông (tháng 3.2010), Võ Văn Khánh, tỉnh Quảng Nam (tháng 5.2010), Vũ Văn Hiền, tỉnh Thái Nguyên (tháng 7.2010)... Trong đó có những vụ người dân quá bức xúc đã nổi dậy biểu tình phản đối như vụ bạo loạn xảy ra tại Bắc Giang vào tháng 7.2010 với sự tham gia của hàng ngàn người xuất phát từ việc công an đánh chết một người thanh niên tên Nguyễn Văn Khương, chỉ vì... không đội mũ bảo hiểm; hay mới đây nhất, hàng trăm người dân An Giang đã mang xác một thanh niên tên Đen đặt trước trụ sở Công an phường Mỹ Bình, TP Long Xuyên để phản đối việc CA đánh chết người. Cả những vụ xô xát lớn hơn giữa người dân và chính quyền có liên quan đến đất đai như vụ công an nổ súng thẳng vào dân làm bị thương 1 người, chết 2 người trong đó có một thiếu niên 12 tuổi tên Lê Xuân Dũng (tháng 5.2010) tại công trường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa... Không thể kể hết.

Theo BBC Vietnamese ngày 23.9.2010 “Tổ chức Tổ chức theo dõi nhân quyền Human Rights Watch (HRW) vừa lên tiếng yêu cầu chính phủ Việt Nam điều tra các vụ cáo buộc công an hành xử tàn bạo với dân.

Tổ chức có trụ sở chính tại New York viết trong một thông cáo ra vào tối thứ Tư, rằng họ có trong tay tài liệu về 19 vụ bạo hành liên quan công an Việt Nam, trong đó 15 người chết, trong một năm qua. (BBC

Vietnamese ngày 23.9.2010)”. Con số này chắc chắn chưa phản ánh đúng thực tế.

Năm nay, quả đúng như blogger Mẹ Nấm, là năm “tung hoành” lập công của giới công an chỉ biết “còn Đảng, còn mình” trên cả hai mặt trận: đàn áp người dân và đánh phá các trang báo mạng “lề trái” với nhiều thành tích “xuất sắc”. Càng ngày người dân càng phải chứng kiến thói côn đồ, coi thường tính mạng con người của giới công an và thói côn đồ ấy lại không hề bị trừng phạt, hầu hết những vụ đánh chết dân đều chỉ xử qua loa hoặc bị chìm xuống. Không chỉ với những cá nhân trong những vụ việc đơn lẻ, khi xảy ra những vụ xô xát giữa chính quyền với nhân dân xung quanh những mâu thuẫn về đất đai, đền bù không thỏa đáng, giới công an đã luôn luôn chứng tỏ sự trung thành tuyệt đối với chế độ, sẵn sàng dùng bạo lực, thậm chí xả súng thẳng vào dân, nếu cần. Ngay cả quân đội cũng chỉ biết có Đảng, mà vụ việc tại Nam Định là minh chứng.

Xin được dành bài viết cuối cùng trong năm 2010 trên blog này để nhớ về những người đã lần lượt phải vào tù vì dám cất lên tiếng nói bất bình trước những bất công, sai trái trong xã hội, đòi tự do ngôn luận, đòi cải tổ hệ thống chính trị, những con người đã nói thay cho nỗi niềm của hàng triệu người khác nhưng đến lúc tai ương đổ xuống thì chỉ có mình họ và gia đình gánh chịu, trong đó có những người là bạn, là người quen và chưa quen của tôi: Lê Công Định, Nguyễn Tiến Trung, Trần Huỳnh Duy Thức, Lê Thăng Long, Nguyễn Văn Hải tức blogger Điều Cày, Phan Thanh Hải tức blogger Anh Ba SG, giảng viên Phạm Minh Hoàng tức blogger Phan Kiến Quốc, tiến sĩ luật Cù Huy Hà Vũ, ba người trẻ tuổi bảo vệ cho quyền lợi của dân oan và người công nhân: Nguyễn Hoàng Quốc Hùng, Đỗ Thị Minh Hạnh, Đoàn Nguyên Chương... và rất nhiều người khác nữa.

Họ đã nối tiếp thêm danh sách những người bất đồng chính kiến bị bắt ngày càng dài hơn ở Việt Nam: chỉ riêng giới luật sư đã có Nguyễn Văn Đài, Lê Thị Công Nhân, Nguyễn Bắc Truyển, Lê Quốc Quân, Nguyễn Thị Thùy Trang, Bùi Kim Thành, Lê Công Định, Lê Trần Luật, Phan Thanh Hải (tức blogger Anh BaSG, luật sư Cù Huy Hà Vũ... Bên cạnh đó là các vị tu hành, những người trí thức cho đến người dân bình thường: linh mục Nguyễn Văn Lý, hòa thượng Thích Quảng Độ, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, nhà văn Dương Thu Hương, bác sĩ Phạm Hồng Sơn, bộ ba trí thức trẻ gồm bác sĩ-luật sư-doanh nhân Lê Nguyên Sang, Nguyễn Bắc Truyển, và Huỳnh

Nguyên Đạo, nhà văn Trần Khải Thanh Thủy, nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa, nhà giáo Vũ Hùng, nhà báo Trương Minh Đức, cô Phạm Thanh Nghiên, anh Phạm Văn Trội, các anh Nguyễn Mạnh Sơn, Nguyễn Văn Túc, Nguyễn Hữu Tính, Nguyễn Kim Nhân, Ngô Quỳnh...

Và những người thường xuyên bị xách nhiễu, bị mời lên đồn thẩm vấn, bị gây khó dễ trong đời sống, nghề nghiệp... như nhà báo Hà Sĩ Phu, kỹ sư Đỗ Nam Hải, luật sư Lê Trần Luật, luật sư Lê Thị Công Nhân-người vẫn đang trong thời gian bị quản chế sau khi phải ngồi tù 3 năm rưỡi, vợ chồng blogger Uyên Vũ-Trăng Đêm, chị Dương Thị Tân vợ cũ của nhà báo Nguyễn Văn Hải tức blogger Điều Cày...

Việt Nam đất nước tôi dân tộc tôi.

Năm 2010 tiếp tục chứng kiến nhiều bước đi sai lầm của Đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam trong nhiều lĩnh vực khi ngoảnh mặt lưng từ những lời can gián, phản biện chí tình chí lý của đông đảo người dân từ việc tiếp tục dung dưỡng, cưng chiều các tập đoàn kinh tế quốc doanh bất chấp những vụ làm ăn thua lỗ nặng nề như Vinashin, vung tay chi tiêu hoang phí cho đại lễ 1000 năm Thăng Long-Hà Nội bất chấp kinh tế Việt Nam đang phải oằn lưng chống những gánh nợ nước ngoài và miền Trung thì đang lũ lụt, tang thương; việc cho các công ty nước ngoài thuê rừng tại các tỉnh biên giới phía Bắc, triển khai dự án khai thác Bauxite bất chấp bài học nhãn tiền từ vụ bùn đỏ ở Hungary hay vụ xây dựng đường sắt cao tốc dù đã bị Quốc hội bác bỏ nhưng vẫn cố mà làm cho bằng được...

Năm 2010, năm cuối cùng của thập niên thứ nhất thuộc thế kỷ XXI, lẽ ra đã có thể là cơ hội cho sự thay đổi ở Việt Nam trước nhiều sức ép và nhiều cơ hội. Sức ép từ những dấu hiệu khủng hoảng kinh tế ngày càng rõ sau một thời gian dài chỉ chạy theo con số tăng trưởng qua việc đồng tiền liên tục mất giá, lạm phát gia tăng đến hai chữ số, giá vàng và đôla lên xuống bất thường trong đó giá vàng có những lúc cao hơn hẳn so với trên thế giới, dự trữ ngoại tệ cạn kiệt...Sức ép từ những mâu thuẫn xã hội, mâu thuẫn giữa khát vọng muốn được sống trong một cơ chế xã hội khác hơn, tốt đẹp, công bằng hơn của đông đảo người dân và sự kiên quyết giữ vững mô hình chính trị, giữ vững thể chế độc quyền lãnh đạo của Đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam. Và từ bên ngoài là sức ép trong mối quan hệ ngày càng bị lấn lướt, thiệt thòi, ngày càng trở nên nguy hiểm với nước láng giềng Trung Quốc.

Đồng thời năm 2010 cũng là năm Việt Nam có nhiều cơ hội, xuất phát từ sự thay đổi đường lối ứng xử trong quan hệ quốc tế của Trung Quốc đã buộc các nước khác cũng phải thay đổi chính sách ngoại giao, quốc phòng, quân sự của mình. Hoa Kỳ tuyên bố quay trở lại châu Á, công khai bày tỏ sự ủng hộ các nước Đông Nam Á trong hồ sơ Biển Đông và chìa bàn tay cho Việt Nam. Các nước từ Nhật Bản, Ấn Độ cho tới Nga cũng đều mong muốn Việt Nam mạnh lên và thoát khỏi vòng ảnh hưởng của Trung Quốc. Trong điều kiện đó, Việt Nam đã làm được một số việc, đó là công khai những tranh chấp về chủ quyền trên các vùng biển, đảo và khơi gợi được sự chú ý của thế giới trước mưu đồ lâu dài của Trung Quốc về vùng biển này. Nhưng, lẽ ra Việt Nam đã có thể làm một cú thay đổi ngoạn mục thay vì chỉ dừng lại ở vạch mức này và tiếp tục bảo vệ thành trì chế độ, tiếp tục ngoan ngoãn nằm trong vòng kiểm tỏa của Trung Quốc chỉ vì sợ mất Đảng, mất chế độ. Việt Nam lại tiếp tục... nhờ tàu. Lần này biết đâu sẽ là lần nhờ tàu tai hại nhất, cú thoát cuối cùng có thể, bởi sau 5 năm nữa, ai biết được cán cân thế giới đã nghiêng về đâu, và Trung Quốc sẽ kịp đi thêm những bước đi nào trong vùng biển này?

Sẽ không có hy vọng gì trước mắt. Bởi, đáng buồn thay, khi đứng trước bao sức ép và vận hội, thì Đảng cộng sản Việt Nam lại đang ở vào giai đoạn khủng hoảng sâu sắc từ tư tưởng cho đến nhân sự, và để đối phó lại sự khủng hoảng ấy, họ đã lại chọn con đường đứng yên, bảo vệ mình trước hết thay vì bảo vệ Tổ Quốc, bảo vệ quyền lợi của nhân dân.

Nên bài viết cuối năm 2010 này vẫn là những nỗi buồn.

Việt Nam đất nước tôi dân tộc tôi. Bao giờ cho đến ngày vui?

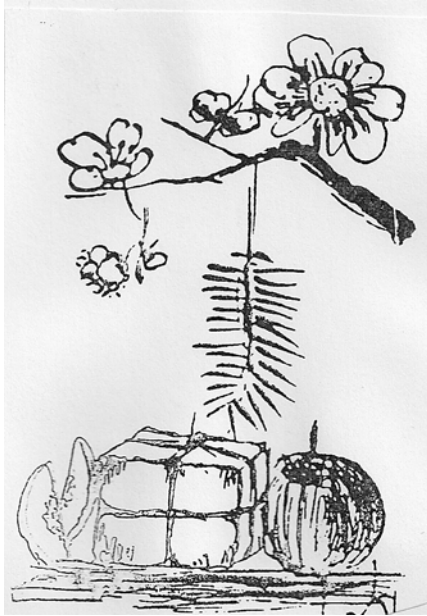
Song Chi

Sống

Sống tử làm chi, đứng chật trời
Sống nhìn thế giới, hổ chẳng ai ?
Sống làm nô lệ cho người khiến
Sống chịu ngu si để chúng cười

Sống tưởng công danh, không tưởng nước
Sống lo phú quý, chẳng lo đời
Sống mà như thế, đừng nên sống
Sống tử làm chi, đứng chật trời .

Sào Nam Phan Bội Châu



mừng xuân con mèo hay... con thỏ

Ns Tô Hải

Vậy là tớ đã bước sang mùa xuân thứ 85 của cuộc đời! Vậy là tớ đã gặp lại lần thứ 7 một chú mèo còn... tân sau ngày ra đời gặp chú “Mèo Đình”! Tân mèo hay...”meo tận” đây không biết? Dù gì thì Tây không bắn chết, Mỹ không bắn chết và nhất là TA cũng chưa thềm bắn chết... Thế là vui rồi!

Cố sống thêm ngày nào hay ngày ấy, lái ngày ấy! Chỉ tội cho mấy anh bạn đồng trang lứa, đồng niên, đồng khoá, đồng ý, đồng tình bỏ cửa bỏ nhà, bỏ cả cha mẹ, gia đình, tương lai “sáng sữa Nét-lê (Nestlé), tối vang Bóoc-đô (Bordeaux)”, quyết vùng gươm ra sa trường giải phóng giống nòi”, cứ dần dần ngã xuống mà chẳng được “da ngựa bọc thây” bao giờ! Còn lại vài anh, lưng còng, răng rụng thì hôm nayU90 mất bống bưng sáng!

Sáng đến... tỉnh cả người khi bị những cái tát của lớp “cách mạng Cộng Sản hiện đại”, vẫn treo ảnh cụ Hồ, vẫn hô hoán “học tập GUỒNG và ĐẠO ĐỨC” của cụ, vẫn KIÊN ĐỊNH đi theo con đường Mác-Lê mà Cụ đã đi, vẫn quyết tâm xây dựng Xã Hội Chủ Nghĩa để khi hoàn thành sẽ “quốc hữu hoá tất tần tật” để tiến lên Cộng sản chủ nghĩa: “hưởng bao nhiêu cũng được, làm hay không cũng chẳng sao!”

- Tỉnh cả người khi thấy những anh lý trưởng, chánh phó tổng, những quan huyện, quan công sứ, quan đốc lý, quan toàn quyền Vô sản hôm nay, anh nào anh nấy đều... “phi vô sản” đến mức phải ...”vứt” bớt tiền vào.... các nhà băng ngoại quốc sau khi đã xây đủ lâu đài, lăng tẩm cho cả dòng họ ba đời!

Tết năm nay tớ mới mất thêm một cụ bạn chỉ lên đến Đại Tá rồi nằm nguyên chờ về hưu đến 7 năm! (vì hấn họ hàng ca-nông bắn mới tới với ông Vĩnh Thụy!) Cụ bạn thứ 2 (cùng học với 2 chúng tớ ở Lục Quân Trần Quốc Tuấn thời chống Pháp) nói với tớ: Nó chết rồi cũng hoá ra may! Vì đỡ phải trông thấy những cái cảnh bất công, vô lý, vô luật pháp hơn cả thời kỳ Pháp thuộc! Đỡ phải ngậm ngùi về cái toàn cảnh “cốc làm cò xơi”, hoặc mới lên tiếng vài câu phản biện nhẹ nhàng đã bị lên án là có “ý đồ xấu” là “lợi dụng”, là “kích động”...là “tự diễn biến” !...

Túm lại: Năm con HỔ vừa qua đối với tớ có nhiều NỠI BUỒN hơn là NIỀM VUI.

- Buồn vì có quá nhiều người thân quen “ý hợp tâm đồng” đã không còn ở lại với tớ. Họ đã “ra đi” mang theo mối hận “mộng ước không thành” làm anh cộng sản cuối đời bị chính chủ nghĩa cộng sản hiện đại xếp vào loại “tự diễn biến” mà không viết được một câu, di chúc lại một lời, buồn vì không có can đảm làm như Quế Dương, Vũ Cao Quận, những cán bộ cộng sản bị tù vì... bỏ chủ nghĩa cộng sản hoặc âm thầm... trả lại thẻ Đảng cho.... ngọn lửa nấu bánh chưng!

- Buồn vì có quá nhiều kẻ đã “chết hẩn” trong tớ vì đã “bỏ tớ”, không dám bén mảng thăm hỏi, kể cả khi tớ tưởng đã “chín chết một sống” tại bệnh viện vì sợ.... “liên quan”... khi biết blog của tớ đã ba lần bị treo “Sinh Tử Lệnh” và Tần Thủy Hoàng, nhưng vẫn không dám công khai nói lên cái mà chính bọn hèn này cũng nghĩ, cũng chửi bới tại các quán cà-phê, trong các cuộc ăn nhậu... còn hơn tớ! Buồn thì ít mà buồn... nôn thì nhiều với bọn đại hèn đại cơ hội chủ nghĩa, đại nịnh, đại liếm, đại cu-ly văn nghệ này!

Nhưng cũng năm con HỔ vừa qua, tớ đã được hưởng khá nhiều niềm vui!

- **Thứ nhất.** Tớ có thêm nhiều, thật nhiều những người thân, thật thân, khắp nơi trên trái đất. Vui nhất là tìm lại được những người thân từ thuở mười tám, đôi mươi, tìm lại được họ hàng thân thuộc nhờ Internet. Chỉ riêng những ngày gần Tết này, Email, message, thư chúc tết, quà bánh ở khắp nơi gửi về hoặc tự tay đưa đến nhiều đến nỗi không biết để vào

đâu. Đặc biệt là các bạn trẻ, trẻ đến mức gọi tổ bằng “ông” khi đến xưng danh, xưng nick name tổ mới biết là: Họ mền tổ vì 2 lẽ :

1. Cho họ biết nhiều sự thật mà chính cha mẹ họ khi đọc blog tổ cũng không ngờ...

2. Tất cả những gì tổ dự báo, phê phán, phân tích đều trúng phóc !

Kèm theo là những lời “khen” về văn phong tổ dí dỏm, vui tươi trẻ trung, không đao to búa lớn, không kích động, ồn ào, dẫn chứng cụ thể không thể chối cãi,... (Tuy còn nhiều sai sót về... chính tả!).

Sướng quá đi chứ! Ông già lại được đề cao như một “nhà văn trẻ có triển vọng”! Sao không sướng cho được!

Đặc biệt là những lời động viên khi thấy tổ cứ bị bịt mồm hoài bằng thủ đoạn của bọn Mác-Lê-Cam: “Ông (bác) cứ yên tâm! Chúng con (cháu) đã chuẩn bị sẵn cho Bác cả chục cái “nhà”. Chỉ cần 24 tiếng đồng hồ sau, bác sẽ có “nhà mới” ngay với đầy đủ bài vở lưu và đã cập nhật!”... hoặc “Bác cứ cố gắng giữ gìn sức khỏe, tiếp tục gõ keyboard cho chúng cháu học hỏi! Chúng cháu thách cả ổ bọn ‘hắc cơ’ có thể đánh xập được hết blog của Bác đấy!”

Thứ hai là: Những gì tổ đã giải bày tâm can trên blog cuối cùng cũng được một số các vị thành tích cách mạng đây mình, tướng tá đánh nhau suốt 35 năm không ngừng nghỉ bỗng cùng tổ nói toẹt ra những sự thật trần trụi về cái con đường sai lầm mà mình đã đi và bây giờ đã thấy: đã đến lúc không thể dối mình, dối người được nữa. Không tự hào sao được khi thấy các cụ ấy chỉ là nói lại những gì mình đã nói hết từ khi biết dùng Internet (8/2007) đến nay!

Thứ ba là: Dù không vui gì với những cơ cấu mới của những người nắm vận mệnh gần 90 triệu con người Việt Nam lần này, nhưng tổ cũng tin tưởng ở tương lai tự “diễn biến từ bên trên” của một ai đó có thể ít nhất phải rung chuyển trước những diễn biến của thời cuộc trong nước và thế giới, dẫn chứng là :

- Chưa bao giờ những sự cố biểu tình đòi lật đổ chính phủ ở Tunisie, Ai Cập, Yemen... lại được công khai cập nhật hàng ngày trên báo, trên Tivi, trên Đài trong những giờ vàng, trên những trang báo chính thống như mấy hôm nay (không có lệnh của ai đó, thì có cho kẻo các báo cũng đâu có dám sờ rở tới những vấn đề cực kỳ... “nhạy cảm” mà bên “nước bạn” người ta cấm cả truy cập đến hai chữ Ai Cập!).

- Mấy hôm nay tivi luôn đưa tin đ/c Tổng bí thư kiêm Chủ tịch Quốc Hội kiêm-Bí Thư Quân Ủy Trung Ương lần đầu tiên đi vi hành trên những cương vị mới. Đến đâu, khi đăng đàn, ông đều nhấn rất mạnh về hai chữ dân chủ, dân chủ và dân chủ, vì dân, về lòng tin của dân đang mất dần do “chúng ta” có nhiều khuyết điểm, về “mất lòng tin của dân là mất tất cả!” (buổi nói chuyện với Đảng bộ t/p HCM).

Từ chỗ định bước sang tuổi 85 thì “nghỉ chơi khoẻ”, Vậy gặp lại con Mèo, (năm tuổi) nhưng vì...“mèo còn tân” nên tổ lại thấy mình trẻ lại như trai tân (!) nên cố gắng ngồi dậy xông vào gõ mấy dòng khai ki-bốt đầu năm.

Chỉ e rằng có ai đó lại bắt chước bên Tàu, không chấp nhận con Mèo dù mèo trắng hay mèo đen mà thay bằng con Thỏ, một con vật mà phương Tây thường dùng để chỉ những gì là “hứa lèo”, là “lừa lọc”, là “nói một đằng làm một nẻo” thì...

Năm con Mèo trở thành con Thỏ,
Lại lừa dân dối Đảng quanh năm
Chỉ tiêu, tăng trưởng, phần chăm,
Luôn tỷ lệ nghịch bữa ăn người nghèo!
Đừng đi theo Thỏ nhá Mèo !

Meo, meo, meo, meo,...

Đúng giờ Tý, vừa gõ xong gặp chú Tân Mèo.

Tô Hải Blog

mùa xuân khoan dung

Tôi đi dưới những cơn mưa lạc loài
Rơi vào ngày cuối đông
Khi chiều khi sớm
Nghe lòng thêm quạnh hiu
Em bây giờ ở một phương trời xa
Nên xuân này mùa cũng khoan dung
Cho những cơn mưa nhạt nhòa
Vào ngày cuối năm tàn tạ
Khi gặp nhau ôi nụ cười không thắc mắc
Tóc mây em có dài
Xin dấu kín niềm riêng
Tình yêu nào
Buồn và mong manh như sương khói
Thì xin cầm tay nhau thật khế
Mùa xuân nào còn bỏ ngõ
Mùa xuân này
Trời khoan dung nên đã dài lâu.

Nguyễn Song Anh



lời chúc nguyện đầu năm

Khái niệm thời gian có thể hiểu như một năm là quả đất quay quanh mặt trời một vòng, một tháng là mặt trời quay quanh quả đất một vòng, một ngày là quả đất tự quay một vòng. Kim đồng hồ chạy một vòng 24 giờ trong một ngày. Một giờ chia sáu mươi phút. Một phút chia sáu mươi giây và một giây chia ra nhiều sao. Trong thuật từ Phật giáo, đơn vị chỉ thời gian ngắn nhất là sát na, chỉ lâu bằng cái chớp mắt, trên đơn vị thì có thập niên, thế kỷ, thiên nhiên kỷ. Trong Phật giáo lại có thời gian dài hơn là tiểu kiếp, trung kiếp, đại kiếp, a tăng kỳ kiếp và đại a tăng kỳ kiếp.

Thời gian vô hạn, không gian vô cùng. Thời gian tự nhiên thì không trở lại, mỗi sát na chớp mắt trôi qua là trở thành quá khứ sau lưng khép kín, nhưng thời gian vật lý thì có tuần hoàn, hết ngày đến đêm, hết đêm đến ngày.

Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu liễm và Đông tàn; rồi lại xuân, hạ, thu, đông tuần tự. Vạn vật sống trong thời gian vật lý đó bị chi phối theo thời gian sanh, trụ, dị, diệt, như chồi mầm, trưởng thành, già cỗi và lá vàng úa chết. Rồi theo nhịp tâm đang vô thường mà vạn

hành chuyển động thành dòng phận đoạn sanh tử trong bản chất vốn tự chân thường.

Giao thừa là một khái niệm chỉ cho thời gian nhất định được nối kết giữa sự kết thúc và bắt đầu của một chu kỳ như thời điểm chuyển giao của một năm, một thiên niên kỷ. Khái niệm giao thừa bao gồm cái cũ và cái mới.

Cái cũ là sự kết thúc đang đi qua như quá khứ không quay trở lại.

Cái mới là sự bắt đầu đang đến và sẽ đến với tràn trề hy vọng trước mắt.

Cái cũ là điểm kết của một quá trình trước đó và cái mới là khởi điểm của một tiến trình tiếp theo.

Ở đây, điểm kết đồng thời làm nhân cho điểm khởi đầu và ngược lại, điểm khởi đầu đồng thời là điểm kết thúc của sự chuyển giao.

Cũng thế, giao thừa là điểm khởi đầu cho một năm, cho một cuộc đời chúng ta.

Vào giây phút thiêng liêng giao điểm giữa đêm 30 và ngày đầu xuân năm mới ấy, trước chánh điện đại hùng trang nghiêm, với cảnh vật trang trí xinh tươi, lòng người hoan hỉ, hãy nhắm mắt với trọn vẹn tâm hồn thuần nhất và hãy nói lên những ước mơ chân thành, vị tha và thánh thiện nhất.

Chúng ta xin nguyện trọn thân tâm này sống sáng suốt, thức tỉnh theo cuộc đời đạo hạnh giải thoát và hoằng dương chánh pháp.

Chúng ta xin nguyện đồng mãnh làm những mạnh thường quân, phật tử thuần thành hộ trì ngôi Tam bảo thường còn mãi ở thế gian.

Chúng ta xin chúc tất cả mọi người một năm mới thiên tăng tuế nguyệt, nhân tăng thọ; xuân mãn càn khôn, phúc mãn đường (Năm tháng đi qua, người cũng già; Xuân lan khắp chốn, phước đầy nhà).

Chúng ta cũng xin chúc nhân sinh an lạc, thế giới hòa bình, nội gia quýn thuộc hai bên quanh năm vô lượng kiết tường như ý. Vâng, có rất nhiều lời chúc nguyện tốt đẹp trong tâm tưởng của mỗi chúng ta. Xin hãy cùng nhau làm một việc tốt đầu năm.

Du Xuân lễ Phật đầu năm

Lên Chùa nghe pháp tụng kinh ngồi thiền

Nguyện xin Chư Phật chứng minh

Hộ trì thân quýn kiết tường bình an

Nguyện con sửa tánh làm lành

Vun trồng Phước Huệ Bồ đề mai sau.

Thích Nữ Giới Hương



Khuông Việt, ngày 01.01.2011

Phật Lịch 2554

TÂM THƯ

Thêm Một Lần Kêu Gọi Ủng Hộ Đạo Tràng Liên Hoa Bảo Tháp

Kính thưa quý đồng hương và quý Phật tử xa gần,

Qua các Đại Lễ gần đây, Hòa thượng Chỉ Đạo và luôn cả chúng tôi thật ái ngại khi muốn đề cập đến ngôi Liên Hoa Bảo Tháp, một công trình dài đặc với vô vàn trắc trở nhiều khê, để bao đạo tâm phải hoang mang thắc mắc và chừ Tăng thì luôn khắc khoải muộn phiền. Nay thay mặt Giáo Hội, chúng tôi có lời cảm tạ chung những tấm lòng đã hướng về Bảo Tháp, đồng thời trình bày mọi diễn tiến của vấn đề, nhằm khai thông mọi gút mắc và kêu gọi sự hoan hỷ chung hòa vào hiện trạng của ngày hôm nay.

Thưa quý vị,

Trong đề án trước đây cũng như bây giờ, nói là xây dựng Liên Hoa Bảo Tháp nhưng thực ra thì Bảo Tháp chỉ là một phần, phần khác là mở rộng ngôi Chùa để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt ngày càng lớn mạnh của Giáo Hội. Một dự án hai công trình trên khoảng đất vốn chật hẹp mà chính quyền không cho phép mở rộng trên bề mặt và chiều cao thì Giáo Hội phải tận dụng chiều sâu với điều kiện là kết cấu của hai công trình phải liên hoàn và ăn khớp nhau về kiến trúc cũng như sử dụng.

Dù đối đầu với đầy dẫy nguyên tắc, nhưng Giáo Hội cũng cố gắng làm sao để có một đồ án tương đối hoàn hảo. Do vậy, phải bao lần họp bàn, bao lần bản vẽ, bao lần xin phép... Mỗi lần chờ duyệt xét phải mong ngóng cả 5, 7 tháng trời, cứ thế mà kéo dài suốt bảy năm qua vẫn không được chấp thuận. Đồ án gần đây nhất có cả sự phản ứng của nhà thờ đối diện và đó cũng là yếu tố quan trọng trong việc từ chối của chính quyền địa phương.

Có nói lên sự lúng búng, ray rức và trăn trở của chừ Tăng thì quý vị mới mở lòng thông cảm được "sự việc" cứ nói mãi mà không làm.

Thưa cách này thì bày cách khác, đó là ý chí bất khả ly cho việc hoằng dương đạo pháp, nên quý Thầy đã chuyển hướng bằng cách tìm một khu đất khác ở bất cứ hướng nào, miễn sao cách Chùa Khuông Việt không xa hơn 50 cây số để thực hiện những dự trình đã hoạch định. Và qua thời gian truy tầm, Chừ Tăng đã đắc ý một nơi vừa rộng rãi vừa khoáng đãng với diện tích là 2 hecta (20.000 m²) trong vùng Jessheim cách phi trường Gardemoen chừng vài cây số. Đây là công thổ của nhà nước có sẵn cơ ngơi an dưỡng cho những người già, mặc dù ngưng hoạt động gần 20 năm nhưng không đến nỗi hoang phế lắm. Cơ ngơi gồm một tòa nhà lớn 3 tầng và tầng hầm, diện tích sử dụng trên 1.100 m² gồm 20 phòng lớn nhỏ. Chung quanh tòa nhà lớn có bãi đậu xe, có sân cỏ rộng và vài nhà nhỏ để phục vụ những gì liên quan đến tòa nhà lớn. Nói chung tất cả đều cũ kỹ nhưng có thể tái thiết được.

Do tâm đắc với sở đất, chừ Tăng đã tiến hành đấu giá và kết quả Giáo Hội đã đạt được với tổng số tiền (cả đất và thủ tục) khoảng tám triệu ba trăm ngàn kroner (8.300.000,- kr.), như vậy Giáo Hội đã là sở hữu chủ của khu đất và cơ ngơi nói trên được gọi là Khuông Việt Liên Hoa Đạo Tràng. Dự tính của chừ Tăng là: ngoài việc tái thiết tòa nhà (có cả chánh điện, giảng đường, và nhiều phòng ốc) thì bên ngoài sẽ xây dựng Liên Hoa Bảo Tháp, Hội Trường lớn, tôn trí biểu tượng Tứ Động Tâm và vài biểu tượng văn hóa Việt. Từ đầu hè năm 2010 đã có nhiều đạo hữu, Phật tử khắp nơi về làm công quả, nên đến nay việc trùng tu tái thiết tương đối hoàn thành.

Về tài chánh trong thời gian tiên khởi cho cơ sở II này được sơ kết như sau:

- Số tiền tích lũy của Giáo Hội được: 7.300.000,- kroner.

- Phạt tử cúng dường và cho mượn hội thiện không lời: 2.000.000,- kroner.

Tổng cộng khoảng 9.300.000,- kroner

Giáo Hội đã chi trả đủ cho tiền mua cơ sở, phần còn lại dùng vào chi phí tái thiết tòa nhà. Các công trình Liên Hoa Bảo Tháp, Hội Trường, biểu tượng Tứ Động Tâm, v.v... qua năm tới sẽ được hoạch định từng phần theo khả năng tài chánh. Về phép tắc cho các công trình chắc là sẽ dễ dàng vì đây là công thổ và cách biệt với khu dân cư.

Thưa quý vị,

Phải chăng, trong cái xấu có tiềm ẩn cái tốt??? Từ lâu nay, vì muốn mọi sinh hoạt của Giáo Hội tập trung một chỗ nên ta cứ loay hoay mãi trong khoảnh đất Chùa. Mà khi mở rộng theo chiều sâu phải đòi hỏi nhiều kỹ thuật và tốn kém. Đến khi bị từ chối đồ án sau cùng thì ta mới bung ra và tìm được cơ sở như ngày nay. Trước mắt, nói theo thế gian, ta được cái lợi nhân tiền là có thêm 2 mẫu đất phẳng phiu vuông vức và có sẵn cơ ngơi trên mặt đất (mà sau khi mua đã có vài xí nghiệp đến xin thuê hoặc mua lại), nói về đạo Pháp ta có được tòa nhà đồ sộ trong nhu cầu mở rộng Chùa, cũng như có thể xây dựng nhiều đạo tràng, pháp xá trong phần đất rộng ở tương lai.

Qua các trang giấy này, mọi sự đều được tách bạch. Theo đó, một phần ta đã được thỏa nguyện còn phần khác thì cầu mong vào sự gia hộ của Long Thiên Thánh cùng sự chiếu cố của chư Phật tử khắp nơi. Sắp tới chúng ta có nhu cầu cấp thiết mà chư Tăng và Giáo Hội đang lo lắng là:

1. Đại Lễ Phật Đản 2555-2011 chúng ta không còn mượn được Hội Trường (nơi tổ chức vừa qua) vì họ sử dụng vào việc khác.
2. Đại Lễ Cung Nghinh Phật Ngọc Hòa Bình tại Na Uy do Giáo Hội tổ chức từ ngày 04 đến ngày 11 tháng 08 năm 2011.

Đây là những vấn đề quan trọng về không gian và địa điểm phải rộng rãi, tôn nghiêm tương xứng với giá trị thiêng liêng mà tất cả Phật giáo đồ đều mong muốn.

Thư đã dài và đến lúc phải nói những lời muốn nói: Đó là với tâm tình thiết tha và chân thành nhất, một lần nữa Giáo Hội kêu gọi thêm sự vun bồi phước đức của quý vị qua tịnh tài cúng dường và cho mượn không lời để góp phần thuận duyên cho những dự án kế tiếp. Giáo Hội luôn ghi nhận và sử dụng những tịnh tài chất chiu của quý vị một cách chính đáng và trân trọng, để mỗi dự án được hoàn thành đều hiển hiện niềm tự hào, hãnh diện và đầy phước báu cho mỗi người con Phật. Xin liên lạc với chư tôn đức Tăng Ni Chùa Khuông Việt để vun trồng cội phúc nêu trên.

Cuối cùng, kính chúc toàn thể chư liệt quý vị và gia quyến được hưởng vô lượng an lành trong suối nguồn Đức Di Lặc Tôn Phật mở hội Long Hoa và đạt sở cầu như ý trong năm mới Tân Mão.

Nay kính

Tm. Ban Điều Hành

Tỳ kheo Thích An Chí

... Hòa bình chỉ có ý nghĩa đích thực khi bảo đảm được quyền tự chủ quốc gia và những quyền tự do dân chủ căn bản của dân chúng, trong sinh hoạt cộng đồng thế giới. (...) Chúng ta phải hiện diện như một thực thể tiêu biểu đích thực cho nguyện ước Hòa bình của dân tộc để nói lên tiếng nói phát xuất từ thâm tâm con người và tiềm lực dân tộc. Chúng ta không có quyền trao vận mệnh dân tộc này cho những người phi dân tộc, ngụ dân tộc, phản dân tộc. (...) Chỉ có chúng ta, những người Việt đang sống trên đe dưới búa, đang bị tước đoạt quyền sống và bị phá hoại mới có đủ tư cách để tự biện minh trong mọi quyết định vận mệnh chung cho một thể chế quốc gia dân tộc.... (trích Thông Điệp Xuân 2010 của Viện Tăng Thống GHPGVNTN)



GIẢM GIÁ GIA ĐÌNH ĐI CÀNG ĐÔNG, GIÁ CÀNG GIẢM

Kampanje salg – Familie rabatt



Ta kontakt for mer informasjon

Transreiser
ditt reisebura
www.reise1.no

Storgt 45 N-3182
Horten, Norway
Tel: 33043553 / 33048900
E-post: info@reise1.no



Mọi chi tiết xin liên hệ

Transreiser
VĂN PHÒNG TẠI VIỆT NAM
www.transreiser.com

46A (lầu 3), Nguyễn Văn Đậu
Q. Bình Thạnh, TP. HCM, Việt Nam
Mobile: 0907 430 925
E-post: post@transreiser.com



pháp âm

Postboks 9

2018 Lørenstad – Norway

Bình Ngô Đại Cáo

**Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điều phạt trước lo trừ bạo;
Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,
Nước non bờ cõi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác;
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần
Bao đời xây nền độc lập;
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên
Mỗi bên hùng cứ một phương;
Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,
Song hào kiệt thời nào cũng có.**

.....

(Nguyễn Trãi viết năm Mậu Thân 1428 cho cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của Lê Lợi)

Đánh cho để dài tóc

Đánh cho để đen răng

Đánh cho nó chích luân bất phản

Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn

Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ.

(Hịch truyền quân trước Trận Ngọc Hồi Xuân Kỷ Dậu 1789 của Vua Quang Trung)